

THƯ VIỆN TỈNH BR-VT

DC

959.7041
C454Đ

HÌNH TRỊ CÔN ĐẢO

BIỂN
VIỆT NAM
MẾN YÊU

Côn Đảo anh hùng

BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

CÔN ĐẢO ANH HÙNG BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Côn Đảo anh hùng - Biển Đông dậy sóng / Lê Khả Phiêu, Phạm Thế Duyệt, Đoàn Duy Thành... - H. : Nxb. Hà Nội, 2013. - 435tr. ; 21cm

ĐTTS ghi: Ban Liên lạc tù chính trị Côn Đảo. - Phụ lục: tr. 382-427

1. Lịch sử hiện đại 2. Kháng chiến chống Pháp 3. Nhà tù Côn Đảo 4. Vượt ngục 5. Việt Nam

959.7041 - dc14



HNF0039p-CIP

✓ *Những thư viện mua sách của Nhà sách Thăng Long được biên mục chuẩn Marc 21 miễn phí.*

✓ *Dữ liệu được Nhà sách Thăng Long chép vào đĩa mềm, hoặc gửi email đến thư viện, hoặc download từ trang web: thanglong.com.vn*

BAN LIÊN LẠC TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO

CÔN ĐẢO ANH HÙNG BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

NHIỀU TÁC GIẢ

THƯ VIỆN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU
SĐK: ĐC. 1749 Năm: 2014

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2013

* Nguồn ảnh trong sách:

- Ban Liên lạc tù chính trị Côn Đảo

- Sách ảnh “*Côn Đảo xưa và nay -*

Lịch sử qua những bức ảnh (1862-2012)”

Nxb. Lao động, H.2012.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Mọi người dân Việt Nam đều đã từng nghe hai từ “Côn Đảo” và hiểu Côn Đảo là một nhà tù, đi Côn Đảo là bị đi đày. Côn Đảo gắn liền với hầm xay lúa, chuồng cọp, khu biệt lập, chuồng bò, cầu Ma Thiên Lãnh... những địa danh nổi tiếng về sự tàn bạo và độc ác của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nói đến Côn Đảo, ai cũng có thể hiểu một cách ngắn gọn đó là “địa ngục trần gian”, là nhà tù không lỗ, là biểu tượng theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng về sự tàn ác dã man thâm độc mà trí tưởng tượng của con người bình thường khó có thể nghĩ ra để đày đọa đồng loại cả về thể xác lẫn tinh thần. Đối diện với những đòn tra tấn tàn khốc của kẻ thù là những chiến sĩ cách mạng với tinh thần quật cường, ý chí bất khuất kiên trung, thà chết vinh còn hơn sống nhục, sẵn sàng hiến dâng cả cuộc đời mình cho nền độc lập tự do của dân tộc.

Hàng ngày phải kề cận với cái chết đến bất cứ lúc nào, nhưng những người tù cộng sản luôn tràn đầy lạc quan, khát vọng vượt ngục để tìm về với tự do, được tiếp tục sát cánh chiến đấu cùng đồng đội trong lòng Tổ quốc. Đã có nhiều cuộc vượt ngục của nhiều thế hệ chiến sĩ cách mạng, nhưng quý mô nhất phải nói đến cuộc vượt ngục Bến Đầm cách đây tròn 60 năm.

Qua những dòng hồi ức giản dị, không cường điệu của những người trong cuộc, mọi tình tiết của cuộc vượt ngục hiển hiện rõ ràng trong mắt người đọc. Để có được chuyến vượt biển này là công sức của hàng nghìn con người trong suốt hơn nửa năm trời đã tính toán, chuẩn bị tỷ mỉ, lên kế hoạch và thực hiện trong điều kiện nghiệt ngã nơi tù ngục, có tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Côn Đảo. Các chiến sĩ cách mạng vượt biển cả hùng dũng trên những con thuyền thô sơ. Nhưng với sự thôi thúc của khát vọng tự do, họ dồn hơi sức cho nhau dè sóng mà chèo và trong những giây

CÔN ĐẢO ANH HÙNG - BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

phút nguy nan, cần phải chọn 5 người nhảy xuống biển cho thuyền nhẹ bớt không bị chìm, ai cũng muốn nhận sự hy sinh về mình, nhường sự sống - dù là hy vọng mong manh - cho đồng đội. Thật đáng khâm phục cho ý chí gang thép và sự hy sinh cao đẹp vô bờ bến của người cộng sản. Đó là nhân tố quan trọng làm nên tâm vóc và quy mô của cuộc nổi dậy tự giải phóng của tù nhân Côn Đảo vào ngày 12/12/1952 huyền thoại.

Đến hôm nay, rất ít chiến sĩ Côn Đảo từng tham gia, chứng kiến cuộc vượt ngục đó còn có mặt trong buổi lễ kỷ niệm 60 năm cuộc vượt ngục kỳ diệu này. Bàn tay cầm bút đã run, từng con chữ, dòng chữ không còn ngay ngắn, thẳng hàng, nhưng họ vẫn viết, vẫn kể những gì mình còn nhớ được, những gì ám ảnh thôi thúc họ suốt 60 năm qua - họ viết bằng máu và nước mắt của mình và của đồng đội, như một sự tri ân với những người đã mất, và cũng để các thế hệ sau biết rằng trong suốt 113 năm tồn tại của nhà tù Côn Đảo đã có một ngày như thế - ngày 12/12/1952 lịch sử.

Bên cạnh ký ức của những người trong cuộc là những bài viết sâu sắc của các vị nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các nhà nghiên cứu, các nhà sử học đã nhìn lại, phân tích, đánh giá sự kiện này với cách nhìn khoa học, thái độ nghiêm túc và tấm lòng kính phục, đầy trân trọng lớp người đã xả thân cho nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm diễn ra sự kiện vượt Côn Đảo, Nhà xuất bản Hà Nội xuất bản cuốn “Kỷ yếu hội thảo 60 năm vượt Côn Đảo”. Cuốn sách ra đời đã được đông đảo bạn đọc hết sức hoan nghênh, để đáp ứng nhu cầu của nhiều người, Nhà xuất bản Hà Nội tái bản có chỉnh sửa cuốn sách này với tên gọi: “Côn Đảo anh hùng - Biển Đông dậy sóng”.

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

CUỘC NỔI DẬY GIẢI THOÁT TÙ NHÂN Ở CÔN ĐẢO (12/12/1952)

*Lê Khả Phiêu**

Cách đây 60 năm, ngày 12/12/1952, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng bước vào giai đoạn tổng phản công và cũng là giai đoạn ác liệt nhất thì báo chí trong nước và thế giới dồn dập đưa tin: Những tù nhân cộng sản ở Côn Đảo tổ chức vượt ngục. Cuối năm 1952, giữa lúc thực dân Pháp đang căng sức, rải quân chống lại quân chủ lực của ta trên cả ba miền Nam, Trung, Bắc thì đây là một tin sét đánh với chúng. Càng hoang mang, hoảng hốt hơn vì 113 năm nay nhà tù Côn Đảo giữa biển khơi, thực dân Pháp coi là một pháo đài bất khả xâm phạm. Chúng tưởng giữa mệnh mông biển cả, với hệ thống ngục tù kiên cố, với đội ngũ cai ngục tàn ác, phương tiện tra tấn và vũ khí tối tân có thể khuất phục được những người cộng sản. Nhưng thực tế, trong hàng chục năm ở nhà tù Côn Đảo, những người yêu nước, nhất là các chiến sĩ cộng sản đã cho chúng thấy: càng tra tấn dã man, càng đối xử hà khắc thì lòng yêu nước, chí căm thù địch,

* Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

thần bất khuất, đoàn kết một lòng quyết chiến với chúng càng lên cao. Nhà tù Côn Đảo còn là trường học để giáo dục, cảm hóa những người Việt Nam yêu nước, yêu chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh vì độc lập dân tộc. Giữa biển khơi, xa sự lãnh đạo của Trung ương, dưới sự kiểm soát rất gắt gao và đối xử tàn ác của bọn cai ngục thì những người cộng sản vẫn bền lòng, kiên trung với Đảng, bằng sự thông minh và dũng cảm đã tìm cách bí mật xây dựng tổ chức Đảng trong nhà tù: từ tổ Đảng, chi bộ rồi Đảo ủy nhà tù với những sinh hoạt chặt chẽ, nghiêm túc. Ít ai nghĩ rằng giữa “địa ngục trần gian” ngoài ốc đảo, những người cộng sản không những hình thành được tổ chức của mình mà còn biên soạn được tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tổ chức học tập cho đảng viên, thay nhau dạy văn hóa cho các đồng chí còn mù chữ. Những đồng chí bị địch tra tấn dã man, bị bệnh nặng, biết mình sắp chết đã tranh thủ dạy chữ, dạy lý luận chính trị cho các đồng chí trẻ để chuẩn bị thay mình tiếp tục truyền bá lý luận cách mạng và dặn lại đồng chí mình “hãy giữ vững chí khí chiến đấu”. Côn Đảo thật sự đã là một chiến trường, một chiến trường đấu tranh đặc biệt với quân thù.

Trong đấu tranh sống mái với bọn cai ngục trong nhà tù, ý chí tìm cách vượt ngục Côn Đảo trở về tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giành độc lập cho Tổ quốc luôn luôn nung nấu trong lòng những người cộng sản và các chiến sĩ yêu nước. Cuối năm 1952, theo kế hoạch của chúa đảo Giăcty (Jacty) đưa lực lượng tù nhân ra tu bổ con đường từ đồn điền An Hải lên Chuồng Bò ra Bến Đầm, nối trung tâm Côn Đảo với Bến Đầm. Con đường này hoàn thành rất có lợi cho

địch, tạo điều kiện thuận lợi cho chúng kiểm soát toàn bộ phía tây hòn đảo, bởi đây là điểm xuất phát phần lớn các cuộc vượt ngục ở Côn Đảo. Để thực hiện được âm mưu này, địch phải đưa phần lớn tù nhân ra khỏi nhà lao đến công trình phá đá làm đường, cắm dựng lán trại cho tù nhân ở để lao động khổ sai. Các đồng chí trong Đảo ủy thấy đây là thời cơ có thể tổ chức cuộc nổi dậy giải thoát tù nhân với quy mô lớn. Một phương án táo bạo đã được quyết định: bí mật nổi dậy, cướp đảo, giải phóng toàn bộ tù nhân, vượt biển trở về đất liền...

Lúc này, lực lượng địch trên đảo có hơn 200 tên, trong đó hơn 100 tên là lính Âu - Phi tinh nhuệ, vũ khí đầy đủ; ta có 2.287 tù nhân, về số lượng ta hơn địch, nhưng ta tay không lại đang trong vòng kìm kẹp ở xà lim, với hệ thống bố phòng nghiêm ngặt. Hàng năm ta vẫn tổ chức bí mật các cuộc vượt ngục nhưng lẻ tẻ, muốn vượt ngục lớn phải có thời cơ. Nay lợi dụng lúc địch đưa lực lượng tù nhân ra bên ngoài lại cho dựng lán ở cả đêm lẫn ngày để làm đường, dưới sự giám sát chặt chẽ của bộ phận lính Âu - Phi và lính ngục canh giữ ta đã lên kế hoạch vượt ngục.

Như vậy, tương quan lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi; địch ở 2 khu vực làm đường chỉ khoảng 2 trung đội (60 tên), lực lượng bên ngoài của ta đông hơn địch, ta có 200 người chia làm 2 hướng: vịnh Bến Đầm 100 lao động; mũi Cá Mập 100. Ta tuy không có súng, nhưng tinh thần căm thù địch rất cao, lại ở bên ngoài trại, đi lại thuận lợi hơn, địch khó kiểm soát được hành vi hoạt động của ta. So sánh tương quan như vậy, nếu ta giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ, hành động mau lẹ thì nhất định sẽ giành được thắng lợi.

Nói về quân sự thì đây là một kế hoạch tiến công hoàn chỉnh, có bài bản, giống như kế hoạch các chiến dịch lớn, nhỏ của ta đã diễn ra ở các chiến trường. Kế hoạch có điểm, có diện; công tác tư tưởng và tổ chức tiến hành song song; trình sát nắm địch; huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật. Đối với các lao 1, 2, 3 từng kíp từng mũi cũng hướng dẫn cụ thể, khi bộ phận làm đường nổi dậy tiến công vào trung tâm thì bên trong nổi dậy phối hợp, thực hiện ngoài đánh vào trong đánh ra. Kíp làm đường ở Bến Đầm là mục tiêu chính, ở đây có một trung đội Âu - Phi trông coi làm đường, ta có trên 100 tù nhân. Phương thức không nổ súng, bí mật nổi dậy chớp nhoáng xông lên bắt gọn trung đội địch. Khi bắt được tù binh thì phải giải thích chính sách nhân đạo của ta, để một bộ phận ở lại canh giữ tù, còn đại bộ phận anh em khác dỡ hầm đưa toàn bộ phương tiện lên mặt đất, kiểm tra, tu sửa thuyền buồm, chèo, lái khi có lệnh thì hạ thủy ngay. Bộ phận khác thì dùng cơ giới đang làm đường lao thẳng về khu trung tâm phối hợp với bên trong tiêu diệt khu trung tâm chúa đảo.

Mục tiêu hai là Đâu Mom còn gọi là mũi Cá Mập cũng là một bộ phận tù nhân làm đường, lực lượng của địch có một trung đội canh giữ. Các mục tiêu khác như đánh chiếm dinh chúa đảo, đài vô tuyến điện và chiếm tàu vận tải hàng của địch để dùng chuyên chở tù nhân về đất liền.

Về công tác đảm bảo vật chất cũng rất tỷ mỉ chu đáo:

- Chuẩn bị lương thực từ 3 đến 5 ngày.
- Chặt song, mây, tre làm khung thuyền, đào hầm cất giấu phương tiện, chuyển toàn bộ quần áo đã cất giấu trước đây ở

các khám gửi đến để may lại làm vải bọc thuyền và làm buồm, các loại phao...

- Bộ phận quân khí thì gấp rút rèn dao, kiếm, mác cho các tổ xung kích; lấy kíp mìn và dây cháy chậm làm lựu đạn hỏa mù (như hồ tiêu, tro, ớt bột trộn lẫn vào nhau).

- Công tác trinh sát nắm địch: Về sự bố phòng trên đảo, vũ khí trang bị của bọn lính, điện đài, giờ liên lạc với đất liền, quy luật hoạt động của tàu chiến, tàu vận tải chở hàng, lực lượng địch tuần tra ở ngoài xa và quanh đảo, kho quân nhu, quân khí, nơi giữ hồ sơ lưu trữ tài liệu.

- Về chỉ huy: Chỉ định chỉ huy trưởng, chỉ huy phó, chính trị viên từng mũi, từng hướng.

- Kế hoạch tập huấn, kỹ thuật, chiến thuật, rèn luyện thể lực, lấy 3 bắt một, lấy 3 đánh một, tập vượt cản, tập trối lính, ném lựu đạn hỏa mù, tập bơi, cứu thương trên biển.

- Công tác chính trị tư tưởng: Xây dựng quyết tâm nổi dậy diệt địch, cướp vũ khí trở về đất liền chiến đấu; tổ chức phân công tỷ mỷ về công tác dân vận, vận động binh lính địch, công tác bảo mật phòng gian.

Năm 1952, phần lớn thời gian hoạt động của tù nhân ở Côn Đảo là tập trung cho nhiệm vụ vượt ngục với quy mô lớn.

Trong hai khu vực làm đường là Bến Đầm và mũi Cá Mập, Bến Đầm là hướng chủ yếu. Lực lượng xung kích quyết thắng tập trung ở đây là 28 đội, tổ chức cất giấu kho tàng (chủ yếu là phương tiện làm thuyền như cột nhà cũng là dụng cụ biến thành cột buồm, thang giường được đục đẽo đúng kích thước khi lắp thuyền có thể thành mái chèo). Ban ngày phải lao động cực

nhọc, đến đêm từ 18 giờ đến 22 giờ thì tất cả đều dồn sức chuẩn bị các phương tiện để làm thuyền, đào hầm, rèn dao, kiếm, kíp nổ. Đêm phải chuyển hàng trăm mét khối đất ra ngoài và đưa gỗ vào bên trong để đóng thuyền, tháo gỡ quần áo của các lao gửi tới và khâu may lại, quét sơn thành những tấm vải lớn để bọc thuyền hoặc làm buồm.

Mọi công tác đã được hoàn thành trong tháng 11 năm 1952, sẵn sàng chờ thời cơ, và giờ G là khi có gió chướng. Đợt gió chướng lần thứ ba ngày 12/12/1952 vào lúc 11 giờ trưa, lệnh xung phong nổi dậy đồng loạt bằng khăn hiệu quay vòng của đồng chí chỉ huy Bến Đầm. Đồng loạt 28 đội xung kích quyết thắng xung phong, áp sát địch bắt địch, trời gọn trung đội Âu - Phi thuộc đại đội Âu - Phi mạnh nhất ở đảo, cũng là trung đội Âu - Phi duy nhất giữ Bến Đầm. Ta thu toàn bộ vũ khí không phải nổ phát súng nào, làm công tác địch vận không tên nào bị giết, trả lại họ toàn bộ tư trang và cho ăn uống tử tế. Tên sĩ quan da trắng chỉ huy cảm động và xin tặng các chiến sĩ ta một la bàn và một tấm bản đồ.

Kíp làm đường thứ hai ở đầu mom Cá Mập lúc này cũng nổi dậy nhưng do không áp sát được địch, ta và địch vật lộn nhau buộc phải nổ súng, địch chết 2, ta hy sinh 1, mũi này không thực hiện được kế hoạch. Trước tình hình đó Bí thư Đảo ủy đã ra lệnh không đánh vào trung tâm đảo và các mục tiêu khác để bảo toàn lực lượng vì không còn yếu tố bất ngờ, ta chuyển sang phương án hai (giải thoát một bộ phận tù nhân). Đến 16 giờ (ngày 12/12/1952) ở khu vực Bến Đầm, 5 khung thuyền lớn có đủ chèo buồm và một số anh em tù nhân đã được ô tô chở đến bến tập kết. Cuộc vượt biển bắt đầu vào lúc 16 giờ cùng ngày.

Cuộc nổi dậy bí mật, bất ngờ, tay không bắt giặc, mục tiêu số một đã hoàn thành xuất sắc, nhưng về toàn bộ thì không thực hiện được theo kế hoạch đề ra. Đây là giai đoạn thử thách rất quyết liệt và cũng thể hiện đầy đủ dũng khí của những chiến sĩ cách mạng trên 5 chiếc thuyền buồm: vật lộn với sóng dữ suốt đêm ngày, khi ra khơi thì gió lộng và đổi hướng đột ngột, cả đoàn thuyền chưa qua được lớp sóng đất, hai thuyền bị vỡ cách bờ không xa, một số người bơi được vào bờ còn số khác do sức yếu, bị cảm lạnh chìm ngay tại chỗ. Ba thuyền còn lại đi được đến sáng ngày 13/12 vừa đối phó với máy bay, tàu chiến địch rượt đuổi, vừa phải xử lý khi thuyền bị mục, do thuyền đắm trong hầm, mây, tre, gỗ bị mục ruỗng nước tràn vào, nhiều anh em tù tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh để cho thuyền nhẹ và đi nhanh, đến 17 giờ địch đuổi kịp và các tù nhân bị bắt. Có 117 đồng chí vượt ngục đợt này bị địch bắt lại và 81 đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Cuộc chiến đấu nổi dậy quy mô lớn giải phóng tù nhân ở Côn Đảo ngày 12/12/1952, tuy không thành và chịu nhiều tổn thất nhưng để lại tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước, vì độc lập tự do. Cuộc nổi dậy vượt ngục thực sự là một trận chiến đấu tổng hợp, trong đó được tổ chức và chỉ huy chặt chẽ, mưu trí sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm quý báu góp phần bổ sung cho khoa học quân sự của Việt Nam. Hơn nữa, mũi nổi dậy chủ yếu đã thể hiện được tay không bắt gọn một trung đội Âu - Phi tinh nhuệ có đủ vũ khí trong tay, đây cũng là một công tích quan trọng, tự hào của các chiến sĩ cách mạng ở nhà tù Côn Đảo, góp phần chia lửa với quân dân ta ở các chiến trường Trung - Nam - Bắc. Sau sự kiện đó, chỉ huy quân sự

Pháp phải điều hai trung đoàn cơ động trong lực lượng chiến lược, một lực lượng không quân, hải quân ở Viễn Đông phối hợp làm nhiệm vụ duyên hải ngoài khơi Côn Đảo suốt mấy tháng liền.

Những chiến sĩ cách mạng bị tù, tay không cướp súng địch, bắt sống được địch, đây là một dấu son quý báu trong trang sử giữ nước của dân tộc ta, quân đội ta. Nghĩa cử cao đẹp của những chiến sĩ cộng sản: dù hoàn cảnh nào lúc thuận lợi hay khó khăn, dù phải hy sinh tính mạng mà có lợi cho Tổ quốc, cho dân tộc thì sẵn sàng hy sinh không chút do dự. Đây là đạo đức mẫu mực nhất của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam.

Côn Đảo nay đã là khu du lịch thiên nhiên tuyệt đẹp, cộng với vẻ đẹp về lịch sử, về truyền thống của dân tộc, quân và dân Côn Đảo xưa và nay đã đổ bao mồ hôi xương máu xây dựng nên.

Xin cảm ơn nhân dân Côn Đảo, xin nghiêng mình tưởng nhớ, biết ơn các chiến sĩ đã hy sinh tại nơi này, các đồng chí mãi mãi là những người con ưu tú của dân tộc Việt Nam anh hùng.

CÔN ĐẢO ANH HÙNG

*Phạm Thế Duyệt**

Côn Đảo, hòn đảo anh hùng của dân tộc Việt Nam. Nơi đây biết bao thế hệ cha anh, những người yêu nước và cách mạng kiên cường bị địch giam cầm, tra tấn dã man, tàn bạo đã thể hiện khí phách anh hùng cao cả nhất dù phải hy sinh tính mạng để quyết giành độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc!

Kể từ trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã có biết bao sĩ phu yêu nước tiêu biểu như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... đều đã bị đế quốc Pháp bắt, giam cầm tại nơi đây.

Nhất là từ khi có Đảng lãnh đạo, Côn Đảo càng thể hiện ý chí đấu tranh quật cường, mãnh liệt nhất của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam. Hết thực dân Pháp đến đế quốc Mỹ đã giở đủ các ngón đòn tra tấn dã man, tàn bạo nhất trong lịch sử loài người hòng khuất phục, dè bẹp ý chí cách mạng của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam yêu nước nhưng chúng đều thất bại.

Trên hòn đảo anh hùng này đã có biết bao chiến sĩ cách

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

mạng hy sinh anh dũng và nêu cao tấm gương yêu nước cao cả trước sự tàn bạo của kẻ thù để tất cả vì độc lập tự do của Tổ quốc. Bọn thực dân, đế quốc muốn chinh phục cả thế giới, nhưng không sao hiểu được tinh thần cách mạng của các chiến sĩ ta, dù bị giam cầm trong chuồng cọp, trong hầm sâu, hố phân... vẫn nêu cao ý chí sắt thép, đoàn kết một lòng, còn sức còn chiến đấu, luôn tìm cách liên lạc và hướng về đất liền để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác; càng đấu tranh trong nhà tù Côn Đảo ý chí càng sắt thép hơn, vững vàng hơn. Chính nơi đây, các chiến sĩ cách mạng đã biến nhà tù Côn Đảo thành “Trường học cách mạng” vĩ đại. Biết bao chiến sĩ yêu nước lại được giác ngộ về lý luận và lý tưởng cách mạng, đã cảm hóa được cả một số cai ngục để có điều kiện vượt biển về đất liền hoạt động như “*Vượt Côn Đảo*” của Phùng Quán đã viết và lời tựa của đồng chí Đoàn Duy Thành - chiến sĩ tù Côn Đảo phát biểu trong đề dẫn hội thảo.

Không sao nói hết được về niềm tự hào với lớp lãnh đạo tiền bối, khi còn rất trẻ đều từ Côn Đảo đã trở thành Tổng Bí thư và lãnh đạo của Đảng ta như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Thị Sáu, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ v.v... đã đưa nước ta thoát khỏi cảnh bị Pháp đô hộ với Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại; rồi chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược với các mốc son chói lọi Điện Biên Phủ năm 1954 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 30 tháng 4 năm 1975.

Tổ quốc và nhân dân Việt Nam đời đời biết ơn và ghi công các chiến sĩ cách mạng bị giam cầm tại nhà tù Côn Đảo.

Với tôi, lớp cán bộ hậu sinh nhưng cũng sớm biết về sự tích anh hùng của các chiến sĩ nhà tù Côn Đảo và các nhà tù của thực dân, đế quốc đã giam cầm các chiến sĩ cách mạng ở mọi vùng miền đất nước. Những năm công tác ở Trung ương tôi may mắn được sự giúp đỡ, giáo dục trực tiếp của rất nhiều đồng chí, trong đó có đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Linh, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Công Hòa... đều là các chiến sĩ bị tù đầy ở Côn Đảo!

Ba mươi năm qua (1982 - 2012) khi được công tác ở Tổng Công đoàn Việt Nam, Thành ủy Hà Nội, Trung ương Đảng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nên tôi rất hiểu và đánh giá cao hoạt động các ban liên lạc các nhà tù, nhất là ban liên lạc nhà tù Côn Đảo, Hỏa Lò, Phú Quốc... Càng tiếp xúc cộng tác với các đồng chí trong các ban liên lạc của nhà tù, được sinh hoạt nhiều lần với các ban liên lạc, tôi cũng hiểu sâu sắc thêm về sự hy sinh và công lao cống hiến của các chiến sĩ cách mạng bị giam cầm, tù đầy. Những buổi sinh hoạt ấy đồng chí Đặng Việt Châu, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Thọ Chân, Đoàn Duy Thành... đã động viên, cổ vũ, giáo dục tôi rất nhiều. Hình ảnh nhiều đồng chí đã qua đời và nhiều đồng chí có mặt hôm nay mãi mãi là tấm gương sáng và in đậm trong tâm trí tôi. Tôi rất cảm phục, tự hào và biết ơn các đồng chí tù chính trị ở Côn Đảo về hợp mặt.

Hai lần ra thắp hương đồng chí Lê Hồng Phong, Võ Thị

Sáu và các chiến sĩ hy sinh ở Côn Đảo, tôi đều có văn bản đề nghị Chính phủ và Trung ương nên quan tâm quy hoạch, tôn tạo để bảo tồn sự tích anh hùng của các chiến sĩ tại nhà tù Côn Đảo. Hòn đảo anh hùng này mãi mãi là nơi các thế hệ Việt Nam và nhân dân thế giới đến tham quan, du lịch, tìm hiểu truyền thống cách mạng và con người Việt Nam anh hùng!

Xin chúc đồng chí Đoàn Duy Thành và toàn thể các đồng chí về dự hội thảo luôn vui, khỏe, gia đình hạnh phúc. Mong các đồng chí tiếp tục đóng góp nhiều hơn để thực hiện thành công mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” do Đảng đề ra.

Phần một

KÝ ỨC NGƯỜI TRONG CUỘC

“CÔN ĐẢO ANH HÙNG - BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG”

*Đoàn Duy Thành**

Trải qua 60 năm kể từ ngày xảy ra cuộc vượt ngục Côn Đảo, đây là lần đầu tiên chúng ta vinh dự được Đảng và Nhà nước tổ chức lễ kỷ niệm sự kiện lịch sử này. Càng vinh dự hơn, khi Ban Bí thư Trung ương Đảng giao nhiệm vụ cho Thành ủy Hà Nội cùng với Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo Hà Nội chủ trì lễ kỷ niệm long trọng này.

Tôi xin thay mặt toàn thể anh em tù chính trị Côn Đảo thời kỳ 1945 - 1954 xin chân thành cảm ơn Đảng và Nhà nước, Thành ủy Hà Nội, Ban Tuyên giáo Trung ương đã thể hiện tấm lòng “uống nước nhớ nguồn” đối với sự hy sinh của người đã khuất, những người đã nguyện hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc góp phần làm rạng rỡ truyền thống anh hùng của dân tộc ta hôm nay.

* Nguyên Đảo ủy viên Côn Đảo. Trưởng ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo Hà Nội.

Tôi bị đẩy ra Côn Đảo ngày 4/10/1952 với cương vị là Bí thư chi bộ Đoàn tù binh bị đẩy ra Côn Đảo từ cảng Đoạn Xá Hải Phòng. Đến đây, tôi đã gặp lại các đồng chí cũ, từng công tác với nhau ở ngoài đời hoặc cùng tù ở cảng Đoạn Xá. Chúng tôi gặp nhau trong một hoàn cảnh rất đặc biệt, tại một địa điểm rất đặc biệt, đó là “Địa ngục Côn Đảo” mà bọn thực dân Pháp đặt tên cho nó là “Pénitencier de Poulo- Condore” (Nhà ngục Côn Đảo), chứ không phải gọi nó là “Prison” (nhà tù) như các nơi giam giữ tù nhân khác ở Việt Nam. Điều này đã thể hiện rõ dã tâm biến nơi đây thành “địa ngục trần gian”.

Sau sáu ngày, vào ngày 10/10/1952, đồng chí Lê Văn Hiến (tức Văn) qua đồng chí Hồng Long là em họ tôi, báo cho tôi biết là Đảo ủy đã thống nhất đề nghị tôi tham gia Đảo ủy để cùng nhau lo công việc của đảo. Tôi gặp đồng chí Hiến và được phổ biến toàn bộ kế hoạch tổ chức võ trang cướp đảo, giải phóng toàn bộ tù nhân để cùng nhau trở về với Tổ quốc, với nhân dân tham gia cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp. Như vậy tính thời gian, là tôi tham gia Đảo ủy Côn Đảo được 62 ngày thì cuộc võ trang giải phóng đảo nổ ra.

Sau khi nghe xong toàn bộ kế hoạch, tôi rất đồng tình với quyết định của tập thể Ban Chấp hành Đảo ủy. Ngay lập tức, tôi được phân công cùng đồng chí Nguyễn Đình Thâu, đảo ủy viên phụ trách khu vực anh em tù án và đồng chí Lê Đình Thụ (tức Vũ Hồng) Thành ủy viên Sài Gòn - Gia Định mới ra đảo và được bổ sung vào Đảo ủy sau tôi 1 tháng - là 3 đảo ủy viên trực tiếp chỉ đạo. Ngoài các đảo ủy viên còn có các đồng chí Phạm Bạt Tụy chỉ huy quân sự banh 3, đồng chí Lê Văn

Dương, tiểu đoàn trưởng thuộc Trung đoàn 100 mặt trận Bình Trị Thiên mới bị đày ra Côn Đảo, đồng chí Nghĩa - Bí thư liên chi ban 3, các đồng chí Tư Hà, Cầu, Hậu, Chiêm,... ở bên tù án (banh 1, banh 2). Nhiệm vụ của chúng tôi khi đó là phối hợp với các lực lượng Đầu Mom, Bến Đầm tiến về trung tâm thị trấn Côn Đảo đánh chiếm 3 điểm chính:

- Trụ sở chúa đảo - Giãcty.
- Trại lính.
- Nhà dây thép (bưu điện) Cầu Tàu.

Nếu cuộc giải phóng đảo thành công, chúng tôi có nhiệm vụ thu xếp mọi mặt về phương tiện có sẵn của địch để chở đoàn tù về đất liền một cách an toàn. Nếu không thành công, bắt buộc phải thực hiện phương án 2 thì ba chúng tôi cùng các đồng chí trên lo việc đối phó với địch và xử lý mọi tình huống xảy ra.

Cuộc vượt ngục không thành công đã để lại cho chúng tôi một nhiệm vụ rất nặng nề và phức tạp. Đó là, một mặt phải đối phó với sự trả thù đê hèn của bọn thực dân Pháp; mặt khác, phải lấy lại tinh thần, ổn định tư tưởng cho anh em, đồng thời tiếp tục làm công tác dân vận, bảo đảm an toàn cho những người còn sống, nhất là đối với 117 anh em bị bắt lại cũng như việc cứu chữa cho những anh em bị thương...

Mọi việc diễn ra như hơn 50 bản tham luận của các bác, các đồng chí đã phân tích một cách đúng đắn và khoa học.

Ngay từ tháng 12/1953, tôi đã được giao nhiệm vụ thay mặt Đảo ủy viết báo cáo khá toàn diện về tình hình nhà tù Côn

Đảo, đặc biệt là cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 với Trung ương cục miền Nam và Khu ủy Tả Ngạn. Bản báo cáo này hiện được lưu trữ tại Cục Lưu trữ Trung ương, ký hiệu: C.10Đ27.ST08-27.

Do đó, trong bài viết này tôi chỉ nêu một vài nét đặc trưng của cuộc “*Võ trang giải phóng*” toàn đảo ngày 12/12/1952.

Thứ nhất, cuộc “*Võ trang giải phóng*” toàn đảo diễn ra vào một thời điểm rất quyết liệt, khi cuộc trường kỳ kháng chiến của dân tộc ta đã đi gần đến ngày thắng lợi. Đó cũng là thời điểm chế độ thực dân ở chính quốc và nhân dân Pháp đang khủng hoảng về tinh thần, lòng tin và ý chí xâm lược nước ta. Trên chiến trường Đông Dương, thực dân Pháp bế tắc cả về chiến lược và chiến thuật. Họ đã phải thay đổi nhiều vị trí quan trọng bằng các tướng được cho là giỏi nhất nước Pháp lúc bấy giờ. Tuy nhiên, dù đã được chi viện hùng hậu về tài chính và vũ khí của đế quốc Mỹ nhưng chúng vẫn bế tắc, không có lối thoát và ngày càng lún sâu vào thất bại.

Vì vậy, cuộc võ trang giải phóng Côn Đảo ngày 12/12/1952 xảy ra ở một nơi mà chúng cho là an toàn nhất trên chiến trường Đông Dương đã trực tiếp giáng một “quả đấm thép” vào ý chí xâm lược của bộ não gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam khiến chúng hoang mang càng hoang mang hơn.

Thứ hai, quyết định của Ban Chấp hành Đảo ủy về cuộc “*Võ trang giải phóng*” là một chủ trương rất đúng đắn, quy mô, được tổ chức chỉ đạo mọi mặt như một trận đánh lớn, một cuộc

tổng khởi nghĩa trên một địa bàn rất đặc biệt, từ việc chuẩn bị quân nhu, quân khí tự tạo, đến chiến thuật cướp súng giặc... đều diễn ra theo đúng kế hoạch.

Thứ ba, công tác dân vận, binh vận được đặt lên vị trí hàng đầu nên đã quy tụ được lòng dân, không những chỉ quần chúng trong tù mà đặc biệt là nhân dân trên đảo. Đó là những công chức trong bộ máy quản lý đảo và gia đình họ giúp đỡ kháng chiến, giúp đỡ trực tiếp cho các tù nhân. Mặc dù những gia đình này ta gọi là nhân dân nhưng đều được tuyển chọn rất kỹ về lý lịch, về sự tận tụy, trung thành phục vụ chế độ thực dân. Họ được tuyển dụng và đưa ra đảo để tạo lập một bộ máy quản lý chặt chẽ tù nhân mà lúc đó chúng gọi là “Việt Minh - Cộng sản”. Công tác dân vận của Đảo ủy đã lay động được lòng “yêu nước thương nòi” của chính những viên chức đó và gia đình họ đã ngả theo kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, giúp đỡ tù nhân “Việt Minh - Cộng sản”. Là những người hàng ngày trực tiếp chứng kiến những cảnh tra tấn, nhục hình ghê tởm, dã man của nhà tù, họ hiểu rất rõ những gì dành cho mình nếu bị phát hiện giúp đỡ Việt Minh - Cộng sản. Thế nhưng không một ai đã được tuyên truyền vận động lại không hưởng ứng. Họ đã góp tiền của cho việc mua sắm sơn, vải, dụng cụ cần thiết cho việc chuẩn bị phương tiện vượt đảo... Đó là đỉnh cao về lòng yêu nước của người Việt Nam. Dù ở bất cứ đâu cũng không quên rằng Tổ quốc Việt Nam phải được giải phóng, phải được độc lập, tự do.

Điều đó chứng minh hùng hồn về lòng yêu nước tuyệt vời của người dân Việt Nam dù phải sống trên hòn đảo xa Tổ

quốc, bị thực dân chiếm đóng 90 năm (1862 - 1952).

Về binh vận, chúng ta đã có sự phân loại rất rõ ràng. Thành phần cai trị gồm những người lính Âu - Phi cùng một số gác-điêng (gardiens) được tuyển chọn từ nhiều nước châu Phi sang làm việc coi tù. Quân số đại đội Âu - Phi bảo vệ đảo được tuyển chọn từ những đơn vị đã qua chiến trận ở đất liền, sắp được về nước. Riêng bọn gác-điêng thì rất hung hãn, khi tuyển chọn thực dân Pháp còn chú ý đến “ngoại hình” của những người này, như có mặt mũi rất dữ tợn, hung ác, trông như “lũ quỷ”, hễ gặp tù là quát mắng, đánh đập, làm chúng cũng đánh, nói chúng cũng chửi, có thằng mũi rất dài, cằm rất ngắn, mắt trợn ngược, như một quái vật; tay chúng lúc nào cũng cầm roi mây, củ lụi, mồm luôn chửi bới “đèo xúu” rất man rợ. Ngoài ra chúng còn có một mạng lưới rờ-sẹc (recherches), loại tù giết người cướp của, lưu manh lừa đảo bị đày ra đảo khi đã mãn hạn tù hoặc sắp mãn hạn tù được tuyển chọn ở lại theo dõi việc tù nhân trốn hoặc chuẩn bị trốn. Bọn này được chúa đảo cho ở rải rác khắp rừng sâu, tìm kiếm những dấu vết của tù chính trị chuẩn bị vượt ngục hoặc trốn không thoát còn lẩn trốn trong rừng...

Do có những đối tượng như vậy nên công tác binh vận, địch vận của ta gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên với thái độ của người lính Cụ Hồ, luôn luôn đàng hoàng ở tư thế của chính nghĩa, phân tích phải trái cho từ quan đến lính, những người nhất thời làm tay sai cho địch, giác ngộ dần dần, làm cho họ có thiện cảm với tù chính trị, hạn chế tối đa những hành động phá hoại của họ. Bước đầu ta khiến họ lơ là canh gác, bớt đánh

đập chửi bới, hỗn láo với tù nhân... tiến dần lên có thiện cảm, gần gũi với tù chính trị. Đó là những bước phát triển về công tác binh vận, địch vận của ta, trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Kết quả cuối cùng là dù kế hoạch vượt đảo được tiến hành rất quy mô, trong một thời gian dài nhưng chúng không hề biết gì mà trong chừng mực nào đó còn hỗ trợ cho ta hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ tư, công tác giữ gìn bí mật. Công tác này có ý nghĩa sống còn của toàn bộ cuộc võ trang cướp đảo, cũng như mạng sống của từng người. Muốn giữ được bí mật thì tổ chức kỷ luật phải rất chặt chẽ, với nguyên tắc: Ai được giao làm việc gì biết việc ấy, không liên quan đến mình thì tuyệt đối không cho ai biết việc mình làm.

Trong hoàn cảnh nhà tù, kẻ địch không phải chỉ có lực lượng công khai mà chúng còn cài cắm những tên tay sai bí mật hòa lẫn vào anh em tù, như bọn Phòng Nhì của Pháp (Deuxième bureau). Khi ở ngoài đời là tay sai cho Pháp, mâu thuẫn nhau, có tên phải dầy ra Côn Đảo như tên Khiêm trưởng phòng chính trị Nha Công an ngục Bắc Việt, tên Hoàng Minh phó ty Công an ngục tỉnh Sơn Tây, là những tên Việt gian khét tiếng, có trình độ chuyên môn và nhiều kinh nghiệm. Khi ra Côn Đảo chúng tiếp tục làm tay sai, tổ chức chỉ điểm trong các trại giam để theo dõi, phát hiện những hoạt động của ta. Chúng đã nhiều lần báo cáo cho bọn chúa đảo: “Có sự chuẩn bị vượt đảo của tù chính trị”, nên một số anh em đã bị tra tấn chết đi sống lại, giam cầm hàng tháng trời ở hầm tối, khi thả ra mắt mờ nhìn mọi vật chỉ còn một màu vàng như các đồng chí

Nguyễn Bách Nhã, Phan Cơ... Nhưng tất cả các đồng chí dù bị tra tấn dã man vẫn kiên cường, bất khuất không khai báo bất cứ một chi tiết gì về cuộc “*võ trang giải phóng đảo*”. Rất vui là đồng chí Bách Nhã cũng có mặt ở đây ngày hôm nay.

Đồng chí Vũ Quang Đạo (tức Trần Mạnh) đại diện banh III tù binh, bị tên Hoàng Minh báo cáo là đã cho tù chuẩn bị vượt ngục, bị chúa đảo Giắcty truất quyền đại diện do anh em tù bầu ra, phải đi lao động khổ sai đập đá, bị đá bắn vào mù một mắt. Chúa đảo chỉ định tên Minh thay đồng chí Đạo, sau một thời gian ngắn, tên Hoàng Minh đã phải đền tội ác “kép” của y.

Một trận đánh “tay không bắt giặc” có quy mô toàn đảo mà giữ được tuyệt đối bí mật cho đến phút cuối cùng - nổ súng, thật là một “nghệ thuật” chiến tranh nhân dân trong lòng địch dựa vào dân, vào chính nghĩa. Ta đã quy tụ được lòng dân, ngăn chặn bớt được hành động tàn ác của kẻ thù... giúp ta hạn chế những sơ hở trong khi chuẩn bị cho một trận đánh “không tiền khoáng hậu” này.

Nhưng do một nguyên nhân chủ quan nên cuộc tổng tiến công và nổi dậy toàn đảo không thành công. Đó là một sự nuối tiếc cho đến hôm nay vẫn chưa nguôi của những anh em tù chính trị Côn Đảo thời kỳ 1945 - 1954.

Đó là khuyết điểm trong chỉ đạo chiến thuật, một sơ hở không đáng có là phối hợp giữa cánh quân Bến Đầm và cánh quân Đầu Mom không chặt chẽ trong những giờ G và ngày G này.

Cả Côn Đảo sục sôi khí thế chiến đấu, cánh quân Bến Đầm do chỉ huy trưởng Phan Du và chỉ huy phó Hoàng Tiền chỉ trong giây phút đã bắt gọn trung đội mạnh nhất của đại đội bảo vệ đảo của địch, gồm 27 lính da đen và 1 quân da trắng - Bordessouille (Boócđơsun) một cách tuyệt đẹp. Không cần nổ súng, công tác binh vận xuất sắc làm cho địch tâm phục khẩu phục, tên quân Boócđơsun không những tặng cho ta 1 bản đồ đi biển, 1 la bàn và cả cái phao bơi của hắn, mà còn tỏ ý muốn theo đoàn tù vượt đảo về với kháng chiến. Lính Cụ Hồ đã làm được điều kỳ diệu như thế đó ở mặt trận Bến Đầm.

Còn mặt trận Đầu Mom, cánh quân này chậm phát hiện dấu hiệu: Bến Đầm đã hoàn thành nhiệm vụ, nên ra lệnh chậm. Khi địch đã phát hiện ta chuẩn bị, nên súng đã lên nòng, làm anh em bị động trong chiến đấu. Cùng có 100 quân như mặt trận Bến Đầm, đánh có 7 tên lính da đen mà thắng lợi không trọn vẹn, ta chỉ bắt sống được 2 tên, 1 tên chạy thoát, 4 tên chết, ta hy sinh 1 (đồng chí Hãn), bị thương 1 (đồng chí Đặng). Đồng chí Đặng hôm nay cũng có mặt tại đây. Đó cũng là bài học cho chúng ta, đúng như các cụ xưa nói: “Sai một ly đi một dặm”.

Trước tình hình đó, đồng chí Bí thư Đảo ủy Lê Văn Hiến (tức Văn) và đồng chí Phạm Quý Tuyển, đảo ủy viên chỉ huy quân sự toàn đảo, đã hội ý chớp nhoáng với các đồng chí đảo ủy viên khác có mặt tại chiến trường và quyết định thực hiện phương án 2, không đánh về trung tâm đảo, mà tổ chức vượt ngục bộ phận cho 2 cánh quân Bến Đầm và Đầu Mom gần 200 người.

Quá trình vượt biển đã để lại cho chúng ta biết bao hình ảnh kiên cường bất khuất, tình thương đồng chí, đồng đội, đã

thể hiện trong lúc gian nguy nhất. Không chỉ nhường cơm sẻ áo, mà nhường cả mạng sống cho bạn, giành cái chết cho mình - như đồng chí Bí thư Đảo ủy trước khi nhảy xuống biển đã để lại cái phao của mình đã cứu sống được 2 đồng chí, hàng chục đồng chí khác cũng đã nhảy xuống biển để cứu sống bạn. Có một số đồng chí bơi được vào bờ và có mặt ngày hôm nay, có đồng chí trước khi nhảy xuống biển đã hô to khẩu hiệu “Hồ Chủ tịch muôn năm” như đồng chí Hồng Long... Biết bao gương dũng cảm hy sinh trong cuộc chiến đấu giữa biển khơi và trong ngày bị bắt lại, giam cầm tra tấn với những đòn trả thù hèn hạ của bọn thực dân Pháp - Anh em đã đoàn kết bên nhau, người khỏe giúp đỡ người yếu. Xin kể lại một kỷ niệm nhỏ, đó là đồng chí Đặng Đức Hòa có biệt hiệu là “Cơ còi”, người rất bé nhỏ, phụ trách tờ báo *Phá ngục*. Anh em tù gọi là “báo sần” vì viết bằng phấn hoặc bằng gạch non trên sần xi măng, đọc xong lại xóa đi. Đồng chí “Cơ còi” chân bị xích, nhưng đến tối, đồng chí rút được chân ra, đi tìm những vũng nước, những giẻ lau sần nhà còn ẩm, vắt vào mồm cho anh em khỏi chết khát. Đồng chí Cơ còi cũng có mặt trong ngày kỷ niệm này.

Khi địch đưa ra tòa án binh để xử, anh em đã vạch trần sự tàn bạo của địch đối với tù binh chiến tranh, không thực hiện Công ước Genève về tù binh. Lý lẽ danh thép, thái độ hiên ngang của 117 anh em bị bắt lại được luật sư Nguyễn Hữu Thọ cãi trước tòa, được những người lính gác đảo bị ta bắt, được đối xử nhân đạo đã làm chứng phản bác lại tòa án của chúng kết tội anh em ta là phá rối trật tự, giết lính của chúng. Phiên tòa

đã làm cho bọn quan tòa của chế độ thực dân bề mặt và được dư luận trong nước và dư luận Pháp đồng tình ủng hộ.

Việc trả thù hèn hạ nhất của thực dân Pháp đối với cuộc võ trang giải phóng Đảo là việc chúng đưa chị Võ Thị Sáu, lúc đó mới 17 tuổi cùng đồng chí Vũ Văn Giáo chiến sĩ biệt động Sài Gòn từ đất liền ra Côn Đảo hành hình vào sáng sớm ngày 23/12/1952, sau cuộc vượt Đảo có 11 ngày.

Hành động đê hèn, ngu xuẩn đó của Bộ Tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương vì vừa bị một cú đấm bất ngờ đau điếng. Chúng vừa cay cú, vừa lúng túng nên đã hành xử dã man đến như vậy. Trong khi chúng luôn cho mình là một đất nước văn minh nhất thế giới, có nhiệm vụ đi mở mang khai hóa văn minh cho các nước thuộc địa.

Đã hơn một nửa thế kỷ qua, cuộc võ trang giải phóng đảo ngày 12/12/1952, không chỉ góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, mà còn để lại một tấm gương chói sáng cho hôm nay và cho mai sau. Tinh thần chiến đấu đã vượt tầm suy nghĩ của một số người lúc đó, nên đã có nhà văn ở Hà Nội dùng những lời “hiếm thấy” trong văn học, năm 1956 đã viết trong tác phẩm của mình: “Những người vượt Côn Đảo ngày 12/12/1952 là những người không đầu, không óc, không tim...”, và một bạn tù Côn Đảo thời kỳ 1955 - 1975 đã viết trong truyện *Huyền thoại Côn Đảo*: “Anh em tù binh đã làm 5 chiếc thuyền ở banh III, kéo ra ngoài để vượt biển”, trong khi đó những tờ báo lớn ở Pháp như: *Le Figaro*, *Paris - March*, *L'Echo*, *L'Humanité*... đã đăng tải về cuộc vượt ngục này, làm chấn động dư luận Pháp và thế giới. Tháng 10 năm 1953 Hội

Chữ thập đỏ quốc tế đã phải cử một phái đoàn đến Côn Đảo để kiểm tra tình hình “Địa ngục trần gian” này.

Cuộc vượt ngục Côn Đảo không thành công, 81 chiến sĩ hy sinh nơi biển cả (75 trôi dạt vào bờ, 6 người mất tích giữa biển khơi) - đã được những người dân “đặc biệt ở Côn Đảo” âm thầm chôn cất ở bãi cát Cỏ Ống và lập đền thờ. Sau 44 năm (1996) những người “công dân đặc biệt” này mới báo cáo với chính quyền địa phương để dựng tấm bia và sửa lại ngôi đền khá hơn, còn 75 thi hài vẫn còn nằm rải trong khu bãi cát rộng khoảng hơn 500m² được rào giậu tạm thời. Năm 2011 và 2012, hai thi hài của đồng chí Phạm Chí Viễn nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Thủy Nguyên và đồng chí Hoàng Văn Gián nguyên Huyện ủy viên huyện An Lão đã được gia đình đưa về 2 huyện trên nay thuộc thành phố Hải Phòng. Hiện vẫn còn lại 73 hài cốt còn nằm lại Cỏ Ống Côn Đảo. Đó là một sự thiệt thòi cho những liệt sĩ và thân nhân các liệt sĩ vì những gia đình này không đủ điều kiện để đưa thi hài về quê hương do nhiều lý do khác nhau. Trước hết là không có điều kiện xác minh danh tính từng người - trừ 2 trường hợp của 2 đồng chí Viễn và Gián nhờ các nhà “ngoại cảm” giúp sức và gia đình có điều kiện thực hiện. Đây cũng là một vấn đề cần được các cơ quan có liên quan và chính quyền địa phương giải quyết tiếp cho trọn nghĩa, vẹn tình.

Cách đây 60 năm, “Côn Đảo anh hùng” - “Biển Đông dậy sóng”. Những chiến sĩ đã hy sinh xứng đáng được gửi “thông điệp” cho những người còn sống: Chúng ta phải làm gì? Và hành động như thế nào để bảo toàn trọn vẹn lãnh thổ, không

để một tấc đất ngoài biển khơi thuộc chủ quyền Việt Nam bị xâm phạm? Chúng ta phải có đủ sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, xây dựng một Việt Nam Hòa bình - Độc lập - Dân chủ - Tự do - Hạnh phúc. Không còn người nghèo, không còn tệ nạn tham nhũng trong Đảng và bộ máy nhà nước, để ngày kỷ niệm này mang nhiều ý nghĩa thiết thực, đối với người sống và vong linh người đã khuất.

Nhân dịp buổi lễ kỷ niệm có đông đủ đại biểu của Trung ương Đảng, Nhà nước, tôi xin đề nghị:

- Một là cần quy hoạch toàn diện để Côn Đảo trở thành một điểm du lịch đặc biệt về lịch sử văn hóa tâm linh của Việt Nam. Muốn vậy, cần quy hoạch cụ thể những cái gì cần bảo tồn, tôn tạo, bổ sung. Vấn đề quan trọng nhất là duy trì hiện trạng các nhà tù đến mức nào? Để lại toàn bộ hay chỉ giữ lại những di tích tiêu biểu? Cần được quy định cụ thể vì đất đai, nguồn nước của Côn Đảo rất hạn chế - Nếu cứ để như hiện nay rất khó cho tỉnh và huyện có phương hướng phát triển, không chỉ cho ngành du lịch mà cả những ngành kinh tế khác.

- Hai là cần có chương trình nghiên cứu về kinh nghiệm chiến đấu, bảo vệ các đảo ở biển Đông, làm cơ sở cho việc chuẩn bị xây dựng một hạm đội mang tên “Côn Đảo”, để liên kết chúng lại thành một vành đai bảo vệ Tổ quốc về phía biển Đông - Thái Bình Dương.

- Ba là phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang cho tập thể anh em tù chính trị trong trận chiến đấu giải phóng Côn Đảo 12/12/1952 và cá nhân đồng chí Lê Văn Hiến (tức Văn) bí thư Đảo ủy.

- Bồn là xây dựng Đài Kỷ niệm vượt ngục Côn Đảo ở bãi cát Cỏ Ống, đồng thời xây mộ cho 73 liệt sĩ.

Đây không chỉ là việc làm đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn như truyền thống ngàn đời của dân tộc Việt Nam mà còn nêu tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần anh dũng kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Hà Nội, 12/12/2012

TÁM NGÀY SỐNG CÔ ĐƠN

*Vũ Bốn**

Thông thường trong mỗi đời người đều có sự kiện ghi dấu ấn không bao giờ phai mờ. Đối với tôi trận vượt ngục đắm thuyền giữa bể ở Côn Đảo, dù đến nay đã 60 năm rồi mà vẫn cảm thấy như gần mới đây.

Trên bể cả mênh mông, trời đã sang đêm. Sao Đại Hùng lấp lánh, còn chùm sao Vịt sát tịt phía sau. Tôi đoán có lẽ thuyền đã xa đảo nhiều rồi. Thuyền số một chắc cũng xa rồi bởi ngoảnh lại tôi không thấy bóng ngọn đèn hải đăng trên hòn Bảy Cạnh nữa.

Hoài Đình vừa tát nước vừa nói đùa: “Cái ông trời xỏ lá phù Tây chứ không phù bọn tù chúng mình”. Bấy giờ không phải chỉ có hai khâu tát nước mà thêm cả những bàn tay chum lại tát nước. Nước vào thuyền ngày càng tăng, sức người tát không kịp. Lúc này trời đã gần sáng, trên trời sao đã thưa, dưới bể những gợn sóng lân tân vẫn thi nhau nhảy múa.

* Nhân chứng vượt Côn đảo, Vũ Bốn tức Bá quê ở Kim Xuyên - Kim Môn - Hải Hưng. Khi bị bắt là Huyện ủy viên, chính trị viên Huyện đội Kim Thành. Khi nghỉ hưu: Giám đốc Công ty Xây lắp Hải Hưng.

Không một tiếng kêu la! Mọi người bảo nhau nhìn hướng ngôi sao Đại Hùng và bơi ngược lại. Chúng tôi cả 30 người rất bình tĩnh giữa lúc bàn tay thần chết đang giơ lên nắm chặt mạng sống của mình. Bỗng Hồng Long hô lớn: “Hô Chủ tịch muôn năm!”. Sau tiếng hô Hồng Long nhào người bơi ngược về phía đảo.

Mọi người, rồi cả tôi nữa cũng nhào khỏi thuyền và bơi. Không ai có một mảnh phao. Tôi nhắm phía ngôi sao Vịt lúc này đã lặn tít tận chân mặt nước. Tôi định nhìn phía đó là hòn đảo và tự nhủ: “Đằng nào thì cũng chết! Cứ bình tĩnh! Bình tĩnh mà bơi”. Có vài đồng chí bơi gần tôi, lúc đầu tôi còn nhìn thấy cái đầu nhấp nhô gối sóng, song chỉ lát sau đã chẳng thấy đầu nữa. Tôi vẫn bơi! Vừa bơi, vừa tự nhủ: “Cứ bình tĩnh! Bình tĩnh sẽ thoát được”. Bơi sắp mệt, tôi lại lật ngửa lên hít hơi vào bụng. Tự nhiên tôi thấy người tôi như một cái phao nổi lên. Tay tôi vẫn vạt nước và đôi chân như bàn tay đập đẩy tôi đi chậm chậm.

Trời hửng sáng. Phía cụm sao tua rua mờ đi mà thay vào đấy những tầng mây đỏ màu máu, rồi mặt trời nhô lên khỏi mặt nước như một khối lửa nhòe nhoẹt đỏ thẫm. Vẫn cứ động tác ấy, bơi sắp một đoạn thấy mệt tôi lại nằm ngửa lên nghỉ ngơi hít hơi cho căng bụng ra, cả người tôi lại giống hệt cái phao nổi, tôi vẫn định ninh: “Bình tĩnh, cứ bình tĩnh, muốn ra sao thì ra và hướng bơi này là phía đảo rồi”. Tôi nghĩ cho đến lúc mặt trời chiếu thẳng vào mắt mỗi khi bơi ngửa. Có lẽ đã trưa, tôi thấp thoáng qua ngọn sóng thấy đỉnh núi Chúa. Tôi lại tự nhủ: “Đúng hướng rồi! Bình tĩnh”. Rất may mắn cho tôi

là không gặp chú cá mập nào, bởi vì ở vùng biển này loại cá dữ đó lớn vồn hàng đàn mẹ mẹ, con con. Có hôm làm đường trên Đâu Mom tức là mũi Cá Mập tôi đã nhìn thấy chúng lượn đuổi nhau vun vút. Tôi tiếp tục bơi. Bơi rồi lại nghỉ. Cứ như vậy, có lẽ nó quá gần cái chết nên tôi không thấy đói và cũng không thấy cái vẻ gì là mệt mỏi. Lạ kỳ thay! Con người trước sự sống còn, tự nó mọi sức lực trong người đều được vận dụng để ứng phó. Và có lẽ từ bản năng sinh tồn ấy, con người của tôi có sức dẻo dai đến kỳ diệu. Cho đến một lúc tôi nằm ngửa cho sóng đưa, hai tay rải chậm chậm thì đầu tôi đụng vào một hòn đá. Tôi lật sấp lại và ôi! Lúc đó chân tôi đã chạm cát. Tôi lội nước chỉ còn tới trên đầu gối. Nhìn lên bờ biển lại đúng chỗ tôi xuất phát chiều hôm qua. Tôi lão đảo bước lên bờ tìm một chỗ khô ráo và nằm vật xuống. Lúc này mặt trời chỉ còn một con sào thì lặn xuống biển. Cơ thể rã rời, như vụn ra từng mảnh, tôi nằm và ngủ thiếp đi. Lúc tỉnh dậy mở mắt ra thì trời đã tối, manh quần áo đã khô cứng lại vì nước biển. Tôi lại nằm xuống ngủ tiếp. Thân hình tôi dính xuống mặt đất như một xác chết. Thế rồi chốc chốc tôi cũng bị đánh thức dậy bởi một đàn chuột núi. Chúng bò đến, những con lớn nhắm ngón chân tôi gặm lấy gặm để làm tôi đau nhót nhót. Tôi cũng chẳng buồn dậy, hắt hắt bàn chân xua chuột, rồi lại nhắm mắt ngủ. Chỉ một lát sau chúng lại kéo đến lại gặm chân, có con bò lên cả ngực. Tôi ngồi dậy. Chùng như giấc ngủ đã giúp tôi lấy lại sức. Trời không trăng, nhưng sao sáng đầy trời, gió biển thổi lên lành lạnh. Thế là trọn một ngày tôi bơi trên biển cả và một đêm qua ngủ trên bờ vũng đầm. Tôi ngẩn ngơ ngắm hai cánh tay, ngắm

hai bàn chân mình rồi tự hỏi: “Không biết mình có còn sống thật không bởi vì từ khi lớn đến giờ tôi có bơi dài, bơi lâu như thế bao giờ đâu. Đã hai đêm một ngày không ăn không uống mà vẫn sống được.

Trời sáng hẳn, lúc này tôi thấy khát nước. Tôi mò vào rừng tìm nước và tìm xem có gì ăn được. Ở vùng này tôi chỉ thấy cây ngái, quả ngái và những cây mía dò. Quả ngái thì không ăn được. Tôi lượm những cây mía dò để nhai. Nước chua chua đỡ khát. Tôi lại quay ra mép nước. Những con hà bám tầng tầng lớp lớp ở khe đá. Lấy đá nạy một cụm, đập vỡ vỏ ra, ruột con hà lũng nhùng, nhũ nhũ như đám óc chó. Tôi nhặt ăn, thấy ngọt. Tôi làm liền một bụng, ăn đến đâu tỉnh đến đó. Cả những con ốc vú nàng, tôi cũng lượm lên đập vỡ ăn sống. Tôi nghiệm thấy ruột ốc không ngọt bằng ruột hà. Cả ngày hôm nay ruột hà là cơm và thân cây mía dò là nước. Tối đến tôi tìm được chỗ nằm cao và sạch hơn, lấy lá lót làm “đệm” nằm. Tôi nằm nhìn ra phía biển nghĩ đến 30 đồng chí của tôi, đến Hoài Đình, đến Hồng Long thân yêu của tôi. Tôi thấp thoáng nhớ có hai cậu, một cậu tên là Tư vẫn bám cột buồm vạt vờ trên ngọn sóng. Ai còn sống? Hay tất cả đã chết chìm hết rồi. Liệu có cậu nào cũng bơi được vào bờ như mình không? Màn đêm bao phủ quanh tôi vắng lặng, chỉ có tiếng sóng gầm âm ì, tiếng con cây không huyết gió nghe buồn hun hút. Dư âm của trận đánh thắng lợi hôm kia, những tiếng hét xung phong, những tiếng cười giòn tan mừng rỡ, những tiếng hò reo chiến thắng còn văng vẳng mà sao hôm nay im thế. Tôi thoáng nhớ hình ảnh con hổ rừng của Thế Lữ:

Với tiếng gió gào ngàn

Với giọng nguồn thét núi

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu

Nhớ dư âm của trận mạc, thương các đồng chí của mình. Mãi tới lúc này những hình ảnh thân thương mới lại hiện lên trong tâm trí tôi. Vợ! Con! Đứa con gái thương yêu của tôi! Tuy đã mất rồi, song, chiếc khăn xếp trên đầu bố tôi, mái tóc vấn khăn của mẹ tôi vẫn chập chờn ẩn hiện. Tôi nhớ! Tôi thương. Cái nhớ thương vời vợi. Tôi lại nhìn xuống đôi chân của mình rồi ngủ thiếp đi. Mặt trời lên, tôi tách khỏi anh em ngày thứ tư rồi. Tôi vạch lá luồn sâu vào rừng tìm xem có cái gì ăn và tìm nước uống. Tôi mò xuống những khe sâu có tiếng nước chảy róc rách. Nước ngọt trong mát. Tôi chụm hai bàn tay múc nước uống, khi đã cơn khát tôi phủ phục xuống ghé đầu vào những vũng nước ngọt gội đầu rửa mặt. Bóng tôi trong vũng nước, tôi soi gương nhìn mà không tin có phải là tôi nữa. Hai má hóp lại, cái mồm nhành ra, nguếch dài và đôi mắt trũng sâu hoắm, tóc chồm cả xuống quá tai. Tôi cười thâm và tự an ủi: “Kệ cha nó! Sau cơn mưa trời lại đẹp”. Tôi men theo những khe nước xuống nữa, xuống nữa. Cá! Có những vũng nước lớn mà cá trê lúc nhúc, con to lượn lên, con nhỏ rúc xuống đông đặc, như những đàn nòng nọc. Thò tay bắt thì dễ ợt song tôi sực nhớ ra: “Làm gì có lửa mà nướng”. Trên bờ khe nước, tôi chộp được một chú rùa khoảng ba ký. Tôi nghĩ đến tiết ba ba người ta vẫn uống sống nhưng làm gì được? Đầu nó rụt vào mà không lúc nào thò ra. Tôi chờ nó thò đầu ra. Chờ, chờ mãi song chỉ vô ý lãng đi một tý nó đã thò đầu ra và lẩn rất nhanh vào

bờ bụi. Tôi lao vào đuổi thì gặp một con rắn. Nó quăng mình, chỉ loáng một cái đã mất hút. À! Thì ra con rùa khôn ngoan thật, thò đầu ra và hành động đúng lúc. Còn con rắn lanh lợi và chính xác quá. Tôi nghĩ lúc này hơn lúc nào hết phải học cách hành động của chúng. Tôi ao ước giá có lửa thì tìm cách săn bắt đàn cá và những con vật kia chắc còn sống được cả tháng. Và khi đã hồi sức tôi sẽ bò tìm cho bằng được phương tiện vượt biển để trở về với đồng đội diệt thù cứu nước.

Tôi lại về gốc cây cũ, đi tìm hà và ốc đập lấy ruột ăn. Mặt trời lặn, qua đêm rồi lại sáng. Tôi đánh dấu từng ngày vào gốc cây.

Trên đảo vắng, giữa một vũng nước mênh mông xanh thẳm, một mình tôi sống tự do, tôi đã thoát được bàn tay của những tên hung thần, thoát được cái cửa ngục ghê rợn loang lổ những sắt và đá mà sao tôi vẫn cảm thấy bị trói buộc, vẫn như bị mắc trong lồng khó thoát ra được. Hòn đảo giữa biển cả mênh mông này! Ở đây, không có một bóng người! Không có người! Tôi đã bị tách ra khỏi cộng đồng con người.

Thế là tám ngày đã trôi qua. Lúc luôn rừng, lúc ra mép nước, lúc ra quan sát thận trọng, lúc nào cũng phải trông trước trông sau. Phải! Con rùa và con rắn, phải học cái khôn ngoan và chính xác của chúng. Tám ngày rồi, ăn sống nuốt tươi toàn ruột ốc, ruột hà, nhai mía dò, uống nước lã mà bụng dạ không sao cả. Tôi sống như người nguyên thủy. Người nguyên thủy sống còn có bầy. Tôi sống chỉ có một mình. Ôi! Những đồng chí thân yêu của tôi. Những gương mặt vui mừng của đồng bào đón chào sau những đêm đi công đồn thắng lợi trở về cứ hiện lên.

Mới chập tối. Một mảnh trăng lưỡi liềm treo trên màn trời đầu tháng 11 âm lịch rồi, còn hai tháng nữa là tết, hết năm. Nhớ ngày còn bé, tết đến, thầy tôi ngồi cạnh cái nia gói bánh, lá dừa, lá dong ngổn ngang. Năm nào ông cũng gói cho anh em chúng tôi mỗi đứa một cái bánh bé tý tẹo. Những ngày sắp tết, chơi gà vui biết mấy. Mẹ tôi đã mua ở chợ ba mươi vuông vải to về nhuộm lá bàng, phẩm xanh hãm hàn the, may cho tôi một bộ quần áo vệ quốc đoàn khi đi thoát ly. Nhớ ngày ở địa phương, mấy cô cứu thương đã bắt cóc tôi cho ăn thịt chó, khi về còn lén cài cái đuôi chó vào mũ. Rồi mất đất tản cư sang Du La - Chợ Cháy. Quên làm sao được hũ mắm cáy, ruộng rau muống của chị em phụ nữ, hũ gạo nuôi quân của các mẹ chiến sĩ ở đất Thanh Hà này. Tôi nghĩ miên man. Những tình cảm gia đình thời ấu thơ. Những khát vọng tự do về cuộc sống với quê hương, với đồng đội, với nhân dân. Rồi nỗi lo lắng chưa tìm ra con đường thoát day dứt trong lòng.

Đêm đêm những con thỏ rừng thoi đi vun vút cắt ngang luồng suy nghĩ. Mảnh trăng và những ngôi sao đã biến mất trong vòm trời đen ngòm. Khí lạnh và những âm thanh hòa tấu của côn trùng giun dế trong núi hoang dã tỷ tê rầu rĩ như đàn cài và quặng dính vào dòng suy tư mông lung đứt quãng. Sự lạnh lẽo, cô đơn giày vò và đêm nay tôi không tài nào chợp mắt được.

Đôi chim gâm ghì đi kiếm ăn buông ra những tiếng kêu xa xa, buồn buồn, rồi tiếng kêu vời vọi của đôi chim dần dần sát lại gần nhau, ở gần đâu đó có con gà rừng te te gáy như thúc giục sự sống vươn lên của ban mai. Trời sáng phải hành động khác đi, tám ngày rồi, mai là ngày thứ chín. Phải đi tìm dấu vết

con người, phải tìm cách liên lạc với đồng đội mình, phải duy trì sự sống, khỏe mạnh và lâu dài. Thua keo này, bày keo khác, phải tìm cách thoát khỏi hòn đảo này. Phải dũng cảm lên mà hành động Bồn ơi! Một là sẽ bỏ xác ở đây hoặc biến thành người rừng. Hai là làm một con người như đã từng làm. Tôi tự bảo tôi như ra lệnh. Thế là tôi đi. Tôi đi về phía đông bắc đảo. Không có con đường đi nào từ đảo về đất liền, nhưng ta cứ đi là thành đường là đến nơi. Vừa đi vừa suy nghĩ và khởi động được quyết tâm trong lòng. Tôi lội qua một vùng bể nước nông, chỗ thì tới đâu gối chỗ sắp sảng nước ngập bàn chân. Tôi ngược theo một khe suối chảy và thoáng thấy một đàn trâu rừng. Con to con nhỏ, thấy bóng người chạy thục mạng vào rừng. Đi nữa tôi tới một vạt cây dừa. Cây cao, nhưng cây nào cũng trĩu quả. Tôi nghĩ: “Nước dừa, cùi dừa là có thể sống được rất lâu”. Hình như thời còn đi học tôi có đọc một tập hồi ký của một văn sĩ Pháp về người Ấn Độ. Có một bộ lạc người Ấn chỉ sống bằng quả dừa. Tôi ngắm nghía những chùm dừa quả xanh, quả nâu già. Tôi mừng sẽ có thức ăn và sẽ tính chờ anh em mình ở khu vực này. Tôi quyết định trèo lên một cây vừa tầm ôm. Tay bám chân nhòai, cũng đã tới được già nửa thân cây. Tôi thở dốc, mắt hoa lên, không điều khiển nổi hai cánh tay nữa. Cả người tôi rơi tuột như một quả bóng lao xuống gốc cây. Đầu tôi vẫn tỉnh và chắc phen này hẳn chết, mà dầu không chết thì cũng gãy xương. Tôi nhắm mắt lại và cảm thấy như vừa rơi vào một cái “nệm” êm mềm. Tôi mở mắt ra thì đây là những cành dừa, lá dừa từ những năm tháng nào già đi, rơi xuống tụ dưới gốc cây như một cái ổ thực sự. Chính nhờ cái ổ này mà tôi thoát chết lần thứ hai.

Tôi ngồi dậy, chưa kịp định thần thì bỗng nghe tiếng hét lớn: “Hautte là!” (Đứng im) giật thót người, tôi ngồi im tại chỗ. Nửa tiểu đội lính Phi lên đạn lách cách cùng hai tên cò và tên quân da trắng (Bordesouille) ập đến vây quanh tôi. Viên quân này hôm nọ bị bắt, chúng tôi đã đối xử tử tế, vả lại hình như hắn cũng có học thức. Thoạt nhìn thấy tôi mấy tên lính Phi rút lưỡi lê tra vào đầu súng với tư thế đâm lê. Tôi nhắm mắt vào và có lẽ chỉ đợi một lưỡi lê thọc vào ngực là xong đời. Không một tiếng kêu la. Nhưng không! Tên quân và toán lính dẫn tôi về lao II. Đường đi gập ghềnh, sức lại yếu, tôi luôn vấp ngã, tôi gồng mình lên cả sức lực, cả tinh thần, ý chí “không được ngã và nằm lại”.

Gió mỗi lúc một to. Đến chỗ ngoặt, gió thốc sau lưng và thổi vào lòng tôi một luồng sinh khí: “Côn Lôn này còn cây rừng, trời còn có gió chướng thổi thì người chiến sĩ cách mạng còn nhiều thời cơ vượt biển”.

ANH HÃN Ở ĐẦU MOM

Nguyễn Đình Diệp kể

- Anh Hãn hy sinh ở trên Bến Đầm, anh ấy đi thuyền số mấy bị đắm?

- Không, anh Hãn ở Đầu Mom, đến bây giờ anh ấy vẫn nằm ở Đầu Mom.

Vâng, nơi ấy người ta vẫn thường gọi là Đầu Mom, trong bản đồ gọi là mũi Cá Mập thuộc đảo chính Côn Lôn.

Mũi Cá Mập! Nghe cái tên đã dữ dằn. Nơi này đúng là một địa thế hiểm trở, dữ dằn.

Con đường ô tô từ Sở Đá men theo mép đảo ra đây là một mom đất cao nhô ra biển. Vì thế gọi là Đầu Mom. Bên phải đường có núi đá cao dựng đứng, đằng sau núi đá là rừng. Bên trái đường là biển. Trên đường nhìn xuống còn xa hun hút mới đến mặt nước, sóng biển đua nhau xô vào thành vách oàm oạp, âm thanh nghe rờn rợn. Xa xa mặt biển không lúc nào ngớt rung động, từng đợt sóng khổng lồ cuộn cuộn nổi lên, thỉnh thoảng mặt nước lại sôi trắng xóa những luồng nước rùng rùng nổi tiếp nhau. Anh em dân biển báo: “Cá mập đấy!”.

Thiên nhiên hùng vĩ, nhưng cũng thật dữ tợn. Là những con người mất tự do, đứng trước kẻ thù dữ tợn, lại đứng trước

thiên nhiên dữ tợn, liệu có thể thoát chí được không? - Không! Một trăm lần không.

Lúc này chúng tôi đang chuẩn bị vượt biển để thoát khỏi tù ngục.

*

Chúng tôi 100 người làm lao động khổ sai rải đá con đường từ Sở Đá ra Đầu Mom. Ở một bộ phận khác, cũng 100 người địch bắt làm con đường từ Đầu Mom đến Bến Đầm. Ở Bến Đầm thì anh em tù và một trung đội lính Phi làm lán ăn ở tại hiện trường. Bộ phận chúng tôi cùng một tiểu đội lính gác thì sáng đi tối về trại giam bằng ô tô.

Địch phải tổ chức lính gác theo tù cách xa trại lính trên 10km, đại bộ phận phải đóng quân lại, là cái thế hổ lìa rừng.

Nằm trong kế hoạch chung do Đảng ủy nhà tù lãnh đạo nổi dậy cướp đảo, giải phóng tù nhân, hai đoàn tù lao động khổ sai này có một vị trí rất quan trọng, quyết định tình thế giải phóng toàn đảo.

Anh em ở Bến Đầm là mũi xung kích 1.

Chúng tôi ở Đầu Mom là mũi xung kích 2.

Cùng đi làm ở Đầu Mom với chúng tôi có anh Lê Văn Hiến tức Văn, Bí thư Đảng ủy nhà tù, anh Phạm Quý Tuyền, đảng ủy viên trực tiếp làm đại đội trưởng đội xung kích 2. Đại đội chia thành 2 trung đội. Mỗi trung đội có 4 tiểu đội. Những anh em là bộ đội, du kích, công an, biệt động, nói chung những anh em đã quen tác chiến thì được tổ chức vào trung đội chủ

công. Tôi được cử làm tiểu đội trưởng một tiểu đội ở trung đội này. Cùng quê hương với nhau còn có anh Hoài Đình, Hồng Long, anh Bốn (Bá), anh Hãn (Tân Việt). Tôi và anh Hãn cùng một đơn vị. Vả lại, hợp tính nhau hơn nên thường sát cánh bên nhau mọi hoàn cảnh. Vốn là một xã đội trưởng mẫu mực trong công việc, dũng cảm trong chiến đấu và là một nông dân cần cù chịu khó, sức chịu đựng gian khổ rất cao, anh không nề hà một việc gì, nhận việc được phân công anh làm đều xuất sắc.

Kế hoạch bắt lính có nhiều phương án, trong đó có phương án bắt lính vào buổi trưa, khi nghỉ giữa ca làm việc. Ta đã bày ra việc làm lán cho lính nghỉ trưa. Anh Hãn bảo tôi: “Muốn bắt hổ phải lừa hổ vào bẫy. Vì vậy làm lán cho nó nghỉ là để nhốt nó vào bẫy mà bắt”.

Chúng tôi dựa vào vách núi đá dựng đứng làm vách lán. Hai đầu hồi thì bung kín bằng gỗ, tre chắc chắn, phía trước lán chỉ để hai cửa. Khi khởi sự, ta bịt hai cửa thì chúng không thể tàng hình mà thoát ra được.

Cấu tạo ở bên trong chúng tôi làm sập nằm về phía một đầu hồi lán. Giá súng làm cố định không di chuyển được, lại làm xa sàn nằm ở phía bên kia đầu hồi lán, nhằm làm chậm trễ động tác đối phó của địch.

Chúng tôi đã làm đúng ý đồ của lãnh đạo. Anh Hãn và tôi đều được biểu dương khen ngợi việc này.

Hàng ngày chúng tôi thống nhất sinh hoạt thành quy luật để phục vụ cho kế hoạch tác chiến. Buổi sáng, lúc 11 giờ hết tầm làm việc thì lính vào lán nghỉ ngơi. Lúc đó chúng tôi tập hợp đội ngũ trước cửa lán, điểm danh, rồi mới giải tán nghỉ

trưa. Tập hợp theo 8 hàng dọc, tức 8 tiểu đội, 4 tiểu đội chủ công thì đứng về phía cửa lán, để khi xảy ra chiến đấu tiếp cận địch được nhanh chóng. Những việc này chúng tôi làm hàng ngày nên thành quy luật.

Hôm khởi sự diễn ra đúng quy luật. Khi bọn lính vào lán nghỉ trưa thì trước cửa lán chúng tôi tập hợp đội ngũ sẵn sàng.

Về mặt tổ chức ở Đầu Mom có điểm hạn chế là người đại diện giao dịch với địch là anh Mai đã cử ra từ trước, người chỉ huy quân sự là anh Tuyển thì Đảng ủy mới cử về sau, không tổ chức kiêm nhiệm được, sợ bị lộ. Do đó sự kết hợp khi phát lệnh chiến đấu không ăn khớp nhau. Khi đến giờ khởi sự rồi, nhưng anh Mai còn một lý do nào đó chưa phát lệnh, cùng lúc đó bọn lính phát hiện ra điều gì đó nên nhốn nháo, anh Tuyển thấy vậy, lập tức phát khẩn lệnh hô xung phong. Lúc đó vào khoảng 11 giờ đến 11 giờ 30 ngày 12/12/1952.

Chớp nhoáng và dồn dập như gió bão, hai tiểu đội thốc thẳng vào hai cửa và hai tiểu đội nữa bọc đầu lán. Cùng lúc ấy, bọn lính cũng xông ra. Sự chủ động hoàn toàn không còn nữa nên giữa ta và lính diễn ra giáp lá cà, vật lộn. Anh Hãn lao vào cửa xô thẳng vào một tên lính da đen, nó đã cầm được khẩu súng nên bắn ngay một phát vào đầu làm anh Hãn ngã gục. Tôi vừa nhao ra chỗ tên lính đó thì nó cũng vừa bị một phát đạn và gục xuống bên anh Hãn. Tôi tước súng và rượt theo một tên lính vừa tháo chạy qua. Vừa đuổi vừa hô “Hô-lê-manh” (giơ tay lên). Nó lao thục mạng ra bờ đường sát vách đá dựng đứng với mặt nước biển. Có lẽ nó định nhảy xuống tầng đá dưới thêm đường để tìm đường thoát, nhưng đã ngã xuống vực biển.

Sau trận đánh chúng tôi mới biết rằng có một tên địch nữa ngã xuống vực là 2 tên, 2 tên bị bắn chết, chạy vào rừng trốn thoát 1 tên, bắt sống được 2 tên, về phía ta, anh Hãn hy sinh, anh Đặng (Hà Nội) bị thương vào đầu gối. Tình hình diễn ra chớp nhoáng có vài phút.

Lúc đó, lực lượng ở Bến Đầm cũng giải quyết xong trận đánh một cách hoàn hảo. Đáng lẽ nhiệm vụ của trung đội chúng tôi được lực lượng ở Bến Đầm tăng cường, sử dụng 2 xe ô tô tước được, đóng giả lính địch, tiến về trung tâm Côn Đảo, đánh chiếm dinh chúa đảo, trại lính và đài truyền tin Cầu Tàu. Ở những địa điểm này đã có lực lượng anh em ở lao tù án mà ban chỉ huy trận đánh đã bố trí sẵn, để trong đánh ra, ngoài đánh vào theo kế hoạch đã định. Tiếc rằng trận đánh có một tên lính trốn thoát, sợ nó báo về được trung tâm đảo, ta mất yếu tố bất ngờ, nên ban chỉ huy trận đánh quyết định không đánh về đảo nữa mà tiến hành theo kế hoạch giải thoát bộ phận.

Trung đội tôi biến thành lực lượng bố trí, phòng ngừa địch ở trung tâm đảo tiến ra, bảo vệ cho việc ghép thuyền hạ thủy và sẽ rút sau cùng.

Lúc đó, trung đội chúng tôi vừa bố trí chặn địch, vừa tổ chức chôn cất những người chết kể cả lính địch.

Với anh Hãn, tôi đã không kìm nổi sự xúc động của lòng mình. Kể từ lúc sa vào tay giặc chúng tôi sát cánh bên nhau, gắn bó sống chết với nhau. Anh bị chúng tra tấn nhiều lần, lăn lên lộn xuống, nhưng một lòng anh giữ vững khí tiết người cộng sản không khai báo, không chịu nhận gì. Chúng tôi săn sóc cho nhau từng hớp nước, từng thìa cơm. Không những làm chỗ dựa

đỡ cho nhau về sức khỏe, về đời sống vật chất mà còn nâng đỡ nhau về mặt tinh thần, ý chí chiến đấu. Những mong keo sơn gắn bó nhau đứng vững trong hoàn cảnh khốc liệt nhất để có ngày về với gia đình, với làng xóm. Nào ngờ, anh đã hy sinh!

Anh em cùng địa phương chúng tôi đã nhận lấy phần chôn cất anh. Chúng tôi đã chọn một vạt đất dưới ngọn núi đá ở Đầu Mom, dưới chân sườn núi quay về phía Đầm, nhìn về phía Cà Mau, gió chướng thổi về đó, phía chúng tôi sẽ dùng thuyền về với đất liền, để chôn cất anh.

Đến nay đã 60 năm rồi, chắc rằng anh còn nguyên vẹn nằm đó! Thế mà, chưa một lần, tôi được thắp nén hương nơi anh đã nằm.

Sau ngày ở Côn Đảo về, tôi sang thăm gia đình vợ con anh và để thắp một nén hương trên bàn thờ anh. Nhưng tôi lại đau buồn một lần nữa: Gia đình anh không còn ai. Vợ anh, chị Nguyễn Thị Tính lúc đó là bí thư phụ nữ xã. Trong trận giặc càn về làng ngày 10/10/1952, sau khi đi hóa trang, kiểm tra các nắp hầm bí mật cất giấu cán bộ, chị rút sau cùng nhưng không kịp, và đã hy sinh trước ngọn súng của kẻ thù. Hóa ra, chị hy sinh trước anh hơn 2 tháng. Con trai anh, cháu Nguyễn Thế Tiến 4 tuổi, sau một năm, ốm đau rồi chết. Chẳng ai dám nói rằng cháu chết có một phần vì sự thiếu vắng cha mẹ, nhưng cũng chẳng ai có đủ minh chứng rằng không phải thế!

“Tuy không thành công trong việc giải thoát, tù nhân phải chịu nhiều tổn thất, nhưng cuộc chiến đấu vượt đảo ở Bến Đầm là một đòn tấn công vào sào huyệt kẻ thù, làm rung chuyển và rối loạn chính sách trị tù của chúng. Đó là một cuộc biểu

dương tinh thần chiến đấu và ý chí tự giải phóng, thể hiện khí phách anh hùng của những người tù kháng chiến”.

Đã đành rằng như thế nhưng tôi vẫn ước ao một điều, giá tôi trở lại được Côn Đảo, tôi sẽ đục vào vách đá chỗ hạ thủy của 5 chiếc thuyền ở Bến Đầm dòng chữ: “Nơi đây đánh dấu sự hy sinh của các chiến sĩ vượt đảo ngày 12/12/1952”.

Và ở vách đá Đầu Mom, dưới chân vách đá là chỗ anh Hãn đã nằm 60 năm về trước, tôi sẽ ghi vào đó dòng chữ: “Nơi đây đòi đòi yên nghỉ chiến sĩ vượt đảo Nguyễn Thế Hãn, hy sinh ngày 12/12/1952” thay cho tấm bia mộ và kính cẩn nghiêng mình trước vạt đất anh nằm, tôi sẽ thắp một nén hương trầm lên phần mộ anh.

Có thể nói, điều ước ao đó tôi không thực hiện được, một phần vì già yếu, phần khác đường đi lại xa xôi ngàn dặm. Nhưng tôi tin rằng, những người có điều kiện ra ngoài hòn đảo đó, biết được ước ao này của tôi, chắc rằng không ít người sẽ thực hiện điều tôi ước ao trên.

Phần khác, tôi cũng tự biết những điều đó tôi đã khắc sâu vào trái tim mình không bị thời gian làm xóa nhòa.

60 NĂM VƯỢT NGỤC CÔN ĐẢO (12/12/1952 - 12/12/2012)

*Trương Đăng Dũng**

Cuối năm 1950 ta mở chiến dịch biên giới Việt - Trung, giải phóng Đông Khê, Thất Khê và thị xã Cao Bằng ta bắt được hai tướng Pháp là Lơ-pa và Sác-tông cùng hàng ngàn tù binh Pháp làm cho thế và lực ta mạnh lên rất nhiều. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, từ giai đoạn phòng ngự đã chuyển sang giai đoạn cầm cự, rồi tích cực cầm cự chuẩn bị cho tổng phản công. Theo chủ trương của Đảng và Chính phủ trực tiếp là Bác Hồ, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu, đưa các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, luồn sâu vào khu vực địch tạm chiếm, để tuyên truyền vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến... Đồng thời dìu dắt anh em dân quân du kích tham gia đánh địch, tiêu diệt các chốt lẻ của địch, mở rộng khu du kích của ta, thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng của Pháp, do đó anh em bộ đội và dân quân du kích cũng như anh em cán bộ các đoàn thể bị sa vào tay giặc ngày càng nhiều. Những người chúng bắt được thường giam ở nhà Tiên và Hỏa Lò - Hà Nội, Nhà máy Chai Nam Định,

* Nhân chứng vượt Côn Đảo.

cảng Đoạn Xá - Hải Phòng, nhà giam Hải Dương, cảng Hanh Đông - Tây Trung bộ. Thực dân Pháp thấy giam anh em ở trong đất liền thì không có lợi cho chúng, nên chúng đã thanh lọc dần đẩy ra Côn Đảo. Những anh em khi nó bắt có tài liệu vũ khí thì nó đưa ra tòa án xử, ai có mức án từ 15 năm trở lên mới đẩy ra Côn Đảo gọi là tù án giam ở lao I, lao II. Còn những người khi bị bắt nhưng không có chứng cứ thì gọi là tù binh giam ở lao III, lúc cao nhất tới gần 1.000 người.

Bọn cầm quyền Pháp ở Côn Đảo đưa 100 anh em tù binh lên Bến Đầm làm lán ở hỏn đấy. Có một trung đội lính Âu Phi do tên phó quản da trắng trực tiếp chỉ huy. Hằng ngày bắt anh em đục đá và đập đá làm con đường phía tây Côn Đảo, từ Bến Đầm về đầu mom Cá Mập. Chúng dùng hai ô tô tải do tù lái chở 100 anh em tù binh lên đầu mom Cá Mập, đập đá làm đường, cứ sáng đi, tối về.

Trước tình hình đó, Đảo ủy Côn Đảo đã họp bất thường bàn bạc và đưa ra nhận xét. Bọn cầm quyền ở Côn Đảo đã “điệu hổ ly sơn”, thời cơ giải phóng Côn Đảo đã đến. Cần phải gấp rút xây dựng lực lượng ở tất cả các kíp đi làm khổ sai hàng ngày, nhất là kíp làm ở trại lính và trạm thông tin liên lạc để khi thực hiện được chủ trương vượt đảo vẫn giữ được liên lạc với Sài Gòn và giao cho bộ phận này một ca nô. Sau một tuần mới hạ quyết tâm xây dựng lực lượng để đón thời cơ vượt đảo lấy lực lượng ở Bến Đầm làm chủ công. Ở đầu mom Cá Mập có lực lượng phối hợp quan trọng, anh em vừa làm khổ sai vừa luyện võ, tay không bắt lính, vừa chuẩn bị phương tiện vượt

biển như làm thuyền, làm buồm, bơi chèo, tích trữ lương khô, nước uống... Đúng 11 giờ ngày 12/12/1952 dưới sự chỉ huy của đồng chí Phan Du tiểu đoàn trưởng (năm nay ở tuổi 91), anh em ở Bến Đầm đã bắt gọn trung đội lính Âu - Phi, cho ăn uống tử tế, rồi giải thích chính sách. Đồng thời ra lệnh cho lực lượng ở đầu mom Cá Mập chiến đấu. Rất tiếc, ở đầu mom Cá Mập chỉ có 7 tên lính Âu - Phi mà 100 tù không bắt gọn được. Đẩy hai tên xuống biển chết, để chạy thoát một tên lên rừng, bắn chết hai tên, chỉ bắt được hai tên. Do đó, các đồng chí trong Đảo ủy ở Bến Đầm và đầu mom Cá Mập phải hội ý chớp nhoáng. Nếu kéo quân về trung tâm Côn Đảo sợ tên lính về báo cho trại lính, nó phục kích, ta kéo về sẽ bị tiêu diệt hết, nên chủ trương vượt Côn Đảo bộ phận. Đúng 5 giờ chiều ngày 12/12/1952, năm chiếc thuyền do anh em Bến Đầm làm giấu ở trong rừng được hạ thủy thì bị bục hai thuyền, nước tràn vào. Nhiều đồng chí tự nguyện nhảy xuống biển để cho thuyền nhẹ đi. Tổng số hy sinh 81 đồng chí. Còn ba thuyền vừa ra khơi được mấy hải lý thì gió chướng đổi làn⁽¹⁾, thuyền cứ quay cuồng không đi được. Đồng thời 7 giờ tối tên lính cũng về tới trại, tên quan hai Gácđét điện về Sài Gòn, cho tàu chiến ra bao vây lòng sục, bắt hết anh em ta đưa về lao I giam, tra tấn rất dã man. Anh em phải đấu tranh quyết liệt nó mới thôi.

Cuộc vượt ngục ở nhà tù Côn Đảo của anh em tù binh không thành công, nhưng ảnh hưởng của nó rất rộng lớn. Vì

(1) Nếu không bị gió chướng đổi làn thì 5 giờ sáng hôm sau về tới Cà Mau.

lịch sử nhà tù Côn Đảo chưa có cuộc vượt ngục nào được tổ chức chặt chẽ, chu đáo như vậy. Sau khi nổ ra cuộc vượt ngục, nhiều tờ báo ở Sài Gòn đưa tin, bình luận. Một số tờ báo ở thủ đô Paris nước Pháp cũng đưa tin và bình luận. Còn anh em tù binh cũng như anh em tù án thì rất phấn khởi và tự hào. Sau cuộc vượt ngục đó, thực dân Pháp phải bố trí mấy tàu chiến đi tuần tiễu xung quanh Côn Đảo mấy tuần liền. Đồng thời bọn chỉ huy Pháp cũng nghi ngờ lãnh đạo và binh lính của nó ở Côn Đảo nên cho đổi hẳn một ê kíp mới ra thay thế từ tên chúa đảo cho đến tên lính thường.

Nhờ có chiến thắng ở Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ và Hiệp định Trung Giã được ký kết, Pháp ở Sài Gòn cho một máy bay trực thăng ra Côn Đảo thả một ống lệnh xuống. Thế là tên quan hai Gácđét cho lính chở xe zep xuống trại III mời đồng chí Vũ Hạnh tổng đại diện lên gặp. Gácđét nói: Hai chính phủ đã ký hiệp định hòa bình rồi, từ nay chúng ta là bạn, không phải là kẻ thù nữa. Đồng chí Vũ Hạnh nói: Thế thì từ nay trở đi, anh phải gọi tôi là “Commăngđăng Vũ Hạnh (Quan tư) thì tôi mới gọi anh là Litơnăng Gácđét (Quan hai)”. Nó đồng ý và cho lính lấy thuốc lá Gôloa và diêm phát cho anh em tù binh mỗi người hai bao rồi chở đồng chí Vũ Hạnh về tới cổng. Đồng chí Vũ Hạnh gọi anh em ra đem thuốc lá và diêm về phân phối cho anh em hút khói mù cả trại và nhảy múa cười vang lên. Bữa cơm tối hôm đó ăn thật là ngon.

Đúng 8 giờ ngày 20/8/1954 gần 1.000 anh em tù binh xuống tàu, Pháp chở về Sầm Sơn - Thanh Hóa trao trả Chính

phủ ta. Đồng chí Vũ Hạnh gặp ngay phái đoàn liên hiệp Việt - Pháp báo cáo và gặp đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa báo cáo. Sau một thời gian, anh em tù án cũng được trao trả.

*

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm vượt ngục Côn Đảo (12/12/1952 - 12/12/2012) chúng ta có dịp ôn lại một thời gian khổ và oanh liệt của anh em tù binh ở Côn Đảo.

VƯỢT CÔN ĐẢO - 60 NĂM NHÌN LẠI

*Bùi Đình Dũng**

Nói đến ngục tù Côn Đảo trong hồi ký của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng - nhà ngoại giao lỗi lạc, người chiến sĩ cách mạng tiền bối đã từng bị thực dân Pháp giam cầm tại nhà tù Côn Đảo năm 1936 đã viết:

“Côn Đảo là địa ngục trần gian, tuy nhà tù Côn Đảo không có cầu vồng, không có chó ngao, không có vạc dầu, không có lũ đầu trâu mặt ngựa. Nhưng Côn Đảo có Cầu Tàu 914, có kẻ Ma Thiên Lãnh, có chuồng cọp, có hầm xay lúa, có lũ cai ngục mất hết nhân tính đánh, giết người không biết ghê tay”.

Năm 1992, cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh xuống Hải Phòng dự cuộc họp “Kỷ niệm 40 năm ngày vượt Côn Đảo 12/12/1952” đã phát biểu:

“Đế quốc Pháp xây dựng nhà tù Côn Đảo năm 1862 trên một quần đảo nằm cách xa tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trên 180 cây số. So với các nhà tù ở Đông Dương thì nhà tù Côn Đảo có 03 cái nhất:

* Trưởng BLL tù Côn Đảo Hải Phòng.

- Xây dựng sớm nhất.
- Tra tấn, hành hạ, đánh đập tù nhân dã man nhất.
- Giết hại tù nhân nhiều nhất”.

Nếu bạn có dịp tham quan Côn Đảo hãy đến Cầu Tàu, dừng chân ngắm cảnh biển trời bao la của Côn Đảo, chính tại Cầu Tàu này có 914 tù nhân phải bỏ mạng trong 6 năm xây dựng Cầu Tàu. Đến kè Ma Thiên Lãnh, đứng ngắm cảnh núi rừng hùng vĩ của Côn Đảo, xem tấm bia có ghi *“Hoàn thành công trình đã có 549 tù nhân có đi mà không có về”*.

Cụ Hồ Thế Phát chiến sĩ cách mạng đệ tứ chiến khu Đông Triều bị thực dân Pháp lưu đày tại nhà tù Côn Đảo năm 1950 làm mấy vần thơ dưới đây để tả cảnh rừng rợn của ngục tù này:

*“Côn Đảo rừng rậm biển sâu
Có kè xếp xác, có cầu chất xương
Có máu pha nhựa rải đường
Có nghìn nấm mộ thê lương hoang tàn
Có bọn cai ngục dã man
Có muôn xiềng xích có ngàn cùm gông
Chuông cộp cửa kín sắt lỏng
Có hầm xay lúa máu hồng còn loang
Quạ kêu gió rít trên ngàn
Hàng Dương vùi xác hàng ngàn tù nhân”*.

Cảnh tù Côn Đảo còn được các anh ghi trong những vần thơ sau:

*“Kiếp tù một mảnh áo xanh
Khổ sai cực nhọc phong phanh bốn mùa*

*Cơm ăn bữa lưng gáo dĩa
Ra vào khám xét sớm trưa đánh đòn
Làm cho thể xác gầy mòn
Bỏ thân ở chốn Côn Lôn hết đời”.*

Theo sổ sách ghi chép còn lưu giữ ở Phòng Bảo tàng Côn Đảo hiện nay có gần 2000 các nhân sĩ, các nhà yêu nước, các chiến sĩ cách mạng nằm yên nghỉ tại nghĩa trang Hàng Dương.

Có thể khẳng định những chiến sĩ cách mạng bị lưu đầy tại nhà tù Côn Đảo, mặc dù bị hành hạ, đánh đập dã man, bị tra tấn nhục hình, dù có phải hy sinh tính mạng vẫn động viên nhau, trước mặt kẻ thù phải nêu cao tinh thần trung kiên bất khuất, dù có phải hy sinh tính mạng vẫn giữ vững khí tiết người chiến sĩ cách mạng.

Lòng tin ấy được thể hiện trong cuộc nổi dậy ngày 12/12/1952. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảo ủy, 200 tù binh đã mưu trí dũng cảm, tay không bắt trung đội lính Âu - Phi và tên quản Boócđơsun, dùng 05 thuyền tự đóng vượt biển Đông.

Những người ngoài cuộc, khi nghe sự kiện này chắc khó tin, cho đây chỉ là câu chuyện huyền thoại.

*

Để xây dựng tuyến đường từ Bến Đầm về đầu mom Cá Mập, từ đầu mom Cá Mập về thị trấn, nhằm phục vụ cho việc tuần tra giữ gìn an ninh trên đảo và mở rộng giao lưu, buôn bán thông thương với đất liền, ngày 20/5/1952, tên chúa đảo

Giác ty ra lệnh cho tên quản Boócđơsun bắt 200 tù binh ở banh II chia làm 02 kíp mỗi kíp 100 tù nhân đi lao động:

- Kíp I: Làm đường đầu mom Cá Mập, vì đoạn đường từ đầu mom Cá Mập về thị trấn xa 7 cây số nên sáng địch dùng xe cam-nhông chở tù nhân đi làm, 17 giờ địch cho xe chở tù nhân về ăn ngủ tại khám.

- Kíp II: Địch bắt 100 tù nhân vào rừng đốn gỗ, lấy mây, tre, song đem về bãi Bến Đầm làm lán trại cho tù nhân ăn ở tại chỗ, phục vụ cho việc xây dựng cảng Bến Đầm.

Dựa vào sự sơ hở, chủ quan, mất cảnh giác của địch, các anh em đã bí mật lên kế hoạch xây dựng lực lượng đợi cuối năm, đến mùa gió chướng sẽ võ trang cướp đảo, cướp tàu tự giải phóng cho mình.

Chủ trương võ trang cướp đảo được toàn thể Ban Chấp hành Đảo ủy và các bí thư chỉ bộ nhất trí cao. Thường vụ Đảng ủy căn cứ vào khả năng, sở trường xây dựng lực lượng, điều kiện của từng ủy viên chấp hành phân công phụ trách đánh chiếm trại lính, nhà kho, đài vô tuyến, bắt chúa đảo... Ban thường vụ Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo anh em làm ở cảng Bến Đầm, ban ngày vào rừng đốn gỗ, lấy mây tre, song nữa... đem về xây dựng lán trại. Ban đêm bí mật đào hầm, làm thuyền. Buổi sáng lợi dụng lúc tập thể dục tranh thủ luyện tập võ thuật tay không bất giác, tập vượt chướng ngại vật...

Sau gần 6 tháng chuẩn bị, đến đầu tháng 12/1952 khi đàn chim yến lần lượt bay về núi Chúa làm tổ, gió chướng đợt 3 đã thổi mạnh báo hiệu thời cơ võ trang cướp đảo đã đến.

Cũng vào thời điểm ấy, tên quản Boócđơsun thông báo cho

đại diện của ta, lệnh của chúa đảo đến ngày 20/12/1952 sẽ đưa hết tù nhân làm ở Bến Đầm về lao.

Nhận được tin, Ban Chấp hành Đảo ủy đã họp nhận định tình hình, kiểm tra các phần việc chuẩn bị cho cuộc võ trang cướp đảo dự định vào dịp cuối năm. Thấy mọi việc cũng đã hoàn tất, lực lượng được phân công đánh chiếm trại lính, đài vô tuyến, kho súng, đánh vào văn phòng bắt sống chúa đảo đã đầy đủ v.v... các tổ xung kích đã sẵn sàng chờ lệnh. Sau khi họp nhận định tình hình, Ban Chấp hành Đảo ủy đã thống nhất quyết định đến ngày 12/12/1952 sẽ phát lệnh khởi sự. Ban Chấp hành Đảo ủy phân công các đồng chí trong thường vụ trực tiếp chỉ đạo lực lượng làm ở Bến Đầm đúng 11h ngày 12/12/1952, trên đường lính áp giải tù nhân đi làm về, các tổ xung kích phải bám sát mục tiêu đã phân công khi nhận được tín hiệu của chỉ huy Phan Du bất ngờ nổi dậy dùng tay không bắt sống lính.

Thực hiện chỉ đạo của Thường vụ Đảo ủy, *đúng giờ D* các tổ xung kích làm đường ở Bến Đầm đã mưu trí, dũng cảm tay không bắt sống 28 lính Âu - Phi và tên quản Boócđơsun, tước vũ khí trói lại, tập trung trong lán giải thích chính sách nhân đạo của Hồ Chủ tịch đối với tù binh để binh lính yên tâm không hoang mang lo sợ.

Trong khi đó, kíp làm đường ở Đâu Mom do không bám sát địch cho nên khi khởi sự đã xảy ra vạ lộn nổ súng, địch bị bắn chết 2 và 2 tên lăn xuống biển, 2 tên bị bắt sống, 1 tên lính Âu Phi chạy thoát vào rừng; phía ta hy sinh 1.

Vì trận đánh ở Đâu Mom diễn ra ngoài dự kiến, không còn

yếu tố bất ngờ nếu theo kế hoạch đã định cứ tiến quân về đánh chiếm thị trấn chưa chắc đã thắng, chẳng những sẽ gây thương vong lớn, còn để cho địch có cơ khủng bố tàn sát cơ sở trong các lao...

Qua phân tích tình hình trên, các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảo ủy có mặt chỉ đạo ở Bến Đầm đã thống nhất, không tiến quân về thị trấn nữa, chỉ giải phóng bộ phận.

Sau khi thu dọn xong chiến trường, anh em đã phá lán, lật hầm, chỉ sau 4 tiếng đồng hồ (12h - 16h) lắp ráp hoàn chỉnh 5 thuyền nan, đúng 16 giờ cùng ngày, 5 thuyền hạ thủy, căng buồm lướt sóng ra khơi.

Cứ tưởng cuộc bắt lính, vượt biển của 200 tù binh sẽ thuận buồm xuôi gió, không ngờ 5 thuyền căng buồm vượt biển ra khơi qua được hòn núi Bảy Cạnh khoảng trên 3 cây số thì 2 thuyền bị vỡ, một số anh em bơi được vào bờ trốn lên rừng, một số đồng chí vì yếu sức chìm ngay tại chỗ. Còn lại 3 thuyền, dựa theo gió chướng đi khỏi đảo khoảng trên 20 cây số thì gió đổi chiều, trong đêm tối buồm không gặp gió nên 3 thuyền lênh đênh trên biển.

Thuyền số 1 chở 36 đồng chí, trong đó có đồng chí Văn Hiến - Bí thư Đảo ủy, Lê Mai - ủy viên thường vụ, Phạm Chí Viễn, Nguyễn Văn Gián... ủy viên ban chấp hành.

Trong đêm tối, buồm không gặp gió, thuyền lại chở quá trọng tải, dù mọi người có ra sức chèo lái cũng không thể vượt qua được hàng trăm cây số đường biển. Để cứu nguy, đã có một số đồng chí tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh cho nhẹ

thuyền. Trong đó có các đồng chí: Vũ Như Ý - xã Hoàng Mai, Đồng Thái An Dương, Hải Phòng; Lương Quang Phệ - Thủy Nguyên, Hải Phòng...

Đứng trước tình thế nguy khốn, buồm không gặp gió thuyền tràn nước, trong lúc đó, tên chúa đảo lại điện vào Sài Gòn cho tàu chiến truy đuổi. Biết không thể nào trốn thoát đồng chí Hiến và các đồng chí cấp ủy cùng đi trên thuyền số 1 đã chọn quyết sách “Thà hy sinh dưới biển Đông để tâm hồn mát mẻ, quyết không để cho địch bắt lại sống trong ngục tù Côn Đảo”.

Theo đồng chí Nguyễn Văn Tý - người cầm lái con thuyền số 1 còn sống sót kể lại, trước khi vĩnh biệt cõi đời, đồng chí Viễn quê ở xã Cao Nhân huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng - đảng viên từ năm 1940, nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Thủy Nguyên đã hô khẩu hiệu: *“Đả đảo đế quốc Pháp! Hồ Chủ tịch muôn năm”*.

Cuộc chiến đấu để giải phóng tù nhân ở Côn Đảo ngày 12/12/1952 tuy không thành công, 81 anh em hy sinh, địch bắt lại trên 100 tra tấn hết sức dã man sau đó đưa về khám Chí Hòa - Sài Gòn lập tòa án binh xét xử.

Nằm trong khám Chí Hòa, đồng chí Quý quê Phù Ninh, Thủy Nguyên vẫn còn lạc quan yêu đời đọc 8 câu thơ tả lại cảnh 5 thuyền vượt biển Đông đêm 12/12/1952:

*“Đêm tối mịt mù biển Đông ơi
Năm thuyền nan nhỏ vượt trùng khơi
Buồm không gặp gió thuyền tràn nước*

*Chèo mái rời tay trời đất ời
Một đêm vùng vẫy giữa biển Đông
Tưởng là thoát khỏi cảnh cùm gông
Ai ngờ duyên số còn vương vấn
Trở lại cảnh tù lại cùm gông”.*

Tuy cuộc vượt đảo của 200 tù binh không thành, nhưng nó đã ghi đậm nét son trong lịch sử đấu tranh 113 năm ngục tù Côn Đảo.

Cuộc đấu tranh ngày 12/12/1952 còn làm cho bọn địch hoảng sợ, phải tăng cường 2 trung đoàn lính thủy đánh bộ bố phòng trên đảo, cho tàu chiến thường xuyên tuần tra trên biển.

Sau ngày này, sáng ngày 13/12 tên chúa đảo đã cho xe chở một bó roi song đổ vào sân banh III, chúa đảo trực tiếp chỉ huy binh lính xông vào từng phòng khủng bố. Địch đánh hết phòng này sang phòng khác, đánh hết buổi sáng, buổi chiều lại đánh tiếp. Những ngày đó bầu trời Côn Đảo âm vang tiếng hô “Đả đảo khủng bố”.

Địch khủng bố liên tiếp 02 ngày, sau đó bắt 60 tù nhân chúng cho là cán bộ chủ chốt giam vào chuồng cọp.

Hàng ngày địch gọi từng người lên buồng chúa đảo tra hỏi, nhưng mọi người đều thống nhất trả lời: “Việc anh em làm ở Bến Đầm không hay, không biết...”.

Sau một tuần phạt ăn nhạt, giam chuồng cọp 30 ngày địch mới thả anh em về lao.

Việc võ trang vượt Côn Đảo ngày 12/12/1952 cách đây đã 60 năm, đất nước ta đã có nhiều biến đổi, những người tham gia cuộc vượt đảo nay kẻ mất người còn, những người còn sống nay tuổi đời cũng đã ngoài 80... Rất nhiều người đã nằm yên nghỉ tại nghĩa trang Hàng Dương. Và cái chết của những người tù Côn Đảo cũng khác cái chết của những người tù trong đất liền:

*“Chết không mảnh vải che thân
Không nén hương trầm, không một khăn tang
Thân xác vùi xuống cát vàng
Hàng Dương vùi xác hàng ngàn tù nhân”.*

Đất nước ta được hòa bình đã gần 40 năm, cách đây trên 10 năm các chiến sĩ tù đầy tại Côn Đảo đã có văn bản đề nghị với Đảng, Nhà nước cho xây dựng nhà tưởng niệm ở Bến Đầm để ghi nhớ 81 chiến sĩ cách mạng đã hy sinh trong cuộc vượt đảo ngày 12/12/1952. Qua nhiều lần phản ánh, nay Đảng, Nhà nước đã cho xây bia tưởng niệm nhưng tôi thấy còn có phần sơ sài, quét sơn chỗ đen, chỗ trắng.

Tôi mong sao sau cuộc hội thảo này đài tưởng niệm các chiến sĩ trong trận vượt ngục sẽ được xây dựng xứng với tâm vóc của những chứng nhân lịch sử.

TIẾP TỤC ĐỐI MẶT

*Đàm Trọng Đệ**

1. Hai ngày trên biển cả

Công việc bắt sống địch và tước vũ khí ở Bến Đầm và Đầu Mom hoàn thành thắng lợi. Tổ của tôi cũng vậy, anh Khảm (Gia Lương, Bắc Ninh), anh Thái (ở xã Dân Chủ, Tứ Kỳ, Hải Dương) và tôi, một tổ ba người cũng hoàn thành nhiệm vụ được giao, quật ngã một lính da đen to lớn, tước một khẩu súng trường. Sau đó tôi lại được giao nhiệm vụ đi bắt bọn “Ròsec” gác ở các chốt trên các ngã đường ven rừng, phòng ngừa chúng báo về trung tâm đảo để đuổi theo chúng tôi.

5 giờ chiều, thuyền chúng tôi rời Bến Đầm. Anh Hoàng Tiễn, Lê Ngọc, Đồng Văn Đán cùng đi thuyền này. Thuyền này làm bằng song, dài khoảng 8-9 mét khung thang, cạp thuyền bằng gỗ, phía ngoài thuyền bọc vải sơn và quét nhựa đường, thuyền có buồm cao và bánh lái điều khiển, hai bên thuyền có vỏ thùng dầu hỏa gắn kín bó lại thành bè để đề phòng khi tai biến bất trắc. Khi còn trong vùng đảo, gió chướng đã yếu

* Đàm Trọng Đệ quê ở Kỳ Sơn - Tứ Lộc - Hải Hưng. Khi bị bắt là bí thư chi bộ Đảng xã Ngọc Sơn - Tứ Kỳ, khi về hưu là phó trưởng ban Ban Quản lý hợp tác xã nông nghiệp Hải Hưng.

nhiều, tuy vậy thuyền vẫn chạy buồm kết hợp với chèo tay. Đêm về, gió lặng, rồi chuyển chiều, chúng tôi thay nhau chèo lái và tát nước rỉ ở lòng thuyền. Qua đêm trời mờ sáng, rồi sáng dần. Đoán là thuyền chúng tôi đã xa, nhìn về phía trước vẫn thấp thoáng vài cánh chim bay, trong bụng mừng thầm đã gần đất liền chẳng? Thuyền đi thêm một khoảng nữa thì phát hiện có vài hòn đảo hoang nhỏ. Có ý kiến nêu lên cần đáp lên đảo rồi tiếp tục đi sau, vì đang đi với gió không đúng chiều đông - đông bắc. Nhưng anh em vẫn quyết định đi tiếp, vì tránh lên đảo thì lấy gì mà ăn, lương khô chỉ tính ngày tính buổi. Mọi người lại động viên nhau chèo, lái, tát nước. Mặt trời đã ngả về chiều thì chúng tôi phát hiện phía trước có thuyền. Đến gần, té ra là thuyền số 5 do anh Tuyển phụ trách. Trời càng về chiều, sóng biển càng lớn. Cột buồm cao 5 - 6 mét, nhưng sóng biển dâng lên hạ xuống, nhiều lúc hai thuyền như ẩn hiện không trông thấy nhau. Thuyền chúng tôi vẫn nhằm hướng tây để chạy vào vùng tự do, nhưng gió không thuận, nên không điều khiển nổi thuyền chạy theo ý muốn. Cuối cùng hai thuyền chúng tôi dần dần xa nhau.

Sau hơn một ngày đi trên biển, sóng to, thuyền lắc, lại lao động quá sức, hầu hết mọi người đều say sóng, đa số anh em mửa tháo, nôn ọe không còn gì trong bụng mới thôi, người mệt lả khó chịu hơn khi đau ốm. Tuy hết sức mệt mỏi vì say sóng nhưng chúng tôi vẫn động viên nhau chèo, lái, tát nước không ngừng tay, điều khiển cho thuyền đi vào hướng tây, nhưng gió đông bắc đã thổi bạt đi nên thuyền đã đi khá xa mà vẫn chưa chạm đất.

Qua đêm ngày 13 rạng sáng ngày 14/12, ở phía xa xa có tiếng chim kêu, nhiều anh em đoán có lẽ thuyền đã gần đất liền. Trời sáng hẳn, bốn bề vẫn là một màu xanh ngàn ngạt, không thấy bến bờ là đâu.

Mặt trời đã lên cao, sáng nay sóng nước tương đối bình lặng. Bỗng xuất hiện một chấm đen phía chân trời đông bắc. Phán đoán có máy bay nên anh em hạ buồm ngụy trang vì buồm có vải màu xanh. Nhưng không che được mắt chúng, máy bay đã phát hiện, ném một quả pháo hiệu, một cột khói vút cao lên không trung. Trong thuyền có người hốt hoảng nhảy ùm xuống biển. Chúng tôi nhanh chóng quyết định: phải bình tĩnh không được hoảng hốt. Có đồng chí lại hăng hái hơn, yêu cầu đánh và hy sinh. Nhưng đa số thấy rằng hy sinh không đạt được một yêu cầu gì. Người chiến sĩ sẵn sàng chết cho một yêu cầu nào đó của cách mạng, chứ không chết vô ích. Phải duy trì sự sống, thua keo này, bày keo khác. Sau cột khói vút lên được vài phút thì một tàu binh xuất hiện và lao thẳng vào mục tiêu con thuyền. Chúng tôi quyết định vút bảy khẩu súng mang theo xuống biển và để bị bắt lại. Nhìn lên boong tàu địch đã thấy anh em mình ở thuyền anh Tuyển bị bắt lại ngồi trên đó. Chúng cũng dồn chúng tôi lên boong tàu, cả hai con thuyền trên 90 người. Chúng lột áo và cho phóng thẳng về đảo cũ. Lúc này khoảng 11 giờ ngày 14/12/1952, tàu đi ngược gió, tốc độ cao, nước tràn lên boong làm ướt át cóng lạnh, nhiều người đói mệt tê cứng không cử động được. Trời vừa sẩm tối (khoảng 18 giờ) tàu về vịnh đảo. Thì ra chúng tôi đi cũng khá xa, đến trên 200km và đã chệch mục tiêu cập bờ.

2. Trả thù hèn hạ

Bọn địch đưa sà-lan áp sát mạn tàu và đẩy chúng tôi từ boong tàu xuống để đưa vào bến.

Từ boong tàu đến mặt sà-lan là 5 - 6 mét nhưng không có cầu chuyển nên anh em ngã què chân, toạc đầu chảy máu. Một số anh em khỏe mạnh, phải túm tụm lại ở bên dưới sà-lan làm đệm, làm thang để đỡ nhau từ boong tàu xuống.

Thế rồi, một cuộc đón tiếp đêù cắng lại diễn ra trên Cầu Tàu. Tên chúa đảo Giắcty có mặt điều khiển trực tiếp cuộc đón tiếp này. Khoảng bốn, năm chục tên cả lính, cả giám thị, cai tù được huy động đứng lối nhố hai bên Cầu Tàu, súng đạn, lưỡi lê, roi gậy đằg đằg sát khí. Chúng đánh chúng tôi từ dưới sà-lan thốc lên bờ, từ Cầu Tàu vào cửa khám bằng roi gậy, bắg súng, đánh đến mỗi tay không nghỉ. Chúng tôi mặt mày thâm tím, máu me trên đầu trên cổ, một số anh em ốm yếu gục tại chỗ, nếu không có tình thương yêu đùm bọc nhau, chắc chắn đã bỏ xác dọc đường. Các anh Cơ (người Hà Nội), anh Thăng (người Ninh Giang, Hải Dương), anh Ngọc (người Hà Bắc) trong số này đã được anh em xốc nách dìu đi, bọc ngoài che đờn cho để dẫn đi mới thoát chết được.

Chúng đờn chúng tôi vào khám 1, khám 2 của lao I. Còn một cái quân chúng lột nốt, trần truồng như nhộng, chúng cùm chân chúng tôi liên kết với nhau bằng một thanh sắt to dài dọc khám. Hai ngày đi biển mệt nhọc, say sóng, đói khát, lại bị đánh đập tàn nhẫn, nhiều anh em kiệt sức lả đi trong cùm xích. Chúng còn chủ trương bỏ đói khát. Anh em thấy có thùng nước rửa sàn, tìm cách men ra lấy để uống, chúng cho đập đổ chảy

lênh lảng ra sàn, không cho uống gì mọi người đều lả đi, rồi sau đó mỗi ngày chỉ cho ăn hai lạng cơm. Anh em làm bếp ở lao I thấy vậy, tìm cách rút bớt những thanh khung tre ở sọt đựng cơm để làm cho bì nhẹ bớt đi nhằm tăng thêm một ít cơm khi bộn cai tù cân cơm. Thức ăn là một ít cá khô thối không thể ăn được. Anh Tuyển bảo chúng tôi: “Các cậu đại lăm, thối thối cứ nhắm mắt bịt mũi vào mà nuốt, may ra còn có một tý chất bổ vào người”. Đó cũng là anh ấy động viên chúng tôi thôi. Chứ thực ra chẳng có anh nào nuốt nổi.

Tình hình căng, cái chết trong gang tấc, đòi hỏi phẩm chất cách mạng và vai trò trách nhiệm của người đảng viên hơn lúc nào hết. Sự thử thách tinh thần chiến đấu kiên cường là ở lúc này. Các đồng chí là cấp ủy, là chỉ huy như Phan Du, Tuyển, Ngọ, Tiến, Đán và các đảng viên chúng tôi xác định lại nhiệm vụ lãnh đạo, ổn định tư tưởng và chấn chỉnh tổ chức.

Vài ngày sau nghe tin tù binh bắt lính vượt ngục, sự kiện đã chấn động đến Sài Gòn, các nhà chức trách cử một phái đoàn ra Côn Đảo thị sát tình hình. Nhân lúc này chúng tôi cử người ra phản đối chính sách tàn bạo dã man của nhà tù. Yêu cầu phải bỏ cùm, trả quần áo, cho ăn uống theo chế độ và không được trả thù hèn hạ. Đảng ủy nhà tù lúc đó cũng chỉ đạo các lao có phong trào đấu tranh phối hợp với chúng tôi, nên sau đó địch đã phải nhượng bộ theo các yêu sách trên và tình hình dần dần bớt căng thẳng hơn trước.

3. Mừng được ra toà

Bớt căng thẳng hơn trước là được mặc quần áo, không phải cùm và nói ra chút ít về ăn uống, thuốc men, còn nói chung

vẫn là o ép nặng nề, sinh hoạt đói khổ hơn trước lúc vượt ngục. Chỉ một thời gian ngắn, các bệnh kiết lỵ, quáng gà, đau ốm lan tràn, sức lực kiệt quệ trông thấy.

Chín tháng sau, địch điều 117 anh em chúng tôi về Sài Gòn đưa ra tòa án binh Đông Dương nhằm răn đe trong chính sách nhà tù của chúng.

Được đưa ra tòa mà anh em phấn khởi hẳn lên, là vì được về đất liền sẽ có sự quan hệ rộng rãi, có hy vọng và hứa hẹn nhiều điều, sẽ có điều kiện tố cáo âm mưu tàn bạo của địch ở Côn Đảo này.

Ngày 9/9/1953, chúng áp giải chúng tôi về nhà lao Chí Hòa. Trên đường từ bến cảng Sài Gòn về nhà lao, các xe chở chúng tôi có xe lính gác đi kèm súng ống lăm lăm trong tay. Đi đằng trước còn có một đoàn xe mô tô nhà binh dẹp đường. Sự lưu thông của đường phố Sài Gòn phải dừng lại cho đoàn xe tù đi qua. Đi trên đường phố, trong lòng tôi dấy lên một tình cảm dạt dào, yêu thương da diết cảnh vật, con người. Đã mấy năm nay, bây giờ mới thấy bà con dân phố dừng bước đi, ngược mắt nhìn đoàn tù, nhìn gương mặt dễ nhận thấy sự cảm thông và nghĩa tình đồng bào, tình dân nước.

Vào nhà lao Chí Hòa lúc này, cũng có một số anh em cán bộ quân đội bị giam giữ ở trại sĩ quan Hanh Thông Tây, vì tham gia vụ giết một tên phản động trong tù, địch cũng đưa về đây để xử án. Cùng quê hương nên được biết có anh Lê Sơn ở Thanh Hà, anh Luân ở Ninh Giang đều ở Hải Dương. Đoàn chúng tôi và đoàn các anh quan hệ được với luật sư Nguyễn

Hữu Thọ lúc đó hoạt động công khai ở Sài Gòn giúp đỡ. Anh Tuyển thay mặt đoàn chúng tôi giao dịch với luật sư.

Biết được âm mưu của địch, có sự hướng dẫn của luật sư, chúng tôi cùng thống nhất khẩu cung, bám chắc các điều khoản về quyền hạn tù trong Công ước Gionevơ năm 1949 đã quy định, khi bị chúng thẩm vấn.

Đến Chí Hòa được một tháng, địch lần lượt gọi từng tốp 5 - 10 người vào phòng dự thẩm thuộc toàn án binh ở Sài Gòn để hỏi cung. Tốp chúng tôi có 6 người chúng gọi đi một đợt, có anh Du (Kim Thành), anh Hải, Hy (Cẩm Giàng), anh Điệp (Thanh Hà), anh Khảm (Gia Lương). Chúng gọi từng người vào phòng hỏi cung. Đến lượt tôi vào trong một phòng được bố trí trang nghiêm có quốc kỳ nước Pháp và có bù nhìn. Ngồi trên có hai tên sĩ quan Pháp, một tên người Việt, hai bên có mấy tên thư ký ghi chép và phiên dịch.

Qua phiên dịch chúng hỏi tôi:

- Các anh là tù binh bị quân đội Pháp bắt giữ đã phạm tội đánh giết lính gác để trốn, có đúng không?

Tôi trả lời:

- Đúng, tôi là tù binh bị quân đội Pháp bắt giữ. Nhưng quân đội Pháp đã đối xử khắc nghiệt, ăn mặc, thuốc men thiếu thốn, lại còn khổ dịch cực nhọc, đối xử tàn tệ nên tôi phải trốn.

Nó lại nói:

- Các anh thuộc dưới quyền quản lý của người Pháp, mà tổ chức giết lính để trốn là một hành động phiến loạn, một hành động phạm pháp.

Tôi cãi:

- Chúng tôi không phải là người của quân đội Pháp quản lý, mà là tù binh bị kiểm soát mà thôi, nên bất cứ người tù binh nào cũng có quyền trốn. Trốn là nghĩa vụ của chúng tôi, cũng như sĩ quan, binh lính quân đội Pháp trong Đại chiến lần thứ II đã tìm cách vượt ngục ở nhà tù của quân đội phát xít Đức. Và họ đã được ca ngợi như những người anh hùng.

Một tên sĩ quan quát tháo gì đó, rồi chúng hỏi tiếp:

- Các anh là những kẻ phạm tội, vì sao lại giết những người lính canh giữ các anh?

Tôi trả lời:

- Chúng tôi không có chủ trương giết họ, vì nếu chúng tôi có chủ trương giết lính thì không một người lính nào bị chúng tôi bắt sống, trái lại họ còn được đối xử tử tế.

- Không giết họ sao một số lính lại bị chết?

- Vượt ngục thì phải bắt giữ họ mới đi thoát được. Họ thấy chúng tôi xông vào bắt nên hoảng sợ, nổ súng loạn xạ bắn vào nhau, chứ chúng tôi ban đầu làm gì có súng mà bắn, thậm chí họ hoảng loạn chạy ngã xuống vực mà chết. Việc này những người lính còn sống thấy rõ hơn các ông.

- Người chỉ huy các anh là ai?

- Thực tình thì tôi không biết, nếu các ông cố tình ép thì tôi chỉ còn cách trả lời là người chỉ huy chúng tôi đã hy sinh khi đắm thuyền.

Tối đây, chúng đã chấm dứt việc hỏi cung tôi.

Mọi anh em qua phòng dự thẩm đại loại đều nói như nhau

cả. Bọn chúng không lên được hồ sơ cụ thể. Nghe nói bọn lính bị bắt được gọi lên làm nhân chứng cho vụ án cũng chỉ nói tốt cho chúng tôi. Do vậy, không có căn cứ đưa ra toà xét xử.

Công việc cứ nhùng nhằng như thế đến khi có Hiệp định Giơnevơ thì chúng thôi không hỏi cung nữa. Nhưng cũng phải sau khi đấu tranh tuyệt thực đòi hồi hương, chúng mới đưa chúng tôi về trại tù binh Đông Dương để tổ chức trao trả cho Chính phủ ta.

Vượt ngục không thành phải tiếp tục đối mặt với kẻ thù, 117 anh em chúng tôi đã nếm trải đủ mùi của sự tàn bạo dã man và âm mưu xảo quyệt của kẻ thù, nhưng với khát vọng độc lập tự do chúng tôi đã thể hiện được khí phách hào hùng của tổ tiên Việt Nam đã có truyền thống hàng nghìn năm.

CUỘC VƯỢT NGỤC CÔN ĐẢO NGÀY ẤY

*Nguyễn Văn Đồng***

Đã 60 năm trôi qua, chúng tôi, những người tù năm xưa nay đã trở về với cuộc sống thời bình sau những tháng ngày gian khổ. Trong số những người trở về, nay có người còn người mất, có người tuổi cao sức yếu, nhưng những ký ức vẫn còn đọng mãi trong mỗi người đang sống. Xin kể lại đôi lời về những tháng ngày khó quên ấy để cùng ôn lại những tháng năm đồng cam cộng khổ nhưng oanh liệt, hào hùng.

Tôi bị bắt ra Côn Đảo vào năm 1950 khi đang là huyện đội trưởng, cũng là một trong những người đầu tiên bị đày ra nơi đây. Câu chuyện của tôi gắn liền với công việc làm con đường từ Đầu Mom ra Vũng Đầm, do đồng chí Phan Du phụ trách. Với chủ trương làm con đường từ trung tâm đảo qua Bến Đầm, tạo thành vành đai vòng quanh, bảo vệ đảo, bọn cai tù điều 100 người chúng tôi ra đây dựng lều trại, ăn ở tại chỗ, không được về. Việc thông tin của chúng tôi rất khó khăn, hầu như biệt lập với mọi người. Chúng tôi cũng không được tự do đi lại. Vì thế, chúng tôi vừa làm việc vừa lặng lẽ bí mật làm các công tác

* Tên bài do Ban BT đặt.

† Phó chỉ huy kíp Đầu Mom.

chuẩn bị được giao như đào hầm, làm thuyền, tính toán lựa chọn đúng mùa gió chướng thuận lợi thì sẽ tổ chức vượt ngục. Khi đủ điều kiện sẽ nổi dậy bắt lính rồi cùng các kíp khác giải phóng đảo. Đó là chủ trương của Đảo ủy. Thế nhưng, chúng tôi chỉ là kíp sau nên luôn phải chờ đợi và rất bị động. Thực ra lực lượng chủ lực ngoài Bến Đầm phải tiến hành trước, chúng tôi là lực lượng yểm trợ tiếp theo. Đầu Mom không được khởi sự - đó là nguyên tắc. Chúng tôi chủ yếu chờ đợi tin tức của Bến Đầm để sau đó tổ chức cuộc nổi dậy bắt lính. Nếu như Bến Đầm và Đầu Mom thắng lợi thì sẽ tổng tiến công vào giải phóng đảo.

Ngày quan trọng đã đến, Bến Đầm bắt đầu nổ ra cuộc chiến với hiệu lệnh của đồng chí Phan Du. Chúng tôi không được dự trận bắt lính ở Bến Đầm nhưng nghe kể lại cũng thấy thật đáng tiếc. Cuộc bạo động xảy ra không có tiếng súng thế nhưng sơ hở lớn nhất của chúng ta là để bị bại lộ. Hiệu lệnh của đồng chí Phan Du vừa dứt, các anh em 3 đánh 1 lao vào bắt lính nhưng trong lúc hỗn loạn đã để một tên Ròsec chạy thoát lên rừng. Ở chỗ Đầu Mom chúng tôi cũng xảy ra tình trạng đó. Ngay khi có người đưa tin thông báo đã đến lúc khởi sự, chúng tôi tổ chức nổi dậy. Anh em chúng tôi có 100 người tấn công 7 tên lính.

Hôm đó, khi 11h30 được nghỉ trưa thì có người ở ngoài Bến Đầm vào báo tin, tình huống đó vô tình bị bọn chúng nghi ngờ. Và khi chúng tôi lao vào, chúng đã sẵn sàng có súng trong tay và bắn một đồng chí bị thương. Đánh mất yếu tố bất ngờ là điều khiến cho cuộc nổi dậy của chúng tôi bất thành. Tất nhiên cuối cùng thì chúng tôi cũng bắt được 2 tên lính, có 2 tên bị rơi xuống mom Cá Mập, một tên ở phía trên trốn thoát.

Trước tình trạng để một tên lính trốn thoát, chắc chắn thông tin đã bị bại lộ, không đủ điều kiện giải phóng toàn đảo. Mặt khác, thời tiết lại không thuận lợi, không có gió. Lúc đó chúng tôi được lệnh của Đảo ủy là tiến hành vượt đảo bộ phận. Sau nhiều ngày vất vả chúng tôi đã làm được 5 chiếc thuyền. Chiếc thuyền của tôi là thuyền thứ 5, chiếc thuyền cuối cùng trong chuyến vượt ngục lịch sử đó. Tôi và đồng chí Phạm Quý Tuyền phụ trách. Nhưng thật không may mắn, hai chiếc thuyền số 1 và số 2 đã bị vỡ khi vừa rời đảo chưa qua lớp sóng đất, một số anh em hy sinh, một số bơi lại về đảo. Có lẽ do chiếc thuyền đã để quá lâu, sóng đánh mạnh nên bị vỡ từng mảng, nước vào không sao tát kịp. Còn thuyền của tôi, chiếc thuyền chiến đấu, được làm bằng vải lót lấy từ áo quân, áo mưa của lính, khâu lại bọc thuyền... nên có phần dẻo dai hơn. Lênh đênh trên biển 1 ngày, cho đến sáng ngày 13/12, ba chiếc thuyền còn lại tiếp tục cuộc hành trình hướng về đất liền. Trong chuyến hành trình trên biển này, chúng tôi được nghe rất nhiều thông tin chiến thắng của quân ta ở đất liền. Niềm vui trào dâng, anh em ai ai cũng mong muốn sớm thoát khỏi đây để được cầm súng chiến đấu. Chúng tôi còn nghĩ đến câu chuyện sẽ tiến thẳng vào miền Nam, nhập vào đoàn quân chiến đấu đến ngày toàn thắng. Vì thế anh em bàn nhau sẽ lập một trung đoàn chiến đấu để khi vượt đảo thành công sẽ cùng hòa vào không khí chiến đấu của đất nước những ngày tháng rực lửa đó. Nhưng những dự định tốt đẹp đó chưa thực hiện được thì chiều ngày 14 chúng tôi bị địch phát hiện và bắt lại khi đang lênh đênh giữa biển. Nhớ lại cảm giác lúc đó, tôi vẫn bị ám ảnh với một nỗi xót xa vô cùng tận.

Một chiếc tàu chiến của địch áp sát thuyền, chúng bắt anh em bỏ hết vũ khí, quần áo, rồi đưa một chiếc thang dây từ đầu tàu thả xuống bắt chúng tôi leo lên. Lúc đó phải thật khéo léo và cẩn thận nếu không rất dễ bị rơi xuống biển, chết mất xác. Thuyền của tôi chỉ có 35 - 40 người, khi địch phát hiện, chúng dồn chúng tôi vào bên cạnh hố neo, anh em rét run cầm cập vì lạnh buốt. Sau đó tàu đưa chúng tôi về trung tâm đảo, cách Cầu Tàu khoảng 20m, kê một sà-lan 50 tấn sát tàu, chúng bắt tất cả anh em phải nhảy xuống. Từ boong tàu đến sà-lan có độ cao 5m, bọn lính đứng hai hàng lăm lăm roi và gậy để đánh đập thẳng tay, tra tấn chúng tôi hết sức dã man, không thương tiếc.

Tôi là người nhảy đầu tiên, bị chúng đập một gậy ngất lịm. Sau đó lần lượt các anh em nhảy theo. Tôi được anh em xóc nách kéo về đến trại giam thì tỉnh, thấy máu chảy tứa ra... Lần đó mấy chục người vỡ đầu, 5 - 7 người gãy tay. Xung phong và ăn đòn đầu tiên nhưng do ngất đi nên tôi không bị đau đớn. Thất bại trong lần vượt ngục này, chúng tôi vẫn nghĩ đến cơ hội vượt ngục tiếp theo, không hề chùn bước... Với chúng tôi không có con đường nào khác, một là sống hai là chết, con đường vinh quang nhất là con đường vùng lên chiến đấu. Nhưng cơ hội không có nữa, chúng tôi bị giam ở lao 1 mấy tháng rồi đưa về khám Chí Hòa để ra tòa án binh.

Vậy là cuộc vượt đảo ấy đã đi qua 60 năm nay rồi, tôi vẫn còn bồi hồi khi nhắc đến. Ngày ấy 81 đồng chí đã ngã xuống lòng đại dương mênh mông, để lại nỗi tiếc thương cho anh em, đồng chí. Nỗi xót xa ấy đến hôm nay vẫn còn đọng đầy trong lòng những người còn sống như chúng tôi. Nghĩ đến những người anh em đã ngã xuống, nghĩ đến tinh thần quyết tử vì đất

nước, vì tự do, tôi vẫn thấy tự hào. Tôi coi những người bạn tù còn thân hơn anh em ruột thịt, quý trọng hơn họ hàng bởi chúng tôi đã cùng nhau trải qua những ngày tháng tưởng như không còn được sống nữa. Chúng tôi đã sống những ngày tháng thực sự gian khổ nhưng vẻ vang, oanh liệt. Chúng tôi dám sống hết mình, chiến đấu hết mình để vượt qua. Dẫu không toàn thắng nhưng cuộc vượt ngục năm xưa đã đánh dấu một mốc son đáng nhớ cho những người tù Côn Đảo. Hôm nay, khi đất nước được bình yên, chúng ta được sống một cuộc sống tốt đẹp, ơn Đảng, ơn Bác vẫn còn là ngọn đuốc soi đường cho mỗi chúng ta... Tôi vẫn kiên định niềm tin vào Bác Hồ, vào Đảng, vào chế độ.

Tôi mong muốn được trở lại Côn Đảo một lần nữa, được thăm lại những dấu tích của một thời đã đi qua, một thời anh em chúng tôi gắn bó, sát cánh cùng nhau, chiến đấu hết mình cho tự do độc lập hôm nay.

CÔN ĐẢO - BẢN ANH HÙNG CA

*Nguyễn Văn Hậu**

Tôi tên là Nguyễn Văn Hậu cựu tù chính trị Côn Đảo thời kỳ 1945 - 1954 hiện là phó trưởng ban thường trực Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo thành phố Hà Nội.

Đêm ngày 18/01/1950, chúng tôi đánh sân bay Bạch Mai - Hà Nội phá hủy 25 chiếc máy bay, đốt cháy kho xăng dầu và đạn dược, làm nức lòng quân dân Hà Nội. Sau đó bọn địch lồng lộn điên cuồng trả thù, dùng xe tăng, lính bộ binh tấn công vào các làng xung quanh khu sân bay Bạch Mai như làng Phương Liệt, Định Công, Khương Thượng, Lũ v.v..., để đàn áp trả thù bộ đội và du kích của Việt Minh. Do đó đêm ngày 26/01/1950, trong đơn vị của chúng tôi có một số đồng chí bị bắt, trong đó có tôi. Sau hai tháng chúng đưa đi tra hỏi nhiều nơi và cuối cùng thì chúng đưa tôi về giam ở nhà tù Hỏa Lò chờ ngày ra tòa án binh Pháp xét xử. Sau khi xét xử, chúng tuyên án tôi tù chung thân khổ sai đầy đi Côn Đảo.

Chi bộ Đảng trong nhà tù Hỏa Lò biết chúng sắp đưa một số tù án nặng từ 20 năm đến chung thân đi đầy Côn Đảo, do đó, chi bộ Đảng tập trung cho chúng tôi học tập chính trị:

* Phó ban thường trực, Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo tại Hà Nội.

“*Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*”, lời kêu gọi của Bác Hồ, tình hình chiến sự trên khắp chiến trường và chế độ hà khắc, đàn áp, khủng bố ở nhà tù Côn Đảo để rèn luyện ý chí, kiên cường. Côn Đảo là một trường học lớn của các chiến sĩ cách mạng.

Sau bốn tháng giam tại nhà tù Hỏa Lò đến ngày 4/4/1950 tôi cùng 65 đồng chí từ nhà tù Hỏa Lò bị đày đi Côn Đảo. Được chuẩn bị tinh thần chịu đựng chu đáo, đặc biệt đợt này đi có các đồng chí trong cấp ủy (đồng chí bí thư Hoàng Nam), các đồng chí đảng viên nên tôi tin tưởng và vững vàng vào cuộc chiến đấu mới. Sau bốn ngày lên đênh trên tàu biển đến Sài Gòn, chúng đưa chúng tôi về giam tại Khám Lớn Sài Gòn một tháng để tra hỏi tiếp và làm lại hồ sơ phân loại. Biết chúng tôi là tù chính trị có án, lại từ miền Bắc đưa đi đày Côn Đảo, nên chúng liệt vào loại tù nguy hiểm, có chế độ đối xử hà khắc, thâm độc, khổ sai, nặng nhọc, đánh đập rất dã man.

Qua một đêm nằm dưới hầm tàu biển, 5 giờ sáng, chúng đưa lên Cầu Tàu 914 Côn Đảo, xích tay hai người một xếp hàng. Vòng ngoài chúng bố trí một đội quân cai ngục cầm sẵn roi củ mây, roi đuôi cá đuối, roi da chuẩn bị sẵn sàng chờ lệnh để uy hiếp. Một tên quản người Pháp nói rất to:

- Chúng mày biết đây là đâu không?

Không ai trả lời.

- Đây là Côn Đảo. Có nghĩa đây là ngục tù Côn Đảo. Chúng tao muốn cho chúng mày sống được sống, cho chúng mày chết là chết, không ai can thiệp.

Thế là trận mưa roi tới tấp dội vào đầu vào chân chúng tôi từ đầu Cầu Tàu về đến hè khám 6 lao I.

Chúng bắt cởi hết quần áo ra và nằm xuống, không ai nằm cứ đứng thẳng. Chúng hô cúi đầu xuống, không ai cúi. Bắt đầu, bọn chúng đàn áp phủ đầu bằng cách vật ngã chúng tôi xuống, đập chân giày lên mặt, lên bụng, lên ngực, lên đầu, máu chảy lênh láng ở hè, sau đó chúng kéo từng người vào khám. Vì phải đối phó một trận chiến đấu căng thẳng, quá đau đớn và mệt nên nhiều đồng chí ngất lịm đi không còn biết gì. Vào khám xong chúng khóa cửa lại và cả ngày hôm đó chúng không cho ăn uống gì. Nhưng chúng tôi vẫn chuẩn bị tư cho thế trận chiến ác liệt thứ ba.

Toàn thân đờn đau, mắt sưng, máu chảy ròng ròng, chân tay tê cứng nhưng được nghe tiếng nói của liên đoàn tù nhân Côn Đảo qua cửa khu vệ sinh: “Các đồng chí cố gắng đoàn kết chịu đựng, đây mới chỉ là đòn phủ đầu của chúng nó thôi”. Các đồng chí lãnh đạo đoàn tù Hỏa Lò ra Côn Đảo đọc thư của Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo. Từ đó, chúng tôi gia nhập Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo và nhận mọi nhiệm vụ của Liên đoàn phân công.

Sau một tháng chúng chuyển chúng tôi sang lao II khám 6. Ở đây được liên đoàn đặt tên là khu Hoàng Sâm. Còn bọn cai ngục thì phân chúng tôi hàng ngày đi làm công tác chỉ tồn cụ thể:

1. Bốc hàng khi có tàu biển chở hàng ra đảo.
2. Đi lấy san hô khi nước thủy triều xuống.
3. Vận chuyển xăng dầu lên cây đèn biển bên bãi Cạnh cao 1.000m.

Một trong những nhiệm vụ trung tâm của Đảo ủy nhà tù và Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo là việc giải thoát khỏi chế độ nhà tù khắc nghiệt đầy đau khổ này. Tư tưởng vượt ngục là điều thường trực trong mỗi tù nhân.

Mỗi mùa gió chướng tù nhân thường kết bè hạ thủy và vượt ngục. Đây là một hình thức đặc thù của các chiến sĩ yêu nước cách mạng, là cuộc chạy đua giữa tính mạng và tử thân. Nhưng không có hiểm nguy nào ngăn được ý chí vượt ngục để trở về đất liền tiếp tục kháng chiến của các chiến sĩ cách mạng. Xà lim, xiềng xích, khảo tra, đánh đập của nhà tù đế quốc chỉ thêm nung nấu tinh thần khát vọng vượt ngục của người tù.

Nhiều chuyến vượt ngục thành công như các chuyến:

- Cửa anh em Sở Củi ngày 5/8/1947
- Cửa anh em Sở Tiêu ngày 15/11/1947
- Cửa anh em Sở Rẫy An Hải ngày 11/1/1948
- Cửa anh em Sở Bản Chế ngày 11/2/1948
- Cửa anh em Sở Lưới ngày 8/5/1948

Tất cả đều tổ chức vượt ngục theo từng nhóm người, hoặc cá nhân thành công và không thành công.

Đầu mùa thu năm 1948, Cao ủy Bô-la-e (Émile Bollaert) ghé thăm Côn Đảo, các chiến sĩ cách mạng chủ trương mở một cuộc đối thoại trực diện với Bô-la-e, đã đọc bản cáo trạng tố cáo tội ác của nhà tù Côn Đảo, đòi cải thiện đời sống vật chất lẫn tinh thần cho anh em tù chính trị Côn Đảo, kết quả chúng phải nhượng bộ.

Bước sang năm 1952, tình hình cuộc kháng chiến ở đất

liền có nhiều dấu hiệu bất lợi cho thực dân Pháp, chúng tiếp tục đưa một số tù binh và tiến hành các vụ tử hình tù nhân tại Côn Đảo trong số đó có đồng chí Võ Thị Sáu.

Theo kế hoạch của chúa đảo Giắcty (Jacty) quyết định đưa lực lượng tù binh mở con đường ra Bến Đầm. Làm được con đường này thì sẽ kéo dài con đường vòng phía tây của đảo qua đèo Ông Đụng đến sân bay Cỏ Ống ngày nay. Con đường này hoàn thành rất có lợi cho địch, chúng sẽ kiểm soát toàn bộ phía tây hòn đảo là điểm xuất phát phần lớn các cuộc vượt ngục.

Cuối tháng 5/1952, địch đưa một kíp tù binh hơn 100 người ra mở đường từ mũi Cá Mập ra Bến Đầm... Vì ở xa đảo chúng cho tù binh lập trại ngay tại thung lũng để ăn ở và bóc lột sức lao động tối đa. Đồng thời địch điều một lực lượng lính Âu - Phi mạnh nhất ra canh giữ nghiêm ngặt. Cũng trong thời gian này địch đưa một kíp tù binh thứ hai gồm 100 người lao động khổ sai rải đá đoạn đường từ Sở Đá ra mũi Cá Mập. Kíp này sáng đi tối về.

Lúc này kẻ địch đã đưa một lực lượng tù binh đáng kể ra khỏi nhà lao làm lao động ở một địa bàn có lợi cho ta, đây là thời cơ có một không hai. Đảo ủy nhanh chóng phác thảo một phương án táo bạo vũ trang chiến đấu, cướp đảo giải phóng toàn bộ tù nhân. Phương án này đã được tập thể Đảo ủy họp và phân tích: ta có thời cơ thuận lợi, phải nắm lấy; ta đông hơn địch và tinh thần mạnh hơn hẳn địch.

Địch có trên 200 tên gồm 104 lính Âu - Phi, 10 sĩ quan và thủy thủ Pháp, 47 gác-điêng là người Âu còn lại là người Việt.

Ta có 2.287 tù nhân gồm 1.739 tù án, 548 tù binh có ý chí cách mạng cao, có quyết tâm chiến đấu để giải phóng, có nhiều hiểu biết về quân sự, có trình độ tổ chức, có kinh nghiệm chiến đấu. Nếu có cách đánh thích hợp, tay không có thể bắt địch cướp vũ khí, kẻ địch chỉ mạnh khi có vũ khí trong tay. Nếu vũ khí đó bị quân ta tước đoạt thì quyền làm chủ toàn đảo là của ta chứ không phải là địch nữa.

Lực lượng vũ trang ở Bến Đầm là chủ lực chiến đấu, phải chớp nhoáng gom tất cả sĩ quan và lính Âu - Phi, bắt sống toàn bộ, không nổ súng để giữ bí mật cho toàn đảo. Diệt xong, để một bộ phận ở lại canh giữ tù binh, đồng thời dỡ hầm đưa toàn bộ phương tiện cơ giới lao thẳng về trung tâm diệt trại lính. Lực lượng vũ trang này do đồng chí bí thư Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo cùng với các đồng chí đảo ủy viên phụ trách quân sự chỉ huy.

Một số đảo ủy viên trực tiếp chỉ huy mũi xung kích đánh chiếm dinh chúa đảo bắt toàn bộ gác-diêng, thầy chú...

Mũi xung kích khác của Sở Chỉ Tồn đánh chiếm đài vô tuyến điện và chiếm tàu hàng của địch làm phương tiện chuyên chở tù nhân về đất liền (mũi này khu Hoàng Sâm của chúng tôi đảm nhiệm).

Các đơn vị chiến đấu, các ê kíp (trại lính), lao I, lao II, lao III, làm rừng, Sở Lưới, Sở Củi, biệt lập đều làm nhiệm vụ diệt địch tại chỗ và hỗ trợ, chi viện cho các mũi tấn công khi gặp khó khăn. Mỗi đơn vị đều có cấp ủy Đảng và ủy viên quân sự có kinh nghiệm phụ trách.

Lương thực, thực phẩm chuẩn bị từ ba đến năm ngày, đề phòng gió quẩn tàu thuyền không cập bến đất liền đúng thời hạn. Lấy song, mây tre làm khung thuyền, đào hầm cất giấu phương tiện, tháo rời, chuyển toàn bộ quần áo đã cất giấu làm vải bọc thuyền, làm buồm và các loại phao...

Bộ phận quân khí gấp rút rèn các mũi mác... để trang bị cho các đơn vị chiến đấu.

Đơn vị chiến đấu ở Bến Đầm phải đánh nhanh chắc thắng, nắm bắt thời cơ khi “thiên thời - địa lợi - nhân hòa”.

Đảo ủy phân tích các điều kiện chủ quan có thể đảm bảo cho thắng lợi và quyết định sẽ khởi sự cuối tháng 12 khi gió chướng thổi đều. Nhưng điều kiện khách quan không hoàn toàn theo ý muốn nên các phương án vũ trang phải đặt ra nhiều tình huống và giải pháp linh hoạt khác nhau, khi nổ ra cuộc chiến đấu tổn thất hy sinh, có thành, có bại và ngày khởi sự đã đến. Đợt gió chướng đã thổi về. Đúng 11 giờ trưa ngày 12/12/1952 chiếc khăn lệnh buộc trên đầu đảo ủy viên quân sự Phan Du từ Bến Đầm vung lên và quay vòng tròn cùng tiếng hét xung phong đồng loạt của đội xung kích quyết thắng. Toàn bộ sĩ quan và lính Âu - Phi ở Bến Đầm bị trói gọn, thu tất cả vũ khí, không phải nổ phát súng nào.

Trong khi đó, kíp Đầu Mom (mũi Cá Mập) do không bám sát địch nên đã để xảy ra vật lộn và nổ súng, địch bị chết hai tên, ta hy sinh một đồng chí, nhưng một tên địch chạy thoát vào rừng. Trận đánh ở Đầu Mom đã diễn ra ngoài dự kiến.

Vào thời điểm này gió lặng dần, đồng chí bí thư Đảo ủy cùng các đồng chí lãnh đạo khu vực Bến Đầm có cuộc hội ý

cấp tốc và quyết định không đánh về trung tâm Côn Đảo, chuyển theo phương án 2 giải thoát bộ phận.

Ta đã làm tốt công tác binh vận và đã giải thích cho số lính Âu - Phi bị bắt sống về chủ trương vũ trang chiến đấu giải phóng tù nhân Côn Đảo và chính sách nhân đạo đối với tù hàng binh. Ta trả lại cho họ đầy đủ tư trang, cho họ ăn uống đầy đủ và họ chịu trối lại để tù nhân vượt biển. Tên sĩ quan người da trắng rất cảm động xin tặng các chiến sĩ ta một chiếc la bàn và một tấm bản đồ.

Đúng 16 giờ ngày 12/12/1952, ta dùng ô tô của địch chở thuyền và người ra tận Bến Đầm và năm thuyền lớn có đủ buồm chèo, hạ thủy an toàn. Cuộc vượt biển bắt đầu.

Không ai tính được tình huống bất ngờ ập đến. Sau khi năm thuyền ra khơi gió lặng dần rồi đổi hướng đột ngột, cả đoàn thuyền chật vật suốt đêm chưa qua được lớp sóng đất. Hai thuyền bị vỡ cách bờ không xa, đã chìm ngay tại chỗ, một số bơi được vào bờ, một số do sức yếu bị cảm lạnh đã chìm ngay tại chỗ.

Còn 3 thuyền đi được đến mờ sáng ngày 13/12/1952 thì bị ngấm nước. Nhiều đồng chí tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh cho nhẹ thuyền để bảo vệ lãnh đạo và những anh em còn lại. Nhưng thuyền vẫn bị nước vào ào ào, một số đồng chí khác tiếp tục tự nguyện nhảy xuống biển, trong đó có đồng chí Văn Bí thư Đảo ủy đã hy sinh anh dũng.

Thực ra bọn địch ở đảo không hay biết về cuộc chiến đấu của ta ở Bến Đầm. Chúng chỉ biết lúc 17 giờ cùng ngày không thấy xe ô tô chở kíp làm đường về, chúng mới hốt hoảng cho

người đi tìm, mới biết tù nhân đã vượt ngục, lập tức chúng báo động toàn đảo. Chúng khóa chặt tất cả các khám, cho lính tăng cường bố phòng. Riêng các căng tù binh thì chúng xả súng vào các khám để uy hiếp tinh thần. Mặt khác chúng điện về đất liền cho máy bay, tàu chiến ra chi viện lùng sục khắp đảo để bắt số người sống sót vào bờ.

Cuộc chiến đấu giải phóng tù nhân ở Côn Đảo ngày 12/12/1952 tuy không thành công và phải chịu nhiều tổn thất, 81 đồng chí đã hy sinh còn trên 100 đồng chí bị bắt lại chịu bao cực hình tra tấn, cùm kẹp dã man tàn bạo, nhưng những người tù chính trị Côn Đảo thời kỳ 1945 - 1954 đã rất tự hào. Cuộc vượt ngục đã góp phần chia lửa trên khắp chiến trường. Quân viễn chinh Pháp phải huy động hai trung đoàn cơ động, có không quân, hải quân tăng cường phòng vệ ngoài khơi Côn Đảo suốt ba tháng liền. Trong khi đó, quân ta liên tiếp mở những cuộc tiến công chiến lược trên khắp chiến trường Đông Dương.

Cuộc chiến đấu ngày 12/12/1952 đã giáng một đòn tiến công vào tận sào huyệt của kẻ thù, làm rung chuyển và rối loạn bộ máy thống trị của chúng.

Kế hoạch cuộc vượt ngục Côn Đảo giải thoát toàn bộ tù nhân Côn Đảo là một cuộc biểu dương lực lượng cách mạng với tinh thần chiến đấu hy sinh rất cao, thể hiện ý chí tự cường, độc lập. Cuộc chiến đấu của các chiến sĩ cách mạng có lãnh đạo, có chủ trương, có kế hoạch bài bản và quy mô, có chính sách, có công tác dân vận, địch vận chu đáo. Ngay sau đó các tờ báo lớn của Pháp ở Pari như tờ *Le Figaro*, *Paris Match* - đã

phải dâng tin và ca ngợi cuộc vượt ngục Côn Đảo của tù binh Việt Minh.

Về phía địch, cuộc chiến đấu này là dấu hiệu của sự thất bại cay đắng trong chính sách tàn bạo đối với tù nhân. Tinh thần binh lính địch bạc nhược trở thành tù binh của những người tù kháng chiến.

Trong trận chiến đấu này phía ta mới sử dụng có 1/10 lực lượng. Nếu như 9/10 lực lượng trên toàn đảo đồng loạt hành động chắc chắn việc chiếm đảo, cướp tàu, giải phóng tù nhân sẽ thắng lợi hoàn toàn.

Tôi có một nguyện vọng tha thiết, sau này trong nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự sẽ nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm, phân tích và rút ra những kết luận làm bài học từ cuộc vượt ngục Côn Đảo này.

BÁO *PHÁ NGỤC* TRONG NHÀ TÙ CÔN ĐẢO VÀ CUỘC VƯỢT NGỤC LỊCH SỬ NGÀY 12/12/1952

Đặng Đức Hòa
(Biệt danh “Cơ còi”)*

Ngay sau khi nổ ra cuộc vượt ngục của hơn 200 tù chính trị Côn Đảo ngày 12/12/1952, một tờ báo uy tín xuất bản tại Pari nước Pháp đã nhận định: “Đây mới là tia chớp báo hiệu trước một trận động đất trong hệ thống thuộc địa của Pháp ở Đông Dương”. Góp phần vào làm nên “tia chớp” ấy có “binh chủng tư tưởng”, mà hiện thân của nó là tờ báo mang tên *Phá ngục*, tờ báo do chính những người tù Côn Đảo đã cho ra đời trong những năm tháng gian khổ, khốc liệt ấy.

Báo *Phá ngục* ra đời vào khoảng đầu năm 1952. Đây là lúc địch tăng cường thiết lập các vành đai trắng, điên cuồng càn quét, khủng bố hòng ngăn chặn bước tiến của quân ta. Trong bối cảnh đó, nhà tù Côn Đảo cũng chịu sự tác động của tình hình chiến sự, trở nên quá tải khi ngày càng phải đón nhận nhiều hơn những đoàn tù từ đất liền, trong đó có đoàn tù binh

* Nguyên phụ trách biên tập báo *Phá ngục* thời kỳ 1951 - 1952.

dầu tiên đến Côn Đảo vào tháng 4/1951. Chính số tù binh này đã làm cho lực lượng tù ở Côn Đảo thay đổi về chất và làm cho bọn cai ngục buộc phải tăng cường các biện pháp xiết chặt an ninh, thực hiện bố phòng nghiêm ngặt vì lo sợ những cuộc bạo động vượt ngục có thể xảy ra.

Tháng 5/1952, sau khi tăng cường một lực lượng lớn lính Âu - Phi, các phương tiện tàu thuyền, súng, đạn bọn địch ở Côn Đảo lập ra hai kíp tù binh lao động, mỗi kíp 100 người để làm một số công trình hạ tầng, đặc biệt là con đường ôm vòng quanh đảo nhằm kiểm soát toàn bộ khu vực phía tây, nơi xuất phát phần lớn các cuộc vượt ngục. Vì làm đường xa khu giam giữ, địch cho một bộ phận tù binh được làm lán trại ăn ngủ tại chỗ. Nhận thấy thời cơ thuận lợi, Ban Chấp hành Đảng bộ Côn Đảo (Đảo ủy) đã nhanh chóng thảo luận, đưa ra quyết định về một cuộc vượt ngục tập thể giải phóng toàn đảo hay chí ít cũng giải phóng một bộ phận trở về đất liền tiếp tục chiến đấu. Mọi công việc được chuẩn bị từ quân sự, hậu cần, các phương án tác chiến đến công tác tư tưởng... được tiến hành với khí thế khẩn trương và bí mật tuyệt đối. Báo *Phá ngục* - một phương tiện tuyên truyền có đóng góp quan trọng trong quá trình chuẩn bị vượt ngục cũng “lên sàn” trong những ngày sôi sục ấy.

Một điều thú vị là mãi đến tận bây giờ nhiều người tù Côn Đảo năm xưa vẫn không hề biết rằng có một tờ báo như thế đã “sống hiên ngang” giữa chốn “Địa ngục trần gian”, mặc dù họ từng được “đọc” đến thuộc lòng nội dung của nó. Chuyện thật khó tin. Nhưng chính cái điều khó lý giải ấy đã làm nên huyền

thoại của báo *Phá ngục*, vượt trên cả tâm suy xét và trí tưởng tượng của kẻ thù. Vào thời điểm đó, bọn cai ngục luôn rình rập, khủng bố đã man những người cầm tù. Chúng sử dụng cả một lực lượng tù gian... làm tay sai. Chỉ cần sơ hở nhỏ là phải trả giá không chỉ bằng sinh mạng của nhiều anh em tù mà còn làm phá sản kế hoạch vượt ngục từ trong trứng nước. Bởi vậy quyết định ra báo phục vụ nhiệm vụ chính trị táo bạo, nhưng đòi hỏi phải cẩn trọng và không được phép sai sót.

Sau khi suy tính thật chín muồi, Ban Biên tập báo *Phá ngục* do tôi (Đặng Đức Hòa - tức “Cơ còi”) phụ trách, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảo ủy đã cho ra đời số báo đầu tiên ngay trên nền nhà giam ở phòng 6, banh 2 (vì thế còn được gọi là *báo nền* hay *báo sàn*). Họa sĩ trình bày báo là ông Phạm Văn Tiêu, một người thợ cắt tóc quê ở Quảng Ninh, giác ngộ cách mạng trong tù. Hàng ngày đi lao động khổ sai, ông Tiêu đã bí mật nhặt những mẩu vôi vụn (được nung từ san hô) ở lò vôi để mang về làm phấn viết. Ban biên tập của tờ báo gồm 10 chiến sĩ cốt cán trong tù. Báo xuất bản một tuần/kỳ. Thời gian làm báo là từ 10h đêm đến 1h sáng. Các bài viết được trình bày ngay trên sàn nhà vệ sinh. Mọi người thay nhau đọc đến khoảng 4h sáng thì một nhóm lấy hai bao tải đắp nước, kéo lê vài lần là chữ trên nền nhà sạch sẽ. Đến trước khi cai ngục mở cửa cho tù nhân ra ngoài vào buổi sáng thì mọi thứ đã được xóa sạch không còn dấu vết. Từ thứ 2 đến thứ 5, tờ báo được luân chuyển lần lượt trình bày trên nền phòng giam các phòng. Thứ 6, 7 dựa vào những chỉ đạo của Đảo ủy, ban biên tập sẽ lựa chọn tin tức, bài viết, thơ ca lên mặt báo số tiếp theo. Ngày chủ

nhật, ban biên tập hội ý và sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cùng anh em. Trong văn nghệ có ca hát, đọc thơ, giải trí, ca ngợi cách mạng, kêu gọi anh em tù nhân giữ vững khí tiết, tin tưởng về đường lối của Đảng ủy. Hoạt động đó làm anh em phấn khởi, quên đi sự khổ cực của nhà tù. “Dây chuyền xuất bản” làm việc có tổ chức chặt chẽ, ăn ý và bí mật nên trong suốt thời kỳ tồn tại địch đã không biết đến sự có mặt của tờ báo. Vì ở trong hoàn cảnh hết sức đặc biệt với những nguyên tắc bảo mật khắt khe nên số lượng độc giả trực tiếp của báo *Phá ngục* không nhiều. Những người tù chủ yếu cập nhật thông tin qua kênh “truyền miệng”, được chuyển thể sang nhiều hình thức thông tin đa dạng khác như: truyền thanh (khi lao động), diễn kịch, múa hát (buổi đêm khuya, trong phòng giam)... và dưới những hình thức đó những thông tin trên báo cũng được khai thác rất triệt để và nó đi vào lòng người thoải mái, ngon lành như một thứ “com tinh thần” vốn rất thiếu thốn trong môi trường tù ngục.

Vào thời điểm trước khi diễn ra cuộc vượt ngục, nội dung tuyên truyền trọng tâm nhất của báo *Phá ngục* là chuẩn bị tinh thần, tư tưởng cho cuộc vượt ngục. Những chủ trương, đường lối của Đảng ủy được quán triệt sâu rộng đến tất cả mọi người. Cùng với tuyên truyền về chủ trương, đường lối ca ngợi Đảng, Bác Hồ, báo cũng “phát” đi nhiều thông tin phong phú nói về gương chiến đấu bất khuất của các chiến sĩ cộng sản (như Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Thị Sáu...); các tin tức thời sự trên đảo, kể tội bọn tay sai, cai ngục, kêu gọi tinh thần đoàn kết, “phát” các tin, bài bình luận về cuộc kháng chiến trên đà thắng lợi của quân ta và những thất

bại liên tiếp của địch ở các chiến trường. Ngoài ra, còn có các thể loại thơ, ca, hò, vè, các mục châm biếm, đả kích, chuyện tiếu lâm rất sôi nổi, hóm hỉnh... Có thể nói, ở góc độ tinh thần, tờ báo thật sự đã trở thành nguồn động viên, cổ vũ to lớn, tiếp sức cho các chiến sĩ cách mạng vượt lên gian khó, hiểm nguy để chiến đấu, chiến thắng chính mình và kẻ thù xảo quyệt. Ở góc độ chính trị, nó đã liên kết tập hợp được nhiều thành phần thành một khối vững chắc, biến nhà tù trở thành trường học cách mạng, nơi đào tạo, nuôi dưỡng rèn luyện ý chí của các chiến sĩ cộng sản, giáo dục anh em niềm tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ, vững tin cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc nhất định thắng lợi, vào cuộc chiến đấu vượt đảo nhất định thành công, thức tỉnh anh em ý chí tự giải phóng khỏi nhà tù, trở về đất liền tiếp tục chiến đấu, cống hiến.

Trở lại cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952, suốt thời gian chuẩn bị vượt ngục, những người tù luôn phải đối phó với sự dò xét, kiểm tra gắt gao và khủng bố liên miên của địch. Đã có lần chúng đánh hơi thấy dấu hiệu khác thường, cho lính lùng sục, khám xét mọi nơi, nhưng không hề phát hiện được kế hoạch vượt ngục. Trong khi đó, báo *Phá ngục* vẫn bám sát tuyên truyền với những nội dung thông tin ngày càng cấp bách, giục giã hơn. Nó tạo nên một bầu không khí phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm chưa từng thấy ở các kíp tù, trở thành phương tiện hữu hiệu truyền đạt sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảo ủy; là cầu nối thống nhất ý chí, hành động của toàn thể những người tù Côn Đảo. Và ngọn lửa quyết tâm đó đã bùng cháy lúc 11h trưa ngày 12/12/1952, làm nên cuộc vượt ngục lớn nhất

trong lịch sử 113 năm tồn tại của nhà tù Côn Đảo - cuộc vượt ngục mà chỉ dư âm của nó cũng khiến cho toàn nước Pháp chấn động, buộc Chính phủ Pháp phải xem xét lại chính sách đối với tù nhân ở các thuộc địa.

Sẽ không công bằng khi chúng ta nói về sự thất bại và tổn thất của cuộc vượt ngục này mà không đánh giá đúng ý nghĩa và tinh thần bất khuất của nó. Cuộc vượt ngục đã gióng lên lời khẳng định mạnh mẽ rằng: không sự kìm kẹp, giam cầm nào có thể ngăn cản được khát vọng tự do, không thế lực đen tối, bạo tàn nào có thể dập tắt nổi tình yêu quê hương đất nước của con người Việt Nam. Có lẽ, khi viết những dòng này chúng tôi cũng chẳng còn điều gì phải băn khoăn, nếu không biết rằng báo *Phá ngục* vẫn chưa từng được ghi danh trong từ điển báo chí như một loại hình báo chí độc nhất vô nhị - báo “nền” - và chưa hề được biết đến trong lịch sử của báo chí Việt Nam, như một minh chứng cho sự sáng tạo, ý chí quật cường của những chiến sĩ tù chính trị Côn Đảo trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của toàn dân tộc.

BẮT LÍNH

Bùi Xuân Khoát

Tôi đi làm lao động khổ sai ở Côn Đảo, lúc đó, địch đưa tù ra làm con đường ở Bến Đầm. Cả lính gác tù, cả tù khổ sai đều làm lán ăn tại hiện trường. Khoảng 100 người thì đại bộ phận làm nhiệm vụ rải đường. Ngoài ra có hai bộ phận: một bộ phận phục vụ lán lính là lán tù, còn một bộ phận nữa mười người do tôi phụ trách thì đào đất núi làm chất kết dính rải đường.

Đời tù Côn Đảo là sóng gió, đời tù riêng tôi không ít sóng gió, cả về nghĩa đen và nghĩa bóng. Tôi làm chủ tịch ủy ban kháng chiến xã Bình Định (Cẩm Giàng), một xã gần Đường số 5. Ngày 10/9/1948 tôi đi hoạt động bị địch phục kích bắn bị thương, rồi bị bắt. Chúng nhốt tôi ở nhà lao Hải Dương, bị tra tấn như đấm vào bị cát, ngất lịm trong xà lim, tỉnh dậy sờ thấy lạnh lạnh, nhơm nhớp vết máu ở cổ, ở vai mới biết mình còn sống. Không khai thác được gì, nó mang đi bắn. Khi xếp hàng trên đường gần bột Rỗ (Gia Lộc) tôi đã hô anh em cùng tháo chạy thoát chết. Về huyện lại tiếp tục hoạt động. Tôi làm chủ tịch xã, rồi phụ trách tiểu ban địch vận của huyện Cẩm Giàng. Ngày 20/9/1950 tôi về địa bàn hoạt động, lại bị địch bắt lần thứ hai. Khi chúng đưa vào tù, bọn quản ngục ở Hải Dương lắc đầu, không hiểu sao đã giao tù đi bắn bây giờ chúng lại phải

nhận tù vào. Chúng đánh chán cho chết đi sống lại rồi đưa ra đảo vào đầu tháng 5/1951.

Có lẽ vì cái quá khứ được thử thách sóng gió đó mà các đồng chí lãnh đạo ở đây tín nhiệm giao cho tôi làm tiểu đội trưởng phụ trách bộ phận làm đất này. Tôi cố gắng thể hiện sự trung thành của mình để khỏi phụ lòng anh em. Trong trận Bến Đầm tôi cũng đã hoàn thành nhiệm vụ. Các đồng chí giao cho tổ tôi phải bắt sống ba tên lính và tước vũ khí. Chúng tôi đã làm tốt, mặc dầu trong khi vào trận đánh không phải dễ dàng gì, vì trong ba lính phải bắt có một tên da đen rất to khỏe, ba người không vật nổi hắn, vừa tiếp cận phải viện trợ thêm một người nữa là bốn, mà vẫn lẩn bên này, dè bên kia không tài nào bắt được. Tôi đã nhanh trí dùng một nắm cát ném vào mặt hắn, loại hỏa mù đặc biệt này thật hiệu nghiệm. Bị bất ngờ nên tên lính phản ứng lại chậm chạp, chúng tôi mới bắt nổi và tước súng của hắn được.

Ngay sau đó tôi lại vinh dự được ban chỉ huy trận đánh giao cho đi bắt tên quân Boócđơsun, chỉ huy trung đội lính da đen ở đây. Kế hoạch trận đánh đã được vạch ra cụ thể và đã thực thi theo dự kiến. Riêng kế hoạch bắt tên quân đã đặt ra nhiều giả định, vì hắn đi và về không có quy luật nào cả.

Nếu tên quân về trước lính thì bộ phận của ta làm ở lán lính có làm nổi không? Việc này đã bàn kỹ và đã cử thêm người ở nhà để tình huống đó xảy ra vẫn đủ lực lượng giải quyết.

Nếu tên quân không về cùng với lính và đi sau thì sao? Giả định này đặt ra phương án giải quyết bằng cách phân công anh

Hiến (là trung đội trưởng ở Hải Phòng) phụ trách một tổ theo dõi và tổ chức bắt tên quân.

Tình huống diễn ra như giả định thứ hai, nhưng tiếc rằng anh Hiến không hoàn thành nhiệm vụ. Hôm đấy tên quân đi chơi trên núi, khi thấy ta chiến đấu bắt lính, đã đứng trên một gò cao quan sát, khi thấy ta giải quyết gọn chiến trường thì Boócđơsun ba chân bốn cẳng chạy trốn vào rừng.

Ban chỉ huy trận đánh họp chớp nhoáng đặt quyết tâm không để tên quân chạy trốn về trung tâm được, nó sẽ thông báo và huy động lực lượng đối phó, như vậy kế hoạch vượt đảo khó lòng thực hiện được.

Anh Phan Du giao cho tôi phụ trách một tiểu đội đi lùng bắt Boócđơsun. Tôi chọn sáu người theo tôi, trong đó có anh Hiến, anh Khảm (trung đội phó ở Gia Lương - Hà Bắc). Tôi hỏi anh Hiến sao lại để nó thoát. Anh Hiến nhăn nhó nói cự ly xa quá không tiếp cận được, mà nó có súng lắm le định bắn.

Anh Hiến dẫn tôi đến chỗ Boóc đứng quan sát ta bắt lính. Từ đó chúng tôi lần tìm dấu vết các cây cối để phát hiện lối chạy của Boóc. Chúng tôi nhận định Boóc còn lẩn quẩn ở trong thung lũng này thôi. Dựa vào dấu vết chúng tôi chia ra ba mũi tiến vào thung lũng. Thận trọng dò tìm từng bước một. Boóc cũng không ngờ chúng tôi đã theo đúng dấu vết, bất chợt quay lưng lại làm rung động cây ở bụi ẩn nấp. Tôi phát hiện ra và nhanh chóng bắn một phát đạn vào một tảng đá gần đó để uy hiếp đồng thời hô to trấn an tinh thần bắt hấn phải giơ tay đầu hàng. Boóc giơ tay buông súng, hai bên anh em lập tức áp sát

giải hấn về, với chiến lợi phẩm là khẩu súng ngắn và một con dao găm.

Về nơi tập kết tù binh, thật là thú vị, vừa rồi mình là tù binh của hấn, nay hấn lại là tù binh của ta. Nhưng không phải vì thế mà ta có thái độ trả thù những hành động tàn ác mà phía họ đã từng gây ra cho anh em ta. Chúng ta là kẻ chiến thắng, anh hùng và độ lượng. Ban chỉ huy trận đánh cử người ra giải thích cho họ biết: Ta không có ý định làm hại họ, họ là những người lính cũng bị áp bức như ta. Sở dĩ ta phải bắt họ là để phục vụ cho việc vượt ngục mà thôi. Tuyệt đối tư trang của họ không ai đụng chạm tới, quần áo, đồng hồ, tiền bạc v.v... được bảo đảm nguyên vẹn. Đến bữa ăn cũng cho mỗi người một khẩu phần ăn như mọi người. Cuối cùng, họ yêu cầu và vui lòng để ta trói khi chuẩn bị xuống thuyền. Họ cũng biết rằng làm như thế, trách nhiệm về sự kiện này đối với nhà chức trách của họ cũng nhẹ bớt đi.

Trận vượt ngục không thành, anh em bị bắt lại và dịch đưa ra toà án binh ở Sài Gòn để truất quyền tù binh và tìm đầu mối xử một số người nhằm răn đe trong chính sách trị tù. Nhờ sự ủng hộ của anh em tù Chí Hòa, tiêu biểu là đồng chí Sáu Khanh tức Nguyễn Thọ Chân, sự hướng dẫn nội dung, phương pháp đấu tranh trước toà của luật sư Nguyễn Hữu Thọ, nên dịch đã không xử án được. Nhưng cũng phải nói đến một yếu tố rất quan trọng mà toà án binh ở Sài Gòn không lên được bản án, không khép án được ai trong số chúng tôi, đó là hồ sơ bản án không có nhân chứng.

Những người trong cuộc như Boócđosun và đám lính được

gọi lên làm nhân chứng, mặc dầu biết rằng sẽ bị hạ chức, họ vẫn chỉ khai những tù binh ấy là những người tốt, không hành hạ bắn giết ai cả, và bọn Boóc không biết ai là chỉ huy trong trận bắt lính này.

Chúng đã không lên được hồ sơ, không định án được và chúng tôi đã thắng. Quy luật của cuộc đời bao giờ cũng thế: “Trồng cây ngọt thì được ăn trái ngọt”.

Trần Đông ghi

BÍ MẬT ĐÀO HẦM, LÀM THUYỀN VƯỢT CÔN ĐẢO

*Nguyễn Doãn Ky**

Tên tôi là Nguyễn Doãn Ky, quê thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, bị bắt ngày 12/08/1950, khi đang là công an xã, bị đầy đi Côn Đảo tháng 8/1951, ngồi tù ở lao I gọi là “Đoàn tù binh miền Bắc”.

Năm 1952, bọn thống trị nhà tù Côn Đảo mở một con đường từ mũi Cá Mập đến Bến Đầm, chúng sử dụng hai toán tù binh, mỗi toán 100 người là lực lượng khổ sai chính làm con đường này. Đó là thời cơ giải phóng đảo đã đến, các đồng chí Đảo ủy viên trong khối tù binh đã xây dựng một phương án võ trang giải phóng đảo, phương án đó đã được Đảo ủy họp bàn kỹ lưỡng. Sau khi bàn bạc, Ban Chấp hành Đảo ủy đồng ý với phương án.

Cuối tháng 5/1952, địch đưa một kíp tù binh hơn 100 người ra mở đường từ mũi Cá Mập ra Bến Đầm. Vì đảo ở xa, chúng cho tù binh lập lán trại ngay tại thung lũng để ăn, ở và bóc lột sức lao động tối đa lực lượng này vì không phải mất

* Nhân chứng vượt đảo.

thời gian đi và về. Đồng thời, địch điều một lực lượng lính Âu - Phi mạnh nhất của đảo canh giữ, bố phòng nghiêm ngặt. Sau khi bị bắt đi phá đá làm đường ở phía tây Côn Đảo lên đầu mom Cá Mập, kíp tù binh được đưa lên Bến Đâm làm đường quanh đảo. Lúc đó đồng chí Phan Du phụ trách nhóm làm đường, đồng chí Bách và Phan Cơ phụ trách về ngoại giao và thông ngôn với nhà tù cho anh em làm việc được dễ dàng và thuận lợi về mọi mặt. Đây cũng là thời điểm được đồng chí Phan Du nhận định là thời cơ, cơ hội để giải phóng anh em trở về đất liền. Đó là kế hoạch chung của trận đánh, nhưng bộ phận Bến Đâm được quan tâm chỉ đạo hàng ngày của Đảo ủy vì đây là lực lượng xung kích, tiên phong. Cùng một lúc, Bến Đâm phải làm nhiều việc như:

- Làm thuyền vượt biển.
- Đào hầm bí mật.
- Xây dựng lực lượng.
- Tổ chức kỹ - chiến thuật quân sự.

Chính vì thế mà công việc phải làm xen kẽ, vừa đi làm, vừa làm thuyền, vừa đào hầm bí mật. Việc đào hầm được xác định rất sớm nên khi địch cho dựng lán, những người cán bộ quân sự đã chọn gò đất cao, ít đá tảng ngay trong thung lũng giữa mũi Cá Mập và Bến Đâm để làm lán. Đối với địch thì đó là cái sập nằm của tù nhân, đối với ta thì mây song, tre lầy ở rừng về làm phải được ken, đan theo kích thước một cái mê thuyền. Những tấm mê này thì dùng để nằm, thang sập nằm cũng được đẽo sẵn, sửa đi thành bơi chèo, xà nhà thì được làm cột buồm. Các bộ phận của khung thuyền, thanh ngang, thanh dọc đều

đục đẽo khít và lắp gá dưới sập chờ ngày hành sự sẽ nhanh chóng lắp thành thuyền. Ban ngày thì lao động cực nhọc, ban đêm anh em tranh thủ đào hầm bí mật. Đất mới đổ lên được san ra nền lán, rồi được ngụy trang phía trên mặt bằng một lớp sỏi. Hầm đào đến đâu được chống chèo chắc chắn đến đó theo phương pháp chống lò của một số anh em thợ mỏ. Để chuyển được đất ra ngoài, anh em lại cố ý làm sập lán và yêu cầu lính gác được sửa chữa. Việc này được làm vào ngày chủ nhật, nhân đó mà ta chuyển đất ra ngoài.

Bằng cách đó, qua nhiều ngày liên tục anh em đã chuyển được hàng trăm mét khối đất ra ngoài và hàng chục khối gỗ để chống hầm và đóng thuyền. Một số bộ phận anh em khác thì tháo hàng ngàn bộ quần áo từ các khám của toàn đảo gửi đến theo một đường bí mật, khâu lại thành từng tấm lớn rồi quét sơn để bọc thuyền, không sơn thì để làm buồm.

Năm 1952, gió chướng đến muộn, cuối tháng 11 mới có một vài đợt gió thổi, lúc mạnh lúc yếu. Thời cơ khởi sự thắng lợi phải là:

- Gió chướng thật đều.
- Có tàu hàng ra đảo.
- Các đơn vị phải đồng khởi cùng lúc xông lên tiêu diệt địch, đánh nhanh thắng gọn.

Công việc gần như đã hoàn tất, thời cơ tuy chưa thực sự thuận lợi, đầy đủ. Bấy giờ ban lãnh đạo Đảo ủy quyết định cho phép giải phóng bộ phận tù binh. Thống nhất quan điểm, ban lãnh đạo cho phép đúng 11 giờ trưa ngày 12/12/1952 giờ đi làm về đồng chí Phan Du hạ lệnh là khăn quàng cổ phát lên và

chỉ thị cứ bốn người thì bắt một lính Âu - Phi. Chỉ độ mấy phút thì bắt xong một trung đội lính Âu - Phi. Một bộ phận anh em thì cạp thuyền, một số anh em đem quần áo, dụng cụ của lính và đem cơm cho lính ăn rồi giữ ở trong rừng.

Cuộc vượt đảo bắt đầu từ 11 giờ trưa ngày 12/12/1952 đến 3 giờ chiều cùng ngày mới bắt đầu đi được hai chiếc thuyền nhỏ. Ra được chừng 8 cây số đã đắm cả thuyền, các anh em hy sinh gần hết. Trên chiếc thuyền đó còn sống sót có đồng chí Phan Du và mấy lái thuyền. Còn ba thuyền sau thì một thuyền mất tích, hai thuyền sau hơn 100 người đi về phía xuôi nhưng vì điều kiện không có gió, địch lại cho tàu chiến bắt cả hai thuyền cho lên tàu rồi phun xăng đốt thuyền. Cho tàu chở tù về Côn Đảo, cùm chân cả đoàn 24/24. Sau 12 ngày, số người của hai thuyền trước bị đắm còn sống sót bơi được vào các hòn đảo lân cận cũng bị bắt lại là 117 người, số hy sinh trên biển là 81 đồng chí.

Trong chiến đấu với quân thù, với biển cả mênh mông có nhiều tấm gương dũng cảm quên mình hy sinh để cứu đồng đội. Số đồng chí bị bắt trở lại tiếp tục đối mặt với quân thù rất dũng cảm. Trong nhiều tháng, từ dày dạn đến tra tấn rất dã man nhằm khai thác manh mối tổ chức chỉ huy chiến đấu của ta, nhưng kẻ địch đã không biết một điều gì. Sau đó, giữa năm 1953, chúng đưa số tù binh về Khám Lớn Chí Hòa để xử trước tòa án của chúng. Mặc dù bị xét xử trong nhiều ngày nhưng toàn thể anh em trước sau đều không khai gì và được sự bào chữa của luật sư Nguyễn Hữu Thọ nên địch không tìm được chứng cứ cụ thể nào khác, buộc địch phải hủy bỏ phiên tòa. Các đồng chí lại trở về với khối tù binh Côn Đảo.

Sau giải phóng Điện Biên 1954 và có Hiệp định Giơnevơ, tù binh Côn Đảo được giao trả vào ngày 23/9/1954 tại Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Cuộc chiến đấu để tự giải phóng của các chiến sĩ tù chính trị Côn Đảo ngày 12/12/1952 tuy không thành công, chịu nhiều tổn thất nhưng người tù chính trị Côn Đảo chúng tôi đã rất tự hào với tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bất khuất. Ngày đó đã là ngày tạo cho anh em sức mạnh cho sau này trên khắp chiến trường và cũng là đòn đánh mạnh vào tận sào huyệt của kẻ thù, làm rung chuyển cả bộ máy chính quyền của thực dân Pháp ở Đông Dương. Chúng đã phải huy động thêm lực lượng cơ động chiến lược phối hợp trong suốt thời gian dài ở Côn Đảo.

VỤ VƯỢT NGỤC TÙ CÔN ĐẢO NGÀY 12/12/1952

*Phạm Duy Lộc**

Thời gian qua đi đã 60 năm, một khí thế hào hùng, một sự hy sinh vô bờ bến, sự quả cảm tuyệt độ và lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và sự mong ước tự do, đòi lại độc lập, không chịu làm nô lệ cho thực dân đế quốc Pháp còn sống mãi trong lòng những người tham gia vượt ngục Côn Đảo.

Thời gian hơn nửa thế kỷ đã trôi qua mà trong tôi vẫn như còn dư âm hồi hộp tự hào và những hình ảnh anh dũng quả cảm của các chiến sĩ tù binh Côn Đảo tay không bắt giặc làm rung chuyển đến cả hệ thống thống trị, bọn cai tù, gác-điêng và người dân toàn đảo.

Để có ngày 12/12/1952, cần điểm qua về sự hình thành lực lượng tù binh ở Côn Đảo cũng như nhiều đoàn tù, lớp tù từ khắp các miền trên cả nước. Tôi xin chỉ nói đến những gì tôi đã trải qua và được nghe biết.

Sau cuộc diệt gian ở trại tù binh Hỏa Lò vào đầu tháng 7/1952, bọn giám thị trại giam Hỏa Lò gọi tên trên 20 anh em

* Cựu tù nhân chính trị Côn Đảo.

tù binh ở buồng ba và xà lim. Bọn giặc còng tay từng đôi một, vào một buổi chiều, chúng tống chúng tôi lên ô tô che kín và chạy ra ga xe lửa Hà Nội.

Chúng lừa anh em vào toa đen chở bò, lợn vẫn còn phân và rác rưởi bắn thối, hôi thối... Có hai tên lính da đen cầm súng canh gác, chúng chịu không nổi nên phải quay mặt ra ngoài để khỏi phải hít những mùi nồng nặc ấy! Tàu chạy và chở đoàn tù xuống Hải Phòng, chúng nhốt vào cảng Đoạn Xá.

Ở cảng Đoạn Xá, chúng đã giam chúng tôi cùng với đoàn tù ở các tỉnh Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên... Ở cái buồng khoảng trên 20m², bọn chúng nhốt gần 150 người, giữa mùa hè không có chỗ mà nằm. Trên 100 người sống dật dẹo, ăn bốc, ngủ ngời suốt gần mười ngày không có nước rửa mặt, ngay cả nước uống cũng thiếu. Cơm ăn hàng ngày chúng đưa tới, mức mỗi người một muôi, không có bát đĩa gì, ai có gì thì dùng bằng cái đũa, người đưa ống bơ, người đưa khăn, đưa áo để lấy cơm và ăn bốc...!

Đến ngày 14/7/1952, ngày quốc khánh nước Pháp thì bọn địch đưa chúng tôi ra cảng Sáu Kho và nhốt xuống tàu để chở đi đâu cũng chưa ai được biết!... Tàu kéo còi và khởi hành, bọn chúng nhét trên 100 con người xuống đáy hầm tàu. Chỗ đó là cái hầm nằm dưới mặt nước biển, đông người không có chỗ để nằm, chỉ ngồi, thiếu không khí và rất ngột ngạt.

Tàu chạy được hơn một ngày thì các đồng chí ốm yếu, không quen đi biển đều bị nôn mửa và có một đồng chí bị chết ở trên tàu!!!... Bọn chủ tàu cho đồng chí bị chết đó nằm trên một tấm ván lấy dây buộc chặt, một mảnh vải trắng che mặt.

Con tàu, đầu lái chéch về phải bên phải và rúc lên 3 tiếng còi: Tu! Tu! Tu! Đó là lời chào vĩnh biệt một linh hồn! Rồi cái xác của người chết được ném xuống biển! Sau đó con tàu cứ lặng lẽ đi mang theo nỗi buồn gieo nặng vào lòng các bạn tù và những lữ khách trên tàu.

Đoàn tù phải đấu tranh. Đả đảo! Đòi bọn địch cho lên boong, không có thì không biết sẽ còn bao nhiêu người chết nữa. Bọn chúng đành cho anh em lên boong, như thế mới có không khí để thở...

Tàu cứ chạy ngày chạy đêm đến Đà Nẵng thì tạm dừng rồi lại tiếp tục đến Vũng Tàu nghỉ một ngày. Đến đêm tàu chạy ra Côn Đảo. Sáng hôm sau thì cập bến Cầu Tàu, Côn Đảo. Chúng xua anh em bước xuống khỏi tàu, lên bờ là bọn gác-điêng cai tù da trắng, da đen, bọn ác ôn người Việt cứ dúi cui đầu bịt quả bóng nhôm, roi gân bò và dây da, gậy gộc chúng đánh như mưa. Đoàn tù cứ thế chịu đòn cho đến khi về đến trại.

Đoàn tù vào đến trại, bọn chúng gọi là ngục số 3 (bagne III) chưa có một bóng người, trại còn bẩn thỉu, bừa bộn. Bọn địch bắt chúng tôi cởi hết quần áo ra, trần như nhộng, ai chậm chạp thì đòn roi liên tiếp trút xuống đầu, xuống người. Cứ trần truồng như vậy chúng nhốt vào từng buồng quên cả cho ăn bữa sáng. Đến chiều, những người tù áo trắng gánh mấy sọt cơm và cái ăn cho chúng tôi. Khi xới cơm ra mọi người đều trợn mắt để nhìn cơm đen đưng vào trong một thùng gỗ, một chậu nhỏ đựng cá khô có mùi thum thum, rau thì như cỏ, cơm thì cả đời chưa nhìn thấy, gạo có màu đen và có cả thóc lẫn vào không biết bao nhiêu phần? Ăn thì phải ăn từng hột một! Ai ăn chậm thì bị dọn đi, thế là nhịn đói. Còn ai đói quá không chịu

được thì coi như ăn cơm trộn thóc!!!

Tù bọn tôi trần truồng suốt mấy ngày trời, cứ mở cửa ra là roi đòn, cơm không nuốt được thì nhịn đói. Sau đó các đồng chí hạ lệnh tuyệt thực đấu tranh. Ngày hôm sau, bọn giám thị mới cho cơm mầu khác (gạo đỏ) và thóc ít hơn nhiều! Đồng thời phát cho mỗi tù nhân một bộ quần đùi áo cộc màu xanh, sau lưng áo in chữ P.I.M (Prisonnier Internet Militaire) nghĩa là tù binh.

Khi đó tôi còn ít tuổi, sống và sinh hoạt như bộ đội, tổ chức tổ tam chế, ngày đi làm lao động khổ sai, tối về tổ ba người lại kiểm điểm, ngày lại ngày cứ như thế! Những ngày lễ, ngày kỷ niệm thì anh em tù lại tổ chức mít tinh rồi văn nghệ, múa, ca hát, biểu diễn kịch... Có khi tổ chức giữa sân trại, bọn lính da đen xem rất thích thú.

Kỷ luật của chúng tôi rất nghiêm, ai được phân công việc gì làm việc đó. Ai được cho biết đến đâu thì biết đến đó, không được hỏi lại, nên mọi người cứ ngày lại qua ngày.

Nhưng có một sự việc là trong đoàn tù Hà Nội ra Côn Đảo lại có một số là phản động. Đó là các tên Minh, Khiêm, Thiết, Hồng và tên Tú. Bọn này là tay sai của Pháp ở ngoài đời, bọn mật thám và Đại Việt. Khi bọn chủ bắt chúng đi tù, bọn chó săn vẫn trung thành và vẫn làm tay sai cho chủ ở trong tù. Bọn chúng báo cáo những cán bộ cao cấp của Đảng, những lãnh đạo của tù nhân và những hoạt động đấu tranh của tù binh.

Trước tình hình đó Đảo ủy lập tòa án và quyết định xử tử tên Minh và cảnh cáo đồng bọn. Tất cả anh em thi hành án đánh chết tên Minh và các tên khác đều bị cảnh cáo.

Hôm xử lý bọn phản động, một số lính Âu - Phi gác cổng, xả đạn tiểu liên như mưa vào trại, mà các chiến sĩ thì hành án cứ lao vào như bão táp, quyết tiêu diệt bọn phản động, cho hàng ngũ tù binh được trong sạch. Sau trận trù gian ấy, bọn giám thị bắt tất cả các đồng chí lãnh đạo và cán bộ, chúng nhốt riêng biệt gọi là biệt lập, nhốt vào chuồng cọp!!!

Về phía tù cũng củng cố lại tổ chức, các đồng chí lớn tuổi thì đã bị chúng tách ra biệt lập còn tổ chức tù binh được phân công lại, bọn trẻ chúng tôi có một số anh em biết vài ba câu tiếng Pháp được cử làm đại diện từng ê kíp. Tôi lần đầu tiên được tổ chức cử làm đại diện ê kíp làm đá (chef esquipe carriere) thay anh Mạnh tức đại tá Vũ Mạnh Đạo bị đá bắn vào mắt.

Ở kíp carie, hàng ngày tôi được tiếp xúc với tên quản Tây da trắng. Qua trò chuyện được biết hắn là Boócđơsun dân Pari (Parisien) và hắn đã từng là tù binh ở Triều Tiên, nên hắn trông tù cứ ngồi yên một chỗ, kệ tôi muốn điều khiển phân công anh em làm thế nào nó cũng chẳng hề hỏi han gì.

Ở kíp làm đá thì bắn mìn, phá đập đá các đồng chí mình bót dây mìn, bót thuốc mìn... Tôi biết nhưng không dám hỏi chỉ nghĩ cách đối phó nếu lộ ra nó bắt được thì trả lời thế nào, để đỡ bị khùng bố. Nhưng rất tuyệt vời các đồng chí ta tài tình, kẻ thù không hề hay biết gì cả!

Qua thời gian bọn chúa đảo cho giải tán ê kíp làm đá trả tù về trại. Tôi lại được tổ chức phân công làm đại diện ê kíp trại lính (esquipe caserte). Mặc dù ở đâu, cương vị nào tôi vẫn giữ chủ trương của Đảng là binh vận, địch vận, dân vận...

Ở ê kíp trại lính, tôi làm đại diện để giao tiếp với địch, với binh lính và cai tù (mãi về sau tôi mới được biết) nhưng bên trong tôi còn dưới quyền hai đồng chí, một là anh Trương Đăng Dũng phụ trách chính trị viên, một là anh Mịch chịu trách nhiệm về quân sự. Mọi thứ chuẩn bị vũ khí tự tạo do hai anh làm, làm gì, làm như thế nào tôi cũng không được biết và tham gia, theo nguyên tắc và chỉ đạo chỉ tạo điều kiện để các anh làm như lấy xăng, dầu, vôi, chai, lọ... Còn phân công bố trí làm việc theo ý kiến của các anh!!! Như bố trí các đồng chí làm ở gần kho súng đạn, gần lính gác, gần ban chỉ huy của giặc, văn phòng tên quan hai. Ngày lại ngày cứ như thế.

Hôm đó, ngày 12/12/1952 vào khoảng 5 giờ chiều, bọn lính gác trại tù rít còi bắt tôi gọi anh em tập hợp nhanh để về trại. Lúc tập trung xong thế là cứ gây roi chúng đánh tới tấp. Lúc đó tôi còn ít tuổi, thấy chúng khủng bố như thế tức quá. Hô anh em tập hợp, hô đi đều bước một hai... một hai... dưới làn mưa roi đòn của bọn lính da đen. Và tôi cùng anh em hô đả đảo giữa đường. Vợ con cai tù ra cửa nhìn xem đoàn tù hò hét dưới làn roi của lũ da đen. Về trại chúng tập trung tất cả tù nhân, buông nào về buông nấy, điểm danh và khủng bố.

Bọn địch không cho đi làm, hàng ngày cứ điểm danh là khủng bố, roi da, gây gộc đánh liên hồi. Sau đó Đảng ủy trại 3 phải quyết định đấu tranh tuyệt thực dài ngày đòi thực hiện chế độ đối xử với tù binh quốc tế đã ký kết, được ăn mặc, không bị đánh đập dã man theo đúng luật tù binh quốc tế đã ký ở Hội nghị Potsdam. Cuối cùng bọn giặc phải nhượng bộ và cuộc sống của tù binh trở lại bình thường với những ngày lao động khổ sai!

Mãi về sau, chúng tôi dần dần được các đàn anh xì xầm kể lại cho nghe ý đồ vượt ngục, vượt đảo, cướp đảo, giải phóng toàn đảo, giải phóng toàn bộ tù trên đảo. Nếu kế hoạch đó mà thành công thì kíp trại lính của chúng tôi đã được Đảo ủy dự kiến số mười mấy chiến sĩ kết hợp cướp cả trại lính đó là hy sinh toàn bộ. Nhưng kế hoạch không thành công nên kíp trại lính không được vinh dự hy sinh cho toàn cục.

Và sau đó được tin vô cùng đau đớn là thủy lực, không quân của giặc Pháp đã bắt lại toàn bộ những anh em tù không thoát được và 81 đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Cuộc vượt ngục của tù chính trị Côn Đảo đã làm chấn động cả mặt trận Đông Dương, làm cho quân viễn chinh Pháp phải rút bớt quân ở các chiến trường về để bảo vệ biển đảo. Cuộc vượt ngục ở Côn Đảo đã đóng góp một phần nhỏ vào sự thành công của cuộc trường kỳ kháng chiến thắng lợi. Cuộc vượt ngục không thành công nhưng đã chứng minh được rằng:

1. Niềm tin của toàn quân toàn dân đối với sự lãnh đạo của Đảng là tuyệt đối.
2. Các chiến sĩ cách mạng tù đầy sẵn sàng hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc.
3. Cuộc vượt ngục Côn Đảo là một bản anh hùng ca bất khuất của dân tộc Việt Nam.

CHÚNG TÔI VƯỢT NGỤC

*Tô Lương**

Cách đây 60 năm, hồi tưởng lại ngày 12/12/1952, tôi không khỏi xúc động nhớ lại những ký ức không bao giờ quên ấy. Là người trong cuộc, còn sống sót đến nay, có dịp để kể lại cho các đồng chí và các bạn một trong muôn vàn công việc mà tôi được giao nhiệm vụ.

Hồi ấy, vào những năm năm mươi dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch cục diện chiến trường đã có nhiều thay đổi. Biết bao thắng lợi như giải phóng Đông Khê, chiến dịch biên giới phía Bắc như làn gió mát đã lan tỏa tới hòn đảo Côn Lôn. Những luồng tin đó đã tiếp thêm sức sống cho dân tộc nói chung và Côn Đảo nói riêng.

Những năm tháng sống trong lao tù khổ sai, bị đàn áp và kìm kẹp thống trị của nhà tù thực dân, bản lĩnh chiến đấu của những người lính cách mạng với khẩu hiệu kiên trung bất khuất lúc nào cũng sục sôi trong mỗi tù nhân. Đã có nhiều đồng chí, nhiều nhóm trình bày với Ban Chấp hành Đảo ủy - cho phép tổ chức vượt đảo từng nhóm hoặc cá nhân. Lúc này, Ban Chấp hành Đảo ủy cũng vô cùng bức xúc, nhưng với tâm

* Huấn luyện viên quân sự Bến Đầm.

nhìn toàn cục, đã từ lâu ấp ủ trong lòng về đường lối tổ chức mang đầy tính chiến lược, Đảo ủy động viên: kiên trì, nhẫn nại không tổ chức nhỏ, tập trung lực lượng chờ thời cơ “Ta giải phóng toàn đảo”.

Thật là thời cơ hiếm có, bọn thống trị nhà tù chủ trương làm con đường từ trung tâm đảo, qua Bến Đầm vòng lên Cỏ Ống nhằm để tàu bè của chúng vào kế cận đảo và cũng là vành đai bảo vệ đảo. Chúng điều 100 anh em chúng tôi tới nơi gọi là vũng Đầm để dựng lán trại bằng tranh nửa lá, ăn ở tại nơi đồn trú. Còn 100 anh em khác chúng dùng ô tô chuyển từ trung tâm lên đầu mom Cá Mập sáng đi tối về. Bọn chúng đâu có ngờ, chúng đã tạo cơ hội cho cái đầu của người cộng sản không bỏ lỡ thời cơ để tổ chức kế hoạch nhíp nhàng kín đáo và tuyệt đối bí mật cho cuộc vượt ngục Côn Đảo.

Ngoài công tác tư tưởng chính trị nội bộ, gây cảm tình với người lính Âu - Phi; luyện tập kỹ chiến thuật võ trang để tiến tới kế hoạch lớn là giải phóng toàn đảo; việc đào hầm, đóng thuyền là công việc quyết định lớn nhất bao trùm cả kế hoạch vượt đảo.

Cách trung tâm đảo khoảng 14km - cách Bến Đầm hiện nay khoảng 7km là một khoảng rộng tạm gọi là thung lũng, lưng tựa vào núi, mặt nhìn ra biển Đông.

Nhà bằng tranh tre, song mây chiều dài 25m, chiều rộng 6m. Đào 2 chiếc hầm chiều dài 12m, chiều rộng mỗi mặt hầm là 2m. Yêu cầu đào sâu 1,4m. Một buổi phổ biến kế hoạch hành động. Mỗi kíp 3 người làm khoảng 15 - 20 phút thì kíp khác thay thế. Trong sự im lặng tuyệt đối, kể cả nén ho. Âm

thâm lặng lẽ, khi có những điều nghi ngờ, bí mật báo động và đều phải bình tĩnh. Với miếng sắt dài thùng dài khoảng 20 phân, nạo từng tấc đất cho vào vạt áo, các anh em đã hì hục đưa đất đá lên mặt sàn nhà.

Dù có mô tả chi tiết đến đâu cũng không thể nói hết được gian lao, vất vả và tối nguy hiểm mà các anh em thực hiện. Công việc khác nào ngàn cân treo sợi tóc. Bốn bề im lặng trong 4 tháng trôi qua, đưa hàng tấn đất cát lên sàn nhà, lại còn làm sao giữ được độ cao nguyên thủy bảo đảm mọi cảnh quan để quân lính nhìn vào không nghi ngờ gì có sự thay đổi.

Các anh em đào đến đâu lấy gỗ ken khít đến đó, một lớp cỏ, lại rải đất cát và phủ lớp cát khô để nguy trang không lộ cát ướt, có vậy mới yên tâm.

Đã nhiều lần tưởng như thất bại, ngoài đất và cát, luôn luôn gặp những hòn đá to nhỏ, thậm chí có những hòn đá bằng cả cái bàn, có chiều 80 - 90cm hoặc to hơn. Có đồng chí đã gục vào hòn đá, nước mắt như mưa, nghĩ đến cảnh thất bại mà đau lòng, công lao tiêu tán, thất bại phải chăng là đây? Không! Không thể khuất phục! Một tiếng nói nhỏ, tiếng nói thầm trong đêm khuya đã vang trong lòng mọi người mắt sáng như sao khuê “khoét sâu dưới lòng đất, nạo doãng chân đá”. Âm thầm nín thở lật hòn đá nhẹ nhàng dưới hố. Bao nỗi mệt mỏi tiêu tan dần và phấn chấn hơn. Một thành công vĩ đại. Tối mai lại tiếp tục.

Ngoài bộ phận đào hầm còn có các bộ phận chuẩn bị khác như bộ phận “làm thuyền”; một bộ phận lên rừng chọn gỗ. Các đồng chí được chọn đều là người có tay nghề. Cứ sáng sáng 5

· 6 người được một lính Âu - Phi đưa vào rừng. Tìm loại gỗ và kích thước thích hợp. Gỗ để giao cho nhà bếp ba lạng cong queo, sứt sẹo nhà bếp thu hết, còn lại các đồng chí chọn để làm cong gang, vách đồ, kiểm tra kỹ cái nào ra cái nấy. Dùng song gang để đan 2 cái mê có kích cỡ bằng cả con thuyền theo tính toán. Mọi việc được tiến hành tuần tự. Duy cái mê thuyền là hai cái sạp, mỗi cây song to cỡ hơn ngón cái của bàn chân bồ đôi lọc giữa chủ yếu là phân cột - đan kín chắc chắn. Các lính Âu - Phi tám tấc khen đẹp và sạch không còn cảnh nằm trên đồng cỏ tranh, cỏ lác như trước.

Sau khi hầm đã đào xong là việc đưa 2 mê thuyền xuống hầm. Đây là một công đoạn quyết định sống còn của cả kế hoạch vượt đảo. Đêm ấy anh em phân công rõ từng nhóm bộ phận rút chân giường. Bộ phận dùng dây mây gò tám mê theo kiểu lòng máng và từ từ hạ xuống hầm nhẹ nhàng đều tay. Khi đưa xuống xong lại ken gỗ kín mặt hầm, rải cỏ, rải đất cát và sỏi trở lại như bình thường. Mọi người thở phào nhẹ nhõm khi công việc hoàn tất.

Kể từ ngày tham gia cách mạng, chúng tôi nào đã mấy người biết thế nào là trận chiến. Sống và chiến đấu chủ yếu là quấy rối phá tề trừ gian hoặc chống càn - hoạt động theo kiểu du kích, bảo vệ cơ sở là chính, tránh giặc là chính - ra đảo mới khoảng một năm, đường đi lối lại chưa am tường, điểm nào đánh điểm nào không còn chưa rõ.

Bây giờ chúng tôi mới thực sự bước vào cuộc chiến đối mặt với kẻ địch. Là lực lượng chủ công luyện tập để tấn công về trung tâm đảo, chúng tôi tập có bài bản tuy không điều

luyện. Tất cả các động tác phải luyện tập cho thành thạo, các xà ngang đều là công cụ luyện tập. Hàng tuần vào chủ nhật, chúng tôi gạ gẫm bọn lính ra sân kéo co và chọn những quả dừa non rụng để ném và đỡ. Bọn lính khoái lắm, còn ta thì đây là cơ hội để tập ném quả nổ - quả nổ ống nứa - nhồi bột ớt và tro bếp cũng có tác dụng rất tốt. Ngoài ra có hơn 20 tay súng và khoảng 20 lựu đạn. Ba tháng khổ công luyện tập giữ được bí mật tuyệt đối kể cả chế tạo giáo mác trang bị đủ cho mọi người. Như vậy về mặt quân sự và tác chiến cơ bản tin tưởng chờ ngày khởi sự. VÀ NGÀY ẤY ĐÃ ĐẾN.

Vào tháng 11, 12 hàng năm, trời Côn Đảo trong xanh, những dải mây bông bồng bênh nhẹ trôi. Tất cả mọi anh em trào dâng trong lòng NIỀM TIN VÀ HY VỌNG.

11 giờ, đồng chí Phan Du - người chỉ huy trận đánh, tay cầm chiếc khăn trắng đội đầu vung lên hô: “Xung phong... xung phong... xung phong...”. 9 cụm mỗi cụm 3 người không chế một tên lính Âu - Phi, đồng loạt, áp sát, kẻ giơ cuộc chim, người giơ mũi xẻng, có anh tụt xuống ôm chặt lấy chân địch bằng động tác nhanh chóng, dứt khoát. Bọn chúng không kịp phản ứng, đứng như trời trồng, cam chịu để ta trói, ngoan ngoãn đi về nơi tập trung. Cuộc bạo động diễn ra ngắn gọn, không có tiếng súng, không có sự vật lộn, không thấy da rách thịt. Thắng lợi này chứng minh đường lối binh vận của ta rất linh hoạt và hiệu quả.

Cụm thứ hai là nơi đồn trú, nơi ăn ngủ của chúng. Vào giờ này, tên cởi trần, tên mặc soóc chuẩn bị vào bàn ăn. Tất cả

súng đều cắm vào góc, thùng lựu đạn không nắp tênh hênh góc nhà, tất cả lính tráng gần như không có vũ khí.

Tiếng hô xung phong của đồng chí Phan Du vang lên thì cũng là lúc số người được phân công nhảy vào đoạt toàn bộ vũ khí. Tôi và anh Ba Đen mỗi người một quả lựu đạn. Bọn chúng thấy vậy đứng như trời trồng. Tất cả đều quy phục và lật đật tập kết trên khoảng sân rộng.

Chúng tôi phân công người làm công tác binh vận, đã nói rõ cho bọn chúng việc làm của ta là chính nghĩa, phân tích cho các lính Âu - Phi rằng các anh cũng như đất nước tôi đều bị bọn thống trị bóc lột đàn áp vô cùng khổ cực. Hồ Chủ tịch của chúng tôi đã kêu gọi đất nước các anh đấu tranh để đòi cho bằng được Độc lập - Tự do... Việc chúng tôi làm hôm nay chính là chính nghĩa, động viên, đoàn kết đứng lên chiến đấu để có hòa bình.

Lúc này còn tên quản trại, người da trắng lưng thừng lên núi ngắm cảnh, ta điều tiểu đội gấp rút truy bắt. Khi thấy anh em, Boócđosun giơ tay nói rằng đã nhìn thấy rồi, rồi y nộp cho ta khẩu súng lục, chiếc la bàn và chỉ yêu cầu là nhốt riêng không để lẫn vào đám lính. Ta đồng ý và để hân về lán đồi trứ.

Kết thúc trận Bến Đầm, vội vàng điều lực lượng lên đầu mom Cá Mập, khi lên tới nơi thì mọi việc cũng đã xong.

Ở đầu mom, 100 anh em và có 7 tên lính. Đồng chí Đặng bị bắn vào đầu gối còn phía địch thì 2 tên bị chết, 2 tên rơi xuống vực, còn một tên chạy lẩn đi, do lộn xộn ta thiếu cảnh giác để nó chạy mất.

Kết thúc trận bạo động, ta đã dồn toàn bộ lực phá nhà bạt

hầm đưa những chiếc thuyền lên mặt đất đã lắp ráp hoàn thiện. Bọn lính Âu - Phi trố mắt há miệng nhìn thấy chiếc thuyền nguyên vẹn. Cả thời gian hàng 6, 7 tháng, 2 đầu hồi có lính gác, vậy mà người tù làm được những chuyện ngoài sức tưởng tượng. Chắc chắn trong lòng chúng vừa thán phục vừa hoảng sợ.

Tu bổ 2 thuyền và gấp rút hoàn chỉnh 3 thuyền có đủ công gang vách gỗ và tăng bạt, áo mưa của lính.

Đã gần xế chiều và một điều băn khoăn của anh em là tên lính Âu - Phi trốn được ở đâu mom chắc đã kịp chạy về trung tâm báo động - hẳn nhà tù sẽ đưa tất cả 200 tù vào các khám và báo động toàn thể. Hẳn chúng sẽ bố phòng cẩn mật dù lực lượng chủ công có tới thì cuộc chiến sẽ gặp nhiều tổn thất. Vì thế, Đảo ủy đã ra quyết định vượt đảo bộ phận.

Tất cả đã tập trung vận chuyển 5 chiếc thuyền ra bến và khoảng 4 - 5 giờ chiều hôm đó, 5 chiếc thuyền hạ thủy an toàn. Trong lòng mỗi chúng tôi đều trào dâng niềm sung sướng nghĩ về đất liền, lại tiếp tục được chiến đấu.

Nhưng thảm họa khôn lường - tai họa ập đến!

Hai chiếc thuyền ở 2 hầm đưa lên, một trong hai chiếc thuyền đó có đồng chí Hiến - Bí thư Đảo ủy do chở nặng, sóng lớn vỗ mạnh, thuyền không chịu nổi đã chìm, mặc dù có nhiều đồng chí đã cảm tử nhảy ra khỏi thuyền để thuyền nhẹ đi. Một số đã bơi ngược vào chân núi ngầm ngùi luyến tiếc. Còn thuyền số 3 đắm ở đâu hay lạc vào chỗ nào chúng tôi cũng không có tin tức.

Thuyền số 4 và số 5 là hai thuyền chiến đấu, được làm

bằng vải lót lấy từ áo quần, tăng bạt, áo mưa của lính bọc thuyền vừa nhẹ vừa cản được phần nào nước ngầm. Lênh đênh một đêm, một ngày trên biển, anh em ai cũng tràn đầy niềm tin thuyền sẽ cập bờ đất liền. Nhưng rồi cùng chung số phận, hình của thuyền không còn nguyên vẹn. Cong, giang, vách, đố ẽo ọt biến dạng rồi từng phần, thuyền đã lộn mề, coi như cái nong, cái nia. Chỉ còn nhờ vào hai bó nửa để mà nổi, các tay chèo đều thúc thủ.

Sáng ngày 13/12, mặt trời mới ló ở trên biển, nghe tiếng ì ì vọng tới, một máy bay Moren về về trên đỉnh hai vòng thế là mất hút. Khoảng 15, 20 phút, một máy bay ném bom loại B.26 - 29 gì đó từ từ lượn một vòng, lượn đến đâu từ trong bụng máy bay lửa bốc đổ rải xuống mặt biển. Lúc này anh em đã thống nhất bỏ tất cả súng và lựu đạn xuống biển. Khoảng 10 - 15 phút 4 chiếc phi cơ chiến đấu loại Spitfai chao đảo nhằm uy hiếp tinh thần những con người cùng đường.

Anh em dù còn mấy người cũng hội ý chớp nhoáng. Xác định ý chí chiến đấu, địch sẽ lại đưa chúng ta về đảo. Điều này đã rõ, cùng lúc ấy một tàu chiến loại tiềm thủy đình tiến tới, áp sát hai thuyền và tiếng loa vọng xuống: "Tất cả phải bỏ mọi thứ quần áo và những vật bám trên người" - một tràng đạn bắn vèo vèo. Một thang dây từ đầu tàu thả xuống, anh em bình tĩnh từng người bám thang bước. Phải đây nghị lực không run tay, không sợ sệt vì chỉ một sơ suất mà rơi xuống biển chắc chắn là không thể sống.

Bọn lính đồn anh em bên cạnh hố neo, quả là thâm độc, gió đông lạnh buốt. Tàu cưỡi sóng với tốc độ cao, mỗi lần mũi

tàu chúi xuống nước thì nước biển qua lỗ neo đưa cả lượng nước tràn qua khắp mọi người. Anh em rét run cầm cập, người tím tái khắp toàn thân, cái rét cắt da, cắt thịt. Thật là khủng khiếp!

Khoảng 1 giờ tàu đã tới trung tâm đảo, cách Cầu Tàu 20m và chúng đưa chiếc sà-lan 50 tấn sát với tàu.

Thâm độc và dã man, bọn chúng bắt chúng tôi nhảy từ boong tàu xuống sà-lan có độ cao khoảng 5m. Hai bên lối đi bọn cai ngục đã chờ sẵn, mỗi đứa một cây gậy. Không ai bảo ai, từng người vượt qua lan can “phốc” một cái tung mình xuống sà-lan. Ôi! Sự kỳ diệu của các vận động viên bất đắc dĩ. Tất cả chúng tôi đều an toàn không ai gãy chân què cẳng.

Một trận đòn thù khủng khiếp. Hai bên Cầu Tàu, cỡ 30 - 40 tên đao phủ mặt mũi bùng bùng sát khí, mỗi tên tay lăm lăm cây gậy. Anh em tù hối hả vừa chạy vừa né tránh những ngọn roi ngọn gậy, cũng nhiều anh em bị dính đòn, lết được về phòng giam. Mỗi người được đeo chiếc còng chữ U và cây sắt dài xuyên suốt một bên. Chúng tôi ai cũng khát nước đói ăn, sức khỏe đã đến mức kiệt quệ.

Thật là kỳ diệu! Ông Đặng Đức Hòa (Cơ còi) có bàn chân bé, ông đã nghiêng răng rắng rút chân ra khỏi cái còng, bước xuống bục. Mọi người ngạc nhiên, mắt sáng ngời. Ông Cơ còi tập tễnh ra lấy đồng giẻ lau đến trước vũng nước giữa lòng nhà, nước đã xanh lè vì rêu phủ kín. Nắm đồng giẻ trong tay nhúng vào vũng nước ngậm ngùi đôi chút rồi tặc lưỡi “bản còn hơn chết”, ông đi đến từng người vắt những giọt nước quái gở vào miệng. Một lúc sau nhiều người đã tỉnh, và tỉnh thật, tỉnh hẳn.

Ôi! Dòng nước Cam Lộ của Đức Phật Quan Âm, nước ngọt hơn mật, chừng mức đã cứu chúng tôi tạm thoát khỏi cơn khát. Tuy đói 3 ngày cũng chưa phải là ghê gớm, nhưng thiếu nước thì quả là khủng khiếp vô cùng.

Chúng tôi không mảnh vải che thân, có muốn ôm nhau cho ấm cũng không được, gần như thức trắng đêm. Lúc này mới có thời gian để nghĩ đến mình, đến đời và nghĩ lại sự việc vừa qua.

Ba ngày trôi qua như thế, sang ngày thứ tư, quan năm - bác sĩ quân y từ Sài Gòn ra đảo. Ông ta đi thẳng tới nơi chúng tôi bị cùm. Người quan năm mặt đỏ bừng bừng, quát tháo âm ỉ, bắt mở còng và phát ngay mỗi người một quần, một áo, chiếu để rải trên bụi lạnh ngắt. Ông bắt nhà tù nấu cháo loãng, không được nấu cơm. Hai ngày sau mới được ăn, trở lại những bữa cơm gạo nứt, cá thối.

Về phía nội bộ của ta, lúc này đã có thông tin của các đồng chí Đảo ủy nhấn vào và có lời động viên, mong mọi người giữ vững tinh thần, Đảng và Chính phủ, Mặt trận giải phóng đã nắm được những hoạt động của anh em.

200 con người trong trận chiến ấy, đã mất đi 81 đồng chí, đến hôm nay cũng chỉ còn lại vài người. Dù tuổi đã cao, già yếu, nhưng hàng năm, vào ngày này, cụ Phan Du - người anh của chúng tôi - đều tổ chức ngày giỗ. Bất kể trời mưa, gió rét, anh em chúng tôi đều đến dự để tưởng nhớ những người đã khuất và ôn lại kỷ niệm.

Để tưởng nhớ, cho tôi được thắp một nén nhang và nói với các vong linh người đã mất: *"Sinh ký tử quy. Hồi các anh - người đồng chí thương yêu của chúng tôi, linh thiêng chứng*

giám cho chúng tôi, linh hồn các anh đã phiêu diêu miền cực lạc, còn nắm xương cốt nhục tá túc nơi biển Đông. Đường sá xa xôi, quan san cách trở, biển mênh mông sâu thẳm, biết các anh ở đâu mà tìm, lực bất tòng tâm, các anh thông cảm cho chúng tôi và người thân, khôn thiêng phù hộ cho chúng tôi và gia đình ấm no hạnh phúc, cháu con thành đạt”.

Kính cẩn nghiêng mình tưởng nhớ!

NGÀY ẤY NHƯ TÔI CÒN NHỚ*

*Nguyễn Văn Nhã***

Chiếc tàu L'espérance (Hy Vọng) của Pháp chở hơn 60 anh em tù binh chúng tôi từ bến Sáu Kho (Hải Phòng), hơn 3 ngày lênh đênh trên biển, 9h sáng ngày 8 tháng 7 năm 1951 đã cập Cầu Tàu Côn Đảo. Chính quyền nhà tù Côn Đảo cho 1 trung đội lính và gác-diêng ra áp giải chúng tôi vào banh một rồi giam vào phòng số 1 và số 2 ở banh này.

Trong đoàn có đồng chí Phan Du, Nhi, Tụng, Bách (tức Nhã) là những người phụ trách đã mời tất cả anh em tù nhân hội ý giải thích về sự dã man của nhà tù Côn Đảo. Vấn đề đặt ra cho anh em là ở đây chờ Pháp trao trả Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa hoặc là phải đoàn kết nhau lại đấu tranh tự giải phóng mình.

Chúng tôi nhận được tờ giấy cuộn tròn như điều thuốc lá, xem kỹ thì là thông tin của khối Liên đoàn Tù nhân Côn Đảo

* Tên bài do BBT đặt.

** Đồng chí Nguyễn Văn Nhã tức Hoàng Bách, nguyên là Quận trưởng Công an quận Bạch Đằng - Thành phố Hải Phòng (tù chính trị Côn Đảo từ 1951 đến khi được trao trả cho Chính phủ Việt Nam DCCH tại Sầm Sơn - Thanh Hóa ngày 10/5/1954).

cho biết là phải đề cao cảnh giác, đề phòng tù gian,... Vài ngày sau, từng bước, khối tù binh biết rõ khối Liên đoàn Tù nhân Côn Đảo, một tổ chức trung kiên, và quyết định cần bắt liên lạc với các đồng chí của Liên đoàn Tù nhân Côn Đảo.

Một thời gian sau (sau hơn 2 tuần lễ), anh em tù binh được chia về các phòng giam khác. Ở đây, tổ chức được củng cố: có chỉ bộ, tổ trưởng, tổ phó, thành lập tổ chức Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo - một tổ chức đoàn kết anh em tù nhân kháng chiến chặt chẽ, mạnh mẽ hơn.

Nhà tù cho chúng tôi biết phải chuẩn bị đi lao động ở xung quanh Côn Đảo. Chúng tôi thành lập các ê kíp làm đá là nhiều người nhất. Thợ xẻ trên rừng sáng đi tối về, dọn dẹp ở trại lính... Sau khi tổ chức các ê kíp phân công công việc của tù nhân, là tìm mọi cách tổ chức để thực hiện ý chí vượt đảo. Anh em tù binh hội ý bầu đồng chí Nhã (tức Bách) vào Ban Chấp hành tù nhân Côn Đảo và là người đại diện để đòi quyền lợi cho anh em tù binh. Lợi dụng việc đi lao động để nắm vững địa hình, địa vật, có điều kiện điều tra nghiên cứu cho việc đại sự sau này.

Một thời gian sau, sang năm 1952, nhà tù cho biết khối tù binh phải bố trí 2 ê kíp từ các ê kíp đang làm đá ở Carrie ra rải đá từ trung tâm thị xã vòng qua Đầu Mom, qua Bến Đầm phía tây nam. Như vậy, ta đã cử 2 ê kíp: 1 kíp Đầu Mom gồm 40 đồng chí do đồng chí Phan Cơ phụ trách làm đường sáng đi tối về. Kíp thứ 2 là kíp làm đá từ Bến Đầm vòng phía tây Côn Đảo có 60 đồng chí sẽ ở hẳn tại Bến Đầm, xong việc sẽ về. Kíp này

do đồng chí Bách (Nhã) phụ trách. Quản lý kíp này do tên sếp quản tên Boócđosun cùng 1 tiểu đội lính da đen ăn ở tại chỗ để coi tù. Ban đầu trong khi chờ làm xong lán trại thì sáng đi tối về. Cho đến khi xong lán trại sẽ ăn ở tại chỗ tại thung lũng sát núi và nhìn ra Bến Đầm tây nam.

Anh em tù binh có chừng trên dưới 60 đồng chí do tôi phụ trách cùng với đồng chí Phan Du chỉ huy quân sự, có đồng chí Tô Lương yểm trợ. Ở đây, anh em gồm nhiều đồng chí ở các tỉnh: Hải Hưng, Quảng Ninh,... có một số là thợ mỏ rất thạo việc đào hầm, việc làm nhà do các anh em ở các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên đảm nhiệm. Công việc làm nhà, làm lán trại,... được tiến hành rất mau lẹ, chừng 10 ngày đã xong nhà lán, từ đó anh em ta ở hẳn tại khu lán trại này. Lính da đen có 1 tiểu đội, ta làm cho 1 gian nhà lá ở cùng với tên quản da trắng chỉ huy ở bên trên, ven núi nhìn xuống. Ta lấy gỗ phải vào rừng lấy tranh tre nứa lá làm nhà, làm giường ngủ cho anh em tù nhân và binh lính da đen cùng chỉ huy của chúng, nên đi lại vào rừng như đi chợ. Ban đêm, 2 đầu nhà anh em tù ở (nhà đất 80m), ta xích chó để bảo vệ giữ nhà và hoạt động. Công tác ngoại giao với lính ta làm chu đáo, thường giết chó liên hoan, lính da đen cùng chỉ huy của chúng rất phấn khởi.

Công việc làm thuyền: đan liếp ở trên cho xuống hầm ở dưới đất làm rất thuận lợi, đất đào hầm đổ lên làm vườn trồng rau, binh lính địch không nghi ngờ. Vải xảm thuyền là quần áo cũ của anh em trong đảo gửi cùng chăn màn dùng làm buồm. Rất khẩn trương cho nên trong thời gian ngắn đã xong

việc. Gió lộng giảm cường độ, do vậy Ban chỉ huy quyết định phải cướp súng địch bắt lính rồi vượt đảo: Anh em tù binh dùng chiến thuật tổ ba người đã bắt, trói gọn lính da đen không xâm phạm tài sản của chúng. Trói lính xong, anh em phá nhà lòi ở hãm ra 2 thuyền nan, đóng buồm, lấp chèo lái, anh em giải thích cho lính da đen biết mục đích của tù binh là phải trốn trại trở về với Tổ quốc Việt Nam, chào anh em lính da đen ở lại!!!

Riêng cuộc chiến đấu của bộ phận Đầu Mom, đã để xống 1 lính da đen chạy về thị trấn Côn Đảo báo động. Tàu chiến địch bủa vây đón bắt anh em tù từ hai thuyền chưa thoát khỏi đảo. Chúng bắt lại được hơn 100 anh em, còn chết mất 81 anh em tù binh.

Sau sự việc “kinh thiên động địa”, chúng cho khám nơi ở của tù binh, thay đổi gác-điêng bằng lính lê dương da trắng. Chính quyền của chúng: tên thiếu tá Giắcty bị khiển trách và thay đổi bằng tên sĩ quan cao cấp hơn. Tên chúa các nhà tù cũng bị khiển trách.

Nó tống giam tôi 3 tháng vào xà lim và tiếp tục hỏi cung để truy tìm chứng cứ đưa ra tòa án binh xét xử. Đồng chí Hoàng Bách bình tĩnh trả lời rằng: “Trốn tù là ý nghĩ thường trực của tù binh. Chúng tôi không thể nào ở mãi như thế này!”
- Chúng rất kính phục tinh thần của anh em tù binh.

Tình hình cứ thế diễn biến thuận lợi cho khối tù nói chung, tù binh nói riêng. Cho đến tháng 5/1954, anh em tù binh được phát quần áo quân đội ngụy rồi cho ra chơi hàng ngày 2 buổi,

thời gian khá rộng rãi. Rồi chúng phổ biến cho đại diện là anh em tù binh được lên tàu thủy về miền Bắc để trao đổi tù binh giữa Chính phủ ta và quân đội liên hiệp Pháp.

Sự việc oai hùng của tù binh vượt đảo có tiếng vang lớn khiến cho các báo tiếng Pháp ở Sài Gòn lúc đó như: báo *La Volonté Indochinoise*, báo *L'Echo* và một vài tờ nữa đăng tin nhiều lần.

Hà Nội, ngày 20/2/2012

NHUỜNG PHẦN SỐNG CHO ĐỒNG ĐỘI NHẬN CÁI CHẾT VỀ MÌNH

*Lê Văn Quảng**

Tôi là Lê Văn Quảng, Trưởng ban Liên lạc cựu tù chính trị Côn Đảo, tỉnh Hải Dương. Nhân cuộc hội thảo này tôi xin phép được trình bày về một hành động anh hùng của một tù nhân Côn Đảo. Đó là “Nhuờng phần sống cho đồng đội, nhận cái chết về phần mình” của đồng chí Lê Văn Hiến (tức Văn) nguyên Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Chính trị tỉnh đội Hải Dương, Bí thư Đảo ủy Côn Đảo.

Đồng chí Nguyễn Văn Tô ở xã An Lâm, huyện Nam Sách, Hải Dương là tổ phó tổ quyết tử trực tiếp tham gia trận đánh này đã viết hồi ký ghi lại diễn biến của sự việc. Nhưng do tội ác của kẻ thù và quy luật của tạo hóa, đồng chí Tô đã về với tiên tổ cách đây gần 20 năm rồi. Tôi là người gián tiếp trong việc này, nay tôi xin trích hồi ký của đồng chí Nguyễn Văn Tô. Đồng chí Tô viết: ngày 12/12/1952 tại Bến Đầm, Côn Đảo chúng tôi đã tổ chức vượt ngục. Chuyện này đã có nhiều người kể, đối với tôi là chuyện ghi nhớ cả cuộc đời mình.

* Trưởng ban Liên lạc cựu tù chính trị Côn Đảo tỉnh Hải Dương.

Kíp tù binh làm đường ở Bến Đầm, được Đảo ủy tổ chức thành một đại đội chiến đấu, dưới đại đội là tiểu đội, công khai với địch là 10 người làm khổ sai. Tổ lao động khổ sai của tôi có nhiệm vụ vào rừng lấy tre, song, mây đem về chẻ ra để đan sọt đựng đá rải đường. Đối với nội bộ mình là phải lấy song, mây để đan giát giường, nhưng chính là đan mê thuyền cho việc vượt đảo. Đối với ta, tiểu đội tôi được giao là “tiểu đội quyết tử” của đại đội. Tổ quyết tử có nhiệm vụ như tên gọi của nó, nhưng trước mắt là bảo vệ cán bộ lãnh đạo của đảo. Tôi được giao làm tổ phó tổ quyết tử này, đồng chí Thanh quê ở Lâm Văn, đồng chí Diệp quê ở Khoái Châu, đồng chí Thiện quê ở Gia Lương - Bắc Ninh, đồng chí Ý, đồng chí Lương ở Dụ Nghĩa - Hải Phòng đều là người thuộc tiểu đội này.

Việc bắt 27 tên sĩ quan binh lính, tước vũ khí của địch đã xong, trận đánh kết thúc thắng lợi (trong trận này, Hải Dương có 42 đồng chí tham gia). Việc lắp ghép thuyền nhanh gọn, chúng tôi hạ thủy năm chiếc thuyền ở Bến Đầm. Đồng chí Văn - Bí thư Đảo ủy, đồng chí Phan Du - đảo ủy viên, chỉ huy trưởng trận đánh và một số đồng chí lãnh đạo khác cùng anh em trong tổ quyết tử xuống thuyền số 1. Ba mươi người lọt thỏm trong chiếc thuyền đan bằng nan song và tre, matít tự chế tạo, buồm được kéo lên đón gió, các bơi chèo được neo náu vào cọc thuyền. Một khí thế phấn chấn chưa từng thấy, mỗi thuyền một bài hát: “*Bao chiến sĩ anh hùng...*” và “*Đoàn vệ quốc quân một lần ra đi...*”. Lúc ấy cánh buồm không no gió, nhưng tiếng hát đã làm cho con thuyền rời bến, không có gió thì chèo tay, ra khơi khắc có gió. Trong lòng tôi có cái gì đó rất khó diễn tả, tinh thần náo nức như ngày khởi nghĩa

tháng Tám. Nhưng cái cảm giác rõ rệt nhất là mình đã leo lên đỉnh dốc, bao nhiêu gian khổ vượt dốc đã qua. Sau bao nhiêu ngày đào hầm, giấu thuyền, chắt chiu từng tấm bạt, tấm áo tù làm bọc thuyền, làm cột buồm, ăn đói mặc rách, bao nhiêu gian nan vất vả chặt gỗ, kiếm song mây, đan mê, đóng thuyền, nhịn ăn, nhịn uống, tích trữ cơm khô, nước ngọt, thế mà nay đã tạo dựng và giành được tự do trong thời gian, không gian nhất định, đã có con thuyền để về với tự do, với dân, với Đảng, không vui sướng sao được. Tôi hằng hái sỏi tay chèo cùng các bạn, nhưng trong lòng lại mơ màng một vùng đất tự do trong vòng tay chăm sóc, thương yêu, đùm bọc của các bà mẹ miền Nam.

Sáng nay gió chướng còn thổi về ào ạt, bao nhiêu niềm hy vọng! Thế mà, chiều nay hạ thuyền, gió chỉ còn lất phất cánh buồm, rồi gió ngừng hẳn, khoảng 9, 10 giờ đêm thì gió đột ngột đổi chiều. Dù gió lặng, nhưng con thuyền đi cũng rất khó khăn, không có gió mà sóng cồn lên như trái núi, con thuyền lúc nhô lên, lúc lại chúc xuống như lao xuống vực, các tay chèo chúng tôi hối hả, vất vả vô cùng. Đêm xuống một màn đen lơ mờ vô tận, tiếng gầm gào của sóng biển biểu hiện sự hung dữ và huyền bí của thiên nhiên. Lúc này gió lại thổi không đúng chiều gây ra nỗi lo lắng thật sự. Con thuyền nhồi lắc mạnh, các mái chèo vịn vẹo, xô đẩy, rồi các mái chèo không ăn nước, các nút nối chèo bằng mây nở rã ra, mềm nhũn, oặt ẹo không ăn chèo. Đêm về càng khuya, tình hình càng xấu đi, thuyền bị gió cản nhưng mọi người vẫn tích cực chèo. Không biết thuyền có tiến thêm được chút nào không? Mây đan thuyền ngấm nước bây giờ nở ra làm cho matít nhả

khỏi khe gấn, nước vào thuyền, một số người chèo, một số người hổi hả tát nước. Thế rồi không phải matít bị nhả một vài chỗ mà toàn bộ thuyền bít matít bung ra. Thuyền còn nổi được là nhờ hai bó nửa cốn hai bên. 15 người nhảy ào xuống biển bám vào hai bên cốn nâng thuyền lên bời sải. Cứ thế thay phiên nhau đánh vật với sóng nước suốt đêm, mặt biển dần dần sáng ra với lớp lớp sóng dồi dưới làn hơi mờ ảo. Tình hình con thuyền đã báo hiệu nguy cơ chìm đắm là khó tránh khỏi. Suốt đêm đánh vật với sóng nước mọi người đều tiết kiệm lời nói, hơi thở. Việc điều hành của anh Phan Du cũng rất ngắn gọn, mọi người đều giữ gìn không ai để lộ ra một điều gì có thể ảnh hưởng đến tinh thần chung.

Tất cả đều im lặng... Bỗng một đồng chí nào đó nói: Sự thật chúng ta đang có nguy cơ đắm thuyền, may ra có thể cứu vãn được một số đồng chí, cần phải có năm đồng chí hy sinh cho thuyền nhẹ bớt.

Tôi giơ tay lên để anh em tổ quyết tử nhìn thấy rồi nhảy khỏi thuyền. Vừa lúc đó tôi chỉ kịp nghe thấy một tiếng: Tô! Và trước mặt tôi đã là một cái phao cao su nổi bồng bênh. Ngược mắt nhìn lên thấy anh Văn nói gì đó, không nghe rõ (sau này khi gặp lại những người còn sống sót như anh Du, anh Ngọ mới biết lúc đó anh Văn quăng phao xuống và nói: “Để các cậu ấy được về với dân, với Đảng là rất mừng. Nếu không về được cũng đỡ ân hận”).

Tôi chộp lấy cái phao và nhác thấy Ý và Lương cũng nhảy xuống. Tôi gào to: “Bám vào đây”. Thế là ba chúng tôi bám vào phao. Lúc đó, tôi nghĩ gì ư? Chẳng có gì rắc rối cả, mình

là tổ quyết tử, đặt ra cái quyết tử là chỉ để làm cái việc như đúng tên gọi của nó.

Chiếc phao cao su này có bốn ngăn hơi, to như cái mặt bàn uống nước của tên quân Boócđosun, chỉ huy trung đội lính Phi. Boóc vẫn dùng phao này để đi tắm biển. Khi quân ta bắt lính thì tước luôn cả phao này và trang bị riêng cho anh Văn, bí thư Đảo ủy, nay anh Văn nhường cho chúng tôi.

Ba chúng tôi bám vào phao bồng bênh trên mặt biển. Mặt trời bắt đầu tỏa sáng trong mênh mông vũ trụ một màu xanh nhàn nhạt. Bơi về hướng nào đây? Có thể chỗ này chưa xa vùng đảo, phải về đảo cũ là gần nhất. Gió chướng thổi từ đông bắc đến, nặng về đông. Từ lúc thuyền đi phần lớn theo hướng đó, chỉ từ lúc gió chuyển hướng thì thuyền mới luẩn quẩn, bây giờ phải bơi về hướng đông bắc. Phải lấy mặt trời làm chuẩn. Từ lúc bám được phao, xa chiếc thuyền, chúng tôi cứ lênh đênh chưa biết bơi hướng nào. Rồi tinh thần ổn định dần, chúng tôi bàn bạc, phán đoán rồi đi đến nhất trí như trên. Xác định được phương hướng chúng tôi bơi, có cảm giác là tốc độ đi nhanh hơn, tinh thần chúng tôi vững vàng lên. Chúng tôi bàn tiếp, tuy đi nhanh nhưng cũng không phải vài giờ mà đến được, có khi vài ngày, phải giữ sức để bơi lâu dài. Thế là một người nằm sấp chỉ ôm phao, hai người bám hai bên dùng chân đạp. Chúng tôi thực hiện phương pháp hành quân của vua Quang Trung đánh trận Đống Đa ngày xưa, nên không còn cảm giác đói, mệt. Chúng tôi miệt mài bơi và bơi...

Mặt trời lên cao, rồi ngả dần về phía chân trời. Thế rồi, một dải xanh ở phía chân trời hiện ra, rõ nét rồi to dần lên. Sự sống

đây rồi, vui mừng biết mấy. Chúng tôi càng gắng sức bơi, lúc này cả ba người cùng bơi. Khi gần vào dải đất thì gió quẩn lại hút cả phao, cả người ra ngoài khơi, không sao cưỡng lại được. Đã hai lần bị hút trở lại như thế, lần thứ ba chúng tôi quyết định, lúc gió sắp hút ra thì bỏ phao, dựa vào nhau mà bơi vào. May mắn làm bám được vào bờ cát rồi dìu nhau lên bờ, lúc này cũng là lúc mặt trời vừa lặn. Tìm một nơi cao ráo, chúng tôi nằm vật ra và ngủ lịm.

Ngày hôm sau tỉnh dậy, chúng tôi tìm con sò, con ốc để ăn. Ngày đầu chưa tìm được nước thì ăn một loại hoa rừng để thay nước. Có một thứ cây như cây đại, có hoa như chùm hoa phong lan, chúng tôi bắt cóc cho ăn thử rồi mới ăn, mùi vị chua như me, dùng ăn thay nước cũng được. Những ngày sau đó, chúng tôi lấy gốc nửa già cọ ra lửa nướng các loại cóc nhái, kỳ đà, chim, cá bắt được để ăn.

Dải đất này chính là đảo Hòn Bà, kế liền nơi hạ thuyền vượt biển không xa. Hòn Bà có núi cao, rừng cây to um tùm nhưng không có người ở. Tôi và anh Lương, Ý bàn với nhau lấy nơi này làm “căn cứ”, ban ngày tìm hốc núi để ẩn nấu, ban đêm vượt về đảo chính tìm cách liên lạc với đồng đội để tiếp tục làm bè, tìm đường vượt biển.

Chiều tối khi nước rút, chúng tôi vượt qua một bọng nước để về đảo chính tìm cách liên lạc và tìm thức ăn. Các anh ở đập đá liên khu Trần Phú đoán chừng có người về nên thường để lại cơm và thức ăn ở hiện trường cho chúng tôi. Lúc này chúng tôi rất cần dụng cụ, nhất là dao để đáp ứng yêu cầu sinh hoạt và để làm bè. Chúng tôi bàn với nhau về lán cũ, chỗ làm

thuyền vượt biển, may ra còn vương vãi sót lại dụng cụ gì chẳng. Một đêm mò về đó, lại đúng hôm chúng phục sẵn. Hai anh chạy thoát, tôi chậm chạp nấp vào bụi lau nên ba tên Rờsec bắt được. Lúc ấy đã là ngày thứ 12 chúng tôi ăn ở như người rừng. Còn hai anh Lương, Ý sau 24 ngày cũng bị bắt lại.

Gặp anh em trong trận vượt đảo bị bắt lại mà lòng tôi buồn vô hạn. Thuyền số một sau đó bị đắm, chỉ còn vài anh, người bám vào mảng nứa, cột buồm hoặc được các thuyền bạn và tàu của địch vớt lên.

Chiếc phao cao su đã cứu tôi, anh Lương và anh Ý, còn anh Văn vĩnh viễn nằm lại nơi trùng dương. Trong lòng tôi không bao giờ phai mờ được hình ảnh anh Văn ngồi thao thức những đêm dài trong khăm lo nghĩ cho anh em, cho phong trào chung. Không bao giờ quên được chiếc phao bơi anh dành phần sống cho chúng tôi để anh nhận lấy phần hy sinh cao cả của một con người có đầy đủ nghị lực và tâm hồn, có phẩm chất, đạo đức của người đảng viên - người chiến sĩ cách mạng. Đó là hành động anh hùng của người cộng sản.

Khi chiến thắng trở về, chúng tôi tiếp tục công tác và xây dựng hạnh phúc gia đình, còn đồng chí Văn Hiến thì vĩnh viễn nằm lại giữa biển khơi.

Để có những phần thưởng xứng đáng với những hành động anh hùng của đồng chí Văn Hiến, nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày nổ ra trận đánh lớn nhất qua 113 năm tồn tại nhà tù Côn Đảo, và cuộc hội thảo này, chúng tôi đề nghị Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” cho đồng chí Lê Văn Hiến.

ĐOÀN TÙ BINH ĐẦU TIÊN

*Bùi Văn Tạng**

Thủ tục nhập môn của chúa đảo

Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam, chúng cố tình coi Việt Nam là thuộc địa của mình, nên những người kháng chiến chúng coi là phiến loạn, khi bị bắt, chúng kết án tử hình, cầm cố, khổ sai rồi đẩy đi Côn Đảo. Những người kháng chiến chúng tôi bị bắt, không nhất thiết là quân đội, được quy định là tù binh. Lần này, đoàn tù binh đầu tiên bị đẩy ra Côn Đảo.

Sáng ngày 29/4/1951, tại nhà tù Đoạn Xá, Hải Phòng, địch dồn 111 anh em chúng tôi ra điểm danh, điểm số, kèm theo việc roi vọt thúc đẩy, xua đuổi, có phân đội lính da đen áp tải, từ bốn chiếc xe tải bung kín, bịt bùng, dồn xuống hầm chiếc tàu L'espérance⁽¹⁾ tại bến cảng Hải Phòng để đi Côn Đảo. Cửa hầm tàu đóng kín, chúng tôi như bị cách ly khỏi thế giới bên ngoài.

* Bùi Văn Tạng - nhân chứng vượt Côn Đảo - quê Dân Tiến, Châu Giang. Khi bị bắt ông là bí thư chi bộ, chủ tịch xã Dân Tiến, về hưu là Phó ban Tổ chức UBND tỉnh Hải Hưng.

(1) L'espérance: Tên tàu "Hy Vọng".

Dưới hầm tàu mờ mịt, dần dần rồi cũng nhìn rõ mặt nhau, những anh em từng hoạt động một địa bàn quen biết tìm đến nhau, những anh em từng sống với nhau trong tù những ngày trước đó cũng tìm đến nhau. Từng tốp năm người, bảy người rì rầm trao đổi, phán đoán xác định cái gì đang xảy ra. Chúng tôi mười một người từ Hỏa Lò về Đoạn Xá tập trung, bấy giờ cũng cụm với nhau. Mười một người đều là cấp ủy, đảng viên cả, nhưng anh Phạm Quý Tuyền tức Thọ⁽¹⁾ vẫn là người chúng tôi suy tôn đứng ra thay mặt anh em ở Hỏa Lò quan hệ với các đoàn bạn và đấu tranh với địch ở Đoạn Xá. 100 người cũng như chúng tôi, già nửa đều là người Hải Dương, Hưng Yên lúc đó. Anh Thọ quan hệ với anh Lê Mai⁽²⁾ Hải Phòng để cùng lo công việc cho cả đoàn ra đảo.

Ở bước ngoặt của cuộc sống tù đầy này, không phải ai cũng kiên định lập trường như nhau. Vì thế việc ổn định tư tưởng, giữ vững tinh thần lúc này thật là cấp thiết. Chúng tôi bàn với nhau nhân lúc này tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động (1/5) để cổ vũ sĩ khí cách mạng.

Sau khi củng cố các nhóm tù trung kiên, tối ngày 30/4/1951 chúng tôi tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới hầm tàu. Buổi lễ được tổ chức trang nghiêm. Bức họa chân dung của Bác Hồ được ghim lên vị trí trang trọng của thành tàu. Anh Thọ tuyên bố lý do và làm các thủ tục của buổi

(1) Phạm Quý Tuyền quê Cẩm Chế, Nam Thành, khi bị bắt là tiểu đoàn phó Hà Nội.

(2) Lê Mai là Phó Bí thư Huyện ủy Kiến Thụy.

lễ, anh Lê Mai nói chuyện về lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân thế giới, nói về thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nói về kháng chiến nhất định thắng lợi, động viên tinh thần trung kiên bất khuất chiến đấu trong tù, củng cố niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc, đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau, cảnh giác với mọi âm mưu của kẻ thù, bảo vệ nhau cho đến ngày thắng lợi trở về.

Mọi người đều xúc động, hưởng ứng nhiệt liệt, vỗ tay giòn giã. Đây là cuộc mít-tinh đầu tiên của chúng tôi trong cuộc sống tù đầy, tự do nói chuyện chính trị như tối nay thật hiếm có.

Sau cuộc mít-tinh này, có nhiều anh em đề xuất phương án cướp tàu để về đất liền tiếp tục chiến đấu. Bấy giờ, các anh lãnh đạo đã nghiên cứu bàn bạc kỹ, thấy thiếu nhiều yếu tố thực hiện, nếu quyết định phiêu lưu phải trả giá đắt, nên phải tạm gác lại.

10 giờ sáng ngày 3/5/1951, con tàu chở chúng tôi đã bỏ neo trong vịnh Côn Lôn. Chúng tôi bị lừa xuống chiếc sà-lan để vào bến. Trước mắt tôi hiện ra một dải núi hình cánh cung và lô nhô vài hòn đảo nhỏ phía xa xa. Non xanh nước biếc, cảnh quan thật là đẹp mắt. Nhưng mỉa mai và đau lòng thay! Sự đặng cay đây ải của người tù là cái nơi có đất trời hùng vĩ này.

Về phía dải núi hình cánh cung ấy nổi bật lên chiếc cầu tàu xây bằng đá dài chừng một trăm mét. Tên chúa đảo, giám thị, cai tù⁽¹⁾ đang chờ sẵn ở đó, những tên lính da đen súng trong

(1) Giám thị ngoài đảo gọi là Gardien có da trắng và da màu, cai tù ngoài đảo còn gọi là thầy chú Surveillant, đều là người Việt.

tay, lưỡi lê tuốt trần đứng thành hàng hai bên thành cầu. Đứng đằng sau bọn giám thị da trắng, lúc nhúc vài chục tên giám thị người da màu đủ các sắc tộc Ấn Độ, Malaixia, Việt, Cao Miên. Mỗi tên ngang hông đeo súng lục, tay cầm dùi cui, mấu sắt, roi da, roi song, mặt đầy sát khí. Sà-lan vừa cập bến, bọn này đã xông xuống giơ roi quất vào mặt, vào tai, vào lưng chúng tôi. Những ngọn roi bay vun vút, chúng vừa đánh vừa xua chúng tôi lên cầu tàu xếp hàng tư. Vừa đánh chúng vừa la hét, chửi rủa, đe dọa bằng một thứ tiếng bồi nhà nghề “át-tăng-xi-ông” (Attention: Coi chừng, liệu hồn) - “Cu-xông” (Cochon: Con lợn) - “I-xi-xe-lơ-pu-ô-lô-công-đo” (Ici, C’est le puolo-Condore: Đây là Côn Lôn). Mấy tên cai tù cũng hòa theo nạt nộ: “Đây là Côn Đảo, chúng mày bậy bạ sẽ rũ xương ở chuồng cọp”.

Chúng thúc chúng tôi về banh II, bám sát vừa đi vừa đánh, vừa la hét. Người nào cũng đều sưng đầu toạc máu, quần áo tả tơi. Đánh cho đến lúc nát roi song, tù nhân lọt vào khám giam mới thôi. Đó là thủ tục ban đầu nhập đảo đã từ lâu mỗi người tù đặt chân lên đất dữ này đều phải nếm trải.

Trước mắt chúng tôi, mặt liền banh II là một bức tường đá dày 0,6m, cao vút, bên ngoài trông vào chỉ thấy mấy cái nóc nhà lao. Trên tường là hàng rào dây kẽm gai và mạng dây điện. Các góc tường là những chiếc chòi canh, sừng sững nhô lên khỏi mặt tường như con cú vọ khổng lồ soi mói. Khoảng giữa bức tường là cái cổng sắt lớn đen sì, kín mít với những thanh ri-vê chi chít, hai cánh cổng lớn được mở ra như con quái vật há hốc mồm để sẵn sàng nuốt trôi tất cả.

Vào đến sân banh, hai dãy nhà lao sừng sững đối diện với nhau gồm 10 khám giam, có cầu thang sắt chạy dọc suốt dãy để bọn cai ngục đi tuần. Có hệ thống xà lim 14 cái để chúng ngăn thành bốn khu bằng hàng dây kẽm gai. Mỗi khu sân là sân cỏ có vài cây bàng cổ thụ gốc xù xì đến 2 người ôm mới xuể, để nói lên nhà tù này đã có tuổi “cụ”, có một giếng cho tù tắm giặt.

Vào khám giam, ngồi nhìn nhau mà thương thân mình, thương bạn. Các đồng chí Đồng Văn Dán, Lê Ngọc, Tô Lương... với những vết thương đang rỉ máu trên đầu, trên mặt. Một vài người cũng tỏ ra uể oải vì thấm roi đòn và cái nắng chang chang ngoài hải đảo. Bọn cai ngục tách chúng tôi ra làm hai, nhốt vào hai khám số 6 và số 7. Trước khi dồn vào khám, cuộc lục soát, tịch thu của chúng bắt đầu. Những bọc quần áo được giữ tung ra, một vài kỷ niệm nho nhỏ như chiếc khăn thiêu, chiếc áo gối đang thiêu dở, mấy cái cà-mèn, mấy cái lon, bát đĩa, thìa, hộp thuốc, bàn chải răng, khăn rửa mặt, mấy mẫu bút chì, mấy lá thư, vài đồng tiền ít ỏi, chúng lục soát, giữ tung ra, dồn một đống và tịch thu ráo. Tưởng như thế là hết, không ngờ, không thể ngờ được là chúng bắt chúng tôi cởi hết quần áo đang mặc và cũng quăng cả vào một đống không trả lại. Chúng tôi - những con người - như lúc mẹ mới sinh ra.

Bữa trưa ấy, chúng lại bỏ chúng tôi nhịn đói, nhịn khát. Bị đánh tới tấp, mề đầu sứt trán, bị lột trần truồng như nhộng, lại bị cái đói, cái khát hành hạ. Quả là đòn hiểm của quân thù - cái cú sốc này dễ nao lòng người lắm. Người cán bộ, đảng viên chúng tôi phải nhanh chóng ý thức được ngay lúc này không để cho bản năng chi phối. Cái bản năng sinh lý con người ta

lúc này mạnh lắm. Chao ôi! Hai vai tôi bị đánh sưng tấy lên, lại một cái lần ngực, mệt lả người mà không nằm được, ngồi cũng không ngồi nổi cứ rũ xuống, nhắm mắt vào thì nhiều ý nghĩ lung tung lộn xộn, mở mắt ra thì vàng khè, đom đóm nháy múa, bụng đói cồn cào, cổ rất nóng, chân tay rã rời. Lúc ấy một cái gì đó trong người tôi thức dậy: “Đây mới là pha đầu tiên của việc thử thách sự bền gan chịu đựng thôi. Phải bàn bạc với nhau, động viên nhau, dựa vào nhau để tìm cách đối phó với mọi sự khắc nghiệt này”.

Buổi chiều, hai người tù cũ, với thân hình gầy guộc, da sạm đen như cột nhà cháy, cũng trần truồng như lúc lọt lòng mẹ, ì ạch từ cổng gánh vào những bộ quần áo tù, những manh chiếu nhỏ, những cái gáo dừa. Họ phải dừng lại cách chúng tôi vài chục mét và phải trở ra ngay, chỉ có những ánh mắt ném lại một cái gì đó thân thương như lời thăm hỏi, như sự đồng cảm.

Mỗi chúng tôi được phát một quần đùi, một áo cộc bằng vải phin mỏng màu xanh, một manh chiếu con, một nửa cái gáo dừa còn đầy xơ để làm bát ăn cơm, hai thanh tre chưa vót còn vuông cạnh để làm đũa. Có “trang bị mới” nên có việc làm để xua đi không khí ảm đạm phiến muộn. Những gáo dừa được xiết mạnh xuống nền xi măng, những thanh tre cũng mài như các thao tác công nghệ thời đồ đá. Cuối cùng thì những chiếc gáo dừa xù xì cũng hết xơ, những thanh tre cũng mòn cạnh để trở thành cái bát và đôi đũa của người tù.

Lúc công việc làm bát đũa đã hòm hòm thì cậu Nam từ phía cửa ra vào gọi:

- Anh em ơi, ra mà xem này.

Tôi nhìn qua lỗ hồng, nhưng không thấy gì nữa, Nam kể:

- Thế này nhé, có hai người tù trần truồng như ban này hình như gánh cơm đến đây. Nhưng sao họ không được mặc quần áo nhỉ? Bọn thống trị muốn biến chúng ta thành những người rừng à?

Chưa ai kịp có ý kiến gì, thì tiếng khóa, tiếng xích va nhau loảng xoảng và hai lần cửa sắt được mở ra. Bọn giám thị hạ lệnh ra ngoài 30 phút ăn cơm.

Cứ 10 người một mâm, không phải mâm tròn, mâm chõng, cũng không phải mâm khay vuông, chỉ vắn vắn có 3 thứ để dưới đất: một cái hộp gỗ miệng hơi loe đựng cơm, đúng như cái máng lợn ở quê nhà; một cái hộp gỗ nữa nhỏ hơn, hình vuông như cái khay đựng muối ở chợ, đựng ít cá khô thối kho với muối; một cái muôi xúc cơm bằng một mảnh gáo dừa.

Bữa cơm tù đầu tiên trên đảo và những tháng ngày năm sau này cũng thế, cơm là một thứ gạo đỏ, gạo xay không sát còn nguyên vỏ gạo, hạt cơm nứt ra từng khúc, cứ 7, 8 hạt cơm có 2, 3 hạt thóc cũng nứt vỏ trấu há mồm, nếu nhặt vớt đi thì hết cho nên anh em nhai tuốt, loại cơm này ở quê đồng bằng chỉ để nuôi vịt. Đã thế lượng cơm cũng chẳng có nhiều, có mâm nếu làm một lèo thì mỗi người một bát lùm lùm; nếu làm 2 lèo thì được 2 lưng bát. Phải nói, nhà cầm quyền ở đây đã tính toán đến mức đơn giản nhất, đến con số nhỏ nhất, đạt đến tâm “vi mô”, cốt sao nhất thời, người tù hồn chưa lìa khỏi xác. Tôi muốn nói thêm: Trong thời gian bốn tháng đầu, đoàn chúng tôi bị cầm cố, các bữa ăn đều không có rau xanh, chúng tôi đã hái

trụi những ngọn cỏ dại ở sân banh để ăn uống. Bệnh kiết lỵ và quáng gà phát triển.

Sau bữa cơm chiều, bọn giám thị thì lại dùng roi xua đuổi bắt xếp thành hai hàng dọc. Chúng quát: “Đù mẹ chúng bay, bát đũa giữ lấy mà xài, mất không có phát, cởi quần áo ra để khám”.

Anh Thọ, một tay cầm quần áo của mình, một tay chỉ vào anh em với những vết thương ngang dọc trên lưng, trên đầu, trên cổ còn bầm tím và rỉ máu. Anh yêu cầu cho thầy thuốc đến khám và cho thuốc, bọn giám ngục giả điếc như không nghe thấy gì hết, thúc mọi người và bắt đầu khám xét. Chúng tôi cởi truồng xếp hàng vào khám giam. Hai thằng giám thị đứng hai bên cửa sắt. Từng người một vào, trước hết chúng nắn quần áo xem có gì không, người tù trần truồng cúi gập người, hai tay giơ ngang, các ngón tay xòe ra, trừ hai ngón cầm quần áo, rồi mồm há to để chúng khám mồm, rồi đứng một chân, còn một chân giơ cao duỗi ra để chúng khám hậu môn. Sau đó vào khám ngồi xếp hàng năm, chúng cầm roi song, đầu có mấu to, bổ vào đầu tù để điểm số, sau khi chúng ra khóa hai lần cửa, tù nhân bấy giờ mới được đứng dậy. Việc khám này, ngoài đảo gọi là “điều múa phượng hoàng”, không phải chỉ có thủ tục lúc đầu, mà ngày hai lần đều phải khám xét suốt cả thời gian chúng tôi bị giam ở banh II Côn Đảo.

Tối hôm ấy, tối đầu tiên ra đảo, sau giờ giới nghiêm, ê chê mệt mỏi mà thao thức mãi. Hồi chưa bị bắt, nghe chuyện các cụ thời xưa đi Côn Đảo, tôi vẫn chưa hình dung được hết thế nào là địa ngục trần gian. Nay mới bước chân lên đảo đã được

nắm trái cảnh tôi bởi roi vọt man rợ thì đã thấy phần nào. Những cú đánh phủ đầu, những kiểu hành hạ người tù đây man rợ đã là một tiền lệ có từ nhiều năm, là một thứ thủ tục nhập môn của chúa đảo. Thực tình mà nói, đôi lúc nghĩ miên man cũng thấy chồn chợn. Nhưng lại tự nghĩ rằng, mình đã từng là một bí thư chi bộ, là một chủ tịch lãnh đạo xã chiến đấu kiên cường giữa đường 39 không lùi bước trước kẻ thù, đã từng được tin nhiệm của anh em làm lãnh đạo giữa Hỏa Lò gian khổ, thì không có lẽ gì tỏ ra hèn kém. Trong lúc căm thù có chiều sâu âm ỉ, không có cách nào khác là phải quật cho cái lò lửa âm ỉ này của mọi người bùng cháy lên. Nhưng trước hết phải xác định lại mình để có ý chí vươn lên.

Nhập môn liên đoàn, đối mặt với kẻ thù

Một mỗi và miệt mài chấp chờn trong suy nghĩ thì bỗng nhiên có ba tiếng đập mạnh bằng chân xuống nền nhà, rồi từ nóc nhà phía hồi tường gian kề cận có một vật nhỏ được ròng bằng một sợi dây thả xuống. Đó là một bức thư và một mẫu bút chì, bức thư là một thứ giấy vỏ bao thuốc lá *Job* xanh. Kề bên khám chúng tôi là khám biệt lập⁽¹⁾. Anh em biệt lập gửi thư cho chúng tôi, anh Thọ xem thư, sau đó đọc cho mọi người cùng nghe. Đây là bức thư của Ban Chấp hành Liên đoàn Tù nhân liên khu Nguyễn Đình Chính (khám biệt lập) gửi hỏi thăm động viên anh em chúng tôi, thông báo cho tình hình ta,

(1) Khám biệt lập: Tù biệt lập, dịch coi là “trọng tội”, cùng với tù cầm cố và tử hình chỉ ở trong khám không đi làm, chỉ có tù khổ sai 5 năm, 10 năm, chung thân là đi ra ngoài làm.

địch ở Côn Đảo, hướng dẫn một số việc phải làm và yêu cầu anh em miền Bắc cho biết tình hình của đoàn và tình hình chung. Sau khi hội ý, anh Thọ đã viết thư vào đầu dây, rồi theo lời dặn giật ba cái, ở bên kia thu dây và thư về.

Không khí trong khám giam bấy giờ nhộn nhịp và phấn khởi hẳn lên. Tựa hồ như trời đang oi bức ngột ngạt, nay có luồng gió mới thổi về làm cho cơ thể mát mẻ, tâm hồn tươi dịu, đầu óc sáng khoái, sáng suốt. Thế là đây có Đảng lãnh đạo, có tổ chức của tù nhân, chúng ta sẽ sống và chiến đấu có sự lãnh đạo, có đoàn thể.

Đoàn tù mới ra này, địch giam ở khám 6 và khám 7. Cùng ở Hỏa Lò ra đây, các anh Thọ, anh Ngọ Đại Tập, anh Tụy Lực Điền, anh Viễn Song Mai đều ở khám 6 và chúng tôi bầu anh Thọ làm đại diện. Ở khám 7, anh em bên đó cử anh Hoàng Bách làm đại diện.

Đến giờ ăn, ra tắm rửa anh Thọ, anh Mai, anh Viễn Hải Phòng cùng một số các anh là Huyện ủy và cán bộ hội ý bàn bạc để củng cố tổ chức, đã cử ra ban chỉ huy lâm thời để liên lạc với Đảng ủy của đảo và làm đơn tập thể để tất cả mọi người (111 người) gia nhập Liên đoàn Tù nhân Côn Đảo lấy tên là liên khu “Trần Thành Ngọ”. Sau đó, chúng tôi bàn đến việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ (ngày 19/5). Để củng cố tinh thần đấu tranh, cổ vũ hào khí cách mạng thông thường chúng tôi phải nhằm vào các ngày kỷ niệm. Thế nên phân vai mỗi người một việc. Bí mật quan hệ với anh em cũ nên cũng kiếm một cái áo may ô tháo ra nhuộm thuốc đỏ và ký-ninh để làm cờ - họa sĩ Trịnh Vượng thì vẽ hình Bác Hồ. Rồi cũng làm

được bàn thờ Tổ quốc. Việc kỷ niệm về hình thức thì quá đơn giản, nhưng rất xúc động. Các anh Thọ, Viễn thay nhau nói chuyện về Bác và động viên tinh thần của anh em, hô hào làm theo lời dạy của Bác. Có anh đứng lên ngâm thơ về Bác, nghe cảm động lắm, ví dụ như:

*“Cháu dù thịt nát xương rơi
Cũng không quên được những lời Bác răn”*

Hay:

*“Lao tù của thực dân
Sẽ biến thành trường học
Cháu luyện rèn tài đức
Cháu tôi chí căm thù...”*

Buổi kỷ niệm này ý nghĩa thật sâu sắc, trang nghiêm. Trong lúc đó, bọn lính da đen, bọn giám thị thì vẫn đi đi lại lại ở bên ngoài không thấy chúng tỏ thái độ gì.

Ngày hôm sau, vào khoảng 8 giờ sáng, giữa bốn bề không gian ảm đạm của nhà tù, đột nhiên có một lực lượng ập đến. Chúng mở cửa các khám, rồi bọn giám thị, cai tù, lính da đen sắp banh chỉ huy, mỗi đứa đều cầm roi da, roi song, thanh củi tấn công vào các khám, đánh tới tấp vào anh em tù. Nó phang, nó đập hàng tiếng đồng hồ làm cho 111 anh em người nào cũng vỡ đầu, toạc da, chảy máu, mặt mũi sưng vù, nhiều anh em nằm ngất lịm tại chỗ. Trận khủng bố phủ đầu khi nhập khám, nhiều anh em vết thương chưa lành hẳn, nay lại bị trận khủng bố răn đe này nữa nên trong anh em không phải không có người hoang mang, dao động. Nhất là sau trận đánh, thằng địch bỏ mặc không cho thuốc men gì, mãi 7 ngày sau, anh em

chửi rửa chúng nhiều quá, chúng mới phái y tá người Việt đến cho một ít bông và thuốc đỏ.

Trước tình hình căng thẳng này, chỉ huy lâm thời và anh em chúng tôi không sồn lòng, tiếp tục củng cố động viên tinh thần anh em. Tiếp đó, chỉ ủy chủ trương tập hợp một số anh em có trình độ biên soạn tài liệu "*Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*" của đồng chí Trường Chinh. Chúng tôi đã tổ chức học tập trong hai tháng - kết quả trông thấy rõ. Mọi người củng cố được lòng tin, chấp nhận sự đấu tranh quyết liệt một mất một còn này trong chế độ hà khắc của kẻ thù.

Anh em chúng tôi trao đổi và nhấn mạnh rằng dù tình hình địch đối xử dã man đến thế nào đi nữa, chúng ta mang danh là đoàn tù binh ở ngoài Bắc vào chỉ có thể đứng ngang hàng với các chiến sĩ Nam Bộ đã có mặt ở đây. Hơn nữa, tình thế của cuộc chiến tranh anh em ở ngoài Bắc chắc còn sẽ vào, chúng ta là đoàn tù binh đầu tiên không thể để kẻ địch dập được ý chí chiến đấu. Những suy nghĩ ấy tạo ra sự quyết tâm trong đấu tranh lúc này.

Tháng 10 năm ấy, đoàn tù binh thứ hai, mười ba người ra đảo. Rồi tháng 7 năm sau (năm 1952) đoàn thứ ba, rồi thứ bốn, rồi thứ năm... Con số lên đến gần 500 người vào cuối năm 1952. Cứ mỗi lần có đoàn ra thì trong lòng tôi lại dấy lên một niềm đau xót thương cảm anh em bị bắt nhiều. Nhưng mặt khác lại thấy mình không cô đơn, hàng ngũ sẽ được vững mạnh. Và điều quan trọng hơn cả là lòng tự hào với niềm kiêu hãnh tự tin trong việc đối mặt với kẻ thù của đoàn tù binh đầu tiên.

TRẬN BẾN ĐẦM

*Hoàng Tiến**

Mùa hè năm 1991, tôi trở lại Bến Đầm, Côn Đảo, nơi đó vào năm 1952, chúng tôi - những người tù lao động khổ sai, tay không đã bắt gọn một trung đội lính Âu - Phi, tước vũ khí, làm 5 thuyền vượt biển tự giải thoát. Thời ấy, thực dân Pháp sử dụng lực lượng tù nhân làm con đường nối thị trấn Côn Đảo ra Bến Đầm, một hải cảng cho tàu bè ra vào. Khi Côn Đảo về chính quyền ta, được biết cũng có dự án xây dựng bến cảng ở đây cho huyện đảo. Thời gian qua đi, tưởng đã khác xưa không ngờ cảnh quan vẫn thế, vẫn những cành cây hoang dại vương lối đi, vẫn những tảng đá “trơ gan cùng tuế nguyệt”. Có khi lại là hay với những người hành hương về chốn cũ đã gợi nhớ về chốn xa xưa, một thời trai trẻ đầy những chuyện bí hùng.

*

* Hoàng Tiến quê Bình Kiều, Châu Giang, Hải Hưng. Khi bị bắt là chính trị viên huyện đội Khoái Châu, Hưng Yên. Khi về hưu ông làm bí thư chi bộ trạm máy kéo huyện Mỹ Văn, Hải Hưng.

Lúc ấy, tôi 24 tuổi, tuy bị đầy đọa không ít gian khổ, nhưng vẫn sung sức hơn anh em. Tôi được Đảng ủy nhà tù giao làm chỉ huy phó lực lượng quân sự ở đảo giúp anh Phan Du chỉ huy trưởng, được trực tiếp làm đại đội trưởng đại đội Quyết Thắng là mũi xung kích I ở Bến Đầm. Thực ra, chức chỉ huy phó chỉ là công thức quân sự khi ra trận để có người thay thế người trưởng khi cần thiết, còn thực chất tôi lo hoàn thành việc của đại đội cũng là một lắm rồi.

Công việc mà Đảng ủy giao cho mũi xung kích Bến Đầm rất nặng nề. Chúng tôi phải lo làm thuyền, đào hầm cất giấu, luyện tập và khi chiến đấu là bộ phận mở màn đột phá và quyết định tình thế cho toàn bộ.

Tuy vậy, tôi rất yên tâm, vì lúc nào anh Phan Du cũng ở bên cạnh để chỉ dẫn mọi chuyện. Hơn nữa, các đảng ủy viên trong nhà tù có mặt cả hai nơi Bến Đầm và mũi Cá Mập, 5 trong số 7 đồng chí trong Đảng ủy: các anh Văn, Mai, Viễn, Thọ, Du. Vì thế, đường đi nước bước cho trận đánh tôi rất tin tưởng, chỉ lo làm sao bỏ hết nhiệt tình, sức lực và sự khôn ngoan để thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, tôi còn yên tâm ở tập thể ban chỉ huy và chỉ ủy đại đội của tôi. Tôi là phó bí thư chi bộ, anh Ngọ (Đại Tập, Châu Giang), anh Đán (Kim Thành) là chỉ ủy viên và là chính trị viên trưởng và phó của đại đội này. Các đảng viên và chiến sĩ bên dưới là các tiểu đội chiến đấu, lồng vào tổ lao động khổ sai, mà tổ 3 người là nòng cốt chân rết, tổ chức rất chặt chẽ.

Việc trước hết là lo tạo các nguyên liệu làm thuyền, đào hầm cất giấu các phương tiện. Tù nhân và lính hàng ngày kè

kề làm việc cùng nhau, làm sao mà giữ được bí mật, không bị tiết lộ hành động của mình. Công việc của cả đảo tập trung vào một mối mà điểm quyết định phải ở Bến Đầm này, công việc thật không giản đơn chút nào.

Chúng tôi tạo ra một không khí thoải mái với bọn lính gác, làm cho chúng chủ quan mất cảnh giác. Vì vậy, trong lao động khổ sai, sức khỏe vốn đã giảm sút gây yếu vì nhiều năm tháng ăn uống kham khổ, nhiều người bị cùm kẹp tra tấn chưa lại sức, nhưng khi lao động khổ sai lại phải làm ra vẻ tận tụy, ngoan ngoãn để vừa lòng bọn chỉ huy và lính. Bọn chúng sai khiến, anh em đều chấp hành răm rắp làm tốt mọi công việc, không có hiện tượng phản đối phá phách gì mà họ thường thấy ở nhiều đám tù khác, tạo ra một không khí hòa thuận, không có gì chống đối nhau. Đến nổi tên quản Boócđơsun chỉ huy ở đây đã khen ngợi:

- Các bạn là những người lính có kỷ luật, các bạn làm rất tốt.

Lợi dụng lúc đó chúng tôi trả lời:

- Có gì đâu, chúng tôi nghĩ chiến tranh phải một thời gian nữa mới kết thúc. Ở đây thế này cũng tốt, chúng tôi chờ hết chiến tranh thôi.

Hắn nói: “Đúng thế” và vui vẻ bỏ đi.

Với bọn lính, chúng tôi đã tạo được sự gần gũi nhưng không quên giải thích để họ biết, họ cũng như ta, bị áp bức và đời sống gia đình nghèo đói. Có những ngày nghỉ, cùng lính ra bờ biển tắm chúng tôi lợi dụng lúc này tập vật với nhau ở bãi cát, bọn lính thấy hay cũng vật với anh em, thành ra ta được tập vật với đối tượng thật để biết được mạnh yếu ra sao.

Chúng tôi còn trồng rau, làm giàn mướp, bứng cả những cây dừa con về trồng xung quanh lán, và bảo bọn lính rằng, bây giờ làm đường, rồi mai đây còn làm cảng, trồng nó cho đẹp. Và lúc làm cảng chắc là hết chiến tranh, chúng tôi về là vừa. Chúng cũng tin là như thế.

Khi làm lán trại để ở, chúng tôi đã kết hợp với việc làm thuyền vượt biển. Cây song với danh nghĩa lấy về đan sạp nằm, nhưng thực tế là chẻ ra đan mê thuyền. Sạp nằm trong lán chính là mê thuyền dài 8m rộng 4m. Những đoạn gỗ tre làm thang sạp được cưa cắt đúng kích thước để dùng cho con thuyền, những cây song to uốn lại quanh mép sạp cũng tính toán vừa đủ cho cạp thuyền. Khi làm lán trại cho ta và cho lính thì có bộ phận lao động khổ sai công khai vào rừng để khai thác nguyên liệu, khi làm lán xong cũng vẫn còn một bộ phận nhỏ vào rừng lấy song mây về đan sọt đựng đá rải đường.

Những lúc thiếu nguyên liệu theo thiết kế con thuyền, những người phụ trách chúng tôi muốn thực tế đi vào rừng để khảo sát và khai thác. Đã có vài lần, xin tên quản vào rừng kiếm rau xanh, lấy cỏ đó tôi và vài đồng chí đã đi tìm song mây và những vật liệu làm thuyền, tất nhiên là không được quên là phải mang về những thứ rau ăn được và nhất là những đọt cây móc để thực sự cải thiện bữa ăn. Có hôm tôi còn trèo dừa định mang về, tiện thể tặng tên quản vài quả để lấy lòng hấn mà làm nhiệm vụ, bị ong đốt khắp người được một mẻ khiếp vía.

Khi làm lán xong thì phải tổ chức đào hầm để cất giấu những thứ không thể kết hợp công khai được khi làm lán,

chúng tôi đã chọn một gò đất cao ít đá tảng, khi nhà làm xong thì hầm đào luôn trong nhà. Đào hầm, chống hầm như kiểu đào chống lò than, vì trong nhà chúng tôi một số các anh là thợ mỏ Quảng Ninh. Cát đá đào hầm san ra nền nhà rồi dùng lớp sỏi rải lên. Lâu lâu lại làm sập giường, xin bọn chỉ huy lính cho dọn vệ sinh làm lại sập nằm, nhân đó mà dọn bớt đất ra ngoài.

Có một lần, công việc làm thuyền đang tiến hành, vật liệu ngổn ngang, miệng hầm đang mở thì viên quản Boócđơsun vào cửa lán. Lập tức một người cất tiếng hô lớn: “Gácđờbu” (đứng nghiêm). Mọi người rậm rập, đứng nghiêm sát lại nhau che kín miệng hầm. Viên quản vui vẻ chào lại, nhanh nhẹn, anh Phan Du khoe và dẫn hẳn ra xem giàn mướp trĩu quả trước cửa lán.

Cả trăm con người chúng tôi ngày đi làm khổ sai, tối tối thay nhau đào hầm giấu thuyền, tạo tác các phương tiện vượt biển, tháng này qua tháng khác, gian khổ, kiên trì, bí mật và quyết tâm. Những tối làm thì chúng tôi ca hát vang lên để che lấp tiếng cuốc xẻng đào hầm thành thịch phía dưới. Khi nấu nhựa đường để sơn bọc thuyền thì phải đốt cá khô cho khét um lên át mùi nhựa đường. Đại khái anh em cũng có nhiều mẹo vặt để che giấu địch.

Có hầm thì mới có nơi cất giấu các phương tiện vượt đảo và làm thuyền. Những súc kaki, vải bạt, những tấm áo quần anh em gom lại, bằng mọi nguồn, mọi đường dây đưa về lán. Vải tốt thì sơn và quét nhựa đường bọc làm vỏ thuyền. Quần áo thì tháo ra can lại làm buồm thuyền. Anh em các lao toàn đảo tập trung quỹ mua sơn, mua vải, chịu mặc rách, dành quần áo lành để gửi tới. Trong hầm còn chứa nhiều thức ăn,

cơm khô tẩm đường, nước ngọt, thùng làm phao, thuốc men, dụng cụ đồ nghề... Phải nói rằng công tác tổ chức của Đảng ủy rất tinh vi, tỷ mỉ, kín đáo, đầy đủ. Là phó chỉ huy, nhưng thật tình tôi cũng không biết tổ chức từ nguồn nào, đến bằng cách nào v.v...

Cuối cùng, chúng tôi cạp được hai thuyền đan bằng tre và song, sắm matít ở dưới hầm. Matít tự tạo bằng xơ đay, vôi và dầu luyn. Làm được ba thuyền khung bằng tre gỗ và đan cạp song, bọc vải sơn. Chuẩn bị đầy đủ vải sơn, bọc thuyền và vải làm buồm đã khâu sẵn. Lèo, lái cột buồm tay cộc chèo đầy đủ cho năm chiếc thuyền. Lương thực, thực phẩm, nước ngọt, dụng cụ đồ nghề cũng chuẩn bị đầy đủ, chỉ còn đợi ngày khởi sự.

Trước giờ bắt lính để vượt biển thật là hồi hộp. Ngày 12/12/1952, vào lúc 11 giờ trưa, tiếng kèn tan tằm vừa dứt, 20 tên lính Phi khoác súng dẫn chúng tôi ở hiện trường lao động về lán. Lập tức, đội hình được dàn trải. Chúng tôi đã tập dượt hàng mấy tháng cách đi đứng để có thể thực hiện việc tóm gọn bọn lính, để bây giờ trên đường về lán bình thường như mọi ngày, làm như mệt mỏi, uể oải, anh em dàn thành một hàng dọc song song về phía núi. Vừa đi, thỉnh thoảng anh em còn tán gẫu, gây cười với bọn lính.

Lúc đó, anh Phan Du đi đến mồm đất cao quan sát thấy việc dàn trải của trận địa đã đạt yêu cầu, liền phát lệnh. Chiếc khăn trắng vừa phát lên thì tiếng xung phong vang dội. Tôi đi sau cùng hàng quân nên có điều kiện quan sát được toàn trận địa. Từng tổ xông vào, cứ ba người một tên lính, người khóa tay tước súng, tước lê, người ôm chân, vật lộn. Trước khi nhảy

vào bắt lính, toàn bộ dụng cụ như xẻng, cuốc, đòn, xảo đều vút lại phía sau và xông vào tay không. Động tác đầu tiên là tước lấy súng và lê, sau đó mới là động tác bắt trời vì lệnh chiến đấu đặt ra là “ba không” tức là không được nổ súng, không được để chết người và bị thương kể cả ta và địch, không được để một tên lính chạy thoát, thế mới khó. Vì thế, quân ta lẫn xả vào bám chặt tên lính Phi, tước súng đầu tiên. Lính khỏe gạt phăng quân ta ra. Không giằng được súng, khi nó mở cơ bấm định bắn như tổ anh Xuyên ném luôn một nắm cát vào, nó không bắn được nên tổ anh Xuyên mới bắt được tên này. Nhiều tổ tước được súng rồi nhưng vật nó không ngã, không chịu trời, lại vẫn sáng kiến dùng loại hỏa mù đó là cát đường ném vào mặt mới bắt được. Cá biệt có một tên sống ra vớ được cái xẻng định phang lại anh em ta, thật nguy hiểm nhưng một đồng chí ta đã giơ súng dọa bắn, hắn mới chịu buông xẻng. Nhưng ngay lúc đó, những đồng chí biết tiếng Pháp đã nhanh miệng nói là ta không có ý gì làm hại họ, chỉ giữ họ để vượt ngục thôi. Những tư trang của họ như đồng hồ, nhẫn, ví đựng và tiền không đụng vào. Tình hình sau đó dịu đi ngay.

Ở lán lính, có bốn tên ốm ở nhà treo súng trong lán xuống bếp xem nấu ăn. Nơi đây đã bố trí đầy đủ số người chuẩn bị sang lán cướp súng, kể cả kế hoạch để thêm người dự phòng tên quân có thể về lán sớm trước bọn lính. Lúc này, còn có ba tên lính dựng súng xuống biển tắm, ba nhóm chín người của ta cũng vờ xuống mép nước rửa chân, bám sát. Khi ở mặt đường có lệnh chiến đấu, thì lúc này toán ở lán cũng vượt rào sang lán lính, tước súng, bắt gọn bốn tên, toán ở bờ biển xông lên cướp súng ngay và bắt gọn ba tên đang tắm.

Toàn bộ hiện trường giải quyết xong trong khoảng năm phút không phải bắn một phát đạn, không gây thương vong, bắt gọn không để một tên chạy trốn, thực hiện được yêu cầu “3 không” của trận đánh. Riêng Boócđơsun đi chơi trên núi thấy ta bắt lính, chạy trốn vào rừng, sau đó cũng bị bắt ngay.

Cùng với đại đội xung kích hai (mũi Cá Mập) giải quyết xong chiến trường, chúng tôi bật hầm lên ghép thuyền, bọc thuyền hạ thủy, giương buồm vượt biển... Tất cả chúng tôi vui mừng, chứa chan hy vọng. Đồng chí Ngô Minh Cương có vịnh:

*“Thuyền bên kia tiến hơn ta một tý
Thi đua nào ta cố tiến lên mau”*

*

Vịnh Bến Đầm Côn Đảo

*Lính già kể chuyện ngày xưa
Côn Lôn có trận giữa trưa Bến Đầm
Tù binh vện có một trăm
Cả đơn vị giặc mọi thằng lẫn queo
Năm thuyền trước bốt như cheo
Nào sấm nào chọc buông lèo vẫn dương
Phũ phàng ngọn gió vô lương
Gây nên nỗi nhớ tình thương âm thầm
Biết mình còn sống bao năm
Về thăm Côn Đảo Bến Đầm nhớ lên
Viết sử thì nhớ chớ quên
Ghi thêm vào đó một thiên trận Đầm.*

*

Tháng 5/1991, sau 39 năm tôi được về thăm chốn cũ, “cảm hoài” sự kiện xưa nên viết mấy câu làm kỷ niệm:

*Cổ Sơn ngực cổ dương niên tại
Ngô chiến tây hung sử sử lai
Tái hồi thử địa tâm ưng tắc
Côn Đảo ba đào sĩ khí khai.⁽¹⁾*

Trần Đông ghi

(1) Thơ Hoàng Tiên, tạm dịch:

Núi xưa ngực cũ nay còn đó
Ta đánh Pháp (nên mới) đến chốn này
Được thỏa lòng trở lại đất ấy
Côn Đảo lộng gió (mà) sĩ khí (người chiến sĩ) càng cao.

BỐN NĂM TÙ Ở CÔN ĐẢO

*Phạm Bạt Tuy**

Tôi là Phạm Bạt Tuy, sinh năm 1927 cán bộ tiền khởi nghĩa ở thôn Bắc Khu, xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Cả gia đình tôi bị giặc Pháp tàn sát rất dã man, nhờ có nghĩa quân đã cứu sống cha tôi. Tôi quyết tâm làm theo lời cha trước lúc đi xa đã dặn dò: “Con phải thay cha trả thù nhà và đền nợ nước”.

Tháng 3/1945 tôi là bí thư Việt Minh phụ trách khu vực đường 39 từ cầu Lục Điền đến Bô Thời huyện Khoái Châu.

Thằng quan ba bớt Lục Điền tìm mọi cách dụ tôi làm việc cho nó nhưng tôi kiên quyết từ chối, nó đưa tôi vào tù Hỏa Lò. Vào Hỏa Lò - Hà Nội tôi là cấp ủy sà 6. Chúng tôi đang thực hiện kế hoạch vượt Hỏa Lò thì thằng Lê Quốc Vinh là cán bộ tiểu đoàn đơn vị X, trước đây là đội sếp của Pháp về ta là tiểu đoàn trưởng bị bắt đầu hàng giặc báo nhà tù bắt 11 cấp ủy Hỏa Lò đưa đi Côn Đảo.

Hôm chúng tôi vừa bước chân lên Cầu Tàu Côn Đảo, thằng chúa đảo Giắcty nói: “Jei c'est pouloncondor” (đây là Côn

* Cựu tù chính trị Côn Đảo.

Đảo). Vừa dứt lời gần một trăm lính da đen tay cầm roi song rất to đánh chúng tôi liên tục từ Cầu Tàu về banh II. Có nhiều đồng chí vỡ đầu máu chảy ướt đầm áo. Sau đó chúng tôi lại bị trận đòn thứ hai. Vẫn những tên ác ôn đã đánh chúng tôi ở Cầu Tàu, hôm nay lại đánh liên tục. Có nhiều đồng chí đã chết ngất, anh Lam ở Hải Phòng bị chết tại chỗ. Đầu tôi cũng bị vỡ lần thứ hai. Tôi đã bảo một số anh em trẻ khỏe cùng tôi nằm lên trên các đồng chí bị chết ngất để chịu đòn. Nếu không cứu nhau có nhiều anh em sẽ bị chết. Đây là thủ tục đầu tiên ở Côn Đảo.

Ra Côn Đảo, tôi là cấp ủy của tù binh trong Ban Chấp hành Liên khu Nguyễn Bình, phụ trách khu chuồng bò sau đó là đại đội trưởng tù binh chỉ huy chiến đấu ở trại lính.

Nhiệm vụ chủ yếu của chúng tôi là phải đấu tranh giành quyền sống, phải tìm mọi cách để về với Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Vượt Côn Đảo là mục tiêu phương hướng hành động của chúng tôi. Tù binh chúng tôi tay không có một tác sắt, chúng tôi đã làm được một cái cửa xẻ gỗ, đã có đủ vật liệu đóng hai cái thuyền gỗ cho 120 người vượt biển. Ở Côn Đảo từ xưa đến nay tù nhân thường làm thuyền bằng vải sơn cho hai đến ba người vượt biển. Tù binh làm quy mô lớn quá không giấu kín được đã bị bắt, một số đồng chí bị địch tra tấn đánh đập trong ba tháng.

Sau vụ thất bại này, Đảo ủy quyết định phải giải phóng gần 3.000 tù về với tổ quốc. Kế hoạch này tuyệt đối bí mật, Đảo ủy giao cho ai làm việc gì thì biết việc ấy, đề phòng khi bị bắt không vỡ cơ sở, không hỏng việc lớn.

Đồng chí Văn Hiến - Bí thư Đảo ủy giao cho tôi trực tiếp

chỉ huy chiến đấu ở trại lính phải tiêu diệt đại đội lính Âu - Phi 104 tên. Đầu tiên phải bắt sống chúa đảo Giắcty bắt nó phải kêu gọi toàn đảo đầu hàng, sau đó đem nó về làm lễ tế cờ. Bộ phận của tôi phải lấy sơn ở trại lính để làm năm cái thuyền vượt biển ngày 12/12/1952. Sơn này chúa đảo quản lý, lấy được hộp sơn rất khó, tôi đã gợi ý chúa đảo cho sơn lại gần 100 bộ cánh cửa để lấy cắp sơn nhưng mang được hộp sơn ở trại ra Bến Đầm rất khó vì chúng khám xét rất kỹ, không cho tù mang một mẫu bút chì, một bao giấy thuốc lá. Trong 8 tháng chúng tôi đã lấy được 70 hộp sơn bảo đảm an toàn. Bộ phận của tôi làm nhiệm vụ cơ động toàn đảo, rút lui sau cùng, được trang bị một ca-nô tốt nhất, vũ khí mạnh nhất. Nhiệm vụ của chúng tôi rất quan trọng, anh em rất phấn khởi, quyết tâm thực hiện thật tốt.

Trong gần hai năm chúng tôi làm ở trại lính, thời gian đầu thằng Giắcty - chúa đảo bắt lính đánh tù rất ác. Thằng lính nào ngày hôm đó đánh tù chảy máu, bữa cơm tối chúa đảo thưởng cho uống rượu, thức ăn tăng gấp đôi, có phiếu đi ngủ với gái điểm không mất tiền. Thằng nào không đánh tù bị phạt không được uống rượu, thức ăn chỉ còn một nửa. Thủ đoạn này làm cho lính thi nhau đánh tù. Chúng tôi đã làm công tác tuyên truyền cho lính hiểu rõ Việt với Phi là bạn cùng chung một kẻ thù là Pháp, không được đánh tù, phải thương yêu giúp đỡ nhau... Chúng tôi biết từ chúa đảo và bọn cai, lính rất thích làm các đồ kỷ niệm như thêu áo gối, khâu tay, các đồ gỗ quý làm ba-toong, hộp thuốc lá, đôi môi, vẽ truyền thần v.v... Chúng cần làm thứ gì, chúng tôi đều bắt phải cung cấp đủ vật liệu. Dựa vào công việc này chúng tôi đã làm được nhiều thứ hàng có giá trị, đổi lấy các thứ cần thiết để phục vụ cho các đồng chí

bị ốm đau. Tình cảm tù và lính ngày càng thân mật. Chúng tôi biết bọn lính da đen thích xem bói. Chúng tôi phân công từng tổ chiến đấu có trách nhiệm tìm hiểu cụ thể từng tên lính xem bố, mẹ, vợ, con gia đình như thế nào, tại sao sang Việt Nam, đi trận thương vong ra sao?... Sau đó nói với đồng chí đóng vai thầy bói biết rõ mọi việc, đồng thời ra báo tên lính này vào xem bói. Lúc này thầy bói nói đúng 100% nó phải gật đầu khen thầy nói đúng. Khi nó đã tin thầy bói nói tiếp: “Số anh sẽ chết ở Việt Nam không được gặp bố mẹ, vợ con...”. Phải nói cho nó khóc sau đó xem tiếp nói: “May ra thoát chết nếu không làm điều ác, không đánh đập ai...”. Từ đó những thằng ác ôn này thay đổi tính nết không đánh tù, đã trở thành người tử tế giúp đỡ tù nhiều việc rất quan trọng. Thằng chúa đảo thấy thằng nào không đánh tù, bèn cho về đất liền.

Tất cả những thằng lính về đất liền chúng tôi đều cho khăn tay có thêu hai bàn tay đen và vàng bắt tay nhau có chữ *Bon souvenir* (kỷ niệm tốt đẹp) bảo nó giấu kín, khi chạy sang ta, đưa vật này ra sẽ được ta đưa về nước. Chúng tôi được tin có một số lính da đen ở Côn Đảo đã ra hàng ta.

Căn cứ vào các mục tiêu chiến đấu ở trại lính tôi đã phân công các tổ lao động là tổ chiến đấu hàng ngày đi làm phải khéo kết hợp luyện tập theo kế hoạch của từng tổ. Phải tạo điều kiện làm ngay bên cạnh lính, khi có lệnh chiến đấu giải quyết nhanh gọn. Cả chúa đảo cũng phải ngồi im cho tù vẽ truyền thần, nhiều thằng rất thích ngồi xem tù làm những đồ kỷ niệm. Đây là cơ hội rất tốt cho chúng tôi chiến đấu bất sống địch.

Tôi trực tiếp huấn luyện cho các tổ chiến đấu dùng tay

không diệt địch. Bất cứ tên lính nào dù to lớn mạnh khỏe đến đâu, khi tổ 3 người áp sát đều quật đổ ngay. Anh đánh chính diện cầm điều thuốc lá đến trước một tên lính nói: “Mơsia đơn nê moa, duy phơ, phum mê sigarét” (Thưa ông cho tôi lửa hút thuốc lá), tên địch vừa bật lửa thì bị ta bóp đúng huyệt ở cổ, tắc thở không kêu được, nếu nó chống cự thì dùng đầu gối co mạnh thúc vào hạ bộ nó. Đồng thời anh đánh phía sau nắm chặt hai cổ chân địch, giật hất mạnh lên, đầu húc vào dít, nó bị ngã sấp, bắt gập chéo hai bàn chân ở hông dít, đồng thời ngồi đè lên hai bàn chân không cho nó cựa quậy, lấy dây trói gọn cả hai chân hai tay. Nhờ có động tác võ thuật này bộ phận Bến Đầm trong 5 phút đã bắt sống cả trung đội lính Âu - Phi ngày 12/12/1952.

Chúng tôi có thời gian chuẩn bị và tập luyện trong tám tháng, luôn luôn rút kinh nghiệm để hoàn thành nhiệm vụ của bí thư đã giao cho. Trong thời gian này đồng chí Văn Hiến phân công đồng chí Đoàn Duy Thành trực tiếp kiểm tra, đã tham gia góp nhiều ý kiến rất xác đáng, anh em rất phấn khởi, tin tưởng quyết tâm làm tròn nhiệm vụ. Tôi trực tiếp báo cáo với Bí thư Đảo ủy: “Chúng tôi xin bảo đảm bắt sống chúa đảo, đưa nó đi các nơi kêu gọi toàn đảo phải đầu hàng”.

Sắp đến ngày hành động tên Trần Quân Lập tự nhận là chính ủy trung đoàn xin vào làm ở trại lính. Tôi nghi ngờ Lập không phải là chính ủy. Tôi trực tiếp bảo Lập: “Anh không được vào bếp trại lính xin ăn, không được vào tổ chức tù phản động liên xã”. Lập nói: “Muốn bắt cọp phải vào trong hang mới bắt được cọp”. Tôi nói: “Việc này tổ chức ở đây đã phân công không phải nhiệm vụ của anh”. Tôi đã báo cáo với anh

Văn Hiến - Bí thư Đảo ủy: “Lập không phải là chính ủy, phải cảnh giác, không cho vào trại lính, không cho biết tí gì về việc của ta”. Sau đó tôi bị nhà tù bắt, tra tấn, đánh đập, 7 ngày đêm không khai thác được gì phải trả tôi về banh III. Anh Văn Hiến cử tôi trực tiếp chỉ huy chiến đấu ở banh III, sau đó chỉ viện cho trại lính và làm nhiệm vụ cơ động toàn đảo, giải quyết mọi việc thật ổn mới rút về đất liền.

Thời gian này nhiều đêm tôi không ngủ, phải làm việc rất nhiều, có con tắc kè ở trên nóc nhà cứ cất tiếng kêu như tiếng “sắp về, sắp về, sắp về” đã động viên chúng tôi càng quyết tâm rất cao nhất định phải về. Mùa gió chướng đã thổi từ Côn Đảo về đất liền. Tàu chở lương thực cho tù Côn Đảo đã ra, chúng tôi sẽ cướp con tàu này cho 3.000 tù về đất liền. Theo kế hoạch giải phóng toàn đảo, toàn bộ công tác chuẩn bị chiến đấu chúng tôi đã tập luyện nhiều lần rất tốt, đã sẵn sàng đợi lệnh tấn công. Theo kế hoạch, đúng trưa 12/12/1952 bộ phận Bến Đầm và Đầu Mom đã bắt sống toàn bộ quân giặc. Một số anh em cải trang làm lính da đen áp tải tù để tấn công vào trại lính, phối hợp với bộ phận ở trại lính tiêu diệt toàn bộ quân địch. Lúc này hai ô tô chở tù vào trại lính sau đó xuống banh III chở chúng tôi làm chỉ viện cho trại lính và đưa chúa đảo đi các nơi kêu gọi toàn đảo phải đầu hàng, và cơ động giải quyết mọi việc.

Đúng 14 giờ 30 tôi đứng trước cửa xưởng mộc chỉ huy các tổ chiến đấu ở banh III. Lúc này tất cả các tổ đã áp sát từng tên địch và quan sát nếu thấy tôi cầm khăn bông trắng to ở cổ ra xoáy 3 vòng tròn trên đầu, tất cả các tổ sẽ nhanh chóng bắt sống toàn bộ quân địch ở banh III và lên ô tô tấn công vào trại

lính. Toàn thể anh em rất phấn khởi nhìn thấy ô tô chạy vào banh III cứ giục tôi hạ lệnh chiến đấu. Tôi kiên quyết không ra lệnh vì đứng ở trên mui xe ô tô không có khăn bông trắng, không làm đúng ký hiệu của ta đã quy định. Sau khi xe vào banh III không phải người của ta, thật là hú vía. Nếu lúc đó tôi cứ hạ lệnh chiến đấu thì toàn bộ quân địch ở banh III sẽ bị bắt hết, nhưng khi vào trại lính bộ phận Đầu Mom, Bến Đầm không về lúc này rất nguy hiểm không biết xử trí như thế nào? Vì tình hình thông tin không có, mãi đến sáng hôm sau chúng tôi mới biết tin trong năm phút Bến Đầm đã bắt sống toàn bộ trung đội lính Âu - Phi. Bộ phận Đầu Mom để một tên lính chạy thoát về trại lính nên ta không tấn công trại lính, sợ bị động phải thực hiện phương án 2 giải thoát cho 200 tù vượt biển, anh em phải cấp tốc lắp ráp 5 chiếc thuyền vải sơn. Đến 16 giờ cùng ngày 5 chiếc thuyền ra khơi, chẳng may gió đổi hướng không vào đất liền làm cho 5 chiếc thuyền cứ lênh đênh ở giữa biển, hai cái bị vỡ, còn ba cái đến 17 giờ ngày 13 đã về gần đất liền thì bị máy bay, tàu chiến Pháp vây bắt. Cuộc vượt biển của ta không thành công, 81 đồng chí đã hy sinh, 121 đồng chí bị toà án binh Pháp kết tội giết lính. Rất may nhờ có luật sư Nguyễn Hữu Thọ (sau là chủ tịch nước ta) đã bào chữa tù Côn Đảo được trắng án.

Số tù binh chúng tôi còn ở lại ngày nào cũng bị nhà tù đánh đập rất dã man, bắt nhịn đói hai ngày. Bọn tù phản động báo nhà tù khám 1 chúng tôi là cơ quan đầu não chỉ huy toàn đảo, đã khủng bố chúng tôi rất ác. Nó đã bắt một số đồng chí cán bộ lãnh đạo nhốt vào chuồng cọp chờ ngày đem ra bắn. Anh Lê Đình Thụ, Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn là Thường vụ

Đảo ủy cử tôi trực tiếp chỉ huy các cuộc đấu tranh. Nhà tù thấy tôi hò hét chỉ huy anh em không đi chuồng cọp. Hơn 30 tên lính Âu - Phi tập trung bắt tôi đi chuồng cọp, 60 anh em tù kiên quyết kéo lại. Hai bên giăng co, người tôi thành dây kéo co, chân tay căng ra, lôi đi kéo lại. Tôi đau quá phải kêu to: “Các anh buông tôi ra nếu không người tôi sẽ thành hai mảnh”. Quân giặc lôi tôi ra sân, quật tôi xuống đất làm tôi chết ngất rất lâu, mãi sau mới tỉnh, chúng tiếp tục đánh và nhốt tôi vào chuồng cọp, chờ ngày đem ra bắn. Trong sáu tháng ở chuồng cọp, ngày nào chúng tôi cũng bị khủng bố liên tục. Tôi vô cùng luyến tiếc nếu hôm đó tôi cứ hạ lệnh tấn công, toàn bộ quân địch ở banh III sẽ bị bắt sống. Chúng tôi tấn công vào trại lính nhất định sẽ bắt chúa đảo, đưa nó đi các nơi kêu gọi toàn đảo phải đầu hàng. Điều quan trọng là phải nắm được thông tin, trong đất liền không biết ở ngoài đảo đã bị tù cướp đảo và phải chiếm được con tàu để về đất liền an toàn.

Sau vụ vượt Côn Đảo không thành công, một số cán bộ chúng tôi bị nhốt ở chuồng cọp chờ ngày đem ra bắn. Trong thời gian ở chuồng cọp chúng tôi đã làm bài thơ sau:

Tôi xin kể chuyện tù Côn Đảo

Cuộc đấu tranh áp đảo quân thù

Chúng tôi chỉ có tay không

Quân Pháp tướng mạnh binh hùng mà thua

Chiều hôm ấy

Hơn ba chục lính Phi

Vào khám tôi khủng bố

Anh Tuy là chỉ huy

Chẳng có đi đâu cả
Thằng quan ba tức quá
Thét tụi lính lôi ra
Thế là một hai ba
Bốn năm thằng vào kéo
Lệnh đấu tranh vừa báo
Quân ta đồn lại ngay
Từng hàng tay ghì chặt
Sẵn sàng chống khủng bố
Tây ồ vào lối nhố
Sấn lại kéo ta ra
Ta vừa giữ vừa la
Đả đảo quân khốn nạn
Việt với Phi là bạn
Đừng có hại lẫn nhau
Tây xung phong dợt dầu
Bị quân ta đánh bạt
Tây chồm dậy lật đật
Tấn công lần thứ hai
Lại bị bạt ra ngoài
Cứ thế Tây cố mãi
Mà cứ thất bại hoài
Trái lại ta dẻo dai
Chiến đấu càng bền bỉ
Trước tình thế sắp bí
Chẳng lẽ chịu thua ta
Thằng quan ba điên rồ
Sai quân đen đi trước

CÔN ĐẢO ANH HÙNG - BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

*Thúc tụi lính theo sau
Khủng bố một hồi lâu
Sau cùng đổi chiến lược
Cứ 10 thằng lôi 1
Nhằm những chỗ già yếu
Cứ thế kéo ta ra
Lúc đó về phía ta
Chiến đấu nhiều đã mệt
Đội ngũ bị tổn thiệt
Mất gần nửa số quân
Sức ta cứ yếu dần
Anh Tuy là chỉ huy
Bị chúng bắt mang đi
Nhốt ngay vào chuồng cọp
Chúng tiếp tục khủng bố
Quân ta lại đấu tranh
Có sức mạnh toàn banh
Ta đã giành chiến thắng
Trong đấu tranh với địch.
Tổ chuồng cọp*

Tôi còn làm bài thơ gửi cho “bà xã” để biết tình hình Côn Đảo!

Bu nó ạ

*Tôi viết thư về cho bu nó biết
Cái hôm mà giặc Pháp nó tấn công
Tôi ra đi nước mắt bu nó rùng rùng*

Làm cho tôi mũi lòng thương bu nó
Tôi viết thơ về cho bu nó rõ
Bốn năm tù tôi vô cùng cực khổ
Để thử thách tinh thần bền chịu đựng
Thôi thì đủ cả đòn mềm đòn cứng
Đi tàu bay thăm thủy điện, leo dây đu
Có anh đã chết cứng như Giêsu
May cho tôi được ăn nhiều đòn điện
Chết ngất nhiều không đau đớn như kìm khò
Như ruột gà, bơm nước, như bó giò
Và bắn thủ là cái trò dịch vận
Thật ghê tởm cho bàn tay quân tàn nhẫn
Giết người dân theo kế độc thực dân
Đây Côn Đảo đây nhà lao sát sinh
Nơi giam cầm hàng vạn tù binh
Hai vạn tù đã hy sinh trong ngục
Nhưng tinh thần thì không khuất phục
Bao căm hờn chồng chất đất Côn Lôn
Kia Sở Tiêu căm uất ngậm hờn
Có hàng ngàn chiếc thây không chiếu bó
Trên Đầu Mom những xương khô còn đó
Và Cầu Tàu thây ép dưới đá xanh
914 mạng đã tan tành⁽¹⁾
Ma Thiên Lãnh xây cầu cao trên đỉnh núi
Để lại nơi đây uất hận muôn đời.

(1) Trong khi xây Cầu Tàu Côn Đảo có 914 tù nhân đã chết.

Hòn đá rơi mấy mạng phải rơi
Không kịp ngáp ngàn người bẹp dí
Nghĩa địa Hàng Dương hai vạn tù rên rĩ
Bốn lần thây chất đống vùi nông
Những người thiệt mạng đã xong
Người còn sống sót trong vòng đau thương
Đời tù cơ cực trăm đường
Nào gông cùm xiềng xích khổ sai dày ải
Đêm đông gió rét mò cá ngoài khơi
Ngày hè vác đá rã rời chân tay
Rừng sâu bao tấm thân gãy
Đeo manh giẻ rách dẫn cây phá đồi
Xém da trong lúc nung vôi
Đục mìn đá lở là đời thác oan
Đi làm đòn đánh dã man
Về lao còn khổ muôn vàn đắng cay
Cơm ăn bữa một gạo dừa
Ăn thì chẳng được, sớm trưa nhừ đòn
Ốm đau thân thể gãy mòn
Khám bệnh không thuốc lại còn xà lim
Kẻ tội ác giặc vô cùng khủng khiếp
Mối thù này phải diệt thực dân
Mong bu nó sẽ góp phần
Cùng tôi tranh đấu diệt quân bạo tàn.

Tổ chuồng cọp

VƯỢT NGỤC

*Phạm Quý Tuyền**

Tóm tắt thời gian hơn 4 năm tôi bị thực dân Pháp tù đầy

Tháng 3/1950, khi bị bắt ở mặt trận Hà Nội, tôi tròn 22 tuổi, cấp bậc trong quân đội là tiểu đoàn phó, là liên chi ủy viên. Tôi bị địch coi là tội phạm nguy hiểm nhất, giam biệt lập trong xà lim tử hình của tù án ở Hỏa Lò - Hà Nội, không cho ai tiếp xúc. Mọi việc ăn uống, sinh hoạt đều do lính lê dương phục vụ. Tuy vậy, tôi vẫn được các đồng chí trong chi bộ trại giam thăm hỏi, trao đổi tình hình nhà tù và bàn kế hoạch vượt ngục. Cửa các xà lim ta mở được, hai lần song sắt ở phòng giam và chòi canh thông ra phố đã được cưa đứt (dùng nhựa đường chít lại để ngụy trang). Kế hoạch đã được xác định, chỉ đợi thời cơ khi đêm trời mưa là thoát ra ngoài. Nhưng hơn một tháng trôi qua, trời không mưa, nên chưa thực hiện được kế hoạch thì đột xuất địch đưa tôi và gần 10 anh em xuống cảng Đoạn Xá, Hải Phòng. Kế hoạch trốn ở Hòa Lò bị một tên phản bội tố cáo với nhà tù nên thất bại. Nhà tù hàn lại các cửa và tăng cường canh gác cẩn thận hơn. Chúng tôi ở Đoạn Xá được

* Đảo ủy viên, chỉ huy trưởng quân sự toàn đảo.

mấy ngày, một buổi sáng, tên trưởng trại dẫn tên đại tá chỉ huy khu vực đến cửa phòng giam, kêu tôi ra để giới thiệu.

- Sức khỏe có tốt không? - Tên đại tá hỏi tôi.

- Đại tá trông tôi đứng không vững thì biết rồi. - Tôi đáp.

- Anh có định trốn trại không? - Nó hỏi tiếp.

- Đã là lính thì ai cũng thích tự do, tôi không thể nói dối đại tá là tôi sẽ không bao giờ trốn trại. - Tôi đáp.

- Ở đây thì phải tôn trọng kỷ luật của trại giam. - Nó cười và cảnh báo như vậy.

Sau vụ tiếp xúc này, đồng chí Minh, đại diện phòng giam (chi ủy viên chi bộ trại giam) có nhắc tôi:

- Ở đây nên tránh thái độ ngênh ngang, vì địch dễ cho là ta coi thường, nó sẽ kiếm chuyện không hay đấy.

- Ta phải lịch sự, nhưng tù binh cũng là sĩ quan quân đội, đang đánh nhau với nó mà tỏ vẻ sợ sệt, nó sẽ khinh cả quân đội mình. - Tôi đáp.

Ít ngày sau đó, địch đưa chúng tôi cùng một số anh em căng Đoàn Xá ra Côn Đảo. Hành trình ra Côn Đảo đã được các đồng chí viết trong hồi ký "*Sống mãi tình Côn Đảo*" rất cụ thể và trung thực rồi.

Ở Côn Đảo, tôi có tên là Thọ, liên tục được bầu vào cấp ủy và là chủ tịch Liên đoàn Tù binh cho đến khi được trao trả. Là chủ tịch mọi cuộc đấu tranh lớn nhỏ, là đại diện của đơn vị giao dịch và đấu tranh với địch, nhà tù cũng mặc định chức này của tôi. Khi đi làm hay về lao, tôi đều đứng trước đơn vị hô khẩu lệnh tập hợp và đi đều để lấy khí thế tù binh. Sự "công

nhận rõ nhất” là trong đợt vượt ngục không thành, khi tàu địch bắt lại đảo, chúng tôi, gần 100 anh em ngồi ở sàn trước mũi tàu, tên Sinh là Surveillant, thường theo tù binh đi làm, đã dẫn đầu một tốp đông lính da đen và cai ngục các loại xông đến chỗ tôi, hô to: “Voici le commandant!” để cả đám đông trang bị gậy và báng súng ào vào đánh túi bụi và dồn tôi ra mép tàu, tôi ngã lộn xuống một sà-lan hứng ở bên dưới. Sau đó, các anh em khác cũng đều bị đánh và rơi xuống, chúng tôi đè lên nhau như tử, máu me đầy người. Và khi sà-lan cập Cầu Tàu, có hai hàng dài lính chờ sẵn, đánh liên tục cho đến khi chúng tôi ngã vạt vào phòng giam (như hồi ký của các anh em đã viết). Sau một ngày bị bắt, một tên đại tá từ đất liền ra kiểm tra. Chúa đảo dẫn đến cửa buồng giam, tôi mặc quần lót rách, người và mặt mũi đầy máu khô, dựa vào tường, chỉ tay nói với tên đại tá: “Ông xem chúng tôi được đối xử như thế này đây. Tôi đề nghị có thuốc men và nước uống ngay, một số người sắp chết rồi!”. Tên đại tá quay ra mấy bước, chỉ chiếc gậy chỉ huy vào phòng giam và nói với chúa đảo: “Bộ chỉ huy giao cho mày giam giữ chúng nó chứ không phải là giao cho mày giết chúng nó”. Tên chúa đảo đứng nghiêm nói gì đó (tôi không nghe rõ). Nhưng rồi cũng qua ngày hôm sau chúng mới đưa cơm, nước và một ít thuốc sát trùng ngoài da.

Chúng trừng phạt chúng tôi bằng chế độ cơm nhạt và giảm khẩu phần đến mức gần 100% anh em bị quáng gà, kiệt lý, loét da, tê phù nằm một chỗ. Trong khi đó, bưu kiện thuốc men của gia đình tù nhân gửi ra (dầu cá, sinh tố các loại), tên bác sĩ mở kiểm tra rồi tung cho chó bécgiê của nó đớp, số còn lại ném vào sọt tịch thu...

Rất may là sau đó mấy tháng, chúng đưa chúng tôi vào Sài Gòn để toà án của quân đội viễn chinh Pháp xét xử về tội phản loạn giết lính của chúng. Liên đoàn Tù nhân Chí Hòa đã mở một cuộc vận động tương trợ tù binh Côn Đảo, nhường đường, sữa, thuốc men v.v... của gia đình tiếp tế. Nhờ đó anh em dần dần phục hồi sức khỏe cho đến khi được trao đổi tù binh. Thời gian ở Chí Hòa, toà án binh có thẩm vấn vài anh em. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã nhận bảo vệ cho tù binh trước tòa. Anh Nguyễn Thọ Chân đại diện cho tù án, tôi đại diện tù binh, được gặp Luật sư Nguyễn Hữu Thọ thường kỳ, nhờ đó toàn bộ danh sách của tù binh đã được chuyển đến Khu ủy Sài Gòn và các đơn tố cáo được gửi đến Hội Chữ thập đỏ quốc tế. Trong các buổi gặp, ngoài việc chỉ dẫn các điều cần thiết để đối phó với toà án, luật sư còn phổ biến tình hình và chủ trương của Trung ương Đảng, của Thành ủy Sài Gòn, nên anh em chúng tôi luôn nắm được tình hình đất nước, rất phấn khởi và tuyệt đối tin tưởng sự lãnh đạo của Trung ương Đảng. Cũng nhờ mối liên hệ này, chúng tôi được học về tình hình và nhiệm vụ, khi Hiệp định Genève gần kết thúc. Chính do tình hình phát triển rất nhanh nên mọi hoạt động của bộ máy chính quyền Pháp, trong đó có tòa án binh, không còn tích cực hoạt động. Tòa án không lập hồ sơ xử chúng tôi, vì xử một vụ án đông bị cáo đòi hỏi một thời gian nhất định, mà càng ngày càng thấy việc xử chẳng có ý nghĩa, tương lai gì, chứ không phải dịch không lấy được khẩu cung nên không xử.

Tháng 9/1954 chúng tôi được trao đổi tù binh, được trở về với Đảng, với nhân dân.

Tổ chức vượt ngục

Vượt ngục là một vấn đề thường xuyên nung nấu trong lòng mỗi người cán bộ đảng viên khi bị tù. Ở Côn Đảo, người tù trốn ra khỏi nhà giam thì có thể, nhưng làm gì để về được đất liền thì vô cùng khó, vì phải có thời gian dài chuẩn bị công phu, trong khi nhà tù có rất nhiều năm kinh nghiệm về tổ chức. Họ dùng mọi cách để chống người tù vượt ngục. Là tù binh sống trong vòng dây thép gai thì càng khó, phương pháp duy nhất là đồng tình cướp trại, cướp phương tiện vận chuyển để thoát tù.

Năm 1952, chúa đảo muốn làm con đường để mở thêm một cảng mới, kết hợp giải quyết được yêu sách của tù binh (đấu tranh đòi đi làm để người đỡ trì trệ, bệnh tật, ốm đau). Chúa đảo đã đồng ý cho tù binh lao II đi làm đường. Chỗ làm đường ngày càng xa nên thời gian đi và về chiếm mất nhiều thời gian lao động. Để tiến độ làm đường được nhanh hơn, chúa đảo cho nửa đơn vị tù binh lao II (100 người) làm trại tù tạm ở Bến Đầm, sống ở đó và làm đường tại chỗ để tranh thủ có đường đi sớm hơn. Từ đây, đơn vị tù binh lao II phải chia hai kíp (Bến Đầm và Đầu Mom). Kíp 100 người ở lại lao II sẽ dùng xe ô tô và làm đường hướng từ thị trấn ra Bến Đầm.

Việc được giam giữ ở trại giam tạm cách xa thị trấn đã mở đường cho chương trình vượt ngục của tập thể tù binh lao II. Và sau đó là chủ trương giải phóng toàn đảo của Đảo ủy. Phương án giải phóng đảo có hai kế hoạch:

Kế hoạch một là giải phóng toàn đảo: dùng phương tiện của địch và phương tiện của ta đưa toàn bộ tù nhân về đất liền.

Kế hoạch hai là nếu không đủ điều kiện để thực hiện kế hoạch một thì giải phóng bộ phận.

Theo kế hoạch:

- Tù binh làm đường (lao II) sẽ bắt giữ, tước vũ khí của trung đội lính canh giữ tù, rồi dùng hai ô tô bí mật quay về đánh úp trại lính, bắt toàn bộ lính bảo vệ đảo của địch, chiếm kho vũ khí và có thể hỗ trợ đơn vị nào gặp khó khăn.

- Đơn vị tù án, tù binh lao III, tổ chức các đội xung kích bắt lính và cai tù (Surveillant, gardien) canh gác đơn vị mình, kể cả nơi văn phòng quản lý đảo, chúa đảo và đài thông tin của địch dùng liên lạc với đất liền.

- Các đơn vị cần liên hệ phối hợp với nhau hành động, nơi nào dự kiến có khó khăn phải báo cáo sớm để Đảo ủy có kế hoạch hỗ trợ, điều hòa.

- Các điều kiện và thời cơ cần có:

- + Có gió mùa thổi đều và mạnh.

- + Có tàu hàng ra đảo.

- + Không có tàu tuần tra neo đậu quanh đảo.

- + Bí mật của chủ trương phải được bảo toàn tuyệt đối, ta phải giữ được thế chủ động khi tiến công.

- + Hiệu lệnh tấn công là khi tù binh làm đường bắt đầu tấn công trại lính.

- + Trong chiến đấu cố gắng tránh thương vong (cả hai bên).

Đảo ủy giao cho đơn vị tù binh lao II làm chủ lực cốt yếu, có nhiệm vụ đánh bắt gọn toàn bộ lính bảo vệ đảo của địch và hỗ trợ các đơn vị khác khi cần thiết. Lợi dụng ngay thời gian

địch chia ra hai kíp tù, chỉ ủy chỉ bộ tù binh lao II đã bí mật sắp xếp để xây dựng kíp Bến Đầm thành lực lượng chủ công làm tốt công tác chuẩn bị các điều kiện vượt biển cho kế hoạch chung và cho cả kế hoạch bộ phận khi kế hoạch chung có trở ngại, không thể vượt qua. Đảm bảo bắt gọn và tước vũ khí đơn vị lính địch canh gác trại giam bằng cách bí mật đổi người giữa hai kíp tù, chọn cho kíp ở trại Bến Đầm các anh em có sức khỏe tốt, có khả năng quân sự, có tinh thần và kinh nghiệm chiến đấu, có nghề nghiệp cần thiết (xây dựng, mộc, nề, thợ mỏ, nghề chài v.v...). Khi trại giam tạm làm gần xong, 100 tù sẽ xuống Bến Đầm ở. Anh Lê Văn Hiến (tức Văn) họp tôi và anh Phan Du bàn phân công thực hiện kế hoạch giải phóng đảo: Anh Hiến và tôi ở lại kíp 100 tù ở lao II; anh Du ra kíp Bến Đầm. Anh Hiến, Bí thư Đảo ủy, phụ trách chung, là chính ủy; tôi là chỉ huy trưởng, lo phương án tác chiến, phối hợp giữa các đơn vị tù trong đảo khi khởi sự. Nhiệm vụ chính là chỉ huy lực lượng chủ lực của hai kíp tù binh lao II đánh bắt lính bảo vệ đảo, chiếm kho vũ khí và hỗ trợ các đơn vị khác khi cần; phối hợp với các bộ phận tù án bắt chúa đảo. Anh Du là chỉ huy ở kíp Bến Đầm lo tổ chức, xây dựng kíp thành một lực lượng đủ sức bắt giữ trung đội lính canh trại của địch. Đồng thời tổ chức kho tàng tích trữ vật liệu tự tìm kiếm được và tiếp nhận vật liệu của các đơn vị tù án gửi đến để chuẩn bị làm phương tiện vượt biển theo kế hoạch chung, và cũng là phương tiện cho bộ phận tù binh lao II khi kế hoạch chung gặp trở ngại.

Thời điểm khởi sự Đảo ủy sẽ xác định, nhưng ngày giờ cụ thể kíp Bến Đầm sẽ định đoạt. Khi cuộc chiến tại chỗ đã hoàn thành thì thông tin ngày cho kíp Đầu Móm để khởi sự tiếp. Sau

đó sẽ hợp thành một lực lượng, dùng xe tải chở tù về bất ngờ đánh chiếm trại lính và kho vũ khí.

Tình hình tháng 12 rất căng thẳng, gió mùa đã xuất hiện, nhưng còn thất thường, lúc có lúc không, lúc mạnh lúc yếu. Con đường của hai kíp làm đường đã gần tới đích hoàn thành, ta chủ trương làm chậm con đường để kéo dài thời gian, nhưng địch hối thúc làm nhanh, vì chủ trương của địch là mùa gió tới (mùa tù trốn) phải đưa tù về nhà tù kiên cố. Điều rất nguy hiểm là nếu nhà tạm giam bị bỏ trống thì hầm hố, vật liệu, thuyền bè và vũ khí thô sơ chôn giấu trong nhà giam tạm sẽ bị khám phá ngay lập tức, địch sẽ đối phó quyết liệt và sẽ không bao giờ có thời cơ như đã có nữa. Hoàn cảnh đó cộng với việc có lính trốn được và có nổ súng (làm mất đi một điều kiện của phương án 1), trong khi anh em tù mỗi mắt trông chờ, tàu hàng vẫn bật vô âm tín (thiếu một điều kiện nữa) đã buộc phương án 2 phải được thực hiện.

Phương án bắt lính ở kíp Dầu Mom được chỉ ủy giao cho anh Mai, bí thư chỉ bộ, làm chính trị viên; anh Bốn (nguyên đại đội trưởng của tỉnh Thái Bình, không phải Bốn Bá Hải Dương) là đại đội trưởng, tổ chức hai trung đội tự vệ, trong đó có một trung đội xung kích gồm ba tiểu đội, mỗi tiểu đội có 3 tổ 4 người (4 người bắt 1 lính). Các tổ học tập phương pháp bắt lính, kỷ luật quy định v.v... hàng ngày luyện tập với danh nghĩa là tập võ để giữ bí mật chủ trương, vì trong phòng giam còn có một vài anh em có hành vi và tinh thần không đáng tin cậy trong lúc bị bắt và trong tù đầy (điển hình là anh Phái đã xin được địch thả, được đưa lên chức đại tá để địch tuyên truyền rầm rĩ. Việc này xảy ra khi chúng tôi đã về Chí Hòa rồi, tôi chỉ được nghe như vậy).

Kết quả cuộc bắt lính của kíp Đầu Mom không thực hiện được như kế hoạch đã định. Ta có 1 đồng chí hy sinh, địch chết 2, nhả xuống vực biển 2, trốn vào rừng 1, chỉ có 2 lính bị bắt sống. Sự kiện này phản ánh rõ là công tác tổ chức và lãnh đạo chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đặt ra. Tuy vậy cũng có không ít yếu tố khách quan tạo nên tình hình này.

- Sau chọn lọc đối người ưu tiên tăng cường cho kíp Bến Đầm, kết cấu nhân lực của kíp Đầu Mom có thay đổi, số cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ hành chính, gián tiếp, cán bộ lớn tuổi, người bệnh, người gày yếu... đã chiếm một số đông đáng kể, làm yếu đi sức mạnh khi chiến đấu, cụ thể năm người không giữ nổi một thằng lính da đen, nó vùng lên một cái là tất cả văng ra (may là các đồng chí đã giật được súng bị văng ra cùng với súng ôm trong tay).

- Không thực hiện được công tác địch vận vì địch ráo riết cấm lính đứng gần tù, cấm nói chuyện với tù... Địch thay đổi kíp canh tù mỗi ngày vì sợ lính bị tuyên truyền.

- Một điều không may là tốp lính da đen rạch mặt coi tù ngày 12 là tốp hung hãn, khó chịu nhất. Tên đội cao hơn 2m, nặng 107kg; tên cai 95kg, tay súng tay roi hò hét hối thúc tù làm nhanh, quát lính đứng xa tù và còn thêm một trường hợp ngoại lệ chưa từng có là một tên lính leo lên chỏm núi cao đầu mom ngồi ôm súng gác. Ngay buổi sáng, phát hiện tình hình này, tôi đã cùng anh Hiến, anh Mai hội ý, nhưng không tìm được biện pháp nào khắc phục, vì khi không có súng thì không lên bắt nó được, khi ta có súng thì nó đã chạy mất rồi. Về vấn

đề lính to khỏe, anh Viễn nói: “Chúng tôi chen lối về thị trấn, thằng nào vùng chạy về, tôi sẽ quăng cuốc chim cho nó ngã và đè luôn”. Tôi hội ý với anh Mai, anh Bốn cần bố trí thêm người theo sát đối tượng to lớn và nhắc nhở khi vật lộn phải dồn địch về phía vách núi, nên đề phòng địch văng ta xuống vực, vì địa bàn chiến đấu hẹp, chỉ có 5m đến 6m thôi. Tuy vậy, tình huống vẫn diễn ra như đã dự đoán trước, là ta không giữ nổi lính khi nó vùng vẫy, chống cự và nhảy xuống vực. Tên gác ở trên núi thấy ta xung phong, nó đứng lên, nhìn xuống một tý rồi vác súng chạy vào rừng ở phía sau núi.

Cuộc chiến đã kết thúc sau ít phút. Tôi cùng anh Hiến và các anh trong chi ủy hội ý nhanh, phân công một số anh em thu dọn chiến trường, còn tất cả anh em đi vào Bến Đầm tham gia công việc làm thuyền và giải quyết việc giam giữ các binh lính địch mà ta bắt được.

Tôi cùng đội xung kích đã được vũ trang của hai kíp lùi về phía thị xã một quãng, tìm địa điểm bố trí trận địa chuẩn bị đón bắt giữ địch nếu chúng bất ngờ xuất hiện... Khoảng 18 giờ, như kế hoạch đã thống nhất, một đồng chí ở Bến Đầm chạy lên báo là mọi công việc đã hoàn tất, bốn thuyền đã rời bến, hiện còn một thuyền dành cho lực lượng vũ trang đang đợi, mời các anh xuống ngay. Tôi điểm lại quân số và trên đường xuống bến có kiểm tra xem còn người nào của các bộ phận còn sót lại không.

Chúng tôi lên thuyền, lòng sung sướng đầy tự hào và háo hức được sớm trở về tiếp tục chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thân yêu...

Phần hai

NHÌN LẠI NGÀY ẤY

KÝ ỨC VỀ CÔN ĐẢO

*Ngô Minh Giang**

Nhà tù Sơn La, địa ngục Côn Đảo in sâu đậm vào tâm trí, tâm hồn tôi...

Nô lệ và đói rét, cha tôi đã giác ngộ cách mạng từ rất sớm. Tôi là con một đảng viên, người vào Đảng từ tháng 3/1930, và đã hoạt động suốt thời kỳ bí mật, rồi bị mật thám Pháp bắt tù đây ở nhà pha Nam Định, Hỏa Lò - Hà Nội, đẩy đi nhà tù Sơn La, Hòa Bình... Chú ruột tôi, cũng bị đế quốc Pháp bắt giam cầm ở nhiều nhà tù trong đất liền rồi đẩy ra Côn Đảo. Và một số người họ hàng, cùng xóm, làng với cha tôi là ông Lê Đức Thọ, Mai Chí Thọ bị đẩy ra Côn Đảo...

Tôi đã lên thăm nhà tù Sơn La, đã tận mắt biết cha mình ở tù như thế nào. Thấy hầm nhốt tù, ngâm nước thật độc ác, dã man như thế nào!

Tôi đã có dịp ra Côn Đảo, bay qua biển xanh mênh mông, hạ cánh xuống Côn Đảo, vào nhà tù, tôi đã thăm “chuồng cọp”, đứng rất lâu trước phòng giam ông Lê Đức Thọ, rồi chụp

* Chuyên viên cao cấp Ban Tổ chức Trung ương Đảng - nguyên Ủy viên Ban Chỉ đạo TW 6/2.

ảnh với các hình nhân bị cùm hàng dẫy trên nền xi măng. Hình ảnh còn đây, tố cáo sự độc ác, dã man của giặc Pháp cùng bọn phản động Việt Nam, hành hạ con người đến kinh hoàng. Và cũng chứng minh tinh thần bất khuất, anh dũng của các chiến sĩ cách mạng - những bậc tiền bối của Đảng, của dân tộc ta.

Tôi đã ra nghĩa trang Hàng Dương, đứng rất lâu bên mộ đồng chí Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu mà trông lấp lánh bia mộ của biết bao chiến sĩ cộng sản...

Ra về, bay trên biển cả, mà hình ảnh Côn Đảo vẫn in sâu trong tâm tôi, tôi thấm thía thế nào là sự hy sinh to lớn của lớp cha anh đã bị thực dân Pháp, sau này là đế quốc Mỹ và bọn bán nước, buôn nòi giam cầm, tra tấn nhưng vẫn giữ gìn tấm lòng trung với Đảng, hiếu với dân, giữ vững khí phách hào hùng, anh dũng, kiên cường, vượt lên đau đớn trên con đường đấu tranh, thực hiện lý tưởng của thời đại. Những lớp tù ở Côn Đảo đã tự nguyện hiến cuộc đời cho Tổ quốc, nhân dân vì lý tưởng độc lập - tự do, vì cơm no, áo lành và con cái được học hành, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã suốt đời đi tìm chân lý ở các phương trời năm châu, bốn biển về cho dân tộc ta...

Biết ơn thế hệ đàn anh bao nhiêu, những người tù ở Côn Đảo và ở các “địa ngục trần gian” khác, bọn đế quốc lập nên ở khắp nước ta như nhà tù Sơn La, Lao Bảo, Phú Quốc, Phú Lợi... Nhưng những người cộng sản, người yêu nước Việt Nam lại biến nhà tù đế quốc thành trường học, thành chiến lũy chống quân thù...

Với khát vọng lý tưởng cách mạng, được tự do, thoát khỏi gông xiềng nhà tù ở nơi Côn Đảo, trở về đất mẹ, cùng nhân

dân cả nước đánh đuổi giặc Pháp, giành lại non sông gấm vóc, mơ ước cuộc sống bình yên, hạnh phúc trên quê nhà với gia đình, vợ, con mà những người tù Côn Đảo đã làm nên một sự kiện “kinh thiên động địa” đầy bi tráng ngày 12/12/1952. Nếu so sánh tương quan lực lượng ở đảo, phía tù nhân cách mạng đông hơn địch. Với tinh thần vô song, mạnh hơn địch nhưng tay không “tắc sắt”, chỉ có ý chí kiên cường là vũ khí cực mạnh của tù nhân. Với 2.285 tù nhân, gồm 1.737 tù án, 548 tù binh có ý chí cách mạng cao, với quyết tâm chiến đấu để giải phóng khỏi ngục tù vì khát vọng tự do, có hiểu biết về quân sự, có trình độ tổ chức và kỷ luật, có kinh nghiệm tác chiến... Còn kẻ địch ở đảo có trên 200 tên, gồm 104 lính Âu - Phi, 10 sĩ quan và thủy thủ Pháp, 47 gác-diêng là người Âu, còn lại người Việt, được trang bị súng, đạn, có tàu chiến để cai quản tù nhân, sẵn sàng đàn áp khốc liệt. Cuộc tập dượt, chuẩn bị vượt đảo được chuẩn bị tỷ mỉ, chu đáo, với ý chí rất cao. Cuộc vượt biển diễn ra rất anh dũng. Trong khi địch dùng máy bay, tàu chiến truy lùng ráo riết, còn chiến sĩ ta, gặp lúc gió chướng đổi chiều, giữa biển khơi mênh mông sóng dữ, nhiều người tự nguyện hy sinh nhảy xuống biển, cho nhẹ thuyền để các đồng chí khác được sống. Trên thuyền số 01 có 05 đồng chí quyết tử, xung phong nhảy xuống biển để bảo vệ lãnh đạo và những anh em còn lại, rồi cả đồng chí bí thư đảo ủy cũng tự nguyện hy sinh... Các anh đã nằm dưới biển sâu, mang theo khát vọng; khát vọng lý tưởng, khát vọng tự do trở về đất mẹ. Nhưng các anh đã ra đi đầy khí tráng, chìm vào lòng đại dương, viết nên bản anh hùng ca bất tử...

Nhân dân, non sông, Tổ quốc đời đời nhớ ơn những người tù Côn Đảo đã làm nên huyền thoại về cuộc vượt trùng dương đầy bi tráng, tuy không thành, nhưng còn lưu truyền về sự tích huyền thoại này vào ngày 12/12/1952 với khát vọng tự do để trở về đất mẹ...

Gặp các anh thế hệ tù Côn Đảo

Gặp các anh đây

Lớp khai quốc công thần nguyên đỏ

Giành độc lập - tự do,

Cho muôn họ, muôn nhà,

Viết nên bản tráng ca

Vì lý tưởng,

Vì độc lập tự do,

Ôi những thiên thần tù nhân Côn Đảo

Muốn đập tan gông cùm,

Nhà tù, xiềng xích.

Cưỡi lên sóng cồn,

Bão tố biển Đông...

Ôi! Thiên anh hùng ca,

Vượt biển, gió chướng, đổi dòng

Với sự chà xát của máy bay, tàu biển.

Ngày 12 tháng 12 năm 52,

Làm biển,

Viết nên bản tráng ca,

Cưỡi lên sóng biển đại dương.

Ôi những con người tim đỏ,
Kiên cường
Gương tuyệt đẹp không văn chương nào tả hết,
Vì lý tưởng,
Vì non sông,
Sống chết,
Khát vọng tự do
Về với đất liền
Nỗi nhớ quê hương,
Nỗi nhớ người thương,
Bố - mẹ,
Vợ - con,
Bao năm xa vắng
Người cộng sản với trái tim đỏ thắm,
Lý tưởng soi đường, khát vọng trong tâm.
Vì non sông, không sợ phong trần,
Lũ chó má, hung thần, hoảng sợ,
Trận “Kinh thiên, động địa” long trời,
Trong sóng dữ - bản anh hùng ca vang vọng giữa khơi xa...

... Lớp chúng tôi, tiếp bước ông cha,
Giành lại sơn hà,
Gian lao, thác ghềnh không quản.
Lớp chúng ta sinh ra thời loạn,
Đất nước điêu tàn,
Loạn lạc nô vong...

Dưới ngọn cờ, tư tưởng Bác vô song,
Tất cả vì: Tự do - độc lập...
Không quản gian lao, đổ bao xương máu
Rải khắp non sông,
Đau đáu một lòng,
Đùm bọc thương nhau,
Tình nghĩa ấm nồng,
Đi suốt hai cuộc trường chinh kháng chiến.

Đến hôm nay
Đâu thì bạc trắng
Ôn lại chuyện đời
Ngay thẳng trắng trong.
Nhưng hãy xem, Tổ quốc, non sông,
Lời Bác dặn: Xây non sông dằng hoàng to đẹp...

... Ôi, cũng thấu buồn,
Cuộc đời chưa khép,
Nạn "nội xâm"
Sao cho phép tràn lan!
Tham nhũng,
Đặc lợi, đặc quyền,
Ai làm?
Ai hưởng?
Lòng tham không đáy...

Các anh các chị,
Các đồng chí ơi, chúng ta đứng dậy,

*Giúp Đảng chỉnh đốn lại dần dần,
Để Đảng ta trong sạch lại, dân tin hơn,
Thời gian khổ, mà tâm hồn thanh bạch.*

"Áo anh rách vai

Quần tôi có vài miếng vá".

*Sống làm người biết nhục, biết vinh
Hạt gạo chia tư, thương nhau hết mình,
Ngắt mẩu thuốc chia nhau, sẻ san tâm hồn.*

Sao bây giờ người quyền thế vô hồn,

Sống vương giả

Còn bao người nguồn cơn, đói khổ.

Con cái học hành dang dở,

Trốn vào ngõ tối,

Lầm lữ sống lang thang...

Bác dạy ta:

Là "công bộc" đồng sàng,

Sống trong sạch,

Vì dân,

Vì nước,

Lời thế đó:

Khi Bác ra đi, người người thương nhớ

Tám gương đời, anh còn nhớ đó không?

Những lớp người Côn Đảo một lòng,

Hãy còn sức, góp công cùng Bác dạy,

Chỉnh đốn Đảng, để dân tin cậy,

Vào Đảng ta và thấy chế độ ta.

*Nước Việt Nam: dân chủ, một nhà,
Ôi gấm vóc, non sông ta đẹp lắm!
Ta đứng dậy trông ra biển thẳm,
Côn Đảo,
Biển trời,
Hòn ngọc non sông,
Lịch sử hôm qua, rục rĩ màu hồng,
Sẽ đẹp mãi với non sông gấm vóc...
Các đồng chí ơi, hãy giữ cho mình hoài bão.
Của những ngày giông bão nơi đảo xa...*

Ngày 02/10/2012

CUỘC NỔI DẬY CỦA CÁC TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO (12/12/1952)

*GS. Đinh Xuân Lâm**

1. Đảo Côn Lôn (thường quen gọi là Côn Đảo) nằm ở phía nam nước ta, từ Vũng Tàu ra hướng nam 160km, từ bờ biển tỉnh Hậu Giang ra hướng đông nam 83km. Nhìn trên bản đồ, gần đảo Côn Lôn như một mũi tàu trấn ngự và bảo vệ nước ta về phía đông nam.

Đây là một vùng quần đảo gồm 14 đảo lớn nhỏ, có tổng diện tích là 77km², trong đó hòn Côn Sơn lớn nhất, dài 15km và rộng 3 đến 9km. Phía đông có các hòn Đá trắng, Cạn, Bãi Cạn, hòn Tại khá lớn và hòn Tre nhỏ hơn.

Phần lớn đảo chính Côn Sơn là núi, có các ngọn cao từ 500m đến 590m. Phía đông có một khoảng đất đá bằng phẳng tạo điều kiện ra đời một thị trấn nhỏ. Tổng diện tích đảo là 7.200ha, chủ yếu là rừng. Ruộng đất trồng trọt, chỉ có 20ha trồng lúa và 200ha trồng dừa và cây ăn quả. Quần đảo nằm

* Phó Chủ tịch Trung ương Hội khoa học Lịch sử Việt Nam.

trong một vùng biển phong phú có nhiều hải sản quý, từ các loại cá, ốc, trai, hải sâm, tôm hùm, bến cảng lại thuận tiện nên từ xưa Côn Đảo đã là đối tượng nhòm ngó của bọn cướp biển trong nước và chủ yếu là nước ngoài đang ra sức lùng sục trên vùng biển Đông.

2. Sau khi phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam (tháng 8/1858), thực dân Pháp đã lợi dụng sức mạnh của vũ khí, lại khai thác triệt để tư tưởng cầu hòa của các vua triều Nguyễn sẵn sàng cắt đất dâng cho giặc bất chấp lòng dân sục sôi bầu máu nóng giết giặc cứu nước của văn thân, sĩ phu và nhân dân. Chúng đã dần ổn định được tình hình để độc chiếm nước ta, rồi thiết lập bộ máy kìm kẹp, áp bức, bóc lột trên đầu trên cổ nhân dân ta. Trong các thủ đoạn đó, phải kể tới việc chúng thiết lập một hệ thống nhà tù dày đặc suốt từ Nam chí Bắc để giam giữ dày dọa những người dân yêu nước. Trong hệ thống nhà tù ác độc đó phải kể đầu tiên tới nhà tù Côn Đảo.

Quá trình chống thực dân đế quốc để giành độc lập, tự do cho dân tộc ta, nhà tù Côn Đảo từ cuối thế kỷ XIX luôn luôn phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta qua các giai đoạn. Các chiến sĩ cách mạng bị giam giữ ở đây đối với địch là nguy hiểm nhất. Lịch sử đã chứng minh rằng nhà tù Côn Đảo ngay từ khi thực dân Pháp thành lập (năm 1862) đã luôn luôn là chiến trường đấu tranh yêu nước quyết liệt giữa những người tù yêu nước với các kẻ thù thực dân, đế quốc vì mục đích Độc lập - Tự do dân tộc. Chốn “Địa ngục trần gian”, trái với ý định đen tối và ác độc của chúng, luôn luôn là chiến trường đấu tranh quyết liệt với kẻ thù. Một phong trào đấu tranh kiên cường, bền bỉ, hàng giờ, hàng ngày đã diễn ra suốt

mấy chục năm cùng với phong trào đấu tranh bên ngoài của nhân dân cả nước cho tới ngày thắng lợi cuối cùng. Cuộc chiến đấu bất khuất đầy dũng cảm và thông minh của các tù nhân Côn Đảo là những trang chói lọi của lịch sử đấu tranh yêu nước sẵn sàng chớp thời cơ tiêu diệt bè lũ cướp nước và tay sai trong bất cứ thời kỳ nào. Bất chấp muôn vàn thủ đoạn ác độc của kẻ thù, các nhà yêu nước cách mạng Việt Nam vẫn không nao núng khi hoạt động chẳng may bị kẻ thù bắt đây ra Côn Đảo, một ra đi là không hy vọng có ngày trở về, họ vẫn coi thường chốn “Địa ngục trần gian”. Có thể nêu trường hợp tiêu biểu của nhà nho yêu nước Phan Châu Trinh khi bị lính giải từ thành nội Huế xuống tàu đày ra Côn Đảo sau vụ trốn thuế năm 1908 ở Nam - Ngãi đã có bài thơ “*Xuất Đô môn*” nói lên tinh thần hiên ngang bất khuất của mình.

Luy luy thiết tỏa xuất Đô môn.
Khảng khái bi ca thiết thường tôn
Quốc thổ trăm luân dân tộc tụy,
Nam nhi hà sự phạ Côn Lôn.

Dịch:

*Xiềng gông cà kệ biệt Đô môn,
Khảng khái ngâm nga lười vẫn còn,
Đất nước đắm chìm, nòi giống mỗn,
Thân trai nào sợ cái Côn Lôn.*

(Huỳnh Thúc Kháng dịch)

3. Những biến động trên chiến trường Đông Dương và Việt Nam trong những năm 1951 - 1952 đã để lại nhiều dấu ấn

trong chính sách đối với tù nhân tại Côn Đảo của thực dân Pháp. Mùa hè năm 1951, ta mở chiến dịch Quang Trung (tức chiến dịch Hà Nam Ninh), tên quan hai Bernard de Lattre bị bắn chết tại trận. Tháng giêng năm 1952, trung úy Leclerc - con trai đại tướng Leclerc, bị bắt sống trên mặt trận Hòa Bình. Tướng De Lattre de Tassigny, Tổng chỉ huy kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương về Pháp, phần vì thương con, phần vì nhục đã từ trần. Nhưng Chính phủ Pháp vẫn tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh.

Để trả thù cho những trận thua đau, và cũng để tỏ rõ đã tâm thúc đẩy chiến tranh, thực dân Pháp đã xử bắn hàng loạt các chiến sĩ cách mạng. Riêng năm 1952, chúng đã bắn 35 người tại Côn Đảo, chiếm tỷ lệ 56,4% số người bị xử bắn trong suốt 9 năm (1946 - 1954) tại đây. Ngay trong tháng giêng năm 1952, chúng đã xử bắn 3 đợt, tổng số 16 người.

Đầu năm 1952, nhà tù đưa một kíp tù binh xẻ gỗ ở phía Cỏ Ống và tăng cường thêm một bộ phận để chuyển ván đã xẻ về nhà lao. Thời gian sau, kíp thợ xẻ từ 10 người lúc đầu đã tăng lên gần 30 người, do anh Lê Phong (tức Lê Đức) làm đại diện. Kíp thợ xẻ được Đảo ủy giao chuẩn bị phương tiện cho một chuyến vượt biển, số người đi do Đảo ủy bố trí, đã phân công một số người thay nhau vào tổ đi kiếm rau cải thiện để luôn rừng, chặt tre, vót nan đan thuyền. Công việc đang tiến hành thuận lợi thì đột nhiên nhà tù rút toàn bộ kíp thợ xẻ về Bản Chế xẻ gỗ thay cho máy cưa, vì cưa đĩa ở Bản Chế không cưa được. Thời gian xẻ xong đợt gỗ ở Bản Chế thì số nan tre trên rừng đã mục, phương án thuyền nan tre bị bỏ dở. Lần thứ hai, nhận được lệnh tiếp tục chuẩn bị vượt ngục, kíp thợ xẻ quyết định đi

thuyền ván. Nhưng rồi kế hoạch chuẩn bị đóng thuyền ván vượt biển cũng bị lộ.

Sau khi tu bổ xong “con đường đồn điền” qua An Hải và rải đá đoạn đường 700m lên Chuồng Bò, Giắcty đưa lực lượng tù binh mở con đường ra Bến Đầm, trù tính sẽ nối Côn Đảo với vịnh Bến Đầm trước mùa gió chướng. Bến Đầm là vịnh duy nhất tàu bè ra vào được trong mùa gió chướng. Trong tương lai, Giắcty định sẽ kéo dài con đường này vòng qua phía tây của đảo, nối liền với nhánh đường phía bắc. Con đường này sẽ giúp chúng kiểm soát được toàn bộ phía tây đảo vốn là nơi xuất phát phần lớn các cuộc vượt ngục trước đó.

Cuối tháng 5/1952, địch đưa một kíp tù binh hơn 100 người ra mở đoạn đường đi mũi Cá Mập tới Bến Đầm. Rồi tới kíp tù binh thứ hai cũng khoảng 100 người rải đá đoạn đường từ Sở Đá ra mũi Cá Mập, kíp tù này sáng có ô tô đưa đi, tối xe đưa về. Số tù binh còn lại làm ở công trường đá. Kíp thợ xẻ tiếp tục xẻ gỗ. Đã có thời cơ cho một cuộc giải thoát, một phương án vũ trang cướp đảo, một kế hoạch đưa toàn bộ tù nhân trên đảo trở về đất liền đã được phác thảo.

Theo phương án, bộ phận ở Đầm sẽ tổ chức đóng thuyền và là lực lượng xung kích phát động cuộc khởi nghĩa, bắt gọn trung đội lính Âu - Phi ở đó. Kíp rải đá ở đầu mom Cá Mập đồng thời hưởng ứng, phối hợp hành động. Sau đó tất cả cải trang thành đội lính, rồi lên ô tô về đảo, bất ngờ đánh chiếm trại lính, dinh chúa đảo, đài vô tuyến điện ở Cầu Tàu. Còn kíp làm đá (cách thị trấn chưa đầy 1km) sẽ vận động theo lệnh cho các khu đồng loạt nổi dậy cướp đảo. Ba mục tiêu quan trọng là

trại lính, dinh giám đốc và trạm vô tuyến điện ở Cầu Tàu đều có lực lượng nội ứng tại chỗ là số tù binh lao công ở trại lính hàng ngày có tới hàng chục người có nhiệm vụ cướp vũ khí và đánh chiếm trại lính từ bên trong đánh ra phối hợp. Đặc biệt quan trọng là đội xung kích chuyên đi dọn tàu có nhiệm vụ chiếm tàu chở hàng để có phương tiện vượt đảo. Trong tương quan lực lượng lúc đó, việc võ trang chiếm đảo không phải là chuyện khó, số lính Âu - Phi ở Côn Đảo có ít. Cùng thời điểm, ở Côn Đảo lại có đông đảo tù binh và tù án mà quá nửa số tù án lại là những chiến sĩ trong lực lượng vũ trang (công an xung phong, biệt động, tự vệ thành, vệ quốc đoàn, bộ đội địa phương...).

Toàn đảo lao vào chuẩn bị cho phương án võ trang giải thoát một cách hết sức khẩn trương và bí mật, tăng cường luyện tập võ thuật, chuẩn bị vũ khí để tự trang bị hành động. Công tác binh vận cũng được đẩy mạnh, đó là cuộc chuẩn bị vượt ngục quy mô lớn nhất của toàn đảo trong lịch sử hơn 100 năm.

Ngày 12/12/1952, cuộc bạo động nổ ra bắt đầu từ kíp Đầm vào đúng dịp gió chướng đã thổi về. Các tổ xung kích đã ra tay hành động, kíp Đầm và kíp đầu mom Cá Mập đã xuống thuyền. Nhưng gió lặng dần, rồi đổi hướng làm cho đoàn thuyền vật vã suốt đêm không ra xa được, một số thuyền bị vỡ, nhiều người nhảy xuống biển hy sinh cho nhẹ thuyền để bảo vệ lãnh đạo và những anh em còn lại, nhiều người bị sóng cuốn đi vì kiệt sức. Sáng hôm sau, máy bay và tàu chiến Pháp truy đuổi bắt lại những người trên ba chiếc thuyền còn lại. Số người trên hai thuyền chìm gần bờ dạt vào đảo sau đó, số còn lại bị chết đuối.

Cuộc bạo động ở Bến Đầm (12/1952) là một sự kiện đặc biệt quan trọng là một kỳ tích “tay không bắt giặc” có một không hai trong lịch sử 113 năm nhà tù Côn Đảo dưới chế độ cực kỳ dã man của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Đứng về phía yêu nước cách mạng, tổn thất cũng rất nặng, 81 người hy sinh (trong số đó có 6 người mất tích, 73 người nằm lại ở bãi Cỏ Ống - Côn Đảo).

4. Đánh giá chung, tuy không thành công trong kế hoạch giải phóng, tù nhân bị nhiều tổn thất, nhưng cuộc võ trang bạo động ở Bến Đầm là một đòn tấn công vào tận sào huyệt của kẻ thù, làm rung chuyển và rối loạn nền thống trị của chúng. Đó là cuộc biểu dương tinh thần chiến đấu và ý chí tự giải phóng của những người tù. Nhân cách của các chiến sĩ cách mạng và các chính sách binh dịch vận đúng đắn của Đảo ủy trong quá trình chuẩn bị và tiến hành võ trang bạo động đã có ảnh hưởng lớn đến binh lính và gác ngục ở Côn Đảo.

Trước tòa án binh Pháp ở Sài Gòn xử vụ bạo động Bến Đầm, tất cả các tù binh đều thống nhất lời khai, tố cáo chế độ nhà tù tàn bạo nên ai cũng muốn vượt ngục, giải thoát. Đặc biệt là số lính da đen được gọi ra làm nhân chứng đều xác nhận lời khai của tù binh, không tố cáo người tổ chức, chỉ huy, người bắt trời họ và cướp vũ khí nên phiên tòa đã thất bại. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã cãi cho họ trắng án. Cuộc võ trang giải phóng đầy chính nghĩa của những người tù kháng chiến Côn Đảo giành thêm một thắng lợi về mặt pháp lý trước dư luận công khai.

Một ý nghĩa nữa đặc biệt quan trọng là qua cuộc võ trang bạo động, tổ chức đã được củng cố, lực lượng được rèn luyện, đặc biệt quan trọng là vai trò của Đảng lãnh đạo được khẳng định, đó là trung tâm tập hợp, đoàn kết, chỉ huy lực lượng, tấm gương tận tụy hy sinh của các đảng viên là chất keo gắn bó mọi người trong một hành động chung.

Đó là những thực tế hào hùng về lòng yêu nước cách mạng của nhân dân, có sự lãnh đạo của Đảng. Nhân dịp hội thảo khoa học và kỷ niệm 60 năm ngày vượt Côn Đảo (12/12/1952 - 12/12/2012), thiết tưởng ôn lại lịch sử cuộc đấu tranh oanh liệt là một việc cần thiết trong công tác giáo dục truyền thống của chúng ta ngày nay.

CUỘC NỔI DẬY CỦA CÁC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (12/12/1952)

*PGS.TS. Nguyễn Thanh Tâm**

Đúng 60 năm trước, ngày 12/12/1952, hơn 200 tù binh và tù án chính trị là những chiến sĩ cách mạng Việt Nam bị giặc Pháp bắt giam tại nhà tù Côn Đảo đã dũng cảm, táo bạo nổi dậy tiến công binh lính canh giữ nhà tù, tự giải thoát.

Đây là cuộc nổi dậy có quy mô lớn nhất trong các cuộc vượt Côn Đảo của các lớp tù chính trị cộng sản thời kỳ kháng chiến chống Pháp tái xâm lược. Sự kiện lịch sử đó đã rất quen thuộc. Các nhân chứng lịch sử đã nhiều lần hồi tưởng lại. Những nhà viết sử, nhà văn, nhà báo, người viết kịch bản phim tài liệu, phim truyện truyền hình, v.v... đã mô tả khá chi tiết. Cũng đã có nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học, gặp mặt kỷ niệm đánh giá sâu sắc tâm vóc và ý nghĩa lịch sử của cuộc nổi dậy. Tuy vậy khi cuộc đấu tranh đã lùi xa vào quá khứ, ngày càng lộ rõ thêm những giá trị đích thực, các chiến sĩ cách mạng làm nên sự kiện lịch sử tuổi đã ngoài 80; đất nước thanh

* Viện Lịch sử Đảng.

bình, đổi mới ngày một giàu mạnh; tinh thần dân tộc, yêu nước, yêu Tổ quốc, tình đồng bào, đồng chí và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cần được đề cao hơn bao giờ hết; thì tiếp tục ôn lại và viết đầy đủ hơn những trang sử của cuộc nổi dậy đó không bao giờ là việc cũ, chuyện đời xưa, trái lại vẫn luôn luôn mới.

Theo tư liệu lịch sử, cuộc nổi dậy bắt nguồn từ việc quân Pháp trong những năm 1950 - 1951 đã vi phạm công ước quốc tế về tù binh chiến tranh (1949), đưa nhiều đoàn tù án và tù binh giam giữ tại nhà tù Côn Đảo. Tên chúa đảo Giắcty còn bắt nhiều kíp tù binh, tù án lao động khổ sai làm đường, xây dựng bến cảng, đập đá, nổ mìn phá đá, vào rừng đốn gỗ... có binh lính Âu - Phi đi kèm canh giữ. Lợi dụng cơ hội đó, Đảo uỷ nhà tù Côn Đảo phác thảo kế hoạch, bí mật lãnh đạo chuẩn bị lực lượng, phương tiện để nổi dậy chiếm đảo, giải phóng tù nhân đưa về đất liền tham gia kháng chiến.

Vào lúc 11 giờ trưa ngày 12/12/1952, theo quy ước của Đảo uỷ, chiếc khăn lệnh buộc trên đầu đảo uỷ viên phụ trách quân sự Phan Du từ Bến Đầm, nơi kíp tù binh 100 người làm đường, vung lên, quay vòng trên tay người chỉ huy cùng tiếng hét xung phong đồng loạt vang lên của 28 đội xung kích quyết thắng. Ngay lập tức toàn bộ sĩ quan, binh lính trung đội Âu - Phi canh giữ tù nhân bị quật ngã và trói gọn bằng các thứ dây chuẩn bị sẵn. Tù nhân thu toàn bộ vũ khí và không nổ súng.

Cùng thời điểm, kíp 100 tù binh làm đường Dầu Mỏm (mũi Cá Mập), do không bám sát địch, nên tiến công bất sống địch không gọn, xảy ra vật lộn và đôi bên nổ súng. Ta hy sinh

một người, địch chết hai tên, một tên chạy thoát vào rừng, một vài tên lăn xuống vực sâu. Trận đánh địch ở mũi Cá Mập diễn ra ngoài dự tính của Đảo uỷ.

Trong tình thế địch không còn bất ngờ, đồng chí Văn - bí thư Đảo uỷ đã cùng các đồng chí lãnh đạo ở khu vực Bến Đầm hội ý cấp tốc quyết định không tiến về đánh chiếm các vị trí ở trung tâm nhà tù, giải thoát toàn bộ tù nhân như đã định và lập tức chỉ đạo thực hiện phương án giải thoát bộ phận. Các công tác vượt biển được tiến hành khẩn trương. Đến 16 giờ cùng ngày, năm thuyền lớn có đủ buồm, chèo tự tạo cất giấu dưới hầm sâu trong lán trại được đưa lên ô tô tịch thu của địch, chở toàn bộ hai kíp tù binh, tù án ra Bến Đầm hạ thuyền vượt biển. Cuộc vượt biển bắt đầu vào lúc chập tối. Gió chướng lặng dần, đổi hướng đột ngột. Cuộc vượt biển gặp khó khăn, tổn thất.

Tuy không đạt theo ý định ban đầu và có hy sinh đổ máu, nhưng cuộc nổi dậy “tay không bắt giặc”, giải phóng một bộ phận tù nhân đã thành công. Hai kíp tù binh khổ sai 200 người bỗng chốc được tự do, tiến hành cuộc vượt khỏi nhà tù Côn Đảo. Các trung đội lính Âu - Phi canh giữ tù nhân ở Bến Đầm, mũi Cá Mập là những trung đội mạnh trong đại đội lính lê dương của Pháp ở Côn Đảo, bỗng chốc bị bắt làm tù binh. Họ không bị giết, bị đánh đập, được nhận lại tư trang và ăn uống đầy đủ. Họ đồng ý chịu đựng trời chật để tù nhân vượt biển. Tên chỉ huy còn tặng những người tù chiếc la bàn và tấm bản đồ để định hướng trên biển cả.

Nguyên nhân thắng lợi của cuộc nổi dậy, trước hết chính là lực lượng anh em tù binh và tù án chính trị. Cách mạng là

sự nghiệp của quân chúng. Khởi nghĩa - bạo động - nổi dậy tiến công địch là những khái niệm đồng nghĩa và phải tuân thủ nguyên tắc chuẩn bị lực lượng chu đáo. Trong nghệ thuật đánh giặc truyền thống của dân tộc Việt Nam, tổ tiên ta đã nói “quân không cần đông, chỉ cần tinh”; chỉ huy, tướng lĩnh “biết lo xa thành công kỳ”. Cuộc nổi dậy tiến công địch giải thoát tù nhân cuối tháng 12/1952 ở Côn Đảo có đầy đủ ý nghĩa ấy.

Hai kíp tù binh - 200 chiến sĩ cách mạng trong số 548 tù binh ở Côn Đảo, tham gia khởi nghĩa vốn là cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, bộ đội, du kích địa phương từ tỉnh đến xã, bị địch bắt trong các cuộc càn quét khốc liệt trên các chiến trường trung du, đồng bằng Bắc Bộ, chiến trường Nam Bộ sau khi quân Pháp thất bại trong Chiến dịch Việt Bắc (1947) và thất thủ phòng tuyến biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn (1950). Họ bị quân Pháp dồn xuống bến cảng Hải Phòng, bến cảng Sài Gòn đưa ra Côn Đảo giam giữ trong các nhà lao, trại giam và đày đọa khổ sai. Số cán bộ, chiến sĩ đó đã trải qua công tác kháng chiến, tôi luyện trong chiến đấu; có người là tỉnh uỷ viên, bí thư, chủ tịch huyện... đã được quán triệt đường lối, kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn đề ra trong Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951), cho nên tư tưởng chính trị, quan điểm, lập trường vững vàng dù bị địch bắt, giam giữ. Họ cũng đã được kinh qua công tác dân vận, binh vận ở vùng địch hậu, được học tập, tuân thủ chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Chính phủ Việt Nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tù hàng binh Pháp; biết rõ những việc làm, hành động cao thượng của bộ đội Cụ Hồ đối xử với tù hàng binh Pháp bị ta

bất trong các trận đánh. Giác ngộ cao về chính trị, tư tưởng, tin tưởng thắng lợi của kháng chiến, tù binh và tù án ở Côn Đảo vẫn giữ vững tính thống nhất ý chí, hành động, tính kỷ luật tập trung của đội quân cách mạng, kháng chiến. Mỗi người quyết tâm nhận bất cứ việc gì được tổ chức Đảng, Liên đoàn Tù nhân kháng chiến phân công: Trình sát nắm tình hình địch, huấn luyện kỹ chiến thuật, tự chế tạo vũ khí, thông tin liên lạc, đêm đêm đào hầm bằng mọi dụng cụ thô sơ, khôn khéo vận chuyển gỗ, mây song, tre nứa làm thuyền, khâu chằm những tấm vải từ quần áo cũ, quét sơn, nhựa đường bọc thuyền, công tác dân vận, binh vận, hậu cần và vào các đội xung kích đánh địch, v.v. Điều lớn hơn ở lực lượng tù binh tham gia nổi dậy là tình đoàn kết, yêu thương nhau, sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình cho việc tự giải phóng của tập thể và sự sống của cán bộ lãnh đạo, đồng đội trở về kháng chiến. Cùng với 1.739 tù án chính trị, tập thể tù binh đó khi có điều kiện, thời cơ tạo ra sức mạnh áp đảo gấp nhiều lần so với quân địch có số lượng ít trên đảo (104 lính Âu - Phi, 10 sĩ quan, thủy thủ Pháp, 47 lính gác tù người Âu và người Việt). Điều kiện, thời cơ thuận lợi đến khi 200 tù binh ra khỏi nhà lao, lao động khổ sai trong địa bàn rừng núi, ven biển Côn Đảo; địch sơ hở, chủ quan, ý vào có vũ khí; thời tiết vào mùa gió chướng, v.v...

Lực lượng khởi nghĩa đó đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng đã được củng cố. Đầu năm 1952, Đảng bộ nhà tù Côn Đảo với 400 đảng viên đã đại hội bí mật (lần thứ III), bầu Đảo uỷ với 11 thành viên. Đồng chí Văn, nguyên Tỉnh uỷ viên, Trưởng ban Chính trị Tỉnh đội Hải Dương, bị đưa ra Côn Đảo trong đoàn tù binh thứ hai (10/1951) được bầu làm Bí thư Đảo

ủy. Đồng chí Phan Du phụ trách quân sự cũng ở trong Đảo ủy. Các ban, trại giam đều có chi bộ, chi ủy; các khám có phân chi ủy. Đảo ủy phân công các ủy viên ban chấp hành phụ trách các tiểu ban tuyên huấn, giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền văn nghệ, kinh tế - xã hội, thi đua tổ chức phong trào đấu tranh. Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo ban công tác binh địch vận có đủ thành phần đại diện các lao, khám, kíp tù khổ sai và các bộ phận tiếp xúc với binh lính, nhân viên, công chức địch trong nhà tù.

Đảo ủy đặt ra nhiệm vụ chung là lãnh đạo đấu tranh đòi quyền sống hàng ngày, thực hiện quy chế tù án chính trị, tù binh theo công ước quốc tế, vạch mặt bọn phản động khiêu khích làm tay sai cho Pháp..., với mọi hình thức thích hợp. Bao trùm toàn bộ công tác của Đảo ủy là bí mật lãnh đạo, tích cực chuẩn bị cho cuộc giải thoát tù nhân quy mô toàn đảo. Đảo ủy quyết định đổi Liên đoàn Tù nhân Côn Đảo thành Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo có hệ thống tổ chức đến các ban, khám, sở và kíp tù nhân khổ sai... Đảo ủy đã phổ biến tình hình cuộc chiến tranh của Pháp, cuộc kháng chiến của ta, sáng suốt phân tích lực lượng ta, địch trên đảo, trong nhà tù, dự kiến phương án nổi dậy, dự kiến thời cơ thuận lợi để khởi nghĩa. Một phương án táo bạo, rất cụ thể từng công việc hoàn toàn có khả năng thực thi đã được Đảo ủy thảo luận nhất trí. Theo đó, về chính trị tư tưởng là giáo dục tù nhân quyết tâm vùng dậy giải thoát. Về quân sự là tiến công bất ngờ tước súng địch, bắt sống địch làm tù binh, không giết địch. Các mục tiêu tiến công chủ yếu được Đảo ủy xác định và phân công lực lượng đảm nhiệm. Các kíp tù binh làm đường ở Bến Đầm, mũi

Cá Mập có nhiệm vụ chớp nhoáng tiến công tước vũ khí địch, bắt sống, không nổ súng để giữ bí mật; lấy ô tô của địch chở lực lượng xung kích về trung tâm tiêu diệt trại lính, chiếm nhà chúa đảo, bưu điện, giải thoát toàn bộ tù nhân. Lực lượng xung kích ở kíp khổ sai Bến Đầm là quan trọng nên bí thư, cán bộ phụ trách quân sự Đảo uỷ trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy. Khối tù án do Đảo uỷ viên chỉ huy được giao nhiệm vụ đánh chiếm dinh chúa đảo, bắt chúa đảo, lính gác. Lực lượng xung kích Sở Chỉ Tồn đánh chiếm đài vô tuyến, chiếm tàu hàng để chở tù nhân toàn đảo về đất liền. Các mũi xung kích khác cũng được giao nhiệm vụ diệt địch tại chỗ, hỗ trợ cho các mũi chính khi gặp khó khăn. Lương thực, thực phẩm, nguyên vật liệu làm thuyền, kế hoạch đào hầm bí mật trong lán tù binh khổ sai ngoài rừng, chế tác vũ khí hoả mù... được vạch ra cụ thể. Đảo uỷ dự kiến điều kiện, thời cơ bảo đảm thắng lợi, đồng thời tính đến những điều kiện khách quan không thuận lợi để đặt ra các phương án võ trang giải thoát khác nhau và linh hoạt giải quyết. Nhờ sự lãnh đạo đó mà công tác chuẩn bị đã kiên trì suốt năm 1952. Trong sự lãnh đạo của Đảo uỷ, có vai trò của đồng chí bí thư, các phó bí thư, đồng chí đảo uỷ viên phụ trách quân sự và các đồng chí khác. Đó là những đồng chí lãnh đạo sâu sát, mưu trí, dũng cảm, linh hoạt trong mọi tình huống khó khăn, hiểm nghèo.

Như vậy, lực lượng khởi nghĩa, sự lãnh đạo của Đảo uỷ, và chớp thời cơ là những yếu tố tạo nên thắng lợi lúc đầu của cuộc võ trang giải thoát, trong đó sự lãnh đạo của Đảo uỷ là quyết định nhất.

Cuộc nổi dậy giải thoát thắng lợi trong 6 giờ đầu, thời gian

vượt biển tiếp sau gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Dù đã hết sức chèo lái, cả 5 thuyền suốt một đêm không qua được những đợt sóng đất dội ngược trở lại. Có 2 thuyền bị vỡ chìm cách bờ không xa, một số người bơi được vào bờ, số đông khác chìm xuống biển. Còn lại 3 thuyền đi tiếp đến mờ sáng ngày 13/12/1952 thì nước tràn vào các thuyền. Nhiều người đã tự nguyện nhảy xuống biển, trong đó có bí thư Đảo uỷ, cho nhẹ thuyền để các đồng chí khác sống. Đến chập tối ngày 13/12, ba thuyền đưa số tù nhân còn lại về gần đất liền thì bị địch bao vây, bắt trên biển. Những người sống sót trôi dạt lên các đảo cũng bị địch bắt lại. Trong số gần 200 người vượt biển, địch bắt lại 117 người, số còn lại đã hy sinh trên biển cả.

Tổn thất là không tránh khỏi đối với những người tù vượt Côn Đảo lúc đó do điều kiện bất khả kháng. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, phát xít Đức lập 4.000 trại giam trên đất Đức, ở các nước bị chúng chiếm đóng, giam giữ hàng vạn tù binh Xô viết và các nước Đồng minh nhưng hiếm có những trại giam tù binh nào như Côn Đảo ở giữa biển cả mênh mông. Cuộc vượt ngục cuối năm 1952 không chiếm được tàu hàng, số người đông vượt quá trọng tải trên những con thuyền tự tạo bằng mây song, gỗ nứa, bọc vải giấu dưới lòng đất lâu ngày không chịu được sức tàn phá của sóng biển dữ dội. Thời tiết không thuận lợi do quy luật tự nhiên thay đổi bất thường. Lúc khởi hành vượt biển, địch đã kịp thời phát hiện, điện về đất liền đưa tàu thuỷ, máy bay bao vây, đuổi bắt.

Cuộc vượt Côn Đảo kết thúc không thành công, song có tiếng vang lớn và để lại nhiều kinh nghiệm. Đó là một đòn tiến công địch ngay trong sào huyệt của kẻ thù. Báo chí Pháp

loan tin, địch buộc phải thay thế bộ máy cai trị ở nhà tù Côn Đảo, đồng thời huy động 2 trung đoàn trong lực lượng cơ động chiến lược có không quân và hải quân canh phòng duyên hải Nam Bộ và ngoài khơi để ngăn chặn những cuộc vượt Côn Đảo.

Cuộc nổi dậy giải thoát có sức động viên tinh thần tự giải phóng của tù chính trị, tù binh ở Côn Đảo cũng như các nhà tù, trại giam của địch trong đất liền thời gian đó. Năm 1955, nhà văn Phùng Quán viết tiểu thuyết *"Vượt Côn Đảo"* (Giải thưởng Văn nghệ năm 1955, Giải thưởng Nhà nước về Văn học năm 2007) đã dựa trên nguồn thông tin tư liệu của sự kiện đó. Theo chủ trương của Tỉnh uỷ Bến Tre, Văn phòng Tỉnh uỷ đã cho xuất bản 2.000 bản cuốn sách này vào năm 1957, phân phát cho cấp huyện, xã và bán cho nhân dân làm tài liệu học tập tinh thần yêu nước của các chiến sĩ cách mạng vượt Côn Đảo. Nhân dân trong tỉnh, nhất là hai huyện Thạnh Phú, Mỏ Cày mua và chuyển tay nhau đọc cuốn sách *"Vượt Côn Đảo"*.

Noi gương cuộc nổi dậy giải thoát của tù nhân Côn Đảo, năm 1956 tù nhân ở nhà tù Tân Hiệp (Biên Hoà) khởi nghĩa thoát khỏi nhà tù về chiến khu Đ. Ở Côn Đảo, 13 năm sau (27/02/1965), 57 tù chính trị Sở Lưới đã nổi dậy tiến công địch, chiếm tàu thuỷ vượt đảo thành công về vùng giải phóng Bạc Liêu. Những sự kiện đó càng làm tăng thêm niềm tự hào của lớp tù chính trị Côn Đảo trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954.

NHÌN LẠI CUỘC VƯỢT NGỤC CỦA CÁC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (THÁNG 12/1952)

*Thiếu tướng, PGS.TS. Vũ Quang Đạo**

Cách đây tròn 60 năm, giữa lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang giành được những thắng lợi hết sức quan trọng trên chiến trường, tại nhà tù đế quốc Côn Đảo, nơi được mệnh danh là “địa ngục trần gian”, cách xa đất liền đã diễn ra cuộc vượt ngục đầy mưu trí, quả cảm của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam. Đó là cuộc vượt ngục có quy mô lớn nhất trong lịch sử 113 năm tồn tại của nhà tù này (1862 - 1975). Do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, cuộc vượt ngục của các chiến sĩ cách mạng không giành được thắng lợi cuối cùng nhưng đã giáng một đòn mạnh vào ý chí xâm lược của bọn thực dân tàn bạo, gây tiếng vang lớn, cùng hòa nhịp và cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân cả nước trong cuộc trường kỳ kháng chiến vì nền độc lập, tự do thiêng liêng của Tổ quốc.

* Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

Cuộc vượt ngục là biểu tượng sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của các chiến sĩ cách mạng. Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, đi đôi với tăng cường bộ máy bạo lực khổng lồ, gồm cả lực lượng quân sự, cảnh sát, thực dân Pháp còn thiết lập một hệ thống nhà tù dày đặc trên khắp lãnh thổ nước ta nhằm giam cầm, khủng bố, thủ tiêu những người Việt Nam yêu nước, dập tắt mọi sự phản kháng và hành động yêu nước của nhân dân ta. Trong hệ thống nhà tù thực dân, Côn Đảo được biết đến là nơi khét tiếng về sự đối xử tàn bạo, man rợ nhất của bọn thực dân đối với tù nhân, đặc biệt là tù nhân chính trị. Bằng hành động bạo lực, đi đôi với thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, mục đích của thực dân Pháp là giam giữ, khủng bố những tù nhân chính trị cho đến chết hoặc biến họ thành kẻ ngoan đạo với chủ nghĩa thực dân, phản bội lại Tổ quốc. Nơi đây, biết bao nhiêu người con ưu tú của dân tộc đã bị giam cầm, hành hạ, bị tàn sát dã man. Nhưng cũng chính tại nơi đây, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí kiên cường bất khuất của các chiến sĩ cách mạng càng tỏa sáng, trở thành thứ vũ khí sắc bén mà kẻ thù không thể nào tiêu diệt được.

Trong bất kỳ tình huống nào cũng phải giữ vững ý chí chiến đấu, giữ vững tinh thần tiến công của người cách mạng trước kẻ thù, phải đấu tranh đòi quyền sống; thà chết vinh còn hơn sống nhục. Đó là ý chí, cương lĩnh hành động của những người cộng sản bị giam cầm tại nhà tù thực dân ở Côn Đảo. Kẻ thù có thể giam cầm, hành hạ thể xác của các chiến sĩ cách mạng nhưng không thể nào khuất phục được ý chí sắt đá, tinh thần đấu tranh cách mạng của những người con dân tộc luôn

biết chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Chính bằng niềm tin tuyệt đối vào sự thành công của sự nghiệp cách mạng, bằng trí thông minh, sáng tạo, cùng với khát khao thoát khỏi lao tù thực dân, trở về với cách mạng, với nhân dân tiếp tục chiến đấu đã giúp cho những người chiến sĩ cách mạng vượt qua mọi thử thách, hy sinh làm nên một kỳ tích phi thường, gây chấn động lớn ngay tại sào huyệt của kẻ thù. Đó chính là thắng lợi của tinh thần tiến công cách mạng, thắng lợi của bản lĩnh và ý chí quyết tâm không khuất phục trước kẻ thù, trước mọi khó khăn của các chiến sĩ cách mạng. Không chỉ với ý nghĩa của một cuộc vượt ngục thông thường, cuộc vượt ngục của các chiến sĩ Côn Đảo tháng 12/1952 đã trở thành một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, ghi dấu ấn đậm nét trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.

Dù không thành công, nhưng cuộc vượt ngục của các chiến sĩ cách mạng tháng 12/1952 với quy mô lớn, được tổ chức, lãnh đạo bởi những người cộng sản đã trở thành một cuộc biểu dương lực lượng lớn, đòn tiến công mạnh mẽ vào ý chí xâm lược của kẻ thù, làm rối loạn hệ thống nhà tù thực dân tàn bạo, góp phần cổ vũ quân và dân ta tiếp tục tiến lên chiến đấu giành những thắng lợi to lớn hơn trên chiến trường. Báo chí Pháp lúc bấy giờ đã ví sự kiện này như một “trận dư chấn lớn”. Thực dân Pháp buộc phải điều thêm lực lượng, tăng cường tàu chiến bảo vệ Côn Đảo, mặc dù lúc này chúng đang cần tập trung lực lượng để đối phó với các cuộc tiến công của quân và dân ta trên chiến trường. Với ý nghĩa đó, cuộc chiến đấu và vượt ngục của các chiến sĩ cách mạng ở Côn Đảo năm 1952 còn góp phần chia lửa với chiến trường trên cả nước.

Có tổ chức Đảng vững mạnh, đề ra được mục tiêu đấu tranh đúng đắn là nhân tố hàng đầu tạo nên sự đoàn kết, thống nhất về tư tưởng và hành động của toàn Đảng bộ nhà tù Côn Đảo. Cũng như ở các nhà tù thực dân trên cả nước, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, những đảng viên ưu tú bị địch giam tại Côn Đảo đã sớm tổ chức lực lượng, đoàn kết tù nhân, hình thành tổ chức Đảng, lập ra Liên đoàn Tù nhân để lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống lại chế độ hà khắc của nhà tù; biến nhà tù thực dân thành nơi học tập chính trị, văn hóa, quân sự; nơi tôi luyện tinh thần yêu nước, ý chí của người cách mạng trước khó khăn, thử thách. Đặc biệt, nhờ làm tốt công tác phát triển đảng, thường xuyên thực hiện cuộc đấu tranh tự phê bình và phê bình, Đảng bộ nhà tù Côn Đảo ngày càng được củng cố; hệ thống tổ chức đảng được xây dựng ở hầu hết các khu, khám, sở.

Đầu năm 1952, Đảng bộ tiến hành đại hội đại biểu lần thứ ba nhằm đánh giá tình hình hoạt động của năm qua và xác định những phương hướng đấu tranh trong giai đoạn mới⁽¹⁾. Sau hai ngày thảo luận, cùng với nhấn mạnh nhiệm vụ thường xuyên phải lãnh đạo tù nhân đấu tranh cho quyền sống hàng ngày, chống khủng bố đánh đập, đòi nhà tù phải thực hiện

(1) Do không thể tập hợp được tất cả đảng viên, nên hình thức tổ chức đại hội cũng hết sức khôn khéo, vừa giữ được bí mật, vừa đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ. Theo đó, mỗi khu, khám đều cử người đại diện nhận tài liệu, hướng dẫn thảo luận. Ý kiến đóng góp của các tổ chức đảng và đảng viên sau đó được chuyển về bộ phận tổng hợp qua đường dây liên lạc.

đúng công ước quốc tế về đối xử với tù nhân,... Đại hội nhất trí cao với chủ trương lớn do Dự thảo nghị quyết đề ra, đó là tiến hành xây dựng lực lượng dự bị cho kháng chiến và tổ chức giải thoát khi có thời cơ. Nghị quyết khẳng định: *“Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta đã bước sang giai đoạn cuối cùng. Là bộ phận của dân tộc, tù nhân kháng chiến không thể cứ ngồi chờ ngày chiến thắng để cách mạng giải thoát khỏi gông cùm mà phải tích cực chuẩn bị mọi mặt để khi có thời cơ thì tự giải thoát”*⁽¹⁾. Trong điều kiện bị địch giam cầm, xa sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, chủ trương tự giải thoát đã thể hiện tinh thần chủ tiến công cách mạng, dám nghĩ, dám làm; ý thức tự lực, tự cường “đem sức ta mà giải phóng cho ta” của các chiến sĩ cách mạng Côn Đảo. Đây không phải là một quyết định phiêu lưu, mạo hiểm mà dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá toàn diện tình hình cuộc kháng chiến của ta nhất là so sánh lực lượng giữa địch - ta tại nhà tù Côn Đảo. Tại thời điểm đó, ở Côn Đảo địch chỉ có hơn 200 tên, trong khi đó số tù nhân lên đến hơn 2.000 người, gần một nửa trong số đó là những chiến sĩ trong lực lượng vũ trang (công an xung phong, biệt động, tự vệ thành, bộ đội địa phương...); địch có phương tiện kỹ thuật, vũ khí trong tay, còn tù nhân thì có lòng căm thù, có quyết tâm giải phóng, đặc biệt là có sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà tù Côn Đảo.

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2010.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trước mắt và lâu dài, đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ nhà tù Côn Đảo gồm 11 đồng chí⁽¹⁾ và quyết định đổi tên *Liên đoàn Tù nhân* thành *Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo* nhằm đoàn kết toàn bộ tù nhân yêu nước, tù binh và những người có cảm tình với cuộc kháng chiến. Dưới Ban Chấp hành Đảng bộ nhà tù Côn Đảo có Ban Tuyên huấn, Ban Kinh tế - xã hội, Ban Đảng vụ, Ban Tuyên truyền văn nghệ và Ban Thi đua. Mỗi ban có một chi bộ (5 chi ủy viên), mỗi khám là mỗi phân chi (3 phân chi ủy viên). Riêng công tác binh vận và địch vận do Ban Chấp hành Đảng bộ nhà tù trực tiếp chỉ đạo, phụ trách. Đại hội đã thống nhất được hai khối tù lớn là tù án và tù binh trong một Đảng bộ, một Liên đoàn Tù nhân kháng chiến. Sự thống nhất cao về mục tiêu đấu tranh và sự trưởng thành về cả tư tưởng và tổ chức của Đảng bộ nhà tù Côn Đảo là cơ sở quan trọng để Đảo ủy bắt tay xây dựng kế hoạch, chỉ đạo toàn diện việc chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới khi thời cơ đến.

Nhờ nắm vững thời cơ, xây dựng được kế hoạch cụ thể, chỉ đạo tổ chức thực hiện chặt chẽ, các chiến sĩ cách mạng đã thực hiện được một cuộc chuẩn bị toàn diện, đảm bảo bí mật tuyệt đối.

(1) Đồng chí Lê Văn Hiến (tức Văn, tức Ý) làm bí thư; đồng chí Dương Tấn Phát (bí danh Tùng Lam và Thép) làm phó bí thư; đồng chí Phạm Quý Tuyển là ủy viên ban chấp hành, phụ trách quân sự; đồng chí Trần Nam (Triêm) là ủy viên ban chấp hành, phụ trách ngoại giới vận; đồng chí Đỗ Hoàng Trừ là ủy viên ban chấp hành phụ trách lao I; đồng chí Lê Khắc Thành là ủy viên phụ trách lao II, khu biệt lập; đồng chí Lê Mai, ủy viên ban chấp hành, kiêm chủ tịch Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo.

Ngay sau đại hội, lợi dụng việc địch điều một nhóm tù nhân ra lao động khổ sai bên ngoài, Đảo ủy đã phân công một số đồng chí kiên trung bí mật chuẩn bị phương tiện vượt ngục. Tuy nhiên phải đến cuối tháng 5/1952, khi địch đưa một bộ phận lớn tù nhân, chia thành nhiều kíp ra lao động khổ sai ở nhiều nơi trên đảo và trong khu vực nhà tù⁽¹⁾ mới mở ra cơ hội lớn cho phương án giải thoát tù nhân. Ngay khi thời cơ xuất hiện, phát huy trí tuệ tập thể, các đảo ủy viên trong khối tù binh đã họp và phác thảo một phương án vũ trang giải phóng đảo, giải thoát toàn bộ tù nhân khá toàn diện, chặt chẽ. Trên cơ sở nắm vững quy luật hoạt động, thế bố trí lực lượng của địch, xác định đúng những mục tiêu quan trọng, Đảo ủy đã xây dựng kế hoạch phối hợp tác chiến và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng hướng, từng mũi. Theo đó, kíp tù binh mở đường từ mũi Cá Mập đến Bến Đầm, do đồng chí bí thư Đảo ủy Lê Văn Hiến trực tiếp chỉ đạo, phải lợi dụng việc địch cho dựng lán tại chỗ để bí mật đào hầm, đóng thuyền và cất giấu lương thực. Khi có hiệu lệnh nhanh chóng bắt gọn trung đội lính Âu - Phi ở đó, tránh nổ súng để bảo đảm bí mật. Kíp rải đá đoạn đường từ Sở Đá đến mũi Cá Mập do đồng chí Lê Mai, đảo ủy viên trực tiếp chỉ huy, đồng thời hành động khi có hiệu

(1) Một kíp tù binh hơn 100 người mở đoạn đường từ mũi Cá Mập ra Bến Đầm. Kíp tù binh này được dựng lán tại khu vực làm việc. Kíp tù binh thứ hai, khoảng 100 người rải đá đoạn đường từ Sở Đá ra mũi Cá Mập. Kíp tù này sáng có ô tô đưa đi, tối có xe đưa về ban đêm. Số tù binh còn lại làm ở công trường đá. Kíp thợ xẻ tiếp tục xẻ gỗ về đóng đồ cho bọn thống trị. Một kíp khác sửa ở ban III.

lệnh, sau đó cải trang thành đội lính, dùng xe ô tô của địch về đảo, bất ngờ đánh chiếm ba mục tiêu quan trọng là trại lính, dinh chúa đảo và đài vô tuyến điện ở Cầu Tàu. Cả ba mục tiêu này đều có lực lượng nội ứng là những anh em tù án lao động hàng ngày ở đây. Khi thời cơ đến, lực lượng nội ứng dưới sự chỉ đạo của đồng chí Phó Bí thư Đảo ủy Tùng Lam, đảo ủy viên Trần Nam phải cướp vũ khí địch, phối hợp với lực lượng bên ngoài, thực hiện chiến thuật “trong đánh ra, ngoài đánh vào” nhanh chóng làm chủ các mục tiêu, chiếm tàu chở hàng địch làm phương tiện vượt đảo. Sau khi giải phóng đảo, phải có một bộ phận cảm tử ở lại để duy trì đài vô tuyến, phát tín hiệu an toàn theo định kỳ liên lạc để địch ở Sài Gòn không nghi ngờ. Đội cảm tử sẽ trở về bằng ca-nô của đảo sau khi phần lớn tù nhân đã về đất liền. Đảo ủy dự kiến thời gian khởi sự là vào những tháng cuối năm, khi có gió chướng thổi về.

Đảo ủy còn phân tích những nhân tố bảo đảm cho thắng lợi, đồng thời cũng dự lường trước những tình huống bất trắc có thể xảy ra trong quá trình chuẩn bị và khi khởi sự để có biện pháp xử trí phù hợp, linh hoạt. Đảo ủy nhận định, ngoài yếu tố chủ quan, điều kiện khách quan đảm bảo thành công là phải có gió chướng thật sòng (đều), có tàu hàng địch ra đảo - những yếu tố rất khó lường, không phải lúc nào cũng theo mong muốn chủ quan của ta. Vì thế, trong khi đặt lên hàng đầu phương án giải phóng toàn đảo, giải thoát toàn bộ tù nhân, Đảo ủy còn đề ra phương án giải thoát cục bộ, trong trường hợp không hội đủ được các yếu tố đảm bảo giành thắng lợi theo phương án thứ nhất.

Để thực hiện kế hoạch, Đảo ủy yêu cầu phải coi trọng công tác chính trị, tư tưởng nhằm bồi dưỡng tinh thần yêu nước, quyết tâm chiến đấu, giải phóng đảo cho các lực lượng; củng cố lực lượng lãnh đạo ở cơ sở để đảng viên đủ sức lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ do tổ chức phân công. Về công tác bảo đảm vật chất, Đảo ủy xác định phải chuẩn bị đủ lương thực cho chuyển vượt biển dài ngày; bí mật lấy song mây, tre, gỗ làm khung thuyền và đào hầm cất giấu, dùng áo quần để bọc thuyền và làm buồm; bộ phận tạo tác gấp rút rèn đúc mũi mác xung kích, chế tạo lựu đạn hỏa mù để trang bị cho các đơn vị. Về quân sự, các tổ xung kích phải tổ chức huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, nhất là chiến thuật tay không bắt giặc, ba đánh một; tập vượt cản, ném lựu đạn, bơi lặn... Quá trình chuẩn bị phải quán triệt phương châm tuyệt đối bí mật, tổ chức lực lượng chặt chẽ, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng người, đúng việc; khi hành động phải nắm chắc phương châm mưu trí, dũng cảm, bất ngờ nhanh chóng, chính xác, “lấy vũ khí địch đánh địch”.

Thực hiện kế hoạch của Đảo ủy, các kíp đi làm khổ sai dù vô cùng vất vả, nhưng vào giờ nghỉ vẫn tranh thủ tập võ thuật, chiến thuật tay không bắt địch, tập vượt rào, vượt tường dưới hình thức thể dục, thể thao. Tù nhân ở Sở Bản Chế bí mật rèn được trên 100 mũi mác xung kích trang bị cho bộ phận Bến Đầm. Kíp làm đá lấy được gần 20 kíp mìn chuyển cho bộ phận làm lựu đạn hỏa mù. Ban tạo tác của Đảo ủy tạo tác được hàng chục thùng sắt để đựng nước ngọt và làm phao; chế tạo được hàng trăm gói lựu đạn hỏa mù bằng tro bếp trộn lẫn với tiêu và ớt bột; chuẩn bị được hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa

đường, gần 1.000 bộ quần áo cùng nhiều loại dụng cụ cần thiết để làm thuyền⁽¹⁾... Tất cả được chuyển ra Bến Đầm qua kíp tù binh ở đầu mom Cá Mập.

Bộ phận chủ lực xung kích ở Bến Đầm do sớm nắm được kế hoạch và có sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí bí thư Đảo ủy nên ngay từ khi dựng lán đã biết chọn chỗ đất thuận lợi cho việc đào hầm để đóng và cất giấu thuyền, lương thực và các thiết bị khác. Ngày lao động khổ sai, tối về họ thay phiên nhau đào hầm ngay giữa lán, dưới hai dãy giường nằm. Bằng nhiều phương pháp nguy trang khôn khéo, bằng quyết tâm rất cao, sau nhiều ngày lao động tích cực, sáng tạo, họ đã đào được hai căn hầm khá kiên cố, đóng được năm khung thuyền, khâu hàng trăm tấm áo tù thành những tấm vải lớn rồi quét sơn, hắc ín để bọc thuyền. Khung thuyền chủ yếu được giấu dưới hầm, xà của lán được làm đúng kích thước của cột buồm, thang giường được đẽo sẵn theo hình bơi chèo, còn tấm trải giường được đan bằng song mây cũng được thiết kế vừa một mê thuyền. Cùng các nhiệm vụ trên, họ còn tranh thủ luyện tập võ thuật, rèn chiến thuật tay không bất giác, đánh bất ngờ. Tất cả đều được chuẩn bị công phu, tỷ mỉ, khôn khéo, đảm bảo bí mật, đúng kế hoạch. Đây thực sự là một kỳ tích phi thường của lực lượng xung kích ở Bến Đầm.

Cùng với coi trọng các mặt công tác chuẩn bị về phương

(1) Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Thành, *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. HCM. 2010, tr.356.

tiện, hậu cần, huấn luyện quân sự... để đảm bảo thành công của kế hoạch, Đảo ủy Côn Đảo còn xác định nhiệm vụ phải: “Tổ chức và phân công chặt chẽ lực lượng làm công tác dân vận và vận động binh lính sĩ quan địch, vận động người Hoa, người Miên”⁽¹⁾. Quán triệt chỉ đạo của Đảo ủy, công tác binh vận cũng được triển khai tích cực. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí đảo ủy viên Phạm Quý Tuyền, bộ phận binh vận tù binh (chủ yếu là những người đại diện kíp, khám), đã khéo léo tiếp cận với lính châu Phi, tác động đến tinh thần chán ghét chiến tranh xâm lược, khơi lên mối tình đồng cảm của các dân tộc cùng chung ách áp bức của thực dân Pháp. Bằng hình thức tặng quà lưu niệm, tặng thơ, giúp đỡ họ một vài việc nhỏ... các chiến sĩ binh vận đã gây được thiện cảm của họ đối với tù nhân kháng chiến. Nhiều binh lính da đen còn cung cấp tin tức và âm mưu của bọn chúa đảo cho anh em. Họ đối xử với tù nhân có phần dễ chịu hơn, thậm chí còn cho tù nhân cả muối, đường và thuốc bổ. Lực lượng làm công tác binh vận ở khối tù án chủ yếu là những người tù áo trắng gồm thư ký, bồi bếp, lao công ở các công sở và ở gia đình đã hoạt động tích cực, góp phần cảm hóa được nhiều gia đình gác-điêng, giám thị, thầy chú. Có người đã ủng hộ bằng cách khuyên chồng bớt bạo lực với tù nhân, có người thì mua giúp cho anh em sơn, vải và các dụng cụ cần thiết khác. Công tác cảm hóa, vận động tù nhân người Hoa, Khơ Me, Lào, Thái và các dân tộc ít người cũng thu được

(1) *Những chiến sĩ cách mạng vượt ngục Côn Đảo*, Nxb. Lao động, H. 2012, tr.158.

kết quả tốt. Nhiều người trong số họ đã ủng hộ và cùng tích cực tham gia các công việc chuẩn bị. Thành công của công tác binh địch vận, dân vận đã giúp các chiến sĩ cách mạng không chỉ có thêm lực lượng ủng hộ, tham gia mà còn tạo được điều kiện thuận lợi cho ta suốt quá trình chuẩn bị và tổ chức vượt ngục.

Như vậy, ngay tại nhà tù thực dân, bị chúng kìm kẹp, quản chế nghiêm ngặt, nhưng bằng quyết tâm cao, tinh thần đoàn kết, trí sáng tạo, đức tính kiên trì, hiệp đồng chặt chẽ, các chiến sĩ cách mạng đã hoàn thành một khối lượng công việc vô cùng khó khăn, phức tạp nhưng vẫn giữ được bí mật; quy tụ, tập hợp được thêm lực lượng ủng hộ, tham gia. Đây thực sự là thành công lớn trong công tác tổ chức của Đảo ủy.

Do sơ suất trong quá trình thực hiện cộng thêm yếu tố thời tiết, phương tiện không đảm bảo, cuộc vượt ngục đã không thành công. Sau nhiều tháng tích cực chuẩn bị, các bộ phận đã hoàn tất mọi nhiệm vụ được giao và sẵn sàng hành động khi có hiệu lệnh. Trưa ngày 12/12/1952, khi gió chướng nổi lên, tại Bến Đầm, đồng chí đảo ủy viên quân sự Phan Du dùng chiếc khăn phát hiệu lệnh hành động. Ngay lập tức 28 đội xung kích quyết thắng Bến Đầm hô xung phong đồng loạt tiến công địch. Bằng những miếng võ đã được huấn luyện thuần thục, lực lượng xung kích nhanh chóng quật ngã, trói gọn 28 binh lính Âu - Phi, thu toàn bộ vũ khí. Trận đánh diễn ra rất nhanh chóng, đúng kế hoạch của ta. Cả một trung đội lính Âu - Phi được xem là mạnh nhất Côn Đảo lúc đó đã bị ta đánh bại. Trong khi đó kíp ở đầu mom Cá Mập, do một vài tổ xung phong không bám sát địch, nên đã xảy ra vật lộn, nổ súng.

Trận đánh không được đạt được mục tiêu đề ra. Ta hy sinh một, địch chết hai. Nguy hiểm hơn là đã để một tên lính trốn thoát.

Trước khả năng kế hoạch giải phóng đảo, giải thoát tù nhân bị lộ sớm, dẫn đến phá vỡ hoàn toàn, đồng chí bí thư Đảo ủy Lê Văn Hiến đã có cuộc hội ý cấp tốc với ban chỉ huy và đưa ra quyết định không đánh về đảo như phương án thứ nhất mà chuyển sang thực hiện phương án thứ hai giải thoát cục bộ khối tù binh lao động tại Bến Đầm và mũi Cá Mập. Lực lượng phụ trách đóng thuyền nhanh chóng dỡ hầm, lắp ráp năm chiếc thuyền lớn với đầy đủ buồm chèo, rồi vận chuyển thuyền, lương thực và nước uống ra Bến Đầm bằng ô tô của địch. Bộ phận làm công tác binh vận giải thích cho binh lính bị bắt về chủ trương vượt đảo, giải phóng tù nhân và chính sách tù binh của ta. Tuy bị trói, nhưng họ được ta trả lại đầy đủ tư trang, được đối xử tử tế. Chính sách nhân đạo của những người lính Cụ Hồ đối với tù binh đã khiến cho viên chỉ huy rất cảm động, y tặng các chiến sĩ ta một chiếc la bàn, một tấm bản đồ.

Chiều 12/12/1952, đoàn thuyền chở gần 200 chiến sĩ cách mạng bắt đầu vượt đảo. Nhưng chưa đi được bao lâu thì gió lặng dần rồi đổi hướng. Hai thuyền bị bọc, ngấm nước, chìm dần, chỉ mười mấy người bơi ngược trở về đảo. Ba thuyền còn lại đi được đến mờ sáng thì khung mây cũng bị rã ra. Nhiều người đã tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh cho nhẹ thuyền để bảo vệ lãnh đạo và những người còn lại. Sáng hôm sau, địch điều máy bay, tàu chiến truy đuổi và bắt lại tất cả những người còn lại trên ba chiếc thuyền. Số người còn sống sót trên hai

thuyền chìm gần bờ cũng bị địch bắt sau đó. Cuộc vượt ngục bị thất bại. 117 người bị địch bắt lại, 81 người anh dũng hy sinh.

Tuy không giành được thắng lợi cuối cùng, nhưng các chiến sĩ cách mạng ở nhà tù Côn Đảo đã minh chứng và để lại cho chúng ta một bài học sâu sắc. Đó là ngay giữa sào huyệt kẻ thù, cách xa đất liền, nhưng có tổ chức đảng vững mạnh, đề ra được mục tiêu đấu tranh đúng đắn, nắm vững thời cơ, có kế hoạch chuẩn bị chu đáo, có phương pháp tổ chức và sử dụng lực lượng hợp lý, biết làm công tác dân vận, binh vận, biết tập hợp, đoàn kết tất cả lực lượng cùng chung sức, đồng lòng tham gia thì vẫn có khả năng thực hiện được một cuộc đấu tranh lớn và giành được thắng lợi nhất định. Dĩ nhiên, để đảm bảo thắng lợi, quá trình chuẩn bị, tổ chức thực hiện phải hết sức thận trọng, tuyệt đối bí mật, đồng thời phải dự lường được mọi tình huống, khả năng xảy ra để có biện pháp điều chỉnh, ứng biến linh hoạt. Thực tế đã chỉ rõ, chỉ một sơ suất nhỏ trong quá trình thực hiện hoặc một mặt công tác chuẩn bị không đảm bảo cũng có thể khiến một kế hoạch lớn không thể thực hiện được trọn vẹn, lực lượng bị tổn thất. Đối với các chiến sĩ cách mạng, từ thực tiễn cuộc chiến đấu và vượt đảo đó đã giúp họ tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý, bồi đắp thêm ý chí, bản lĩnh cách mạng để tiếp tục cuộc chiến đấu với kẻ thù xâm lược.

60 năm trôi qua, nhìn lại cuộc vượt ngục Côn Đảo cuối năm 1952, chúng ta vô cùng khâm phục và tự hào về tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, kiên cường, bất khuất của các chiến sĩ cách mạng. Căm thù chế độ cai trị tàn bạo, vô nhân đạo của nhà tù thực dân bao nhiêu, chúng ta càng thấm phục về

bản lĩnh cách mạng, trí thông minh, sáng tạo của các chiến sĩ cách mạng bấy nhiêu trong cuộc chiến đấu không khoan nhượng với kẻ thù xâm lược. Chính những phẩm chất đó đã giúp họ lập nên những kỳ tích phi thường ngay tại nhà tù tàn bạo, hà khắc nhất của thực dân Pháp.

Tinh thần tiến công cách mạng, không chịu lùi bước trước kẻ thù, trước mọi khó khăn, thử thách của các chiến sĩ cách mạng Côn Đảo năm xưa vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn trong cuộc sống hôm nay.

“VƯỢT NGỤC BẾN ĐẦM” - CUỘC NỔI DẬY VÕ TRANG TỰ GIẢI PHÓNG QUY MÔ VÀ TÁO BẠO

*TS. Trần Trọng Thọ**

Vào tháng 12/1952, trong bối cảnh quân và dân cả nước ta đang phát huy thế chủ động chiến lược, tiến hành phản công, tiến công trên khắp các chiến trường, tại Vũng Đầm - Côn Đảo, chính địa điểm mà ngày 28/11/1861, Thông báo Hạm Noócdagaray của quân đội viễn chinh Pháp đổ quân, kéo cờ Pháp và ra tuyên bố hoàn thành việc chiếm lĩnh toàn bộ quần đảo Côn Lôn, đã diễn ra một sự kiện làm rung chuyển toàn bộ nhà tù Côn Đảo và tác động mạnh mẽ đến dư luận xã hội đương thời. Đó là cuộc nổi dậy võ trang tự giải phóng tảo bạo của 198 tù binh bị địch giam giữ tại Côn Đảo diễn ra ngày 12/12/1952. Năm tháng trôi qua, độ lùi thời gian càng làm sáng lên những giá trị lớn lao, nhiều mặt của lịch sử 113 năm đấu tranh yêu nước và cách mạng tại nhà tù Côn Đảo cũng như càng làm nổi bật thêm vị trí và ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh quy mô và tảo bạo vào bậc nhất trong lịch sử nhà tù này.

* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Lịch sử 113 năm, kể từ khi Bôna (Bonard) - Tổng Tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp tại Việt Nam ký quyết định về việc xây dựng nhà tù Côn Đảo để giam giữ các “tù nhân phạm tội nổi loạn, làm phản, các trọng tội thông thường” và “tù nhân chiến tranh” vào ngày 01/02/1862 đến khi những chiến sĩ yêu nước và cách mạng nổi dậy tự giải phóng, xóa bỏ vĩnh viễn “địa ngục trần gian” vào ngày 01/5/1975, nhà tù Côn Đảo đã diễn ra rất nhiều cuộc vượt ngục của tù nhân với những hình thức, quy mô, mức độ quyết liệt và thành công khác nhau.

Cuộc vượt ngục đầu tiên được ghi nhận trong lịch sử nhà tù Côn Đảo là cuộc vượt ngục của 150 tù nhân khổ sai diễn ra tại hòn Bảy Cạnh vào ngày 27/8/1883. Không cam chịu cảnh bị giết dần giết mòn bởi một chế độ lao động rất dã man và hà khắc, 150 tù nhân lao động khổ sai xây dựng ngọn hải đăng ở Bảy Cạnh đã đồng loạt nổi dậy giết năm lính gác, sĩ quan chỉ huy và viên kiểm định công chính người Pháp, đánh trọng thương tên đốc công, cướp 15 súng trường, hai súng lục, chiếm một tàu săn cá mập, một ca-nô cùng nhiều lương thực rồi vượt biển trở về đất liền. Tuy tiến hành truy nã ráo riết, chính quyền thực dân chỉ bắt lại được 36 người vượt ngục. Cuộc vượt ngục đã gây chấn động lớn và được báo chí Pháp mệnh danh là “*cuộc cách mạng ở Côn Đảo*”⁽¹⁾. Sau cuộc vượt ngục đầu tiên trên, 7 năm sau, vào ngày 17/6/1890, gần 400 tù nhân là người Bắc Kỳ nổi dậy giết gác ngục, cướp súng, dự định đóng bè

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2010, tr.77.

vượt biển nhưng không kịp, bị kẻ thù phát hiện, đàn áp dã man, bắn chết hàng chục người.

Bước sang thế kỷ XX, nhà tù Côn Đảo tiếp tục diễn ra những cuộc vượt ngục. Mỗi năm cứ đến mùa gió chướng là tù nhân lại tìm mọi cách trốn vào rừng, đốn cây, bứt dây kết bè vượt biển về đất liền. Nổi lên trong các cuộc vượt ngục thời gian đầu thế kỷ XX là cuộc tự giải thoát của 65 tù nhân khổ sai người Bắc Kỳ diễn ra vào ngày 25/7/1904. Trong khi bị buộc đi trảy dừa ở Hòn Cau, những tù nhân khổ sai đã nhân thời cơ thuận lợi giết giám thị, binh lính áp giải, chiếm sà-lúp vượt biển trở về đất liền. Do nhiều nguyên nhân, thành công như cuộc vượt ngục trên đây rất hiếm hoi; phần lớn những người vượt ngục hoặc bị bắt lại, hoặc bỏ mạng giữa trùng khơi vì đói khát, vì vỡ bè... Tuy nhiên, tư tưởng tự giải thoát không vì vậy mà bị khuất phục trong các tù nhân Côn Đảo.

Trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền, từ năm 1930 đến năm 1945, cùng với sự xuất hiện những tù nhân là các chiến sĩ cộng sản bị địch bắt và đày ải tại Côn Đảo, cùng với sự hình thành của chi bộ đảng trong nhà tù vào năm 1932, chủ trương vượt ngục được hình thành và là một quan điểm chỉ đạo mang tính xuyên suốt. Các cuộc vượt ngục có lãnh đạo, có tổ chức và ngày càng được chuẩn bị kỹ càng, chu đáo. Trong thời gian này, có thể kể đến các cuộc vượt ngục trong mùa gió chướng năm 1932 của đồng chí Lương Văn Tuy cùng một số đồng chí; cuộc vượt ngục của các đồng chí Nguyễn Hới, Tống Phúc Chiểu... năm 1933; cuộc vượt ngục của các đồng chí Ngô Gia Tự, Tô Chấn, Lê Quang Sung và nhiều đồng chí khác diễn ra cuối năm 1934; cuộc vượt ngục của các đồng chí Tạ Uyên,

Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Hồng Thám, Trần Quang Tạng... diễn ra vào tháng 4/1935. Theo thống kê của chính quyền thuộc địa, từ 1930 đến tháng 4/1936, tại nhà tù Côn Đảo, có tới 3.912 tù nhân vượt ngục; trong đó có 555 người về được đến đất liền hoặc chết trên biển; 3.377 người bị bắt lại⁽¹⁾. Từ tháng 2 đến tháng 4/1945, chi bộ đặc biệt nhà tù Côn Đảo đã chủ trương tổ chức hai cuộc vượt ngục đưa những cán bộ dày dạn kinh nghiệm trở về đất liền. Do nhiều nguyên nhân, phần lớn các cuộc vượt ngục không đạt kết quả như mong muốn, có cuộc chỉ mới dừng lại ở chủ trương và kế hoạch, có cuộc bị tổn thất, nhiều đồng chí hy sinh, song đã thể hiện những nỗ lực lớn lao và ý chí tự giải phóng của những chiến sĩ yêu nước và cách mạng bị tù đầy.

Trong 30 năm chiến tranh giải phóng, chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ xâm lược từ năm 1945 đến năm 1975, nhà tù Côn Đảo lại chứng kiến rất nhiều cuộc vượt ngục thần kỳ và rất táo bạo. Không kể các cuộc vượt ngục nhỏ lẻ, chỉ tính các cuộc vượt ngục có số người tham gia trên dưới hai chục người trở lên thì ngoài cuộc nổi dậy vũ trang vượt ngục tại Bến Đầm vào ngày 12/12/1952 là chủ đề phản ánh chính của bài viết này, có thể kể đến cuộc đoạt súng, khống chế gác-điêng Pháp và thầy chú người Việt, vượt ngục thành công của 25 tù nhân Sở Lưới diễn ra vào tối ngày 7/5/1948. Cuộc bạo động, cướp pha, bắt gọn toàn bộ giám thị, thầy chú, đóng thuyền vượt

(1) Daniel Hémery, *Révolutionnaires Vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine*, François Maspero, Paris, 1975, p.178.

biển của kíp tù 44 người làm khổ sai ở hòn Bảy Cạnh diễn ra vào tháng 5/1949⁽¹⁾. Cuộc vượt ngục bằng cách chớp thời cơ trời giáng thị, đoạt ghe máy trở về vùng giải phóng của 19 tù chính trị Sở Lưới nhân chuyến đi đánh cá tại Hòn Tre (phía tây Côn Đảo) diễn ra sáng ngày 09/5/1964. Cuộc vượt ngục khởi đầu bằng việc bắt trời nhân viên, thủy thủ, giám thị, binh lính, chiếm tàu vượt biển được định kế hoạch rất chu đáo, chuẩn bị rất kỳ công và giành thắng lợi rất trọn vẹn của 57 tù nhân Sở Lưới diễn ra chiều tối ngày 27/2/1965...

Điểm qua các cuộc vượt ngục trên để thấy rằng tư tưởng vượt ngục, tự giải phóng luôn thường trực trong các lớp chiến sĩ yêu nước và cách mạng bị giam giữ tại nhà tù Côn Đảo. Tư tưởng đó là nguồn gốc, là nền tảng tinh thần cho những cuộc vượt ngục liên tiếp diễn ra, khi thì nhỏ gọn của một nhóm nhỏ vài ba tù nhân thậm chí chỉ một, hai người trốn lên núi hạ mấy cây bương, cây vầu ghép thành bè mảng bí mật vượt biển trở về đất liền; khi thì diễn ra có kế hoạch, có chuẩn bị kỹ càng; khi thì bí mật, âm thầm, lúc lại nổi dậy bạo động, diệt bọn cai ngục, dùng phương tiện của chính kẻ thù hay phương tiện tự tạo để vượt biển.

Cũng từ hiện thực lịch sử của rất nhiều cuộc vượt ngục trong 113 năm tồn tại của nhà tù Côn Đảo, có thể thấy cuộc

(1) Thắng lợi của cuộc bạo động pha Bảy Cạnh không chỉ ở việc giải thoát một số đông tù nhân (19 tù nhân trong đó có ban lãnh đạo vượt ngục không đủ thuyền phải ở lại) mà còn có tác dụng vận động, cảm hoá được số binh lính và gác ngục Pháp.

vượt ngục của tù binh ở Bến Đầm ngày 12/12/1952 nổi lên là một cuộc võ trang tự giải thoát có sự chuẩn bị kỳ công nhất (từ xây dựng kế hoạch, tổng kết kinh nghiệm vượt tù, định các phương án tiến hành, chuẩn bị lực lượng, rèn luyện đội ngũ, chế tạo phương tiện và các vật dụng vượt biển...), thời gian chuẩn bị lâu nhất (từ khi hình thành chủ trương đến khi diễn ra là một năm), có số lượng người tham gia đông nhất (trên thực tế việc chuẩn bị cho cuộc vũ trang giải phóng toàn đảo được tiến hành trong tất cả các khám tù với số lượng gần 2.300 người cả tù binh và tù án, trong đó, 198 tù binh lao động khổ sai tại mũi Cá Mập và tại Bến Đầm trực tiếp nổi dậy, vượt ngục là lực lượng xung kích) và xuất phát từ một chủ trương táo bạo vào bậc nhất trong lịch sử 113 năm lịch sử nhà tù Côn Đảo: *Vũ trang bạo động chiếm đảo, giải phóng toàn bộ tù nhân, vượt biển trở về tham gia kháng chiến*. Đây chính là nét độc đáo nhất của cuộc nổi dậy võ trang tự giải phóng của tù nhân Côn Đảo ngày 12/12/1952. Trong toàn bộ lịch sử “địa ngục trần gian” Côn Đảo, chỉ có 3 lần chủ trương tự giải phóng toàn bộ nhà tù được đề ra và thực hiện: đó là cuộc nổi dậy giành quyền làm chủ đảo tháng 9/1945, cuộc nổi dậy tự giải phóng thành công chấm dứt vĩnh viễn sự tồn tại của nhà tù Côn Đảo diễn ra vào tháng 5/1975 và cuộc nổi dậy võ trang tự giải phóng ngày 12/12/1952. Hai cuộc tự giải phóng năm 1945 và năm 1975 giành thắng lợi trọn vẹn diễn ra trong bối cảnh khi chính quyền đã về tay nhân dân, chế độ thuộc địa đã bị đánh đổ và khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược đã kết thúc thắng lợi trên đất liền.

Cũng cần nhấn mạnh rằng: theo kế hoạch, sau khi nổi dậy bắt sống toàn bộ binh lính canh giữ, không nổ súng để giữ bí mật, lực lượng tù binh lao động khổ sai ở mũi Cá Mập và ở Bến Đầm sẽ cải trang dùng ô tô về trung tâm đảo phối hợp với tù án đánh chiếm dinh chúa đảo, trại lính và đài vô tuyến điện, chiếm các loại phương tiện vận tải. Khi cuộc vũ trang chiếm đảo hoàn tất, các phương tiện đảm bảo thì sẽ đưa toàn bộ tù binh về đất liền. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan trong nhận định tình hình, phương án chủ đạo là vũ trang bạo động chiếm đảo, giải phóng toàn bộ tù nhân không thực hiện được. Cuộc vượt ngục diễn ra sau cuộc nổi dậy tại Bến Đầm chỉ là kết quả của phương án thứ hai, phương án giải phóng bộ phận và buộc phải tiến hành khi cuộc nổi dậy đã được khởi phát và không hoàn toàn diễn ra theo kế hoạch vì kíp tù binh ở mũi Cá Mập không bắt gọn cai ngục, binh lính, đã xảy ra đổ máu và súng nổ. Do đó, nếu không nghiên cứu cả quá trình mà chỉ chú ý những diễn biến cụ thể của “cuộc vượt ngục Bến Đầm” sẽ không thấy hết tầm vóc và chiều sâu của sự kiện này. Cuộc vượt ngục Bến Đầm ngày 12/12/1952 chỉ là một biểu hiện cụ thể, một kết quả cụ thể của một chủ trương lớn và cả một quá trình lãnh đạo chuẩn bị kỳ công của Đảng bộ nhà tù nhằm mục tiêu nổi dậy vũ trang tự giải phóng toàn bộ tù nhân, đưa họ trở về đất liền tham gia kháng chiến.

2. Cuộc nổi dậy vũ trang tự giải phóng tại nhà tù Côn Đảo ngày 12/12/1952 mà biểu hiện cụ thể là cuộc vượt ngục Bến Đầm diễn ra không thành công, có tổn thất về con người và có

khuyết điểm trong chỉ đạo, song, cần phải được đánh giá xác đáng, tương xứng với ý nghĩa lịch sử và giá trị lâu bền của sự kiện này.

Trước hết, cần khẳng định rằng cuộc nổi dậy võ trang, tự giải phóng phóng nổ ra ở Bến Đầm vào ngày 12/12/1952 đã thể hiện đậm nét tinh thần tiến công cách mạng, dám nghĩ, dám làm của những người cộng sản Việt Nam. Đó là tư tưởng *“dem sức ta mà tự giải phóng cho ta”* trong hoàn cảnh bị tù đầy của những con người yêu nước và cách mạng; là ý chí của những người đảng viên cộng sản trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng hướng về Tổ quốc, dám xả thân cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân và của toàn thể dân tộc.

Về mặt quân sự, cuộc nổi dậy võ trang, tự giải phóng nổ ra ở Bến Đầm vào ngày 12/12/1952 góp phần chia lửa với chiến trường chính, nhất là chiến trường Bắc Đông Dương đang đi vào giai đoạn quyết liệt Đông xuân 1952 - 1953; quân đội viễn chinh Pháp đang huy động tối đa nhân lực ở chính quốc và các thuộc địa để đưa sang Đông Dương kéo dài cuộc chiến tranh phi nghĩa. Trong lúc thiếu quân như vậy, quân đội viễn chinh Pháp vẫn phải điều 2 trung đoàn thủy quân lục chiến để bảo vệ nhà tù giữa biển khơi xa đất liền gần 100km. Cuộc nổi dậy võ trang, tự giải phóng nổ ra ở Bến Đầm thực chất là một trận chiến đấu, đưa chiến trường vào ngay trong lòng địch của lực lượng bộ đội Cụ Hồ trong hoàn cảnh bị địch bắt giữ.

Về mặt chính trị, sau hơn hai tháng khủng bố tù nhân, nhất là lực lượng tham gia vượt ngục, bọn cai ngục Côn Đảo bắt

buộc phải thực hiện một phần Công ước Gionevơ về tù binh năm 1949 (Convention Genève). Chúng phải trả lại quần áo của tù binh mà khi họ mới ra Côn Đảo đã bị khám xét và thu hết tư trang, chỉ phát cho mỗi người 2 bộ áo xanh ngắn. Chế độ ăn uống cũng được cải thiện, bọn cai ngục phải giao việc nấu ăn, chế biến thức ăn cho từng banh, không còn tình trạng bớt xén thực phẩm của tù nhân như trước. Chế độ của tù án cũng dần dần được thực hiện như tù binh. Thư từ gửi về gia đình vốn chỉ được điền vào những chỗ trống trên một tấm các (card) do nhà tù làm sẵn bị bãi bỏ, tù nhân được viết 15 dòng trên khổ giấy học sinh. Những tù binh bị ốm đau chữa tại Côn Đảo không khỏi, được chuyển về Sài Gòn khám và điều trị. Những bệnh nhân nhẹ trước vẫn phải đi làm coócve (corvée) được nghỉ lao động.

Điều đặc biệt là, cuộc võ trang nổi dậy tự giải phóng kết thúc bằng cuộc vượt ngục tại Bến Đầm không thành công về mặt giải thoát tù nhân nhưng lại giành thắng lợi về mặt pháp lý trước dư luận về sự chính nghĩa, về những giá trị của con người trước những chính sách thực dân phản động và chế độ nhà tù đầy nhục hình, vô nhân đạo của thực dân Pháp ở Côn Đảo và cả Đông Dương. Sau khi cuộc bạo động diễn ra, thực dân Pháp đưa 117 tù binh bị bắt lại trong cuộc bạo động về giam tại nhà tù Chí Hòa - Sài Gòn rồi đưa ra xét xử tại tòa án binh để nhằm truất quyền tù binh, chuyển từ tù binh sang tù án với tội phá rối an ninh quốc gia. Vụ án đã gây chấn động dư luận Sài Gòn. Liên đoàn Tù nhân Khám Lớn - Chí Hòa đã kịp thời giúp đỡ. Những người đại diện đã đến gặp trao đổi và mời

luật sư Nguyễn Hữu Thọ lúc đó mở phòng luật sư tại Sài Gòn đến bào chữa cho vụ án. Tòa án binh của thực dân Pháp tại Sài Gòn đã không thể khép vụ nổi dậy của tù binh ở Bến Đầm - Côn Đảo vào tội danh gì để truất quyền tù binh của họ. Tất cả các tù nhân đều thống nhất lời khai lên tiếng tố cáo chế độ nhà tù hà khắc, vi phạm công ước tù binh, đối xử nhục hình với tù nhân. Vì vậy, tù nhân luôn luôn tìm cách để vượt ngục. khi thấy có sơ hở thì vượt ngục, không hề có tổ chức, không có chỉ huy. Tất cả những người lính Âu - Phi bị đưa ra làm nhân chứng đã xác nhận lời khai của tù nhân. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã dựa vào các nhân chứng bào chữa cho các tù nhân trắng án. Như vậy từ Côn Đảo, cuộc đấu tranh tự giải phóng của tù binh ở Bến Đầm chẳng những làm rung chuyển toàn bộ nhà tù Côn Đảo mà còn tác động mạnh mẽ đến dư luận xã hội Đông Dương và cả ở nước Pháp. Sau sự kiện này, nhiều đoàn thanh tra tù binh ở đất liền đã ra thị sát đời sống của tù binh, kiểm tra việc đối xử của chúa đảo và tay chân đối với tù binh. Hội đồng Chữ thập đỏ quốc tế cũng cử phái đoàn đến kiểm tra đời sống tù binh ở Côn Đảo. Đây cũng là một thắng lợi về mặt chính trị của tù nhân Côn Đảo sau sự kiện nổi dậy tại Bến Đầm ngày 12/12/1952.

Với việc Liên đoàn Tù nhân Khám Lớn - Chí Hòa giúp đỡ và sự bào chữa thành công của luật sư Nguyễn Hữu Thọ cho những người trực tiếp vượt ngục tại Bến Đầm, cuộc nổi dậy võ trang tự giải thoát tại Côn Đảo ngày 12/12/1952 không chỉ đóng khung trong phạm vi Côn Đảo, mà đã kết nối, hòa nhịp và góp phần trực tiếp vào phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Bộ.

Cuộc nổi dậy, vượt ngục của tù binh tại Bến Đầm ngày 12/12/1952 còn có ý nghĩa về mặt địch vận. Chính tinh thần chiến đấu, sự mưu trí dũng cảm không ngại hy sinh cùng sự cư xử nhân đạo của lực lượng tù binh nổi dậy tại Bến Đầm đối với sĩ quan và binh lính canh giữ sau khi đã bắt trời họ đã tạo nên sự cảm phục của binh lính địch ở Côn Đảo. Bên cạnh việc tất cả những người lính Âu - Phi làm chứng đã xác nhận lý do chính đáng của những người bạo động là “tù binh có quyền vượt ngục” tại tòa án binh Sài Gòn, những cai ngục và binh lính ở Côn Đảo cũng tỏ thái độ kính nể đối với tù binh, tù chính trị bị giam giữ.

Cuộc nổi dậy vũ trang tự giải phóng của những chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại nhà tù Côn Đảo ngày 12/12/1952 đã để lại những kinh nghiệm quý báu về công tác tổ chức, công tác tư tưởng, công tác đấu tranh và giữ gìn bí mật; những kinh nghiệm thành công và không thành công trong lòng địch, nhìn nhận thời cơ và xử lý tình thế bất lợi nảy sinh trong cuộc chiến đấu diễn ra trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, nguy hiểm và thúc bách.

Cuộc nổi dậy vũ trang tự giải phóng để lại những hình ảnh cao đẹp về tấm gương hy sinh anh dũng của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tham gia cuộc nổi dậy và vượt ngục, đặc biệt là những người tự nguyện nhảy xuống biển, chấp nhận cái chết để dành sự sống cho đồng đội. Đó cũng là một giá trị lâu bền mãi mãi được khắc ghi của cuộc nổi dậy và vượt ngục tại Bến Đầm ngày 12/12/1952.

3. Lịch sử cận hiện đại Việt Nam chứa đựng một dung lượng lớn lịch sử đấu tranh giải phóng, trong đó có một bộ phận là lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng trong các nhà tù thực dân, đế quốc. Trong hoàn cảnh rất khắc nghiệt, những chiến sĩ yêu nước và cách mạng bị giam giữ đã nêu cao tinh thần bất khuất, tổ chức lại lực lượng, hình thành các tổ chức lãnh đạo, tiến hành đấu tranh không mệt mỏi với nhiều nội dung và hình thức để bảo vệ sinh mệnh, bảo vệ khí tiết và phẩm giá của con người Việt Nam; biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng để rèn luyện, đào tạo cán bộ, tổng kết kinh nghiệm và khi thời cơ đến nổi dậy tự giải phóng, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung, trọn vẹn của cả dân tộc. Do đó, lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng trong các nhà tù đế quốc trong các thời kỳ phải được trân trọng, phải được đề cao và phản ánh tương xứng với vai trò, vị trí và những đóng góp lớn lao đối với cách mạng, đối với dân tộc. Các cuộc đấu tranh trong nhà tù Côn Đảo cũng như các nhà tù khác của địch là một nội dung không thể tách rời với công cuộc đấu tranh giải phóng kéo dài hơn một thế kỷ của dân tộc ta. Cuộc nổi dậy vũ trang tự giải phóng của tù binh diễn ra tại Bến Đầm ngày 12/12/1952 cũng chính là sự tiếp nối cuộc chiến đấu trên một địa bàn đặc biệt, trong một hoàn cảnh đặc biệt của các chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam bị địch bắt và phải được coi là một bộ phận của lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam. Có một thực tế là đến nay, trong phần lớn các công trình nghiên cứu chính thống về sử dân tộc, lịch sử Đảng, lịch sử quân sự Việt Nam, nội dung phản ánh về các cuộc đấu tranh trong các nhà

tù đế quốc lại không được đề cập, hoặc chỉ được phản ánh rất mờ nhạt. Đây là một khiếm khuyết cần phải được khắc phục để lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng trong tù được đánh giá xác đáng và phát huy giá trị nhiều mặt trong công cuộc đổi mới đất nước. Đó cũng là cách chúng ta tri ân những thế hệ đã cống hiến hy sinh cho tự do, độc lập của dân tộc, cũng là để giáo dục thế hệ hôm nay nỗ lực xây dựng một đất nước Việt Nam độc lập, tự do, dân chủ, giàu mạnh, đoàn kết và phát triển.

CUỘC VÕ TRANG GIẢI THOÁT CỦA TÙ NHÂN CÔN ĐẢO THÁNG 12/1952

*TS. Nguyễn Đình Thống**

1. Khái quát tình hình nhà tù và tù nhân Côn Đảo trước 1952

Ngày 18/4/1946, thực dân Pháp tái chiếm Côn Đảo, lập lại nhà tù. Chuyển tàu ngày 27/5/1946 đầy 300 tù binh kháng chiến ra Côn Đảo. Tháng 12/1947, Cao ủy Pháp tại Đông Dương đã quyết định chuyển đến Côn Đảo một số lượng lớn nhất tù nhân để giảm bớt mật độ và tình trạng căng thẳng ở Khám Lớn - Sài Gòn. Số lượng tù nhân tăng lên mức 1.500 vào giữa năm 1948. Những năm tiếp theo số lượng tù nhân chỉ biến động ở mức trên dưới 2.000 người. Báo cáo số 2270 ngày 5/1/1953 của giám đốc quần đảo và nhà tù⁽¹⁾ cho biết, đến 31/12/1952 hiện giam giữ 548 tù binh và 1.739 tù án⁽²⁾.

* Trường ĐHKHXH & NV TP. Hồ Chí Minh

(1) Hồ sơ của Trung tâm Lưu trữ nhà nước II. Thành phố Hồ Chí Minh. bản sao lưu tại Phòng Lịch sử Đảng. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

(2) Hai năm tiếp theo, số lượng tù nhân tăng giảm không nhiều. Cho đến ngày 30/7/1954, trước lúc nổ ra cuộc tổng đình công bãi thực đòi trao trả theo Hiệp định Genève 1954. Đảo ủy Côn Đảo đã kiểm điểm lại lực lượng tham gia, có 2.252 người, gồm 593 tù binh và 1.659 tù án.

Buổi đầu, thực dân Pháp vẫn xem Việt Nam như thuộc địa cũ, ngang nhiên mở tòa án xét xử những người kháng chiến, kết án tử hình hoặc giết dân mòn bằng các án cấm cố, khổ sai trong các nhà tù khắc nghiệt. Cho đến khi bại trận ở chiến dịch Biên giới (1950), hàng ngàn binh lính và sĩ quan Pháp bị bắt làm tù binh, trong đó có cả quan tư, quan năm sừng sỏ như Lepage, Charton, Beaufré... bọn thực dân buộc phải tính đến việc lập trại tù binh và yêu cầu ta đối xử với tù binh Pháp theo công ước quốc tế. Cao ủy Pháp cho thành lập ủy ban kiểm lựa (Commision de triage) để phân loại những người bị bắt trong các cuộc hành quân thành tù binh PIM (Pisonier interne militaire) và tù chiến tranh PG (Pisonier de guerre)⁽¹⁾.

Ngày 3/5/1951, chuyển tù binh đầu tiên thuộc các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ bị đày ra Côn Đảo, giam ở khám 6 và khám 7 banh II. Ngày 6/10/1951, đoàn tù binh thứ hai, gồm 135 người, ở Bắc Bộ bị đưa vào giam ở các khám 1, 2, 3 banh II. Tháng 7/1952, đoàn tù binh thứ 3 ở Bắc Bộ bị đưa thẳng về banh III, ở khám 1 và khám 2.

Tháng 10/1952, thực dân Pháp đày ra Côn Đảo hai chuyển tù binh nữa, gồm 160 người ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, đưa thẳng về banh III. Sau khi sửa xong banh III, chúng chuyển tù binh ở banh II về đó, thành lập trại tù binh. Theo báo

(1) Thành phần ủy ban gồm: một chánh thẩm phán làm chủ tịch, một tỉnh ủy trưởng làm ủy viên công tố, một sĩ quan cao cấp đại diện cho bộ tư lệnh vùng làm ủy viên, một sĩ quan tình báo làm cố vấn.

cáo của giám đốc Côn Đảo, đến tháng 12/1952, đã có 548 tù binh bị đày ra Côn Đảo⁽¹⁾.

Bộ máy cai trị tù nhân và quy chế nhà tù về cơ bản không khác gì trước đó. Thủ đoạn chủ yếu vẫn là bóc lột khổ sai và các hình phạt được quy định trong quy chế ngày 17/5/1916. Từ khi lập trại tù binh (banh III) đơn vị lính Âu - Phi đồn trú chịu trách nhiệm quản trị trại tù binh. Tù án ở banh I và banh II vẫn do các giám thị Pháp (gác-điêng) và giám thị Việt (thầy chú) quản trị.

Tù nhân kháng chiến xây dựng tổ chức Ban Chấp hành tù nhân để tự quản trong sinh hoạt, lao động khổ sai và học tập văn hóa, chính trị. Tháng 11/1949, tất cả các khám đã hoàn thành việc bầu cử ban chấp hành khám và bầu ra Ban Chấp hành Liên đoàn Tù nhân toàn đảo⁽²⁾.

Sau một thời gian vận động, chi bộ Đảng ở nhà tù Côn Đảo được thành lập tháng 8/1950, bầu ra ban chấp hành gồm 7 ủy

(1) Sau sự kiện 12/12/1952, con số tù binh ở Côn Đảo có biến động. Số chết trên biển và số bị bắt lại rồi đưa về đất liền là 200 người. Năm 1953 có thêm tù binh bị đày ra, nâng tổng số lên 593 người vào lúc trao trả (8/1954).

(2) Chủ tịch Tư Ba Đào (tù thường phạm), Phó Chủ tịch kiêm tổng đại diện Trịnh Xuân Hà. Trưởng ban Tuyên truyền Trương Anh Tuấn, Trưởng ban Huấn học Lê Ngọc Hương. Trưởng ban Xã hội Nguyễn Tiếp và Nguyễn Ngọc Sớm, ủy viên phụ trách giao thông liên lạc...

viên, đồng chí Lê Trọng Bộ làm bí thư⁽¹⁾. Tháng 2/1951, chi bộ nhà tù Côn Đảo tổ chức đại hội lần thứ hai. Do sự tăng thêm về số lượng đảng viên, nhiều tổ đảng đã phát triển thành chi bộ, đại hội lần thứ hai đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ do Lê Trọng Bộ là Bí thư Đảng ủy.

2. Đại hội Đảng bộ lần thứ ba (1952) và tư tưởng võ trang tự giải phóng

Lực lượng tù binh bị đẩy ra Côn Đảo trong năm 1951 - 1952 đã bổ sung một số cán bộ có trình độ và nắm vững đường lối, chủ trương kháng chiến. Đồng chí Lê Văn Hiến (tức Văn, tức Hiến, tức Ý), nguyên Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Chính trị Tỉnh đội Hải Dương đã báo cáo với Đảng ủy nội dung cơ bản của Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951), tham gia soạn thảo nghị quyết của đại hội Đảng bộ.

Đại hội lần thứ 3 Đảng bộ Côn Đảo được tổ chức đầu năm 1952, bầu Ban Chấp hành Đảo ủy thống nhất giữa tù binh và tù án. Đồng chí Lê Văn Hiến là Bí thư Đảo ủy⁽²⁾. Đại hội quyết định đổi tên Liên đoàn Tù nhân thành Liên đoàn Tù nhân kháng chiến. Dưới cấp toàn đảo, mỗi banh có Ban Chấp hành

(1) Nguyễn Đình Thâu là phó bí thư phụ trách tuyên huấn; Trần Khắc Du tức Nguyễn Ngọc Cảnh phụ trách dân vận; Nguyễn Văn Năm, Trần Chính Quyền, Lê Quang Thuyết, Nguyễn Văn Thương là ủy viên phụ trách các cơ sở.

(2) Giúp việc cho Đảo ủy có Ban Tuyên huấn. Ban Kinh tế - Xã hội. Ban Đảng vụ. Ban Tuyên truyền văn nghệ và Ban Thi đua. Mỗi banh có một chi bộ (5 chi ủy viên), mỗi khám là một phân chi (3 phân chi ủy viên).

liên khu, mỗi khám có ban chấp hành khu. Tù nhân trong khám được tổ chức thành từng toán 10 người theo mâm ăn, dưới toán là tổ 3 người, chặt chẽ như một đội quân chiến đấu. Thực hiện nhất nguyên chế trong lãnh đạo, các cấp ủy đảng đều cử người tham gia và trực tiếp lãnh đạo Liên đoàn Tù nhân kháng chiến. Đồng chí Lê Mai là Thường vụ Đảo ủy kiêm Chủ tịch Liên đoàn Tù nhân kháng chiến. Liên đoàn là một tổ chức quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, được tổ chức như một chính quyền của tù nhân kháng chiến.

Đại hội đề ra được những chủ trương và biện pháp thực hiện sự lãnh đạo toàn diện và trực tiếp của Đảng trên mọi lĩnh vực hoạt động của tù nhân kháng chiến Côn Đảo. Nghị quyết của đại hội Đảng bộ đã xác định rõ các mục tiêu đấu tranh trong tù: *(1) Chống áp bức khùng bức; (2) Cải thiện đời sống vật chất, nâng cao đời sống tinh thần, bảo vệ mạng sống tù nhân; (3) Xây dựng lực lượng dự bị cho kháng chiến và tổ chức giải thoát khi có điều kiện.*

Nhiệm vụ thứ ba được Đảo ủy cụ thể hóa thành phương án võ trang giải thoát. Khác với các cuộc vượt ngục lớn hay nhỏ do từng bộ phận bí mật thực hiện, toàn bộ kế hoạch giải thoát (dù là giải thoát toàn bộ hay một bộ phận) đều do Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo. Mục đích đặt ra là giải phóng một lực lượng kháng chiến, không nhằm giải thoát sinh mạng cá nhân. Các cuộc vượt ngục lẻ thì tùy theo điều kiện của từng nhóm, nhưng nguyên tắc đặt ra trong phương án võ trang giải thoát là tất cả cá nhân và bộ phận phải phục tùng kế hoạch chung của toàn đảo.

Phương án võ trang giải thoát được đặt ra sau khi nghiên cứu tất cả các phương tiện vượt ngục, các loại vật liệu trên đảo, từ những vạt mây, bụi tre trên rừng đến tấm ván trên vách nhà có thể đóng thuyền; nghiên cứu tương quan lực lượng và dự tính khả năng thời cơ. Nếu thời cơ thuận lợi, có thể võ trang giải thoát, vượt đảo bằng tất cả các phương tiện như thuyền nan, thuyền ván, thuyền khung mây bọc vải, sà-lan, ca-nô của Sở Lưới hoặc chiếm tàu chở hàng ra đảo. Trong điều kiện hạn chế hơn, có thể giải thoát từng bộ phận lớn hay bộ phận nhỏ mà khả năng cho phép.

2.1. Phương án giải thoát bộ phận bằng thuyền nan tre

Đầu năm 1952, nhà tù đưa một kíp tù binh xẻ gỗ ở phía Cỏ Ống và một bộ phận tăng cường để chuyển ván xẻ về nhà lao. Kíp thợ xẻ lúc đầu có 10 người, do gác-điêng Loben (Lebel) gốc Ấn Độ phụ trách, có 3 lính Âu - Phi đi cùng. Thời gian sau, kíp thợ xẻ tăng lên gần ba chục người, Lê Phong (Lê Đức Lâm) làm đại diện. Kíp thợ xẻ được Đảo ủy giao chuẩn bị phương tiện cho một chuyến vượt biển. Người đi do Đảo ủy bố trí. Các anh Phan Du, Trần Văn Xước, Đỗ Quang Hiệp, anh Thê được phân công vào tổ đi kiếm rau cải thiện với nhiệm vụ bí mật chặt tre, vót nan đan thuyền. Tre ở Cỏ Ống khá nhiều. Thuyền nan tre là phương tiện khá quen thuộc của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Công việc đang tiến triển thuận lợi thì đột nhiên kíp thợ xẻ bị rút về xẻ gỗ tại Bản Chế vì máy cưa hỏng. Phương án vượt ngục bằng thuyền nan tre bỏ dở.

2.2. Phương án giải thoát bộ phận bằng thuyền ván (gỗ)

Sau đợt xẻ gỗ tại Bản Chế, kíp thợ xẻ bị điều đi xẻ gỗ trên

rừng phía cầu Ma Thiên Lãnh. Nhận được lệnh tiếp tục chuẩn bị vượt ngục, kíp thợ xẻ đề xuất phương án đi thuyền ván vì ở Ma Thiên Lãnh rất hiếm tre. Kíp thợ xẻ cử một nhóm dựng lán xẻ ở phía Đầu Mom (mũi Cá Mập), mỗi ngày cử vài người luôn sâu vào trong núi hạ gỗ búng (một loại gỗ nổi, có nhiều ở Côn Đảo) xẻ ván giấu đi, chuẩn bị đóng thuyền. Bọn lính Âu - Phi khá dễ dãi, chỉ cần đếm đủ người lúc đi, lúc về, còn công việc thì giao cho đại diện tù binh điều hành. Nhưng bọn Rôsec⁽¹⁾ truy lùng và phát hiện ra kíp Đầu Mom xẻ ván đóng thuyền vượt ngục với đầy đủ tang chứng. Kíp xẻ ở Đầu Mom (8 tù binh) bị bắt về tra khảo để tìm manh mối tổ chức vượt ngục. Theo chỉ đạo của Đảo ủy, các anh Trần Văn Xước, Đỗ Quang Hiệp, Phan Lượng, Thép, Qua (tức Mậu) đứng ra nhận chủ mưu để khỏi lộ phương án giải thoát. Cả 5 anh đều phải trải qua đủ mọi cực hình nhưng không ai khai báo, ngoài việc nhận chủ mưu vượt ngục. Anh Qua (tức Mậu) quê ở Hoàn Bồ (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) bị đánh rất dã man nhưng không nao núng. Anh không trả lời câu hỏi của tên cò về tổ chức có những ai? Cưa, giữa lấy ở đâu?..., mà hỏi hấn: “Các ông còn cách đối xử nào dã man hơn nữa không?”. Khí phách can trường của anh làm bọn chúa ngục phải kiêng nể, lau máu mặt cho anh và thôi không đánh nữa. Chúng kết thúc hồ sơ 5 người.

2.3. Phương án võ trang giải thoát toàn đảo

Cuối tháng 5/1952, một kíp tù binh hơn trăm người được

(1) Recherches: Sở truy tìm tù trốn.

điều ra mở đoạn đường từ mũi Cá Mập ra Bến Đầm, dựng lán ở trong một thung lũng nhỏ gần Bến Đầm. Việc điều tù binh vào các kíp lao động khổ sai mới đã xuất hiện tình thế cho một cuộc võ trang giải thoát. Các đảo ủy viên trong khối tù binh đã phác thảo một phương án võ trang cướp đảo, đưa toàn bộ tù nhân trở về. Theo phương án này, lực lượng tù binh làm khổ sai ở Bến Đầm sẽ tổ chức đóng thuyền và là lực lượng xung kích phát động cuộc khởi nghĩa, bắt gọn trung đội lính Âu - Phi ở đó. Kíp rải đá ở đầu mũi Cá Mập đồng thời hưởng ứng, cải trang bằng đồ lính, lên ô tô về đánh chiếm trại lính, dinh chúa đảo, đài vô tuyến điện ở Cầu Tàu. Kíp làm đá (cách thị trấn chưa đầy 1km) sẽ vận động về hỗ trợ cho các khu đồng loạt nổi dậy cướp đảo.

Ba mục tiêu quan trọng nhất là trại lính, dinh giám đốc và trạm vô tuyến điện ở Cầu Tàu được tính toán kỹ và xây dựng lực lượng nội ứng tại chỗ. Tốp tù binh lao công ở trại lính do các anh Lê Bá Linh, Nguyễn Ngọc Diệt và Trương Đăng Dũng phụ trách có nhiệm vụ cướp vũ khí và đánh chiếm trại lính từ bên trong. Dinh giám đốc và trạm vô tuyến điện Cầu Tàu do lực lượng tự vệ mật của tù án - những người làm bồi bếp trong dinh, trong đó có một số chiến sĩ từng đánh đảo Cô Tô tham gia đảm nhiệm việc đánh chiếm dinh, bắt giám đốc, gác-điêng. Nhiệm vụ đánh chiếm trạm vô tuyến điện ở Cầu Tàu giao cho Hoàng Xuân Tuế, chiến sĩ công an Hà Nội, khi ấy đang ở kíp Chỉ Tồn, được điều về làm khổ sai trong kíp làm cỏ vè (trồng hoa, dọn vệ sinh) tại Cầu Tàu để nhận nhiệm vụ mới. Nhiệm vụ đánh chiếm tàu hàng giao cho kíp tù án khu Hoàng Sâm

chuyên đi dọn tàu. Kíp Hoàng Sâm có nhiệm vụ chiếm tàu chở hàng làm phương tiện vượt đảo⁽¹⁾.

Mỗi sở tù khổ sai khác, kể cả khu biệt lập, đều có tổ chức lực lượng tự vệ bí mật. Nhiệm vụ của mỗi khu là bắt gác-điêng, thầy chú, lính gác trong khu vực mình khi có hiệu lệnh, sau đó sẽ theo sự phân công của Đảo ủy.

Đồng chí Lê Văn Hiến, Bí thư Đảo ủy được bố trí vào kíp làm đường ở Đầu Mom để trực tiếp chỉ đạo lực lượng xung kích ở Bến Đầm. Đồng chí Tùng Lam, Phó Bí thư Đảo ủy chỉ đạo việc bố trí lực lượng quân sự ở khối tù án. Đồng chí Trần Nam, đảo ủy viên đặc trách ngoại giới vận, trực tiếp chỉ huy mũi xung kích của tù áo trắng đánh vào dinh giám đốc và bắt gác-điêng, thầy chú. Đồng chí Vũ Ngọc Toàn, Chủ tịch Liên đoàn Tù nhân Liên khu Võ Nguyên Giáp (banh I) sẽ chỉ huy mũi xung kích của Sở Chỉ Tồn đánh chiếm đài vô tuyến điện và chiếm tàu hàng.

(1) Đoàn Hoàng Sâm có 75 tù án từ Hòa Lò đến Côn Đảo vào đầu tháng 5 năm 1952, được bổ sung thêm 18 tù nhân ở Trung Bộ mới ra. Ở Côn Đảo, từ khi thành lập Liên đoàn Tù nhân, ban chấp hành các khu, các liên khu không đặt theo tên gọi của nhà tù mà đặt tên các lãnh tụ kháng chiến. Banh I mang tên Liên khu Võ Nguyên Giáp, vị Tổng tư lệnh các lực lượng võ trang kháng chiến. Banh II mang tên Liên khu Nguyễn Bình, vị tư lệnh các lực lượng võ trang ở Nam Bộ. Các khu (khám giam) đều chọn tên cho đơn vị mình. Có khám mang tên một vị anh hùng dân tộc, hoặc mang tên những đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, quân đội... Có khám mang tên một chiến sĩ ưu tú đã hy sinh anh dũng. Hoàng Sâm là một trong 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

3. Quá trình thực hiện phương án võ trang giải phóng

3.1. Toàn đảo xúc tiến công tác chuẩn bị

Đảo ủy chỉ đạo công tác chuẩn bị cho phương án võ trang giải thoát một cách hết sức khẩn trương và bí mật. Tất cả các khám tù, các kíp tù đều lựa chọn những đồng chí trung kiên, thành lập các đội tự vệ xung kích. Khi đi làm khổ sai, các tổ vũ trang xung kích đều bám sát mục tiêu, đối tượng, nắm vững tình huống. Giờ nghỉ, anh em tập võ thuật, tập chiến thuật tay không bắt địch, tập vượt rào, vượt tường dưới các hình thức thể dục, thể thao như kéo co, đánh vật, nhảy cao, nhảy xa, chống người vượt xà, tập trối lính, tập ném hỏa mù sao cho trúng mắt đối phương. Các chiến sĩ trong đội xung kích đều tự trang bị dây trối chắc chắn làm dải rút quần, chuẩn bị muối ớt, muối tiêu lặn lưng như đồ ăn, ra trận thành vũ khí hỏa mù bít mắt đối phương. Chiến thuật chủ đạo là tay không bắt địch.

Tù nhân Sở Bản Chế⁽¹⁾ rèn trên trăm mũi mác xung kích trang bị cho các đội vũ trang xung kích. Kíp làm đá lấy được gần hai chục kíp mìn. Ban tạo tác của Đảo ủy⁽²⁾ chế tạo hàng trăm gói hỏa mù bằng tro bếp trộn tiêu và ớt bột; tạo tác được hàng chục thùng sắt tây để đựng nước ngọt, làm phao; hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa đường cùng các loại búa, rìu, dao, rựa, cưa, đục. Gần ngàn bộ quần áo tù đã được góp

(1) Công xưởng chế tạo và sửa chữa công cụ lao động của nhà tù.

(2) Bộ phận bí mật của tù nhân chuyên sản xuất (tạo tác) vũ khí và phương tiện vượt ngục.

lại để bọc thuyền, may buồm. Đó là cuộc chuẩn bị vượt ngục quy mô lớn nhất của toàn đảo trong lịch sử hơn trăm năm của nhà tù này.

Công tác binh dịch vận góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị vượt ngục. Bộ phận dịch vận của tù binh gồm tất cả những người làm đại diện kíp, đại diện khám, đại diện chung. Công tác dịch vận tập trung vào lính Âu - Phi, chiếm 91% lính đồn trú trên đảo. Đảo ủy viên Phạm Quý Tuyền được phân công lãnh đạo số anh em đại diện kíp, đại diện khám làm công tác binh vận. Các chiến sĩ dịch vận được bồi dưỡng kiến thức về địa lý châu Phi, về đất nước, con người, sản vật, phong tục tập quán của các dân tộc châu Phi như Angiêri, Xênegan, Cốttingoa, Ghinê, Môđambích, Sariêng gieo vào lòng những người lính xa xứ nỗi nhớ quê hương và tâm lý chán ghét cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa, khơi lên mối đồng cảm của các dân tộc cùng chung ách áp bức của thực dân Pháp. Hoàng Bách tức Nguyễn Văn Nhã, một đại diện của khối tù binh đã viết bài thơ *"Anh lính da màu"* tặng những người lính *"quê hương tận xứ Phi châu xa vời"*.

Đối với các giám thị trông coi việc khổ sai, anh em tù binh cũng giữ một thái độ đúng mực. Chỉ có đại diện mới có quyền giao dịch, còn những anh em khác tuyệt đối không được tiếp xúc. Lời nói, cử chỉ của đại diện đàn hàng trên tư thế của người kháng chiến, không xúc phạm họ, không hạ thấp mình; sẵn sàng cho họ bó củi, mớ rau, con cá hoặc đan rổ rá, đóng giúp đồ dùng trong nhà như bàn ghế, giường, tủ. Họ xin là cho, họ cần là giúp, tuyệt đối không mua bán đổi chác, thể hiện tư

cách của người bộ đội Cụ Hồ chiến đấu giải phóng cho dân tộc, chỉ giúp đỡ nhân dân chứ không cầu lợi⁽¹⁾.

Lực lượng làm công tác địch vận ở khối tù án chủ yếu là “tù áo trắng” làm thư ký cho các công sở, bồi bếp cho các gia đình gác ngục, am hiểu hoàn cảnh và tâm tính từng tên. Đảo ủy viên Trần Nam được đưa vào làm thư ký kho bạc, chỉ đạo công tác ngoại giới vận cùng với những thành viên tích cực như: Lê Văn Ngô, Trương Qua, Cao Hồng Quý, Huỳnh Phò... đảm nhiệm các việc giao thông liên lạc, ngoại vận (vận động, giáo dục công chức và gia đình họ), tạo tác (tìm kiếm chế tạo các vật dụng) theo yêu cầu của Đảo ủy và tiếp tế cho các khu.

Các anh Trương Qua, Quách Ngự phụ trách công tác người Hoa. Các anh Cao Sơn, Chao Xem, Thạch Vi vận động anh em tù Khome làm ở Sở Rờsec. Nhóm tù nhân người Lào có các anh Bun Thoong, Nai Cà Lươn phụ trách. Nhóm tù nhân người Thái và các dân tộc ít người thì giao cho ban chấp hành ở các khu trực tiếp vận động. Nhóm tù chính trị người Hoa đã giúp Đảo ủy có hiệu quả trong việc cảm hóa số tù tư pháp người Hoa. Tù người Hoa làm những món ăn truyền thống như radĩ (củ cải đỏ), mỳ vằn thắn... mà gác-điêng Pháp rất thích, thu

(1) Điều đó có ảnh hưởng tốt, nhưng cũng đem lại sự hiểu lầm trong gác ngục, công chức là tù binh tốt hơn tù án; rằng tù binh gần Cụ Hồ được giáo dục có kỷ luật hơn. Nhiều gác ngục Việt Nam cứ gần tù binh là hỏi chuyện về Cụ Hồ. Anh em nhân đó mà giải thích cho họ, tù binh hay tù án đều là người kháng chiến, là người lính Cụ Hồ. Họ cũng ngỏ lời sẵn sàng giúp anh em những việc không vượt quá khả năng.

được khá nhiều tiền góp cho quỹ xã hội của liên đoàn. quỹ tạo tác của Đảo úy. Một phần trong số tiền ấy được mua sơn, vải và các phương tiện vượt ngục⁽¹⁾.

3.2. Tổ chức đào hầm, đóng thuyền

Công tác chuẩn bị khẩn trương nhất cho kế hoạch giải thoát do lực lượng tù binh ở Bến Đầm thực hiện. Trên 100 tù binh ở đây đều được tổ chức thành đại đội Quyết Thắng. Kế hoạch đào hầm bí mật, đóng thuyền vượt ngục được định ra rất sớm nên ngay từ khi dựng lán, kíp tù binh đã chọn một gò đất cao, không có đá tảng. Lán rộng 6m, dài 30m trong thung lũng giữa mũi Cá Mập và vịnh Bến Đầm. Lán được vây kín bằng tranh tre, chỉ có một cửa bên hông, trông thẳng sang trại lính Âu - Phi. Bên trong lán có hai dãy giường sập rộng hơn 2m. Anh em chặt mây song về chẻ ra đan thành từng tấm lớn trải ra làm giát giường. Mỗi tấm giát vừa vận một mê thuyền khi vượt đảo. Thang giường được đục theo hình khung thuyền, bôi chèo theo đúng kích cỡ, đục đục sẵn và lắp tạm dưới giường, chờ ngày vào vị trí, xà nhà căn vừa đủ để làm cột buồm.

Buổi tối, anh em thay nhau đào hầm dưới giường, đất được đưa lên, san đều ra nền nhà rồi nguy trang bằng những lớp đất cũ. Hầm được chống, chèn theo phương pháp chống lò của thợ mỏ Hòn Gai. Đất đổ đầy găm giường, anh em làm sập giường

(1) Các anh Quách Ngự, Trương Qua, Trần Bảo Trung, Hàn Giang Nguyên, Hàn Chức Nguyên, Thích Nguyên, Giang Thủy, Ngũ Hương, Lý Tài, Liêu Hồng, Hà Thành Quang... là những hạt nhân đóng góp tích cực trong công tác người Hoa và thực hiện nhiều nhiệm vụ khác của Đảo úy.

và đề nghị bọn lính cho sửa vào ngày chủ nhật, nhân đó mà dọn đất ra ngoài và đưa gỗ vào chèn chống xuống hầm. Hàng trăm mét khối đất đá đã được đưa ra ngoài, hàng chục thước khối gỗ chèn chống và đóng khung thuyền đã được đưa xuống hầm bằng cách ấy. Ngày làm khổ sai, tối đào hầm, nguy trang, chuyển cây, chèn chống trong hầm tối, mò mẫm từng xẻng đất, nhưng ánh sáng của độc lập tự do tỏa sáng tâm hồn họ.

Trong vòng ba tháng, hai căn hầm bí mật dưới lòng đất đã trở thành xưởng chế tác năm chiếc khung thuyền, hai chiếc đã cạp xong mé, từng tấm áo tù được chuyển xuống, khâu thành tấm lớn rồi quét sơn, hắc ín để bọc thuyền.

3.3. Xác định yếu tố thời cơ

Việc đưa hơn 100 tù binh đi làm khổ sai và ở lại Bến Đầm trong một trại tam giam vách lá sơ sài là cơ hội hiếm hoi cho một cuộc giải thoát. Lực lượng canh giữ chỉ có một trung đội Âu - Phi (28 tên), bằng 1/3 lực lượng tù binh. Việc tước vũ khí và khống chế trung đội địch nằm trong tâm chiến thuật đã hoạch định.

Kíp tù binh thứ hai, khoảng 100 người rải đá đoạn đường từ Sở Đá ra mũi Cá Mập có ô tô đưa đi làm, đến chiều mới về, chỉ có một tiểu đội (8 - 9 tên) canh giữ. Khi chiến sự nổ ra, các chiến sĩ trong đội xung kích có thể nhanh chóng khống chế địch và sử dụng ô tô chuyển quân về đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu (dinh chúa đảo, trạm vô tuyến điện và trại lính) với lực lượng nội ứng tại chỗ.

Kíp tù binh thứ ba (khoảng 200 người) làm tại công trường đá (dưới chân núi Một) cách trung tâm đảo khoảng 1km có thể

nhANH chóng tước vũ khí của địch và vận động về làm lực lượng chủ công đánh chiếm các mục tiêu còn lại, bắt gọn toàn bộ giám thị, binh lính.

Tương quan lực lượng chung, theo báo cáo năm 1952 của giám đốc quần đảo và nhà tù Côn Đảo Giắcty⁽¹⁾ cho biết, đến tháng 12/1952, Côn Đảo chỉ có 104 lính Âu - Phi, 10 sĩ quan và thủy thủ Pháp, 47 gác-điêng người Âu. Kể thêm mấy chục thầy chú và công chức người Việt thì lực lượng địch chỉ có hơn 200 tên. Bọn này lại thạo dùng roi mây, báng súng, còng xiềng hơn là tác chiến. Cùng thời điểm đó, Côn Đảo có 548 tù binh và 1.739 tù án. Quá nửa số tù án đó là những chiến sĩ trong lực lượng võ trang kháng chiến⁽²⁾.

Địch có vũ khí và công cụ khủng bố, tù nhân thì có lòng căm thù, khát vọng giải phóng, nhiều mưu mẹo, và hơn hết, họ là những cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang kháng chiến. Vấn đề còn lại là hội đủ các yếu tố thời cơ và các phương tiện vượt đảo. Ngoài năm con thuyền khung mây bọc vải đã đóng, khi chiếm đảo sẽ sử dụng toàn bộ ca-nô, sà-lan của Sở Lưới, sử dụng gỗ ván sẵn có cấp tốc đóng thêm thuyền và tận dụng cơ hội tàu chở hàng ra đảo, đánh chiếm tàu hàng làm phương tiện chở tù nhân vượt đảo.

(1) Hồ sơ của Trung tâm lưu trữ nhà nước II, Thành phố Hồ Chí Minh, bản sao lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

(2) Công an xung phong, biệt động, tự vệ thành, vệ quốc đoàn, bộ đội địa phương...

3.4. Xử lý tình huống bất ngờ

Rà soát lại công tác chuẩn bị, mọi việc diễn ra như dự kiến. Bộ phận đóng thuyền phát hiện các vì mây đan vỏ thuyền để lâu đã bị khô teo lại, quần áo để bọc lót sơn chống thấm để dưới hầm lâu ngày bị ẩm và mục dần. Đảo ủy quyết định khi gió chướng bắt đầu thổi sòng⁽¹⁾ sẽ khởi sự. Thời cơ khởi sự đồng thời cũng là điều kiện bảo đảm thắng lợi gồm nhiều yếu tố:

- Gió chướng thật sòng.
- Có tàu hàng ra.
- Lực lượng xung kích ở Bến Đầm và mũi Cá Mập phải đánh nhanh thắng gọn.
- Đồng thời đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu như đài vô tuyến điện, trại lính, dinh giám đốc, tàu hàng.

Tuy nhiên, các nhân tố thời cơ có thể không đến cùng một lúc nên Đảo ủy đặt ra nhiều tình huống và giải pháp linh hoạt: Nếu đủ điều kiện bảo đảm cho toàn đảo thì đi toàn đảo, không đủ điều kiện thì đi bộ phận. Nếu không có tàu ra thì phải trữ liệu các phương tiện trên đảo, các vật liệu hiện có để gấp rút đóng thuyền bè. Sau khi võ trang bạo động sẽ cử một đội cảm tử ở lại khống chế đài vô tuyến phát tín hiệu an toàn theo định

(1) Mùa gió chướng ở trong Nam trùng với gió mùa đông bắc, từ tháng 11 đến tháng 2. Gió thổi sòng là gió thổi liên tục, thường là vào giữa mùa. Theo kinh nghiệm của những tù nhân Côn Đảo đã vượt ngục, khi gió chướng thổi sòng thì chỉ một đêm, thuyền có thể cập vào Bạc Liêu, Cà Mau.

kỳ liên lạc để Sài Gòn không nghi ngờ. Đội cảm tử sẽ trở về sau bằng chiếc ca-nô của đảo, khi một phần lớn tù nhân đã về đất liền.

Đảo ủy cũng cân nhắc tình huống trắc trở vì gió không sòng, vì tàu không ra hay vì lực lượng xung kích đánh không gọn thì sẽ chỉ đi một bộ phận, để bảo vệ an toàn cho những người ở lại. Những yêu cầu khắt khe ấy đã đặt trọng trách lên những người có vai trò lãnh đạo. Ban chỉ huy tiền phương tại Bến Đầm gồm: Lê Văn Hiến, Bí thư Đảo ủy là chỉ huy cao nhất, chịu trách nhiệm toàn bộ phương án võ trang giải thoát. Phan Du, đảo ủy viên trực tiếp chỉ đạo lực lượng xung kích và quyết định tình thế khi khởi sự. Các đồng chí Lê Mai, Phạm Trí Viễn (đảo ủy viên) cùng Lê Văn Ngọ, một đồng chí tham gia cách mạng từ trước năm 1945, dày dặn kinh nghiệm cùng hợp thành “Bộ tư lệnh tiền phương” của cuộc võ trang giải thoát. Đồng chí Tụng, nguyên Chủ tịch huyện An Dương - Hải Phòng; đồng chí Triển, nguyên Phó Chủ tịch huyện Tứ Kỳ - Hải Dương cũng tham gia ban tham mưu tác chiến.

Phan Du, đảo ủy viên, chỉ huy lực lượng xung kích ở Bến Đầm. Hoàng Tiễn, chỉ huy phó lực lượng vũ trang toàn đảo, trực tiếp làm đại đội trưởng đại đội Quyết Thắng - Phó chỉ huy lực lượng xung kích ở Bến Đầm. Lê Mai, thường trực Đảo ủy chỉ huy trưởng lực lượng xung kích thứ hai của tù binh ở đầu mũi Cá Mập. Lực lượng tù binh còn lại ở banh III được tổ chức thành đại đội xung kích thứ ba do Phạm Bạt Tụy chỉ huy.

Điều khó khăn lớn nhất lúc đó là không có phương tiện thông tin liên lạc giữa các bộ phận trong mũi xung kích, không

liên lạc được giữa lực lượng xung kích ở Bến Đầm với lực lượng còn lại trên đảo. Tất cả đều phải căn cứ vào kế hoạch chung, dự kiến các tình huống thời cơ và hiệp đồng theo hiệu lệnh khi khởi sự.

3.5. Khởi sự

Đợt gió chướng thứ hai bắt đầu vào những ngày cuối cùng của tháng mười một. Đảo ủy dự kiến nếu đợt gió này kéo dài sẽ khởi sự vào trưa 04/12/1952 (ngày có lịch tàu chở hàng ra đảo). Nhưng một sự biến bất ngờ lại xảy ra. Tên Hoàng Minh⁽¹⁾ tố giác âm mưu vượt đảo, chỉ điểm cho địch bắt Phan Cơ, đại diện kíp làm đá, phát hiện anh giấu kíp mìn trong nón bàng. Phan Cơ bị tra tấn 3 ngày liền, không khai báo. Hoàng Bách đại diện kíp làm đường cũng bị chỉ điểm, bị phạt xà lim ba tháng. Tên quan hai Gácđét (Gardès) đưa lính ra, tập hợp toàn bộ kíp Bến Đầm điểm danh, khám xét rất kỹ lưỡng khu vực lán trại, từ mái nhà, vách tường đến giường nằm, nền nhà. Tình thế rất căng thẳng, Phan Du ra hiệu cho các đội xung kích

(1) Hoàng Minh tức Nguyễn Hoàng Giác, nguyên là công an trong chính quyền bù nhìn ở Sơn Tây, vì phe cánh tranh ăn mà phải vào tù. Ở Hỏa Lò, y từng làm chỉ điểm cho phòng Nhì Pháp. Ra Côn Đảo, Minh câu kết với bọn Tú (công an bù nhìn Bắc Ninh), Thiết (công an bù nhìn Hà Nam), Khiêm, Giao (đảng Đại Việt) tiếp tục làm tay sai trong tù. Hoàng Minh là tù giam, không được tổ chức vào Liên đoàn Tù nhân kháng chiến, nhưng hẳn nghe phong thanh về kế hoạch võ trang giải thoát nên tố giác các đồng chí đại diện. Hoàng Minh sau đó đã bị đội trừ gian tuyên án tử hình và xử tại ban III đầu năm 1953.

chuẩn bị. Trường hợp địch xâm trùng hãm là phát lệnh làm luôn. May sao, địch không phát hiện được gì.

Nguy cơ bị lộ là mối đe dọa cấp bách nhất lúc đó. Nếu địch phát hiện ra căn hãm thì tai họa sẽ ập xuống toàn đảo. Năm khung thuyền lớn với hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa với vô số dụng cụ, phương tiện, lương thực, thực phẩm, vũ khí tự tạo giấu trong căn hãm đó sẽ liên quan đến khắp các bộ phận, đổ bể hàng loạt cơ sở. Đảo ủy quyết định lùi lại một tuần nữa để theo dõi địch tình và chuẩn bị thật kỹ lưỡng, chờ đợt gió chướng tiếp theo sẽ khởi sự.

Ngày 12/12/1952, cuộc bạo động nổ ra, bắt đầu từ kíp Bến Đầm. Đợt gió chướng thứ ba đã thổi về trước đó hai ngày. 11 giờ trưa, chiếc khăn lệnh tung bay phấp phất trên tay Phan Dư cùng tiếng hét “xung phong” vang dội. 28 tổ xung kích của đại đội Quyết Thắng ở Bến Đầm đã trói gọn 28 lính da đen, thu hết vũ khí, không phải nổ phát súng nào. Bằng những thế võ hiểm, các chiến sĩ xung kích đã quật ngã ngay những tên lính Âu - Phi to cao hơn hẳn.

Ở kíp mom Cá Mập, do vài tổ xung kích không bám sát địch nên đã xảy ra vật lộn và nổ súng. Ta chết một, địch chết hai, một tên chạy thoát vào rừng, chỉ bắt được hai tên, hai tên khác lăn xuống vực. Trận đánh không suôn sẻ như dự kiến. Xế trưa, gió lặng dần. Không ai tính hết được những bất ngờ trong khi bạo động.

3.6. Chuyển phương án 2

Ban chỉ huy hội ý cấp tốc và quyết định không đánh về đảo và chuyển phương án giải thoát bộ phận. Cuộc bạo động đã nổ ra rồi, không thể dừng lại được, trong trường hợp tên lính

da đen ở mom Cá Mập thoát được, báo động toàn đảo, nếu đánh về, có thể tổn thất nhiều hơn.

Bộ phận làm công tác binh vận giải thích cho số lính da đen bị bắt về chủ trương võ trang vượt đảo giải phóng tù nhân và chính sách tù binh của ta. Họ được trả lại đầy đủ tư trang, cho ăn uống và chịu trời. Tên quản cảm động, xin tặng đoàn tù binh một chiếc la bàn và một tấm bản đồ.

Đội võ trang xung kích dỡ hầm, ráp thuyền, đến 16 giờ đã hoàn chỉnh 5 chiếc thuyền sườn gỗ, khung mây bọc vải, có đủ buồm chèo, đưa lên ô tô chở ra Bến Đầm hạ thủy. Gió lặng dần rồi đổi hướng.

Đoàn thuyền chạt vật suốt đêm chưa qua được lớp sóng đất⁽¹⁾. Hai thuyền bị vỡ cách bờ không xa. Mười mấy người bơi được vào bờ. Ba thuyền đi được đến mờ sáng thì khung mây khô ngấm nước rã ra, nước vào lưng thuyền. Nhiều người tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh cho nhẹ thuyền. Trên thuyền số một, năm chiến sĩ trong đội quyết tử xung phong hy sinh để bảo vệ lãnh đạo và những anh em còn lại. Đội trưởng đội quyết tử Nguyễn Hòa tức Đinh Văn Nhạ, ôm phao cá nhân, lặn lẽ lao xuống biển giữa đêm đen dày đặc, bốn đồng đội theo sau anh. Nước vẫn tràn vào, thuyền chìm dần, mấy người nữa tiếp tục nhảy xuống biển, trong đó có cả Bí thư Đảo ủy Lê Văn Hiến. Một vài người nhờ giữ được phao, hoặc được thuyền khác kéo lên trong đó có Nguyễn Hòa, còn phần lớn bị sóng cuốn đi vì kiệt sức.

(1) Lớp sóng ven đảo, chịu áp lực của luồng thủy triều và gió, dội vào bờ.

Sáng hôm sau máy bay và tàu chiến Pháp truy đuổi bắt lại tất cả những người trên ba chiếc thuyền còn lại. Số người trên hai thuyền chìm gần bờ dạt vào đảo cũng bị bắt sau đó 12 ngày. Theo báo cáo số 2270 ngày 05/01/1953 của giám đốc nhà tù⁽¹⁾, có 198 người vượt đảo chuyển ấy. Con số bị bắt lại cho đến ngày 05/01/1953 là 117 người. Số còn lại có lẽ là bị chết đuối cả.

4. Củng cố lực lượng sau cuộc võ trang giải thoát

4.1. Đấu tranh chống khủng bố

Tối hôm xảy ra cuộc bạo động ở Bến Đầm, địch báo động toàn đảo, khóa chặt cửa khám, cửa banh và cho lính đặt súng bố phòng khắp các ngã xung quanh thị trấn Côn Đảo. Đội lính chia nhau bố phòng chặn con đường từ Bến Đầm về Côn Đảo và các ngã đường vào thị trấn. Trại tù binh bị cấm cố và bỏ đói hai ngày liền.

Những người tù bị bắt lại bị đánh phủ đầu ngay khi họ vừa được vớt lên boong tàu, người nào cũng tả tơi như giẻ rách. Tất cả bị còng tại khám 6 banh I. Tên quan hai trưởng trại trực tiếp cầm chìa khóa, chỉ được mở khi có lệnh của giám đốc. Nhiều người đã hấp hối vì hai ngày say sồng, phơi nắng và đòn hiếp. Ngày thứ hai, được bộ phận tù chính trị ở nhà thương thuyết phục, đốc tờ Rô-zi-e (Rozière) đã vào thăm và cứu chữa cho số

(1) Hồ sơ của Trung tâm Lưu trữ nhà nước II. Thành phố Hồ Chí Minh. bản sao lưu tại Phòng Lịch sử Đảng. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

tù binh. Tên quan hải trưởng trại tù chối và báo cho giám đốc. Giắcty xuống ngay. Hắn găm lên với viên bác sĩ:

- Ông điên à! Bọn này mà xong ra thì chúng nó cắt cổ cả tôi và ông đây.

- Thì lúc ấy ông cứ việc xả súng vào họ. Ngày mai ông có thể bắn tất cả những người này, nhưng hôm nay họ là bệnh nhân. Tôi nhân danh thầy thuốc của nền cộng hòa Pháp mà cứu chữa cho họ.

Rô-zi-e là thầy thuốc có lương tâm. Ông dọa sẽ báo cáo cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương việc giám đốc nhà tù ngược đãi tù binh và không để cho ông làm nhiệm vụ thầy thuốc. Giắcty buộc phải cho mở cửa để bác sĩ làm nhiệm vụ. Rô-zi-e rửa vết thương cho từng người, cấp thuốc và can thiệp chế độ ăn uống cho bệnh nhân.

Ngày thứ ba, dịch mới mở cửa cho một số kíp tù dọn dẹp vệ sinh, nấu ăn và những việc khổ sai thiết yếu. Mở cửa ra là chúng đánh phủ đầu. Tù án cũng bị lực soát, tước hết đồ dùng cá nhân. Các kíp đi làm khổ sai ngoài trại bị kiểm soát gắt gao, chúng không cho các sở làm rẫy, lấy rau cải thiện nữa. Để đối phó với đợt khủng bố này, Đảo ủy quyết định tổ chức một đợt đấu tranh với ba hình thức:

- Thiết lập một sự im lặng đến lạnh lùng với bọn nhà tù.

- Thảo văn bản gửi giám đốc đòi cải thiện đời sống và đòi chế độ tù binh.

- Đấu tranh tuyệt thực đòi thực hiện yêu sách, nếu chúng không giải quyết.

Tù binh là lực lượng xung kích tranh đấu, tù án phối hợp,

hỗ trợ. Trại tù binh gửi yêu sách và tuyệt thực được hai bữa thì Giắcty đến, hứa sẽ nghiên cứu chế độ tù binh và từng bước cải thiện đời sống.

4.2. Đấu tranh trước tòa án thực dân

Cuộc võ trang giải thoát ở Bến Đầm (12/12/1952) là một thất bại cay đắng trong chính sách trị tù của Giắcty. Trước đó, Giắcty đã tăng cường vũ khí, đạn dược, phương tiện bố phòng, gác-điêng và binh lính. Riêng đội lính đồn trú, hắn đã xin tăng lên gấp đôi, từ 50 lên 104 tên. Vậy mà cuộc bạo động khủng khiếp đã nổ ra. Chỉ trong vài phút, ngót một nửa đạo quân của Giắcty trở thành tù binh của những người tù kháng chiến⁽¹⁾.

Tuy không thành công trong việc giải thoát, tù nhân phải chịu nhiều tổn thất, nhưng cuộc võ trang bạo động ở Bến Đầm là một đòn tiến công ngay tận sào huyệt của kẻ thù, làm rung chuyển và rối loạn nền thống trị của chúng. Đó là một cuộc biểu dương tinh thần chiến đấu và ý chí tự giải phóng của những người tù kháng chiến. Nhân cách của các chiến sĩ cách mạng và chính sách binh dịch vận đúng đắn của Đảo ủy trong quá trình chuẩn bị và tiến hành võ trang giải thoát có ảnh hưởng lớn đến binh lính và gác ngục ở Côn Đảo. Boócđơsun (Bordessouille) bị lột lon quân và bị phạt giam ba tháng, nhưng hắn lại rất kính nể những người tù kháng chiến, dùng tiền

(1) Trận ấy mới chỉ có chưa đầy 1/10 số tù nhân ra tay. Trong trường hợp 9/10 số tù nhân còn lại kịp hiệp đồng nổi dậy thì chắc chắn Giắcty cũng không chạy đâu cho thoát.

lượng mua đường sữa lén gửi cho Phan Du và tuyên truyền trong đơn vị lính Âu - Phi về những tù binh Việt Minh đây bán lính, mưu trí và nhân đạo.

Khi bị đưa về Sài Gòn xét xử, Liên đoàn Tù nhân Khám Lớn - Chí Hòa đã vận động luật sư Nguyễn Hữu Thọ bào chữa cho vụ án. Được luật sư chỉ dẫn, 117 tù binh đã thống nhất một lời khai, bác bỏ mọi cơ sở buộc tội của địch. Tất cả đều tố cáo chế độ nhà tù tàn bạo, vì vậy không người tù nào không nghĩ đến chuyện vượt ngục, giải thoát; không ai tổ chức, không ai chỉ huy, thấy nhà tù sơ hở là hành động: tất cả cùng bắt lính, tất cả cùng làm thuyền, không ai hành hạ binh lính; mấy tên lính chết là do chúng hoảng sợ bắn lộn, chết cả lính, cả tù... Những người lính da đen được gọi ra làm nhân chứng đều xác nhận lời khai của tù binh. Họ không tố giác người tổ chức, người chỉ huy, người bắt trói họ, người đã vạt lộn và dự phần vào cái chết của mấy tên lính xấu số. Vì thế, phiên tòa trở thành không có nhân chứng, không khép vào tội danh nào được. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã cãi cho họ trắng án. Cuộc võ trang giải thoát đây chính nghĩa của những người tù kháng chiến Côn Đảo giành thêm được một thắng lợi về mặt pháp lý trước dư luận công khai.

4.3. Chủ trương tích cực công kích địch

Sau cuộc võ trang giải thoát, Đảo ủy được củng cố lại, vừa chỉ đạo đấu tranh chống khủng bố, vừa tích cực chuẩn bị đại hội lần thứ tư. Đảo ủy tiến hành một đợt chỉnh huấn trong tù

cho 500 đảng viên và 1.837 quần chúng⁽¹⁾ nhằm phê phán các biểu hiện cầu an, quân phiệt, tự cao tự đại, cá nhân chủ nghĩa, quan liêu, xa rời quần chúng... đồng thời xây dựng tư tưởng cách mạng tiến công theo phương châm “tích cực công kích địch”. Nhà tù được xem như một mặt trận ngay trong lòng địch, cần phải liên tục đấu tranh bằng mọi hình thức, mức độ làm cho địch lúng túng, bị động đối phó.

Đại hội Đảng bộ nhà tù Côn Đảo tiến hành vào cuối năm 1953. Đại hội nhất trí với những đánh giá của Đảo ủy về tình hình địch, ta ở Côn Đảo⁽²⁾, về bước chuyển biến trong tư tưởng, tổ chức và hoạt động của tù kháng chiến sau đợt chỉnh huấn. Đại hội nhận định cuộc kháng chiến đang bước vào giai đoạn phản công giành thắng lợi quyết định. Nhà tù là một mặt trận trong cuộc kháng chiến, tù nhân là một lực lượng của kháng chiến. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong cuộc chiến tranh giải phóng này là dù bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh nào, đảng viên cũng phải tổ chức lại, lãnh đạo quần chúng đấu tranh với kẻ thù. Đảo ủy phải lãnh đạo toàn diện, không chỉ

(1) Các đồng chí Nguyễn Văn Thi (Khu ủy viên Sài Gòn - Gia Định), Vũ Hồng Vũ (Tỉnh ủy viên Hải Dương), Vũ Hạnh (Đảng ủy trung đoàn), Lý Thái Học (Đảng ủy trung đoàn) mới ra chuyến tháng 7/1953 tích cực giúp Đảng ủy làm công tác xây dựng Đảng, chuẩn bị đại hội.

(2) Báo cáo tình hình địch, ta tại Côn Đảo đã được giao cho các đồng chí Vũ Quang Đạo và Đoàn Duy Thành học thuộc lòng để về báo cáo với Đảng. Báo cáo do đồng chí Đoàn Duy Thành viết lại, gửi Khu ủy Khu III hiện còn lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, ký hiệu C.10-D127 - ST08-27.

trong phạm vi nhà tù mà trên toàn địa bàn Côn Đảo. Đại hội xác định tư tưởng tự giải phóng và xây dựng phương án tự giải thoát, tổ chức đạo quân ngầm, bí mật luyện tập và tự tạo vũ khí, tích cực đón thời cơ⁽¹⁾.

Để chuẩn bị cho cuộc võ trang giải thoát toàn đảo lần thứ hai, Đảo ủy đã tổ chức nhiều đợt đấu tranh và vận động, đưa đồng chí Đoàn Duy Thành (tức Duy) bị áp xe phổi nặng và đồng chí Trần Mạnh tức Vũ Quang Đạo bị thương hỏng một mắt khi lao động khổ sai về Sài Gòn chữa bệnh cùng một số người bệnh khác. Hai đồng chí được giao nhiệm vụ tìm mọi cách báo cáo tình hình ở Côn Đảo với Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và Trung ương Cục⁽²⁾. Tháng 10/1953, Đoàn Duy Thành được trả tự do ở Sài Gòn. Trần Mạnh vượt ngục ở Nhà thương Mắt. Cả hai đều lần lượt đến nhà bà Nguyễn Thị Năm ở khu Xóm Chiếu (quận 4, Sài Gòn) là cơ sở giao liên của Thành ủy, từ đó, gặp được Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và Trung ương Cục và Trung ương. Ngoài việc báo cáo tình hình, các đồng chí còn có nhiệm vụ xin ý kiến chỉ đạo và sự chi viện của Trung ương cho kế hoạch giải thoát toàn đảo lần thứ hai và tìm mọi cách thông tin ra đảo.

(1) Đồng chí Nguyễn Văn Thi được bầu làm Bí thư Đảo ủy, với bí danh là Vũ Đồng.

(2) Bản báo cáo do Đảo ủy soạn, hai anh được học thuộc, nhập tâm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các anh Nguyễn Văn Thi, Bí thư Đảo ủy; Vũ Hồng Vũ. Thường vụ Đảo ủy và Lê Đình Thụ.

Năm kiến nghị của Đảo ủy với Trung ương đều tập trung cho kế hoạch giải thoát:

"1. Gửi cho xin những chính sách mới để học tập và để kịp thời phối hợp với đất liền để giải thoát (sợ lỡ thời cơ địch sẽ đem đi nơi khác xa hơn).

2. Xin chỉ thị về kế hoạch xây dựng cơ sở và kế hoạch giải thoát.

3. Giúp đỡ kế hoạch giải thoát (...)

4. Cho xin một máy vô tuyến điện nhỏ gửi ra.

5. Tháng 1, 2 sẽ tổ chức một cuộc giải thoát, đề nghị với Trung ương - Phân cục miền Nam đón ở khu Bạc Liêu..."⁽¹⁾.

Vào thời điểm ấy, chiến dịch Đông xuân 1953 - 1954 mà mục tiêu quyết chiến là tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã được mở ra. Thay vì tổ chức cuộc võ trang giải thoát lần thứ hai, Đảo ủy Côn Đảo nhiệm kỳ 4 đã thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo thắng lợi cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp nghị Giơnevơ (7/1954), buộc thực dân Pháp phải trao trả hoàn toàn 593 tù binh và trên 1.200 tù án cho Chính phủ ta.

5. Một vài nhận xét

5.1. Tư tưởng võ trang giải thoát là sản phẩm của thể hệ tù nhân kháng chiến, ý thức về độc lập, chủ quyền và nhiệm vụ của người chiến sĩ cách mạng, ngay cả lúc sa cơ, trong xiềng xích kìm kẹp của kẻ thù. Lực lượng tù nhân kháng chiến đã sớm thể hiện vị thế của người kháng chiến trong tù, tự tổ chức

(1) Báo cáo tình hình địch, ta ở Côn Đảo. Hồ sơ lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, ký hiệu C.10-D127 - ST08-27.

thành Liên đoàn Tù nhân - Liên đoàn Tù nhân kháng chiến, lấy tư cách của người kháng chiến giao thiệp với kẻ thù. Đảng bộ nhà tù từ khi ra đời cũng xác định nhiệm vụ lãnh đạo một lực lượng kháng chiến với kẻ thù, một mặt trận kháng chiến ngay trong lòng địch, lãnh đạo toàn diện, kể cả tù nhân quốc tịch Trung Hoa, Campuchia, Lào, Thái, kể cả nhiệm vụ lãnh đạo binh lính, giám thị Pháp - Việt và gia đình họ, việc giáo dục, giác ngộ những binh sĩ châu Phi bị lừa gạt cầm súng đánh thuê. Đó là bước phát triển mới về nhận thức của lực lượng tù nhân kháng chiến, mà trước hết là nhận thức của Đảng - Đạo ủy Côn Đảo giai đoạn lịch sử này.

5.2. Phương án võ trang giải thoát ra đời từ khi lực lượng tù binh bị dày ra. Côn Đảo, những người dày dạn trận mạc, đối mặt với kẻ thù, hiểu rõ địch - ta. Xác định nhà tù là một mặt trận trong cuộc kháng chiến, tù nhân là một lực lượng kháng chiến, đấu tranh trong tù là một mũi tiến công vào tận sào huyệt kẻ thù, là sự phát triển sáng tạo lý luận về chiến tranh nhân dân của những người tù kháng chiến. Chủ trương tích cực công kích địch, võ trang giải thoát khi có thời cơ là tư tưởng cách mạng tiến công của lực lượng tù nhân kháng chiến Côn Đảo.

5.3. Đạo ủy đã tổ chức nghiên cứu kỹ các phương tiện có thể vượt đảo, các loại cây trên rừng có thể đồng thuyền, khả năng nguyên vật liệu cần thiết có thể tạo tác được và mua được từ sự hỗ trợ của công tác binh địch vận, số lượng ca nô, sà-lan, gỗ ván của nhà tù có thể cướp được, lịch tàu chở hàng ra đảo và kế hoạch cướp tàu, ... Và đặc biệt là nghiên cứu các yếu tố thời cơ, phối hợp hành động sao cho các yếu tố thời cơ cùng

đến một lúc. Đó là quá trình phát huy trí sáng tạo của cả một tập thể lãnh đạo và các chiến sĩ trung kiên, mưu trí và được cân nhắc thận trọng qua Bộ tham mưu chiến đấu - Thường vụ Đảo ủy và Ban Chấp hành Đảo ủy.

5.4. Những yếu tố thời cơ trong chiến tranh có thể không đến cùng một lúc, có thể diễn biến hết sức bất ngờ. Tình huống tên phản động Hoàng Minh tố giác khiến toàn bộ phương án có thể bị bại lộ; tình huống lực lượng xung kích ở móm Cá Mập không bắt gọn tốp địch khiến Thường vụ Đảo ủy phải quyết định chuyển phương án 2 (đi bộ phận) mà không đánh về giải phóng đảo; tình huống gió chướng nổi được 2 ngày, đến ngày khởi sự còn gió mạnh, những đêm gió lặng dần, khiến thuyền trong đêm không về được bờ là những tình huống không lường trước được. Cuộc võ trang giải thoát chuẩn bị hết sức chu đáo vẫn bị tổn thất nặng nề, như một chương trong bản anh hùng ca còn dang dở.

5.5. Đại hội Đảng bộ nhà tù Côn Đảo lần thứ tư (cuối năm 1953) đã chủ trương tích cực công kích địch và tiếp tục phương án võ trang giải thoát với sự giúp đỡ của Trung ương. Cục là khẳng định một lần chủ trương võ trang giải thoát năm 1952 được xây dựng trên những cơ sở thực tiễn. Mười ba năm sau, ngày 27/2/1965, cuộc võ trang chiếm tàu địch vượt Côn Đảo thành công của 57 tù nhân Sớ Lười ngay trước Cầu Tàu, trong sự kiểm soát hết sức nghiêm ngặt một lần nữa chứng minh tính đúng đắn và khả năng hiện thực của phương án võ trang giải thoát.

CUỘC CHIẾN ĐẤU VƯỢT NGỤC CÔN ĐẢO - Ý CHÍ TỰ GIẢI PHÓNG KIÊN CƯỜNG CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

*TS. Dương Minh Huệ**

Côn Đảo là một nhà tù lớn do thực dân Pháp xây dựng từ năm 1862 để giam cầm, đày ải các chiến sĩ yêu nước và cách mạng. Với 113 năm tồn tại, Côn Đảo trở thành nhà tù lớn nhất, dã man nhất trong hệ thống nhà tù dưới chế độ thực dân cũ và mới. Nơi đây ghi dấu những tội ác tày trời của kẻ thù cũng đồng thời là một minh chứng sáng ngời về ý chí tự giải phóng, vượt qua song sắt nhà tù trở về với cách mạng, không chịu khuất phục trước bất cứ thủ đoạn tra tấn nào của kẻ thù của những người tù cộng sản và tiến bộ.

Năm 1952, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta tiếp tục thu được nhiều thắng lợi, điển hình là Chiến dịch Hòa Bình. Trên chiến trường thực dân Pháp ra sức đối phó bằng bom đạn, trong các nhà tù trại giam của chúng trên khắp đất nước Việt Nam được duy trì bằng chế độ cầm tù

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

khắc nghiệt, dã man, nhằm đầy ải, bóp nghẹt những người tù (trong đó có tù thường, tù cộng sản và tiến bộ). Do đó, từ đầu năm 1952, số lượng tù nhân tăng nhanh trong các nhà tù, trại giam của thực dân Pháp. Tại nhà tù Côn Đảo, tháng 2/1952, thực dân Pháp đưa 65 tù nhân khổ sai có án 20 năm tù Hòa Lò vào khám Chí Hòa và sau đó đưa ra Côn Đảo. Đến tháng 7/1952, đoàn tù binh thứ ba với 135 người ở Bắc Bộ và tháng 10/1952, 100 tù binh ở Bắc Bộ và 35 tù binh Đà Nẵng được đưa ra Côn Đảo. Như vậy, theo báo cáo của giám đốc quần đảo nhà tù Côn Đảo đến tháng 12/1952, số lượng tù binh bị đầy ra Côn Đảo là 548 người⁽¹⁾.

Song song với việc đưa tù binh ra giam giữ tại Côn Đảo thì thực dân Pháp cũng ráo riết thi hành những chế độ nhà tù tàn khốc, đánh đập, tra tấn dã man những người tù. Trước tình hình đó, sau Đại hội Đảng bộ nhà tù Côn Đảo lần thứ ba (đầu năm 1952), công tác tổ chức lãnh đạo đấu tranh trong nhà tù giữa Đảo ủy và Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo tiếp tục được đẩy mạnh. Đại hội ba nhấn mạnh việc đấu tranh đòi quyền sống hàng ngày, đòi phải thực hiện đúng quy chế, đối với tù binh phải đối xử theo công ước quốc tế; mức độ đấu tranh phải nâng cao hơn, khi cần tổng đình công bãi thực. Đại hội chủ trương tiếp tục vạch mặt bọn tù gian đầu sỏ làm tay sai cho Pháp, tranh thủ số quân chúng Liên xã đẩy lùi các hoạt động khiêu khích của chúng, tiến tới lập lại các tổ chức liên

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr 307.

đoàn ở các khu bị chúng chiếm đóng. Đại hội nhận định rằng cuộc kháng chiến ba giai đoạn đã chuyển sang giai đoạn cuối cùng, do đó “tù nhân kháng chiến không thể ngồi chờ cách mạng giải phóng cho mà phải tích cực chuẩn bị tự giải thoát”⁽¹⁾.

Tư tưởng tự giải phóng sau Đại hội Đảng bộ nhà tù Côn Đảo lần thứ ba được tuyên truyền đến các trại giam, theo thời gian tư tưởng ấy được ngấm sâu trong mỗi người tù. Nhằm thực hiện được ý tưởng đó, Đảng bộ nhà tù và Liên đoàn Tù nhân đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận, làm trong sạch đội ngũ tù nhân, đoàn kết tù nhân các dân tộc, các nước trong nhà tù. Nhiệm vụ trung tâm của Đảng ủy và Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo là việc giải thoát khỏi chế độ nhà tù khắc nghiệt. Với các tù binh thì phương án bạo động giải thoát luôn luôn là mục tiêu số một. Đoàn tù binh ở cảng Đoạn Xá (Hải Phòng) do đồng chí Đoàn Duy Thành làm bí thư chi bộ đã có phương án đục tường vượt ngục nhưng chưa thực hiện được. Khi bị đày ra Côn Đảo, anh em tù nhân lại tổ chức lực lượng định cướp tàu địch nhưng không thành công. Từ những ý tưởng nhen nhóm ấy, trong những ngày tháng bị giam giữ, tù đày vô cùng cực khổ lại càng thôi thúc anh em tù nhân Côn Đảo phải tự trang bị mọi mặt để tự giải thoát.

Thời cơ cho việc vượt ngục xuất hiện khi tháng 2/1952, giám đốc nhà tù Giăcty cho lập 2 kíp tù binh lao động khổ sai để nâng cấp hệ thống giao thông trên đảo từ Sở Đá đến mũi Cá

(1) *Dị tích lịch sử nhà tù Côn Đảo nhà lao Phú Quốc*, Nxb. Lao động, H. 2005, tr. 204.

Mập và ra Bến Đầm. Để mở 2 tuyến đường đó, cai tù phải huy động 200 tù binh chia thành 2 kíp lao động. ăn ngủ tại chỗ từ sáng đến tối mịt. Chính việc 200 tù binh được đưa khỏi trại giam đã mở ra một cơ hội lớn cho việc giải thoát tù nhân. Trước tình thế đó, Đảo ủy Côn Đảo tiến hành thảo luận và đi đến khẳng định “thời cơ cho một cuộc vượt ngục trên quy mô toàn đảo đã xuất hiện”.⁽¹⁾

Sau khi nhận định và nắm vững thời cơ thuận lợi đã đến, Đảo ủy nhanh chóng đề ra phương án vũ trang bạo động chiếm đảo. Về lực lượng, Đảo ủy nhận định tù nhân có lực lượng đông hơn với 548 tù binh và 1.739 tù án, đông gấp 10 lần bộ máy cai trị nhà tù (toàn nhà tù Côn Đảo lúc này có 200 tên gồm 104 lính Âu - Phi, 10 sĩ quan, 47 giám thị và 30 người Việt. Quan trọng hơn hết là đội ngũ tù nhân, tù binh có một tinh thần tốt, đa số là những người đã từng vào sinh ra tử, có ý chí cách mạng cao, có tổ chức, kỷ luật, luôn nung nấu ý chí vượt ngục trở về với phong trào. Trong khi đó, phía kẻ thù thì thành phần hỗn tạp, bị chia sẻ, phân tán...

Từ tình hình đó, Đảo ủy đề ra một phương án vũ trang bạo động chiếm đảo: Kíp làm đường ở Bến Đầm là lực lượng chủ công có nhiệm vụ bí mật làm thuyền bè và cất giữ, khi có mệnh lệnh thì nhanh chóng bắt sống toàn bộ binh lính tại chỗ, không nổ súng để giữ bí mật, phối hợp với kíp rải đá để tiến

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2010, tr. 310.

hành. Kíp rải đá ở mũi Cá Mập có nhiệm vụ phối hợp hành động cùng với kíp Bến Đầm để bắt sống bọn lính. Sau đó, hai kíp sẽ cải trang lên xe ô tô về trung tâm đảo phối hợp với tù án đánh chiếm dinh chúa đảo, trại lính và đài vô tuyến điện, chiếm các phương tiện vận tải. Các đơn vị còn lại có nhiệm vụ tiêu diệt, khống chế bọn cai ngục, binh lính tại chỗ và chỉ viện cho các mũi tiến công khác. Đảo ủy còn dự liệu các tình huống xảy ra như khi cuộc vũ trang chiếm đảo theo đúng kế hoạch thì các phương tiện tàu thuyền sẽ đưa toàn bộ tù binh về đất liền, trường hợp không đủ phương tiện sẽ đi từng bộ phận. Đảo ủy phân công nhiệm vụ lãnh đạo cụ thể cho từng đồng chí trong Ban Chấp hành Đảo ủy: đồng chí Lê Văn Hiến (tức Văn) - Bí thư Đảo ủy chỉ đạo trực tiếp 2 kíp lao động ở Bến Đầm và mũi Cá Mập; đồng chí Phan Du - cán bộ quân đội thuộc Quân khu 3 trực tiếp làm chỉ huy các lực lượng vũ trang Bến Đầm; đồng chí Hoàng Tiến, Phó chỉ huy Bến Đầm (chỉ huy chung quân sự toàn đảo là đồng chí Phạm Quý Tuyền, Tiểu đoàn phó của Hà Nội) làm Đại đội trưởng Quyết Thắng.

Với kế hoạch như vậy, Đảo ủy chỉ đạo tù nhân trong các khám tù tranh thủ mọi thời gian có thể, mọi lúc, mọi nơi, mỗi người một nhiệm vụ, tích cực cao nhất chuẩn bị cho một cuộc tự giải phóng mình. Ngày ngày tù nhân lao động khổ sai mệt nhọc, nhưng hằng đêm từng nhóm phân công nhau đào hầm dưới sàn giường ngủ. Không biết bao nhiêu công sức, bao nhiêu ngày đêm, anh em tù nhân đã đào, chuyển được hàng trăm mét khối đất, đá ra ngoài và đưa vào hàng chục mét khối gỗ để chống hầm, đóng thuyền. Những người tù đào hầm, khoét đất bằng muôi múc cơm, bằng những mẩu tôn tự tạo,

chuyển đất lên bằng áo quần, rổ rá tự đan, thay phiên nhau suốt đêm ròng rã, cần mẫn, mò mẫm trong lòng đất. Những người lính xuất thân từ thợ lò Hòn Gai, Cẩm Phả đã thiết kế hai căn hầm rộng rãi, được chèn chống theo kiểu hầm lò. Một lực lượng những anh em tù nhân khác thay nhau tháo hàng trăm bộ quần áo từ các khám khác chuyển đến, khâu lại thành tấm lớn, quét sơn, hắc ín để bọc thuyền và làm buồm. Biết bao công sức của tù nhân đã được kết tinh bằng 5 con thuyền gỗ cạp phen mây, bọc vải, quét sơn và nhựa đường được giấu kín tại hai căn hầm bí mật. Các công tác binh vận, địch vận, ngoại giới vận được phát huy có hiệu quả, hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa đường và nhiều vật dụng quan trọng như dao, búa, cưa, đục... được công chức, giám thị, binh lính mua giúp và bí mật vận chuyển ra bến Đầm. Việc mua sắm các nguyên vật liệu như sơn, vải,... có sự đóng góp quan trọng của Đoàn tù chính trị Đoàn Xá - Hải Phòng bị đẩy ra Côn Đảo (tháng 10/1952), đồng chí Đoàn Duy Thành, bí thư chi bộ đoàn tù đã mang theo được 1 lạng vàng do Thành ủy Hải Phòng gửi cho đoàn tù lưu đày⁽¹⁾. Trong điều kiện thiếu thốn, khó khăn của cảnh tù đầy lúc đó, lạng vàng của đoàn tù Hải Phòng có ý nghĩa quan trọng giúp Đảo ủy có thêm tiền mua sắm trang thiết bị. Các đội xung kích cũng được bí mật hình thành ở các trại tù, các cơ sở khổ sai, các công sở thiết yếu trên đảo.

Sau 6 tháng chuẩn bị lực lượng và mọi phương tiện được

(1) Cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952, cuộc vượt ngục lớn nhất trong 113 năm tồn tại của nhà tù Côn Đảo. Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 12/2002, tr. 35.

hoàn tất, cuộc vượt ngục được thực hiện vào ngày 12/12/1952. Đúng 11 giờ tại Bến Đầm, đồng chí Phan Du, chỉ huy cuộc nổi dậy ở Bến Đầm đã vung chiếc khăn lệnh màu trắng cùng với tiếng hô xung phong phát lệnh tiến công. Đại đội Quyết Thắng với 28 tổ 3 người nhanh chóng áp sát 28 tên lính, trói gọn chúng. Tại mũi Cá Mập, cuộc nổi dậy diễn ra không đúng kế hoạch nên lãnh đạo Đảo ủy quyết định thực hiện phương án 2, chỉ giải thoát bộ phận nổi dậy là 2 kíp lao động tại Bến Đầm và mũi Cá Mập với 200 tù binh.

Đến 4 giờ chiều, một đoàn thuyền gồm 5 chiếc với đầy đủ buồm, chèo, lương thực và nước ngọt đã ra khơi vọt lộn với sóng biển. Có một điều mà ít ai ngờ tới đã xảy ra là gió chướng lặng dần và đổi hướng, trong đêm tối, hai thuyền bị quá tải đã vỡ, các thuyền sau đó bị nước ngấm, rò rỉ. Một số anh em tự nguyện hy sinh, lặng lẽ lao xuống biển. Ngày 13/12, máy bay trực thăng và tàu chiến Pháp đã truy đuổi kịp, bắt lại 117 người, số còn lại là 81 người chết và mất tích.

Cuộc vượt ngục không thành công với nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó nguyên nhân chủ quan là việc tổ chức thực hiện có nhiều thiếu sót, sự phối hợp của kíp lao động mũi Cá Mập không thực hiện được, vừa gây thương vong vừa để thoát 1 lính địch; chủ quan không kiểm tra chất lượng của thuyền tự tạo nên khi dùng vải bọc bị mục, sườn thuyền bị mọt. Nguyên nhân khách quan là gió chướng đột ngột đổi chiều.

Mặc dù vậy, nếu so sánh cuộc vượt ngục Côn Đảo với các cuộc vượt ngục trong các nhà tù, trại giam khác trong cả nước lúc đó mới thấy được sự kiên cường, táo bạo và ý chí tự giải

phóng mãnh liệt của những người tù Côn Đảo. Tại nhà tù Hòa Lò, nơi thực dân Pháp áp dụng những hình thức cai quản và cai trị tù nhân rất khắc nghiệt, nhưng dưới sự lãnh đạo của chỉ bộ nhà tù, nhiều cuộc vượt ngục cũng đã diễn ra. Ngày 24/12/1951, chỉ ủy nhà tù Hòa Lò quyết định tổ chức vượt ngục cho những tù nhân bị án tử hình. Kế hoạch vượt ngục được chuẩn bị chu đáo là vượt qua cống ngầm, bên ngoài bố trí người đón. Tuy vậy, do kế hoạch vượt ngục diễn ra sớm hơn so với dự kiến (ngày 20/12/1951), không kịp bố trí người đón, nên chỉ có 5 người thoát, 12 người bị bắt giam trở lại. Cuộc vượt ngục của tù nhân Hòa Lò tuy không đạt được thắng lợi hoàn toàn nhưng thể hiện lòng yêu nước, trí thông minh sáng tạo, tự giải thoát tìm con đường sống về với cách mạng ngay cả khi đã bị tuyên án tử hình. Nhưng, nhà tù Hòa Lò nằm giữa phố phường đông đúc, bọn cai tù canh gác nghiêm ngặt, tù nhân vẫn có cơ hội là đào hầm, trốn ra ngoài là ra đường phố tấp nập, lẫn vào dòng người trên phố, tẩu thoát. Nhà tù Sơn La, Nghĩa Lộ khi tù nhân trốn trại là về với rừng sâu, vách núi, có nhiều cơ hội sống sót. Trái lại, tại nhà tù Côn Đảo, nơi bốn bề sóng nước mênh mông, cách đất liền về phía tây 80 đến 120km, nếu có trốn thoát cũng lênh đênh trên biển cả, chết đói, chết khát, khó lòng về đến đất liền, cơ hội sống sót là vô cùng hiếm.

Do đó, cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 là một cuộc vượt ngục lớn nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo, có ý nghĩa to lớn, thể hiện tinh thần tiến công cách mạng, dám nghĩ, dám làm trong những điều kiện vô cùng khó khăn, khắc nghiệt cả về con người và thiên nhiên. Trong ngục tù đen tối, bị giam cầm

đây ải về thể xác, tra tấn về tinh thần, ý chí cách mạng *dem sức ta tự giải phóng* cho ta vẫn được thối bùng lên trong trái tim của những người cộng sản tại nhà tù Côn Đảo. Sau cuộc vượt ngục đã làm cho thực dân Pháp và bọn cai trị nhà tù phải thay đổi chính sách đối với tù nhân như phải thực hiện những điều quy định của Công ước Ginevơ về tù binh năm 1949, trả lại quần áo của tù binh; cải thiện chế độ ăn uống, không bớt xén thực phẩm của tù nhân; thư từ viết về cho gia đình được viết 15 dòng khổ giấy học sinh (trước đó viết theo hình thức card, chỉ được điền vào ô trống theo quy định); tù nhân ốm đau được khám chữa bệnh,... Cuộc vượt ngục để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho anh em tù nhân Côn Đảo và các nhà tù khác đó là tính bí mật được đảm bảo đến giây phút cuối cùng; tính tổ chức, kỷ luật cao và tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường...

Cuộc vượt ngục Côn Đảo năm 1952 phát huy truyền thống quật cường của dân tộc Việt Nam - ý chí tự giải phóng khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đồng thời để lại những kinh nghiệm quý báu không những cho đông đảo tù nhân nhà tù Côn Đảo nói riêng mà còn cho các nhà tù, trại giam trong cả nước nói chung trong các giai đoạn sau này.

Sáu mươi năm đã trôi qua, nhưng lòng dũng cảm, sự hy sinh vì độc lập của Tổ quốc của những người tù cộng sản và tiến bộ trong cuộc vượt ngục Côn Đảo mãi mãi vẫn ghi dấu trong lòng những thế hệ mai sau. Những lời hô vang giữa sóng biển lúc phải từ biệt cõi đời của các đồng chí: Văn - Bí thư Đảo ủy, đồng chí Nguyễn Tiến Long - Chính trị viên Đại đội Tuyên

truyền võ trang tỉnh Hải Dương: *"Hồ Chí Minh muôn năm! Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!"*. *"Các đồng chí hãy cố gắng bơi vào đất liền để chiến đấu. Xin vĩnh biệt các đồng chí!"* luôn vang vẳng bên tai, nhắc nhở mỗi chúng ta ý chí quyết tâm bảo vệ đến cùng sự toàn vẹn của giang sơn, lãnh thổ, sự độc lập, thống nhất đất nước dù phải hy sinh cả tính mạng của mình.

CUỘC VƯỢT NGỤC NGỒI SÁNG CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG, TINH THẦN CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO CỦA TÙ NHÂN CÔN ĐẢO

*ThS. Nguyễn Thị Xuân**

Cách đây 60 năm, vào ngày 12/12/1952, dưới sự lãnh đạo của Đảo ủy Côn Đảo, một cuộc vượt ngục dũng cảm của 198 tù Côn Đảo đã diễn ra. Để có cuộc vượt ngục đó, Đảo ủy đã phải dày công nghiên cứu, chỉ đạo anh em tù nhân chuẩn bị một kế hoạch trong nhiều tháng, trải qua bao gian nguy, cực khổ. Tuy nhiên, do thời tiết không thuận và do những nguyên nhân khách quan, chủ quan khác, cuộc vượt ngục đã không thành công và chịu nhiều tổn thất: 81 chiến sĩ hy sinh, 117 người bị bắt lại. Dù không thành công nhưng cuộc vượt ngục đã để lại những giá trị tinh thần vô giá, cho chúng ta thấy rõ tinh thần chủ động, sáng tạo và ý chí tự giải phóng của các chiến sĩ tù Côn Đảo nói chung, trong đó nổi bật lên vai trò của Đảo ủy.

* Học Viện Chính Trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, cuộc vượt ngục ngời sáng chủ nghĩa anh hùng cách mạng của những chiến sĩ cộng sản kiên cường.

Nói đến cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 là nói đến những người chiến sĩ tù Côn Đảo anh dũng, kiên cường. Sống trong lao tù đế quốc, bị tra tấn vô cùng man rợ, cái đói, cái rét, bệnh tật hành hạ nhưng những chiến sĩ cộng sản vẫn luôn vượt lên để chiến đấu và tối luyện bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng. Không chịu khuất phục trước kẻ thù, thấm nhuần sâu sắc quan điểm kháng chiến của Đảng, xuất phát từ đặc điểm hoàn cảnh lao tù, các chiến sĩ tù Côn Đảo luôn ý thức vào tù là phải tiếp tục đấu tranh, giữ vững khí tiết, xây dựng tổ chức, xây dựng lực lượng; chủ động chớp thời cơ tiêu diệt địch, tự giải thoát cho mình. Nhiều cuộc đấu tranh tuyệt thực phản đối chế độ hà khắc của nhà tù, những cuộc đấu tranh đòi quyền sống hàng ngày của tù nhân đã liên tiếp nổ ra. Liên tục phải chịu đựng những đợt khủng bố dã man, đặc biệt là các chiến sĩ trong khu biệt lập, không ít chiến sĩ đã hy sinh anh dũng khi mới ngoài 20 tuổi. Có những chiến sĩ cho đến ngày cuối đời, trước khi ra trường vẫn vẫn dịch sách, làm thơ, dạy học. Bị tra tấn dã man, ý chí của tù nhân càng được tối luyện. Vượt lên những đau đớn về thể xác do bị đánh đập hay bệnh tật, các chiến sĩ vẫn tổ chức học văn hóa, lý luận, sinh hoạt văn nghệ, kể chuyện cho nhau nghe... Những đảng viên thì tổ chức kiểm điểm, phê bình, rút kinh nghiệm. Đảng ủy nhà tù luôn theo dõi, tìm cách liên lạc với những đoàn tù mới ra để nắm tin tức, đồng thời thông báo tình hình địch, ta trên đảo, chấp mỗi gây dựng tổ chức, chỉ đạo đấu tranh! Trong những cuộc chiến đấu chống lại bọn Liên xã, hình ảnh những chiến sĩ dũng cảm đã

cố vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu cho anh em tù nhân. Suốt quá trình chuẩn bị, cũng như khi cuộc vượt ngục diễn ra, các chiến sĩ luôn thể hiện chí khí, khát vọng giải thoát và lòng quả cảm. Hằng đêm, các chiến sĩ phải thay nhau dùng muôi múc cơm và những mẩu tôn tự tạo khoét đất, đào hầm bí mật ngay dưới nền trại; chuyển đất lên bằng quần áo, bằng rổ rá tự đan. Cũng những con người ấy, bằng trí óc, đôi tay và bầu nhiệt huyết đã tự tạo ra rất nhiều vật dụng, vũ khí cho cuộc vượt ngục. Có những đồng chí bị bắt, bị tra tấn dã man nhưng kiên quyết không khai báo để bảo vệ kế hoạch, bảo vệ tổ chức và anh em toàn đảo. Khi cuộc vượt ngục diễn ra, trong tình thế hiểm nguy, nhiều đồng chí đã tự nhảy xuống biển hy vọng thuyền không chìm để cứu những người còn lại. Khi bị bắt trở lại, 117 chiến sĩ đã đoàn kết chặt chẽ dưới sự chỉ đạo của Đảo ủy để chống lại bọn cai ngục, bảo vệ quyền chính đáng của tù nhân trước tòa án thực dân. Tinh thần chiến đấu dũng cảm và khát vọng tự giải thoát của các đồng chí tù chính trị Côn Đảo luôn ngời sáng và khiến chúng ta phải cảm phục.

Thứ hai, cuộc vượt ngục phản ánh tinh thần chủ động, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảo ủy và của các chiến sĩ tù Côn Đảo.

Tính chủ động, sáng tạo đó được thể hiện rõ nét qua mỗi chủ trương, mỗi việc làm trong toàn bộ quá trình chuẩn bị kế hoạch, phương án võ trang tự giải thoát và cả khi cuộc vượt ngục diễn ra.

Tinh thần chủ động, ý chí tự giải phóng là một nét nổi bật của những chiến sĩ tù Côn Đảo nói chung và của tập thể Đảo

ủy nói riêng. Trong điều kiện ngục tù, xa đất liền, bị cắt đứt sự hỗ trợ, sự chỉ đạo của Trung ương, tập thể Đảo ủy luôn tìm mọi cách để nắm tin tức từ đất liền, sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, chủ động xúc tiến thành lập tổ chức, đề ra phương hướng, mục tiêu và chỉ đạo tù nhân đấu tranh. Đầu năm 1952, quán triệt tinh thần của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 2, Đảng bộ nhà tù Côn Đảo đã bí mật tổ chức Đại hội Đảng bộ Côn Đảo lần thứ 3⁽¹⁾. Căn cứ vào tình hình thực tiễn trên Đảo, Đảo ủy đã xác định phương hướng, mục tiêu đấu tranh, chỉ rõ: Hướng hoạt động của khối tù nhân vào các cuộc đấu tranh hàng ngày, đồng thời phải bí mật chuẩn bị cho các cuộc giải thoát lớn, quy mô toàn đảo khi có điều kiện. Đại hội đưa ra các phương pháp, hình thức đấu tranh cụ thể nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Đại hội xác định rõ: vào tù là tiếp tục cuộc kháng chiến trên một mặt trận mới và nhiệm vụ của Đảng bộ là phải tổ chức, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên; xây dựng, rèn luyện lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh, góp phần cho kháng chiến. Chuẩn bị lực lượng để khi có thời cơ sẽ giải thoát cho anh em tù nhân.

Nhờ chủ động xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, Đảo ủy đã tập trung xây dựng, chuẩn bị kế hoạch, phương án võ trang giải

(1) Tinh thần Đại hội 2 do đồng chí Lê Văn Hiến, nguyên Tỉnh ủy viên, trưởng Ban Chính trị Tỉnh đội Hải Dương báo cáo với Đảng ủy Côn Đảo. Đồng chí đã trực tiếp tham gia biên soạn nghị quyết của Đại hội Đảng bộ. Xem: Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo: *Nhà tù Côn Đảo 1945- 1954*, Nxb. Sự Thật, H. 1991, tr.113.

thoát. Đảo ủy đã phân tích, chỉ rõ những điều kiện cần thiết cho việc tiến hành một cuộc vượt ngục, trong đó nhấn mạnh vấn đề thời cơ (tương quan lực lượng), vấn đề chuẩn bị phương tiện: thống nhất tư tưởng và quyết tâm của các chiến sĩ; xây dựng hệ thống tổ chức chỉ đạo; xây dựng lực lượng và phương án tiến hành.

Về tương quan lực lượng, Đảo ủy phân tích: năm 1952, lực lượng địch ít hơn quân số tù binh, tù án của ta; trong lực lượng tù án có tới quá nửa là những chiến sĩ trong lực lượng vũ trang (công an, biệt động, tự vệ thành, vệ quốc đoàn, bộ đội địa phương...); lực lượng tù binh có nhiều sĩ quan, chiến sĩ trong các trung đoàn chủ lực, từng tham gia các chiến dịch lớn ở đồng bằng, trung du và miền núi Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ⁽¹⁾. Như vậy, về tương quan lực lượng trên đảo, ta mạnh hơn địch về số lượng và chất lượng quân số. “Địch có vũ khí trong tay, còn tù nhân thì có lòng căm thù, có khát vọng được giải phóng và có nhiều mưu mẹo”⁽²⁾.

Cùng với việc phân tích tương quan lực lượng, được sự giúp đỡ của một số tù nhân, Đảo ủy đẩy nhanh việc nghiên cứu tất cả các phương tiện vượt ngục, các vật liệu có trên đảo để làm thuyền buồm, đào hầm, tạo vũ khí, chuẩn bị lương thực.

(1) Năm 1952, ở Côn Đảo, địch có 104 lính Âu - Phi, 10 sĩ quan và thủy thủ Pháp, 47 gác-điêng. Ta có 548 tù binh, 1.739 tù án.

(2) Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo: *Nhà tù Côn Đảo 1945-1954*, Nxb Sự thật, H. 1991, tr. 122

các dụng cụ cần khi vượt ngục... Từ những phân tích nêu trên, phương án võ trang giải thoát đã được Đảo ủy đặt ra.

Để thực hiện phương án võ trang giải thoát, Đảo ủy chỉ rõ vấn đề mấu chốt trước tiên là phải đoàn kết, thống nhất tư tưởng anh em tù nhân. Nhận định chính xác vấn đề cốt lõi, Đảo ủy đã hướng vào chỉ đạo công tác giáo dục, động viên các chiến sĩ. Ngay trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Côn Đảo lần thứ 3, Đảo ủy nhấn mạnh vấn đề kỷ luật, tự giác; nêu rõ phương châm lãnh đạo của Đảng bộ là: giáo dục, giác ngộ, thuyết phục, đoàn kết và yêu thương. Với phương châm đó, bằng nhiều hình thức, Đảo ủy đã củng cố cho các tù nhân niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến, vào cuộc chiến đấu vượt Côn Đảo; nêu cao tinh thần đoàn kết, sống chết có nhau trong mọi hoàn cảnh. Đặc biệt, Đảo ủy đề cao tinh thần quyết tâm, lòng quả cảm nhưng phải thận trọng và giữ nghiêm kỷ luật. Phương châm, quan điểm sống, chiến đấu được xây dựng vững chắc trong từng người. Can đảm, sẵn sàng hy sinh nhưng tuyệt đối không được phép sơ suất để đưa mình vào con đường tự sát đã thấm nhuần sâu sắc trong toàn thể các tù nhân.

Đi đôi với công tác giáo dục tư tưởng, xây dựng hệ thống tổ chức chỉ đạo chặt chẽ là một điều kiện quan trọng đảm bảo cho việc tiến hành một cuộc vượt ngục thành công. Đảo ủy luôn chú trọng xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức chỉ đạo của Đảng bộ trên toàn đảo. Để đảm bảo cho công tác chỉ đạo được hiệu quả, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Côn Đảo lần thứ 3 đã quyết định đổi tên *Liên đoàn Tù nhân* thành *Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo*; quyết định xây dựng hệ thống tổ

chức đảng chặt chẽ hơn: dưới cấp toàn đảo, mỗi banh có ban chấp hành liên khu, mỗi khám đều có ban chấp hành khu. Ban chấp hành khu sẽ tổ chức tù nhân trong khám thành từng toán 10 người theo mâm ăn, có toán trưởng phụ trách; trong toán có tổ 3 người (tổ tâm giao). Đồng thời, các cấp ủy Đảng sẽ cử người tham gia trực tiếp lãnh đạo Liên đoàn Tù nhân kháng chiến ở các cấp. Ngoài những người được giao chuyên trách một công tác của Đảng bộ, các đảng viên còn lại đều đảm nhiệm một nhiệm vụ của Liên đoàn. Liên đoàn vừa là một tổ chức quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, vừa giống một chính quyền tù nhân kháng chiến. Mỗi đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là một thành viên của Liên đoàn.

Với chủ trương đó, Đảo ủy đã chỉ đạo xây dựng được một hệ thống tổ chức liên hoàn ở tất cả các trại tù, các kíp tù không sai: từ cấp toàn đảo đến tận mâm ăn, tổ, nhóm. Mỗi banh có một chi bộ, mỗi khám là một phân chi bộ.

Ban Chấp hành Đảo ủy lúc này do đồng chí Lê Văn Hiến làm bí thư; đồng chí Tùng Lam làm phó bí thư; đồng chí Lê Mai là thường vụ Đảo ủy, kiêm chủ tịch Liên đoàn Tù nhân kháng chiến. Giúp việc Đảo ủy có một số ban chuyên môn. Đồng thời, Đảo ủy cũng tập hợp và lựa chọn được những đồng chí cốt cán, có phẩm chất, năng lực để giao những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình chuẩn bị cũng như khi cuộc vượt ngục diễn ra.

Xây dựng một phương án võ trang được Đảo ủy nghiên cứu kỹ càng. Trên cơ sở xác định các mục tiêu quan trọng, Đảo ủy chỉ đạo xây dựng các lực lượng nòng cốt, phân công từng

bộ phận đảm nhiệm những nhiệm vụ cụ thể ở từng vị trí nhằm tiêu diệt các mục tiêu. Ba mục tiêu quan trọng nhất trên đảo được Đảo ủy xác định là: trại lính, dinh chúa đảo và trạm vô tuyến điện Cầu Tàu. Từ 3 mục tiêu đó, Đảo ủy đã tiến hành xây dựng ba đội xung kích tại chỗ gồm những chiến sĩ trung kiên, đóng vai trò nội công kết hợp với ngoại kích để tiêu diệt các mục tiêu. Đồng thời, Đảo ủy phân công rõ: bộ phận làm ở Bến Đầm có nhiệm vụ bí mật tổ chức đóng thuyền; lực lượng xung kích phát động cuộc khởi nghĩa, tước vũ khí trung đội lính Âu - Phi canh giữ; kíp rải đá ở đầu mom Cá Mập sẽ đồng hưởng ứng, tước vũ khí tốp lính áp giải, đóng giả lính, cướp ô tô cơ động đánh chiếm ngay trại lính, dinh chúa đảo, trạm vô tuyến điện ở Cầu Tàu, hiệp đồng với lực lượng xung kích tại chỗ (đạo quân ngầm) đánh chiếm tất cả các cơ sở trên đảo, bắt tù binh, thu vũ khí, kết hợp lúc có tàu chở hàng ra, chiếm tàu, tận dụng phương tiện trên đảo đưa tất cả tù nhân trở về. Đồng chí Tùng Lam, phó bí thư Đảo ủy chỉ đạo việc bố trí lực lượng quân sự ở khối tù án; đồng chí Trần Nam, đảo ủy viên đặc trách ngoại giới vận, trực tiếp chỉ huy mũi xung kích tù áo trắng. Đồng chí Vũ Ngọc Toàn, chủ tịch Liên đoàn Tù nhân Liên khu Võ Nguyên Giáp (banh I) chỉ huy mũi xung kích của Sở Chỉ Tôn, đánh chiếm đài vô tuyến điện và chiếm tàu hàng. Tiếng súng đánh vào trại lính sẽ là hiệu lệnh tiến công trên toàn đảo.

Mỗi sở tù khổ sai khác, kể cả khu biệt lập đều phải tổ chức lực lượng tự vệ bí mật. Mỗi khu có nhiệm vụ bắt gác-điêng, thày chú, lính gác trong khu vực mình khi có hiệu lệnh, sau đó sẽ theo sự phân công của Đảo ủy.

Phương án còn nêu cụ thể kế hoạch trinh sát, luyện tập tác chiến, kỹ thuật sử dụng vũ khí, cứu thương, cấp cứu trên biển phân công chuẩn bị lương thực: làm thuyền, làm buồm và phao; chuẩn bị vũ khí và kế hoạch chiếm tàu hàng.

Không tránh khỏi những thiếu sót nhưng một phương án võ trang được vạch ra cụ thể như vậy đã khẳng định tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao của Đảo ủy. Sau khi phương án được đưa ra, toàn đảo bí mật đẩy nhanh cuộc chuẩn bị.

Triển khai phương án võ trang tự giải thoát, trong hoàn cảnh bị tù đầy, bị kiểm soát gắt gao rất cần sự ủng hộ, tạo điều kiện của một bộ phận lực lượng binh lính và công chức địch. Bên cạnh việc cố gắng vượt bậc của các chiến sĩ toàn đảo. Đảo ủy đã đặc biệt chú trọng chỉ đạo công tác vận động binh lính địch, vận động ngoại giới (vận động công chức và gia đình họ bí mật giúp đỡ). Đảo ủy giao nhiệm vụ cho đồng chí Phạm Quý Tuyển chịu trách nhiệm lãnh đạo hơn 10 anh em đại diện kíp, đại diện khám làm công tác vận động lính Âu - Phi; đồng chí Trần Nam, đảo ủy viên chỉ đạo công tác ngoại giới vận. Bằng nhiều hình thức vận động khéo léo, anh em tù binh đã từng bước nhận được sự ủng hộ tích cực của binh lính và công chức địch. Hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa đường và nhiều vật dụng như dao, búa, cưa, đục đã được công chức, giám thị, binh lính mua giúp. Một số gia đình công chức địch đã trở thành cơ sở giao liên của ta. Ta đã cảm hóa được một số giám thị, làm cho chúng bớt hung ác. Nhờ đó, tù nhân Bản Chế (công xưởng) đã chế tạo được trên một trăm mũi mác xung kích. Kíp làm đá lấy được gần hai chục kíp mìn. Ban Tạo Tác

của Đảo ủy đã chế được hàng trăm gói “lựu đạn” hỏa mù bằng tro bếp trộn ớt và hạt tiêu, tạo được hàng chục thùng sắt tây để đựng nước ngọt, làm phao. Hàng nghìn bộ quần áo của tù đã được góp lại để bọc thuyền, may buồm. Nhiều cây gỗ được chuyển tới hầm bí mật để đóng thuyền... Công việc chuẩn bị cho phương án võ trang giải thoát được đẩy mạnh trên toàn đảo.

Ngoài ra, Đảo ủy còn tích cực chỉ đạo công tác vận động, giác ngộ và tổ chức các tù nhân người Hoa, Khơme, Lào, Thái và các dân tộc ít người. Vì vậy, số ác ôn người Khơme làm tay sai cho nhà tù giảm nhiều; phần lớn tù Khơme đồng tình vượt ngục với tù kháng chiến; 2/3 tù tư pháp người Hoa ủng hộ Liên đoàn Tù kháng chiến. Một phần không nhỏ quỹ xã hội của Liên đoàn, quỹ tạo tác của Đảo ủy là do sự đóng góp của tù nhân người Hoa.

Việc vận động binh lính, công chức địch, vận động tù nhân người Hoa, Khơme, Lào, Thái... là một việc hết sức khó khăn. Đạt được kết quả nêu trên, không có nguyên nhân nào khác ngoài sự lãnh đạo sáng suốt của tập thể Đảo ủy và sự cố gắng, sáng tạo của anh em tù nhân. Đảo ủy đã vận động, chỉ đạo được những chiến sĩ tù làm tốt công tác người Hoa và hoàn thành nhiều nhiệm vụ do Đảo ủy giao như đồng chí Quách Ngự, Trương Qua, Trần Bảo Trung, Hàn Giang Nguyên, Hàng Chúc Nguyên, Giang Thủy, Ngũ Chương.

Có thể nói, đây là một thành công với nhiều sáng tạo của Đảo ủy, của các chiến sĩ trong lãnh đạo công tác binh địch vận nhằm tranh thủ lực lượng địch, xây dựng và phát triển lực lượng ta.

Cuối cùng, Đảo ủy nêu rõ thời cơ khách quan đảm bảo thắng lợi là: phải có gió chướng và gió chướng phải thật sòng (đều); có tàu hàng địch ra đảo; đơn vị chiến đấu mở đầu ở Bến Đầm phải đánh nhanh, thắng gọn. Các mục tiêu khác phải nhất loạt được tiêu diệt đồng thời.

Bên cạnh đó, Đảo ủy cũng hết sức sáng suốt đặt ra nhiều tình huống và giải pháp linh hoạt: “Nếu đủ điều kiện đảm bảo cho toàn đảo thì đi toàn đảo; không đủ điều kiện thì đi bộ phận. Nếu có tàu thì ra chiếm tàu, không có tàu thì dùng tất cả các phương tiện trên đảo, sử dụng tất cả các phương tiện sẵn có đóng thuyền bè. Sau khi võ trang bạo động thành công sẽ cử một đội cảm tử ở lại khống chế đài vô tuyến điện phát tín hiệu theo định kỳ cho anh em có đủ thời gian vượt biển về đất liền. Nếu gió không sòng, nếu tàu không ra, nếu bộ phận xung kích đánh không gọn thì sẽ đi bộ phận để đảm bảo an toàn cho những đồng chí ở lại”⁽¹⁾.

Như vậy, với việc chủ động xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trên đảo; chỉ ra những điều kiện cần thiết và thời cơ đảm bảo cho cuộc vượt ngục thành công, cùng với một kế hoạch, phương án võ trang cụ thể cho thấy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và lòng dũng cảm của của tập thể Đảo ủy cũng như của tất cả các chiến sĩ tù Côn Đảo.

Thứ ba: Cuộc vượt ngục có ý nghĩa lịch sử to lớn.

Cuộc vượt ngục không thành công do một số nguyên nhân khách quan không thể tính hết như yếu tố thời tiết và cũng do

(1) *Di tích lịch sử nhà tù Côn đảo, nhà lao Phú Quốc*. Nxb. Lao động, H. 2005, tr. 208.

một số hạn chế trong công tác chuẩn bị, công tác tổ chức của một vài bộ phận. Mặc dù vậy, cuộc vượt ngục của các chiến sĩ tù Côn Đảo là tấm gương sáng cho tinh thần nỗ lực, chủ động, sáng tạo, dũng cảm và ý chí tự giải thoát.

Cuộc vượt ngục ấy đã đi vào lịch sử, có ý nghĩa đối với ta và cả đối với địch. Với địch, cuộc vượt ngục là một đòn tấn công vào tận sào huyệt của kẻ thù, làm cho quân Pháp lo sợ, phải tìm cách đối phó. Sau cuộc chiến đấu ấy, địch phải thay thế toàn bộ bộ máy cai trị ở đảo; bộ máy và lực lượng cai trị cũ bị kỷ luật, thải hồi. Với ta, cuộc vượt ngục cổ vũ tinh thần chiến đấu, khắc phục khó khăn đẩy mạnh kháng chiến cho quân dân cả nước. Ở một chừng mực nào đó, cuộc vượt ngục đã góp phần chia lửa với chiến trường cả nước. Sau cuộc vượt ngục, Pháp phải huy động hai trung đoàn trong lực lượng cơ động chiến lược, cho không quân, hải quân của chúng phối hợp làm nhiệm vụ tăng cường phòng vệ vùng duyên hải và ngoài khơi Côn Đảo suốt 3 tháng. Trong khi đó, quân ta liên tiếp mở những cuộc tiến công chiến lược trên khắp chiến trường Đông Dương.

Cuộc chiến đấu vượt ngục của các chiến sĩ tù Côn Đảo cũng để lại bài học về tinh thần chủ động, ý chí tự giải thoát và những kinh nghiệm quý báu về công tác chuẩn bị cho cuộc vượt ngục cho các chiến sĩ tù chính trị ở các nhà lao khác những năm sau đó cũng như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hình ảnh tập thể Đảo ủy và những chiến sĩ tù Côn Đảo dũng cảm trong cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 luôn sống mãi trong trái tim mỗi chúng ta.

Ý CHÍ VÀ SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI CỘNG SẢN

*TS. Hoàng Thị Kim Thanh**

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, trước sự suy đồi của triều đình Huế, thực dân Pháp ráo riết thực hiện âm mưu xâm lược Việt Nam. Sau một thời gian củng cố lực lượng, Pháp đánh chiếm Định Tường và khẩn cấp đặt vấn đề chiếm Côn Đảo vì sợ Anh nhảy vào chiếm vị trí chiến lược quan trọng này. Ngày 28/11/1861, Lespès cho tàu Noocdagaray tới Vũng Đầm, kéo lá cờ Pháp rồi ra tuyên bố đã hoàn thành việc chiếm lĩnh toàn bộ quần đảo Côn Lôn. Ngày 14/1/1862, Thiếu tướng Tổng chỉ huy lực lượng hải quân Pháp tại biển Đông Bôna (Bonard) ra lệnh cho Trung uý hải quân Phêlich Rút xen (Félix Roussel) đáp tàu Nievorơ (Nièvre) ra Côn Lôn khảo sát tìm mặt bằng xây dựng ngọn hải đăng và nhà tù. Qua kết quả báo cáo của Phêlich Rút xen, Bôna quyết định thành lập nhà tù ở Côn Đảo. Để đảm bảo hợp pháp cho việc chiếm đóng, trong Hoà ước Nhâm Tuất ký ngày 5/6/1862, Pháp buộc triều Nguyễn phải

(1) Trường ban Địa phương Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

nhường cho Pháp chủ quyền ba tỉnh miền Đông Nam Bộ: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường trong đó có Côn Đảo.

Côn Đảo là nhà tù quy mô lớn nhất xứ Đông Dương, nằm trong hệ thống nhà tù của Pháp được dựng lên ở Sài Gòn (1861), Hà Nội (1895), Lao Bảo (1896), Hải Phòng (1899), Sơn La (1903) và hầu như các tỉnh đều có nhà tù. Về thời gian, đây là nhà tù tồn tại lâu nhất (113 năm). Về số lượng tù nhân, nhà tù Côn Đảo chỉ đứng sau trại tù binh Phú Quốc trong thời kỳ 1967 - 1973. Nhà tù Côn Đảo là công cụ của chủ nghĩa thực dân - đế quốc đàn áp cách mạng Việt Nam, khủng bố những người yêu nước. Đây thực sự đã trở thành một chiến trường đặc biệt, diễn ra cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt của các thế hệ người Việt Nam yêu nước bị giam tù đầy chống lại bọn cướp nước.

Lớp nghĩa quân bị đày ra Côn Đảo giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là những người bằng con đường vũ trang chống Pháp dưới ngọn cờ “Cần vương”. Nhiều cuộc nổi dậy phá ngục, chiếm đảo, đốt tàu, vượt ngục bị đàn áp, khủng bố dã man nhưng vẫn không chịu khuất phục. Lớp sĩ phu yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản bị đày ra Côn Đảo đầu thế kỷ XX tiêu biểu như các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn... Tuy bị giam cầm vẫn suy ngẫm về thất bại của phong trào Cần vương và các trào lưu dân chủ tư sản, nuôi chí lớn và trăn trở tìm con đường giải phóng dân tộc. Những người có tư tưởng tiên tiến nhất như cụ Tú Kiên, tức Nguyễn Huy Cao, làm đại diện đã lập ra “Hội Phục Việt”, vượt ngục về xây dựng tổ chức, khôi phục phong trào trong nước.

Từ năm 1930, những người cộng sản đã mở ra những trang mới trong lịch sử đấu tranh tại nhà tù Côn Đảo: đấu tranh có tổ chức, có chiến lược, sách lược đúng đắn, với các mục tiêu cụ thể, từ việc giành lấy quyền sống hàng ngày cho đến mục tiêu cao nhất là tự giải phóng mình, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Từ khi trong nhà tù có chi bộ Đảng lãnh đạo, cuộc đấu tranh nhằm cải biến chế độ lao tù đã diễn ra hàng ngày, hàng giờ. Nhờ đó mà củng cố được tổ chức, rèn luyện lực lượng, nắm bắt thời cơ, phối hợp được với cao trào Mặt trận Dân chủ (1936) ở trong nước và quốc tế, giải phóng hàng nghìn tù chính trị, bổ sung nguồn cán bộ lãnh đạo cho Đảng ta. Thế hệ tù nhân kháng chiến chống Pháp (1946-1954) đã kế thừa tinh thần quật khởi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Quán triệt sâu sắc đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính để tổ chức toàn bộ tù nhân thành một đạo quân chiến đấu, dưới danh nghĩa công khai là “Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo” có hệ thống tổ chức chặt chẽ từ cấp toàn đảo đến tổ 3 người. Phương châm hành động là tích cực công kích địch, liên tục đấu tranh từ thấp đến cao, đẩy kẻ địch vào thế bị động đối phó và tiến tới sử dụng bạo lực cách mạng, chớp thời cơ tự giải phóng mình.

Đầu năm 1952, Đại hội đại biểu lần thứ ba Đảng bộ nhà tù Côn Đảo được tiến hành. Các đại biểu nhất trí với đánh giá của Đảng uỷ nhà tù về một số mặt công tác chủ yếu đã làm được. Đã thảo luận thông qua nghị quyết về phương hướng công tác của Đảng bộ nhà tù Côn Đảo trong nhiệm kỳ mới. Về nhiệm vụ chiến lược lâu dài, nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhà tù

khẳng định: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta đã chuyển sang giai đoạn cuối cùng. Là bộ phận của dân tộc, tù nhân kháng chiến không thể cứ ngồi chờ ngày chiến thắng để cách mạng giải thoát khỏi gông cùm mà phải tích cực chuẩn bị mọi mặt để khi có thời cơ tự giải thoát. Với lực lượng hơn 2.000 tù nhân, trong đó hàng trăm người đã thành thạo chiến đấu, thì việc chiếm đảo tự giải phóng là có thể làm được, nhưng phải chờ thời cơ cướp luôn tàu thuyền của địch để đưa tù nhân về đất liền.

Đầu năm 1952, giám đốc nhà tù Giăcty cho lập hai kíp tù binh lao động khổ sai để nâng cấp hệ thống giao thông trên đảo từ Sở Đá đến mũi Cá Mập và ra Bến Đầm. Kíp thứ nhất có 100 người làm đường từ mũi Cá Mập ra Bến Đầm. Kíp thứ hai có 100 người rải đá đoạn từ Sở Đá đến mũi Cá Mập. Kíp tù làm ở mũi Cá Mập sáng đi, tối về có xe cam-nhông đưa đón, do bảy lính Âu - Phi canh giữ. Kíp ở Bến Đầm thì dựng lán trại ăn ngủ tại chỗ vì cách trung tâm Côn Đảo 10km. Kíp này do 28 lính Âu - Phi dưới sự chỉ huy của một viên quản da trắng. Việc cai ngục đưa 200 tù binh ra khỏi trại giam đi làm đường đã mở ra cơ hội quan trọng cho phương án giải thoát tù nhân. Từ thực tế của tình hình nhà tù, Đảo uỷ Côn Đảo nhanh chóng nhất trí phác thảo phương án vũ trang bạo động chiếm đảo, giải phóng toàn bộ tù nhân.

Sau thời gian gần một năm, với việc tổ chức chuẩn bị đầy gian khổ, bí mật và kỹ lưỡng, ngày 12/12/1952, vào lúc 11 giờ, tại Bến Đầm, cuộc tổng công kích bạo động để chiếm đảo, giải phóng tù nhân bắt đầu. Do cuộc nổi dậy diễn ra không được đúng như kế hoạch, ban chỉ huy cuộc nổi dậy, được sự chỉ đạo

trực tiếp của Bí thư Đảo uỷ Lê Văn Hiến, đã thảo luận cấp tốc tình hình và đưa ra quyết định thực hiện theo phương án hai, chỉ giải thoát cho bộ phận nổi dậy là hai kíp lao động tại Bến Đầm và mũi Cá Mập gồm 200 tù binh; để lại một bộ phận canh giới tại mũi Cá Mập, còn tất cả tù binh tập trung về Bến Đầm, bung hầm bí mật, đưa thuyền lên lắp ráp. Đến 16 giờ chiều, đã làm xong 5 chiếc thuyền lớn với đầy đủ buồm, chèo, lương thực và nước ngọt. Mỗi thuyền còn được ghép thêm hai bó nứa to ở hai mạn để sóng lớn cũng không bị lật thuyền. Sau khi lực lượng nổi dậy giải thích cho số tù binh bị bắt ở Bến Đầm và mũi Cá Mập, tất cả lính Âu - Phi đều chịu trối để lực lượng nổi dậy xuất phát. Anh em dùng xe cam-nhông chở người và thuyền ra tận bến để hạ thủy và rời Côn Đảo. Nhưng một bất ngờ đã xảy ra, gió chướng đột nhiên yếu dần, lặng xuống và đổi hướng. Đoàn thuyền vẫn chưa vượt được lớp sóng đất. Trong đêm tối vạt lộn với sóng biển, 2 thuyền quá tải nên bị vỡ. Một số anh em bơi ngược trở về đảo, một số hy sinh trên biển, một thuyền mất tích, hai thuyền còn lại tiếp tục cuộc hành trình giữa biển khơi. Sáng hôm sau hai thuyền đều bị nước rò rỉ vào ở nhiều chỗ. Thuyền hỏng, chở nặng không thể đi được. Một số anh em phải hy sinh để giảm tải cho con thuyền. Tại Côn Đảo, gần tối ngày 12/12/1952, giám đốc đảo Giăcty được cấp báo tù nhân vượt biển đã ra lệnh báo động toàn đảo và điện về đất liền yêu cầu máy bay trực thăng và tàu chiến truy đuổi. Chúng đã bắt tất cả những người tù vượt ngục còn sống trở lại Côn Đảo. Theo báo cáo của giám đốc nhà tù Côn Đảo, số tù binh tham gia vượt ngục là 198 người (chưa kể

01 tù án lái xe cam-nhông và 01 tù án lái xe lu). Bọn cai ngục đã bắt lại 117 người. Số còn lại là 81 người chết và mất tích.

Cuộc nổi dậy, giải thoát tù binh ở Bến Đầm ngày 12/12/1952 có quy mô lớn nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo kể từ khi thành lập đến lúc bấy giờ; đã làm rung chuyển toàn bộ nhà tù Côn Đảo và tác động mạnh mẽ đến dư luận xã hội. Phương án giải thoát nhà tù Côn Đảo của Đảng bộ nhà tù thể hiện tinh thần tiến công cách mạng, dám nghĩ, dám làm. Đó là tư tưởng: đem sức ta tự giải phóng cho ta trong hoàn cảnh bị tù đầy của những con người yêu nước và cách mạng trong nhà tù Côn Đảo. Cuộc vượt ngục cũng là một cách chia lửa với cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Từ vụ án vượt ngục của gần 200 tù binh đã buộc thực dân Pháp và nhà tù Côn Đảo phải thay đổi chính sách nhà tù lỗi thời, vô nhân đạo.

Cuộc chiến đấu để giải phóng tù nhân ở nhà tù Côn Đảo ngày 12/12/1952 tuy không thành công và chịu nhiều tổn thất nhưng nó đã chứng minh sức mạnh và ý chí phi thường của những người yêu nước, những đảng viên cộng sản. Trong tình cảnh tù đầy vô cùng khó khăn, thiếu thốn lại bị tra tấn, đầy đoạ cả về thể xác lẫn tinh thần, những người cộng sản vẫn giữ vững tinh thần yêu nước, phẩm chất cách mạng của mình, quyết chiến đấu với kẻ thù trong mọi hoàn cảnh. Khác với các nhà tù, nhà đầy khác của thực dân Pháp ở Đông Dương, nhà tù Côn Đảo từ khi ra đời đã được coi là nơi *xa nhất, khổ nhất, đáng sợ nhất* đối với tù nhân. Nhưng đối với những người cộng sản, không có nhà tù nào có thể giam hãm được lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước và ý chí chiến đấu. Việc tập hợp và hình

thành tổ chức đảng trong nhà tù một cách thận trọng, có quy định chặt chẽ, bí mật, lãnh đạo thống nhất các cuộc đấu tranh, khi kẻ địch đưa một lực lượng tù binh đáng kể ra khỏi nhà lao lại lao động ở một địa bàn có lợi cho ta, các đồng chí đảo ủy viên trong lực lượng tù binh thấy xuất hiện thời cơ đã phác thảo một phương án táo bạo: vũ trang chiến đấu, cướp đảo, giải phóng toàn bộ tù nhân. Phương án này đã được tập thể Đảo ủy Côn Đảo họp, phân tích đầy đủ và thống nhất trên các vấn đề

- Về khách quan, ta có thời cơ thuận lợi phải nắm lấy;

- Về tương quan so sánh lực lượng ở đảo, ta đông hơn địch và tinh thần mạnh hẳn hơn địch;

- Công tác tư tưởng và công tác tổ chức phải được tiến hành song song nhằm xây dựng quyết tâm giải phóng toàn đảo;

- Đảo ủy xác định các mục tiêu phải được tập trung lực lượng đánh nhanh, diệt gọn khi cuộc chiến đấu bắt đầu và phân bố lực lượng chiến đấu cụ thể cho các bộ phận: kíp làm đường ở Bến Đầm do đồng chí bí thư Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo cùng với đảo ủy viên phụ trách quân sự chỉ huy có nhiệm vụ diệt gọn toàn bộ sĩ quan và lính Âu - Phi, bắt sống toàn bộ, không nổ súng để giữ bí mật cho toàn đảo. Khối quân sự tù án, do một số đảo ủy viên trực tiếp chỉ huy mũi xung kích đánh chiếm dinh chúa đảo, bắt chúa đảo và toàn bộ gácđang, thầy chú. Một mũi xung kích khác của Sở Chỉ Tồn đánh chiếm đài vô tuyến điện và đánh chiếm tàu hàng của địch làm phương tiện chuyên chở tù nhân về đất liền. Các đơn vị ở êkíp carie, cadéc (trại lính) lao 1, lao 2, lao 3 làm rừng, Sở Lưới, Sở Cui, Biệt lập, đều được giao nhiệm vụ cụ thể: diệt địch tại chỗ và hỗ trợ, chỉ

viện cho các mũi tấn công khi gặp khó khăn. Ở các đơn vị đều do cấp uỷ đảng và uỷ viên quân sự phụ trách;

- Về công tác đảm bảo vật chất, Đảo uỷ xác định và phân công chuẩn bị khẩn trương và đặt ra yêu cầu cụ thể (lương thực, thực phẩm chuẩn bị từ 3 đến 5 ngày đề phòng quân gió, tàu thuyền không cập bến đất liền đúng thời hạn). Lấy song, mây, tre làm khung thuyền, đào hầm cất giấu phương tiện tháo rời, chuyển toàn bộ quần áo đã cất giấu để may lại làm vải bọc thuyền và làm buồm, các loại phao... Bộ phận quân khí gấp rút rèn các mũi mác xung kích, tổ chức lấy kíp mìn và dây cháy chậm của địch, làm lựu đạn hoả mù bằng tro bếp, trộn với hồ tiêu và bột ớt... để trang bị cho các đơn vị chiến đấu;

- Về công tác tham mưu, trinh sát nắm địch, tổ chức huấn luyện: nắm tình hình địch, nắm quy luật hoạt động của tàu chiến, tàu hàng, các lực lượng tuần tiễu của địch ở ngoài xa và quanh đảo. Nắm kho quân nhu, quân khí, chỉ định các chỉ huy trưởng, phó các mũi, chính trị viên và lực lượng nòng cốt. Lập kế hoạch và tổ chức tập huấn kỹ thuật, chiến thuật, võ thuật, rèn luyện thể lực...

- Về công tác chính trị, Đảo uỷ xác định phải đi trước một bước và phải tiến hành thường xuyên, liên tục trong quá trình trước, trong và sau chiến đấu. Đưa ra các nội dung và mục tiêu chi tiết cần thiết: trước hết là bồi dưỡng ý chí chiến đấu để tự giải phóng, thể hiện bằng sự đồng tâm nhất trí diệt địch, tước đoạt vũ khí và phương tiện của địch để vượt biển trở về đất liền. Giáo dục lòng tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vững chắc vào cuộc kháng chiến

trường kỳ của dân tộc nhất định thắng lợi, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc chiến đấu vượt Côn Đảo. Tổ chức và phân công chặt chẽ lực lượng làm công tác dân vận. Công tác giữ bí mật được đảm bảo an toàn cho đến phút cuối cùng.

Chủ trương và kế hoạch của Đảo uỷ đưa ra là phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của các tù nhân nên sau khi phổ biến nghị quyết chiến đấu vượt đảo đã được anh em tù chính trị hưởng ứng nhiệt liệt. Từ nhận định thời cơ, xác định chủ trương, xây dựng nghị quyết, xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể cho từng ủy viên Đảo uỷ, đảng viên phụ trách và chỉ rõ bộ phận thực hiện... của Đảo uỷ Côn Đảo đã thể hiện ý chí quyết tâm rất cao cho việc vượt Côn Đảo. Chúng ta nhận thức rõ rằng: chỉ có những người đảng viên cộng sản và tổ chức Đảng Cộng sản trên đảo lúc này mới có đủ tư duy, ý chí đưa ra kế hoạch và phương án thực hiện vượt Côn Đảo rất táo bạo như vậy.

Để thực hiện chủ trương, kế hoạch vượt ngục tù Côn Đảo phần lớn các hoạt động của tù nhân Côn Đảo năm 1952 đã tập trung vào nhiệm vụ này. Lực lượng xung kích ở Bến Đầm, dưới sự chỉ đạo hàng ngày của Đảo uỷ, cùng một lúc triển khai thực hiện các mặt công tác: Xây dựng lực lượng bố trí nòng cốt; tổ chức huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật quân sự; đào hầm bí mật; vận chuyển cất giấu kho tàng, các nguyên vật liệu làm thuyền vượt biển. Đây là khối lượng công việc lớn và khó khăn, nhất là việc giữ bí mật trong điều kiện luôn bị lính gác Âu - Phi kiểm soát, theo dõi chặt chẽ. Ban ngày lao động cực nhọc khổ sai, ban đêm thay nhau đào hầm, vận chuyển đất đá, vận chuyển vật liệu để chống hầm và đóng thuyền, may buồm

liên tục, ròng rã trong thời gian dài, bao sức lực con người đã đổ ra. Một sức mạnh phi thường của con người được chứng minh trong điều kiện khó khăn tột độ hiếm có.

Khi thời điểm chiếm đảo vượt ngục đã đến, hiệu lệnh chiến đấu của Đảo uỷ phát ra từ Bến Đầm, cùng tiếng thét xung phong đồng loạt của 28 đội viên xung kích quyết thắng, toàn bộ sĩ quan và binh lính Âu - Phi của trung đội mạnh nhất trong đại đội Âu - Phi duy nhất tại đảo làm nhiệm vụ giữ tù ở Bến Đầm đã bị trói gọn. Ta thu toàn bộ vũ khí, không phải nổ một phát súng nào. Trong khi đó, kíp làm đường ở Đâu Mom (mũi Cá Mập) do không bám sát địch nên xảy ra vật lộn và nổ súng, địch chết hai, ta hy sinh một, một tên địch chạy thoát vào rừng. Trận đánh ở Đâu Mom diễn ra ngoài dự kiến. Đồng chí bí thư Đảo uỷ cùng các đồng chí lãnh đạo khác ở khu vực Bến Đầm hội ý cấp tốc và quyết định không đánh về trung tâm Côn Đảo vì đã mất yếu tố bất ngờ và chỉ đạo thực hiện theo phương án 2 là giải thoát bộ phận. Đây là một quyết định phù hợp và sáng tạo vì nếu tiến hành theo kế hoạch sẽ không thành công và gây tổn thất lớn. Trong quá trình vượt biển với điều kiện bất lợi, khó khăn và cận kề với cái chết, giữa đêm tối lênh đênh, đói khát, sức lực kiệt quệ, các chiến sĩ vượt tù Côn Đảo thể hiện sức chịu đựng chưa từng có của mình để chiến đấu với thiên nhiên và biển cả. Nhiều người tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh thân mình cho nhẹ thuyền để các đồng chí khác sống. Trên thuyền số một đã có năm đồng chí quyết tử xung phong nhảy xuống biển để bảo vệ lãnh đạo và những anh em còn lại. Sau khi 5 đồng chí nhảy xuống biển nhưng thuyền vẫn bị nước chảy vào, một số đồng chí khác tiếp tục nhảy xuống

biển (trong đó có đồng chí bí thư Đảo ủy - trực tiếp chỉ đạo lực lượng ở Bến Đầm đã anh dũng hy sinh trong đêm tối).

Cuộc vượt ngục tù Côn Đảo ngày 12/12/1952, do Đảng bộ nhà tù Côn Đảo lãnh đạo đã không thành công. Từ những tình tiết diễn ra trong quá trình tổ chức và thực hiện, chúng ta có thể thấy nguyên nhân thất bại là do cả yếu tố khách quan và chủ quan: khi bắt đầu vượt biển thì không có gió làm cho thuyền không thể đi theo dự định. Nguyên nhân chủ quan là do đưa ra kế hoạch quá táo bạo và sự chuẩn bị và tính toán chưa lường hết khó khăn, nhất là khi nhóm tù làm đường ở Đầu Mom không hoàn thành mục tiêu đề ra, làm cuộc vượt ngục phải thay đổi phương án. Cuộc vượt ngục tù Côn Đảo đầy gian khổ, khó khăn chắc chắn khó có bút giấy nào mô tả hết chỉ có những người đã trải qua, chứng kiến mới cảm nhận hết được. Nhưng, với những gì hiểu biết được về sự kiện này chúng ta đều biết ơn và tự hào về ý chí, niềm tin thắng lợi và sức mạnh phi thường của những chiến sĩ Cộng sản Việt Nam đã từng bị giam cầm trong *địa ngục trần gian* - nhà tù Côn Đảo.

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO VÀ CUỘC VƯỢT NGỤC NGÀY 12/12/1952

*Lê Văn Thành**

Với lịch sử tồn tại 113 năm (1862 - 1975), nhà tù Côn Đảo thực sự là “địa ngục trần gian”, là nhà tù lớn nhất, dã man nhất, lâu năm nhất trong hệ thống nhà tù dưới chế độ thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; nơi phơi bày đầy đủ bản chất tàn bạo của những kẻ đi xâm lược đối với các thế hệ tù nhân yêu nước của dân tộc Việt Nam. Song nơi đây đã ghi lại dấu ấn ngời sáng về phẩm chất và nghị lực phi thường của con người Việt Nam với cuộc đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ chính nghĩa qua các giai đoạn lịch sử. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được điểm qua lịch sử hình thành nhà tù và cuộc vượt ngục được xem là lớn nhất trong lịch sử tồn tại nhà tù của gần 200 tù nhân Côn Đảo vào ngày 12/12/1952.

1. Côn Đảo (hay còn gọi Côn Lôn) - là một quần đảo phía nam của nước ta. Theo những di tích khảo cổ học đã được phát hiện cho thấy vào giai đoạn hậu kỳ thời đá mới, cách ngày nay

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

khoảng 4.000 - 5.000 năm, lớp cư dân đầu tiên đã có mặt ở Côn Đảo. Họ đã biết làm nông nghiệp bằng cuộc kết hợp với thu lượm hải sản, săn bắt; sau đó họ cũng đã biết đến nghề luyện đồng và sắt, đã dùng kim loại trong đời sống hàng ngày. Những phát hiện như tiền cổ, đồ trang sức bằng kim loại quý đã chứng tỏ về một quá trình phát triển ít nhiều liên tục đã diễn ra ở đây trong các giai đoạn lịch sử.

Với vị trí thuận lợi “nguy nga trấn giữa biển Đông”, trên đường giao thông Đông - Tây, Côn Đảo được người phương Tây biết đến từ rất sớm. Năm 1294, đoàn thuyền gồm 14 chiếc của nhà du hành người Ý, Marco Polo trên đường từ Trung Hoa về nước bị cơn bão nhấn chìm 8 chiếc, số còn lại dạt vào trú ẩn tại Côn Đảo. Trong thế kỷ XV, XVI đã có nhiều nhà du hành châu Âu ghé qua Côn Đảo. Đến những năm cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII các nhà tư bản Anh, Pháp bắt đầu nhòm ngó đến các nước phương Đông. Nhiều lần các công ty Đông - Ấn của Anh, Pháp đã cho người tới Côn Đảo điều tra dò xét tình hình mọi mặt với âm mưu xâm lược.

Trong khi đó, cùng với Hoàng Sa, Trường Sa, thì Côn Đảo cũng được các chúa Nguyễn trong quá trình lập nghiệp ở Đàng Trong quan tâm rất sớm đến việc thực thi chủ quyền ở những quần đảo, hòn đảo này. Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725), việc tuần tiễu, khai thác hải sản ở các quần đảo được tiến hành một cách chu đáo, cẩn mật và thường xuyên. Côn Đảo thời đó do đội Hoàng Sa kiêm quản.

Trong giai đoạn từ đầu thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX cả Đàng Ngoài và Đàng Trong đều rơi vào tình trạng khủng

hoàng sâu sắc, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở khắp đất nước. Trước sự lớn mạnh của đội quân Tây Sơn, buộc nhà Nguyễn phải chọn con đường cầu viện bên ngoài, đây thực sự là mầm mống để thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta. Đến khi vua Quang Trung mất, Nguyễn Ánh đánh bại nhà Tây Sơn và lên ngôi hoàng đế, đóng đô ở Phú Xuân (Huế). Trước sự suy đồi của triều đình Huế (nửa cuối thế kỷ XIX), thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị cho âm mưu xâm chiếm nước ta.

Tháng 7 năm 1857, sau nhiều lần khiêu khích, gây hấn dưới chiêu bài phản đối chính sách bế quan toả cảng và chính sách cấm đạo, Pháp quyết định xâm lược Việt Nam, bảo đảm sự có mặt của Pháp ở Viễn Đông. Ngày 1/9/1858 Pháp tấn công Đà Nẵng, chiếm đóng bán đảo Sơn Trà, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Từ tháng 2 năm 1859 đến đầu năm 1861, Pháp đã đánh chiếm nhiều nơi. Tháng 4 năm 1861, Pháp đánh chiếm Định Tường. Chính trong thời gian này, Pháp khẩn cấp đặt vấn đề chiếm Côn Đảo, vì sợ Anh nhảy vào hốt tay trên vị trí chiến lược quan trọng này. Vì vậy, ngày 28/11/1861, chúng cho *Thông báo hạm Nooclagaray* chở quân đổ bộ lên Vũng Đầm rồi ra *Tuyên bố* đã hoàn thành việc chiếm lĩnh toàn bộ Côn Đảo.

Sau khi chiếm Côn Đảo, Bonard - Tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp tại Việt Nam đã ra phái ngay thông báo hạm Monge ra đảo để làm công tác an dân và điều tra tình hình mọi mặt. Thái độ của triều đình là quy thuận và hợp tác với Pháp. Ngày 14 tháng 1 năm 1862 chiếc tàu chở hàng Nièvre chở một số nhân viên ra đảo thay thế cho thông báo hạm Monge. Họ có

nhiệm vụ chuẩn bị cho âm mưu biến quần đảo này thành “địa ngục trần gian” ở Đông Dương thông qua việc chọn địa điểm đặt ngọn hải đăng và tìm mặt bằng để có thể xây dựng nhà tù có sức chứa khoảng 200 tù nhân lưu đầy, mà trước hết chuẩn bị để đón nhận 50 tù nhân sắp gửi ra.

Dưới con mắt của người Pháp, Côn Đảo là một nơi lý tưởng, có khả năng đáp ứng tốt nhất những yêu cầu đối với một nhà tù. Côn Đảo là một quần đảo hoang vắng, xung quanh bốn bề mênh mông nước, cách xa đất liền gần trăm hải lý, không có phương tiện, người ngục tù khó bề trốn thoát. Người ở bên ngoài cũng không có cách nào cứu thoát người tù. Và lại, nơi đây cách xa đất liền, cho nên có thể thi hành các biện pháp đàn áp dã man, tàn bạo nhất, người ngục tù có đấu tranh mạnh mẽ tới đâu đi nữa cũng không thể gây ảnh hưởng gì.

Nhận rõ vị trí đặc biệt quan trọng của Côn Đảo, chỉ một thời gian ngắn sau khi chiếm Côn Đảo, ngày 1/2/1862, Bonard ký quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo, từ đây Côn Đảo trở “thành thời điểm mở đầu trang sử lao tù dưới chế độ thực dân tại quần đảo này”⁽¹⁾. Tù nhân giam ở đây là những người được thực dân Pháp liệt vào “phần tử nguy hiểm”, trong đó chia ra hai loại: loại thứ nhất: “Tù nhân phạm tội nổi loạn, làm phản và các trọng tội”, loại thứ hai: “Tù nhân chiến tranh”. Cả hai loại trên được giam giữ tách rời nhau và được canh phòng cẩn

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.25.

mật. Tháng 3 năm 1862. Bonard tiếp tục bổ sung một số điều khoản liên quan đến việc sử dụng, đai ngọ đảm quan lại và ngục tốt cũ của triều đình Huế, lập một đại đội lính bản xứ để canh gác tù, đồng thời cử Rútxen làm quản đốc đầu tiên của nhà tù, cho thuyền chiến Écho chở 50 người tù đầu tiên ra đảo, trên đảo lúc đó còn có 119 người tù của triều đình Huế, có một số đơn vị ngục tốt gồm 80 người và 4 thợ lại dưới quyền điều khiển của viên hải trấn. Tất cả đóng trong một toà thành đất, xung quanh có những nhà tranh nhỏ của gia đình những người tù cựu trào. Lúc này, trên đảo những người tù cũ, cũng như đám ngục tốt trên hải đảo vẫn chưa biểu lộ thái độ chống đối gì. Nhưng cuộc khởi nghĩa của nhân dân và tù nhân Côn Đảo nổ ra ngày 28/6/1862 đã phá tan nhà tù vừa mới dựng, buộc thực dân Pháp phải làm lại từ đầu và cử viên trung uý hải quân Bido ra thay Rútxen, trong thời gian này nhà tù tiếp tục nhận 45 tù nhân khác ra giam ở đảo.

Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm xong ba tỉnh miền Tây Nam Bộ, số người bị bắt tăng lên rất nhiều, buộc Pháp phải cắt cử một trung đội lính đến gác và nâng thêm biên chế nhân viên trại giam. Tính đến tháng 7 năm 1867, ở đảo con số tù nhân đã lên tới 500 người. Nhà tù lúc này chưa có quy chế, phải áp dụng quy chế của Khám Lớn (Sài Gòn). Về tổ chức, đến giai đoạn này đã khá chặt chẽ với bộ máy gồm 11 người Âu, một số giám thị người Việt và một trung đội lính thủy đánh bộ. Nhà tù được đặt dưới quyền quản lý của Giám đốc Nội chính thuộc Soái phủ Nam Kỳ.

Đến đầu 1873, Thống đốc Nam Kỳ Dupré ban bố quy chế riêng cho nhà tù Côn Đảo gồm 43 điều, xác định trách nhiệm

của các nhân viên quản lý nhà tù, lương bổng, y phục cho mỗi loại, quy định chế độ khổ sai và các biện pháp xử phạt người tù. Về thực chất vẫn là sự sao chép quy chế Khám Lớn, tuy có châm chước ít nhiều. Bản quy chế này được áp dụng trong vòng 16 năm liền.

Sau cuộc nổi dậy quy mô lớn của tù nhân xây dựng Hải Đăng Côn Đảo vào ngày 27/8/1882 thực dân Pháp lại đặt vấn đề siết chặt kỷ luật đối với tù nhân, loại trừ những điều còn sơ hở trong việc điều hành nhà tù. Đến năm 1889, một bản quy chế thứ 2 được ban bố đã có tới 12 chương, 122 điều, bộ máy cai trị tù lên tới 87 người không kể quân số một đại đội thuộc Binh đoàn thuộc địa số 11 làm nhiệm vụ canh gác.

Đến năm 1916, bản quy chế hoàn chỉnh nhà tù được ban bố. Rút kinh nghiệm việc thi hành những bản quy chế trước, bản quy chế này đã tạo ra được cơ sở pháp lý ổn định, vững chắc để điều hành nhà tù. Tù nhân được phân loại, thủ đoạn bóc lột lao động người tù tinh vi, chặt chẽ hơn. Chế độ giam cầm, thủ đoạn đàn áp tù nhân nghiệt ngã hơn. Bản quy chế này được áp dụng trong suốt từ đó đến năm 1945 không thấy có gì thay đổi nhiều trong quy chế nhà tù Côn Đảo nữa. Kể cả sau này thực dân Pháp đánh chiếm nước ta lần thứ hai, trong thời gian đầu, chúng vẫn thực hiện chế độ nhà tù ở Côn Đảo và áp dụng bản quy chế năm 1916. Dưới quyền giám đốc là giám thị trưởng, kế đó là sếp banh và các chủ sở rồi đến tiếp thị Pháp Việt. Bên cạnh đó còn có bộ máy hành chính phục vụ nhà tù bao gồm: kho bạc, nhà thương, nhà đèn, Sở Dây thép, Sở Cò (chiến binh)... Về chế độ khổ sai, chế độ kỷ luật nhà tù và sự tàn bạo của gác ngục Pháp nhìn chung không có gì thay đổi

Trong suốt quá trình xâm chiếm Côn Đảo lần thứ hai đến 1954, hệ thống nhà tù luôn luôn được nâng cấp và ngày càng hoàn thiện, chế độ khổ sai và những thủ đoạn mới của nhà tù ngày càng thêm hà khắc. Sau này dưới chế độ của Mỹ - ngụy, nhà tù Côn Đảo tiếp tục được Mỹ - ngụy thực hiện với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, khủng bố với mức độ tàn bạo vượt xa thực dân Pháp.

Về hệ thống các cơ sở giam giữ tù nhân ở Côn Đảo được xây dựng dần dần từ 1862 - 1975 bao gồm những trại giam (các banh, các lao) những cơ sở chuyên môn, gọi tắt là các sở tù. Các trại giam chính ở nhà tù gồm: Banh I duy trì trong một thời gian khá dài. Banh II ngay cạnh banh I, gần nhà thương được xây dựng từ năm 1917 do thợ ở Sở Tràng Tiền đưa ra xây. Banh II là nơi cấm cố tù chính trị. Banh III được khởi công xây dựng từ năm 1928, lúc đầu là nơi tạm giam tù nhân mới ở đất liền đưa ra Côn Đảo, về sau banh này được dùng để giam những người tù chính trị được liệt vào hạng “nguy hiểm” và “bất trị” vì can tội âm mưu phá rối trị an. Năm 1941 chúng cho xây dựng banh III một banh phụ để chứa tù bị bắt trong cuộc khủng bố trắng sau Chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, nhất là sau Nam Kỳ khởi nghĩa. Trong các banh, chúng cho xây dựng các khám (phòng giam - nơi nhốt tù nhân), mặc dù rộng hẹp khác nhau, các khám giam đều được xây dựng theo cùng một quy cách. Ngoài ra còn có các chuồng cọp, hầm xay lúa, các banh phụ và các sở tù. Hệ thống này được duy trì hết trong quá trình thực dân Pháp xâm lược nước ta.

Sau khi thực dân Pháp rút đi, Mỹ - ngụy tiếp quản nhà tù. Năm 1960, ngụy quyền đặt lại tên lại các lao như lao I là trại

Cộng Hòa, lao II là trại Vị Nhân, lao III (có một lao chính, một lao phụ và 2 dãy nhà biệt lập) và lao IV (lao III chính được sửa chữa và đưa vào sử dụng vào tháng 7/1959) là trại Bác Ái và chi nhánh trại Bác Ái. Sau khi Ngô Đình Diệm sụp đổ các trại lại mang tên theo số hiệu: Trại I, II, III, IV. Trại V được xây dựng năm 1962, đến những năm 1968 - 1971 chúng cho xây dựng các trại VI, VII và trại VIII. Trại IX và trại X đã được đổ móng, đúc cột, xây vài bức tường rồi bỏ dở sau Hiệp định Paris năm 1973. Ngoài các trại giam chính, Mỹ - ngụy cho xây dựng kiên cố nhiều trại giam phụ, các sở tù... Như vậy, ngay từ khi thành lập năm 1862 đến 1975, trong quá trình tồn tại, nhà tù Côn Đảo được thực dân Pháp và đế quốc Mỹ - ngụy thực hiện rất triệt để, giam giữ và thi hành nhiều biện pháp tàn ác, hòng khủng bố tinh thần cách mạng của nhân dân ta. Nhưng những đòn hiểm của thực dân, đế quốc đã không phục vụ chúng mà lại phục vụ cách mạng. Côn Đảo đã được những người tù nhân kháng chiến biến thành chiến trường và trường học cách mạng, đã thực sự là một vườn ươm của cách mạng Việt Nam.

2. Nhà tù Côn Đảo nơi diễn ra nhiều cuộc đấu tranh kiên trung, nơi chứng kiến nhiều cuộc vượt ngục với tinh thần “lấy sức ta mà giải phóng cho ta” của biết bao thế hệ tù nhân, những chiến sĩ kiên trung của Đảng, của cách mạng đã viết lên những trang sử hào hùng của một dân tộc “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Tư tưởng đó là kim chỉ nam xuyên suốt, dẫn dắt các thế hệ tù nhân trên con đường đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì cuộc sống ấm no của cả dân tộc. Những cuộc đấu tranh, những cuộc vượt ngục của anh em tù nhân là một đòn tấn công mạnh mẽ vào hệ

thống cai trị của các thế lực xâm lược Pháp - Mỹ. Tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất ấy là cuộc vượt ngục Côn Đảo ngày 12/12/1952, được xem như “là một dấu ấn của một trong những cuộc vượt ngục lớn nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo”⁽¹⁾, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống nhà tù trên cả nước nói chung, nhà tù Côn Đảo nói riêng và tác động sâu sắc đến dư luận xã hội, buộc thực dân Pháp phải có những điều chỉnh trong chính sách nhà tù lỗi thời và vô nhân đạo.

Ngược dòng lịch sử, vào thời điểm đầu năm 1952, khi cuộc kháng chiến của nhân dân ta đang từng bước giành được những thắng lợi quan trọng, giữ vững thế tiến công chiến lược trên chiến trường, từng bước đẩy cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân Pháp ngày càng lún sâu vào thế bị động đối phó trên tất cả các chiến trường, đặc biệt là chiến trường chính Bắc Bộ. Nhằm cố gắng xoay chuyển tình thế, thực dân Pháp đã thi hành nhiều biện pháp như đàn áp, khủng bố dã man, tăng cường càn quét, vây bắt với mục đích “bắt nhảm còn hơn bỏ sót” tất cả những người mà thực dân Pháp cho rằng “rất nguy hiểm đối với chúng” để khủng bố tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Thời kỳ này các nhà tù trên khắp cả nước được thực dân Pháp đem giam rất nhiều cán bộ, chiến sĩ, và cả những người dân vô tội nhằm khủng bố tinh thần cách mạng của nhân dân ta. Theo đó, tại nhà tù Côn Đảo chúng đã thi hành nhiều nhất các vụ tử hình. Trong năm 1952, thực dân

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Lịch sử Đảng. *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội. 2010, tr.315.

Pháp đã xử 35 người, chiếm 56,4% tổng số người bị tử hình trong 9 năm kháng chiến tại Côn Đảo⁽¹⁾. Cùng với đó, chúng cũng đưa rất nhiều người từ các nhà tù ở đất liền ra Côn Đảo, như tháng 2 năm 1952 chúng đưa ra 65 tù nhân khổ sai có án 20 năm từ Hỏa Lò vào khám Chí Hòa và sau đó đưa ra Côn Đảo. Đến tháng 7 năm 1952, chúng tiếp tục đưa 135 người từ Bắc Bộ ra Côn Đảo. Tiếp đến tháng 10 năm 1952 chúng tiếp tục đưa 100 tù binh ở Bắc Bộ cùng với 35 tù binh ở Đà Nẵng ra Côn Đảo. Đến tháng 12/1952, theo báo cáo của giám đốc Côn Đảo, thì nhà tù có khoảng 2.287 tù nhân gồm 1.739 tù án và 548 tù binh⁽²⁾.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ nhà tù Côn Đảo lần thứ ba, công tác tổ chức lãnh đạo đấu tranh trong nhà tù giữa Đảo uỷ và Liên đoàn Tù nhân kháng chiến Côn Đảo tiếp tục được đẩy mạnh. Thông qua đại diện các khám tù, anh em tù nhân tiếp tục cuộc đấu tranh chống lại chế độ nhà tù dã man, ngược đãi của bọn ngục đảo. Và đặc biệt hơn, Đảng uỷ nhà tù đã xác định nhiệm vụ trung tâm là việc giải thoát anh em tù nhân khỏi chế độ khắc nghiệt đau khổ của nhà tù. Tư tưởng vượt ngục là điều thường trực trong mỗi người tù kháng chiến và phương án bạo động giải thoát luôn luôn là mục tiêu số một trong mỗi người tù nhân.

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng. *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội. 2010. tr.306.

(2) *Những chiến sĩ cách mạng vượt ngục tù Côn Đảo*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2012. tr. 156.

Đoàn tù binh ở cảng Đoạn Xá (Hải Phòng) đã có phương án đục tường, vượt rào nhưng chưa thực hiện được. Khi bị đẩy ra Côn Đảo, anh em lại định tổ chức lực lượng cướp luôn tàu địch nhưng việc không thành. Đến Côn Đảo, đi làm khổ sai một thời gian, họ đã tính đến một phương án võ trang giải thoát. Đảng uỷ nhà tù đã giao cho khối tù án tổng kết những kinh nghiệm vượt đảo, kể cả thành công và thất bại, các loại phương tiện vượt ngục mà tù nhân đã sử dụng.

Phương án võ trang giải thoát đã đặt ra sau khi nghiên cứu tất cả các phương tiện vượt ngục, các loại vật liệu có trên đảo, từ vật mây trên rừng đến tấm ván trên vách nhà xưởng, tính toán việc bố trí lực lượng và dự kiến khả năng thời cơ. Nếu thời cơ hoàn toàn thuận lợi, có thể võ trang cướp đảo, tổ chức vượt ngục bằng tất cả các phương tiện như thuyền nan, thuyền ván, thuyền khung mây bọc vải, sà-lan, ca-nô, tàu chiến địch. Trong điều kiện hạn chế hơn, có thể giải thoát từng bộ phận lớn hay bộ phận nhỏ mà khả năng cho phép.

Tháng 5 năm 1952, giám đốc nhà tù Giăcty cho một lực lượng tù binh lao động khổ sai để nâng cấp hệ thống giao thông trên đảo từ Sở Đá đến mũi Cá Mập và ra Bến Đầm. Bộ phận này chia thành 2 kíp, mỗi kíp gồm 100 người. Việc bọn cai ngục đưa 200 tù binh ra khỏi trại giam đi làm đường đã mở ra cơ hội lớn cho phương án giải thoát tù nhân. Đảo uỷ lãnh đạo khối tù binh đã nhanh chóng thảo luận và khẳng định thời cơ cho một cuộc vượt ngục trên quy mô toàn đảo đã xuất hiện. Xuất phát từ tình hình của nhà tù, Đảng uỷ nhà tù nhanh chóng thống nhất phác thảo ra một phương án vũ trang bạo động chiếm đảo, giải phóng toàn bộ tù nhân. Cụ thể là:

- Kíp làm đường ở Bến Đầm là lực lượng chủ công, có nhiệm vụ bí mật làm thuyền bè và cất giữ. Khi có mệnh lệnh thì chớp nhoáng thời cơ bắt sống toàn bộ binh lính tại chỗ, không nổ súng để giữ bí mật, phối hợp với lực lượng rải đá khi khởi sự. Sau đó, sẽ đưa toàn bộ phương tiện đã chuẩn bị sẵn sàng hạ thủy.

- Kíp rải đá ở mũi Cá Mập có nhiệm vụ phối hợp với kíp ở Bến Đầm bắt sống bọn lính. Sau đó, hai kíp sẽ cải trang lên ô tô về trung tâm đảo phối hợp với tù án đánh chiếm dinh chúa đảo, trại lính và đài vô tuyến điện và chiếm các loại phương tiện vận chuyển. Các đơn vị còn lại có nhiệm vụ tiêu diệt, khống chế bọn cai ngục, binh lính tại chỗ và chi viện cho các mũi tiến công khác nếu gặp khó khăn. Đồng thời đưa ra phương án, nếu không giải phóng được toàn đảo, thì chỉ giải thoát từng bộ phận.

Một quá trình chuẩn bị đã được tiến hành mạnh mẽ trong các khám tù. Tranh thủ thời gian, dưới mọi hình thức có thể, mỗi người một nhiệm vụ, tù nhân toàn đảo tích cực làm công tác chuẩn bị. Hai kíp tù binh ở Bến Đầm và mũi Cá Mập đã làm thuyền, giữ bí mật những con thuyền vượt biển. Các khám tù nhân ra sức rèn luyện sức khỏe, tập bơi, tập võ, đấu vật.

Ngày 12/12/1952, vào lúc 11 giờ tại Bến Đầm, đồng chí Phan Du, chỉ huy cuộc nổi dậy ở Bến Đầm đã vung chiếc khăn lệnh màu trắng cùng tiếng hét xung phong vang dội phát lệnh tiến công. 28 tổ xung kích của đại đội Quyết Thắng áp sát và trói gọn 28 lính da đen trước sự bất ngờ và ngỡ ngàng của chúng, thu toàn bộ vũ khí.

Ở kíp đầu mom Cá Mập, do một số tổ xung kích không bám sát địch nên đã xảy ra vật lộn và nổ súng, ta chết 1, địch chết 2. một tên chạy thoát vào rừng, chỉ bắt được 2 tên, 2 tên nữa lăn xuống vực chết. Trận đánh diễn ra không đúng như kế hoạch đề ra. Đồng chí Bí thư Đảo uỷ Lê Văn Hiến đã thảo luận cấp tốc tình hình và đưa ra quyết định chỉ đạo cuộc vượt ngục: không đánh về đảo, mà thực hiện theo phương án chỉ giải thoát bộ phận nổi dậy tại Bến Đầm và mũi Cá Mập gồm 200 tù binh. Đồng thời quyết định để lại một bộ phận cảnh giới tại mũi Cá Mập, còn tất cả tù binh tập trung về Bến Đầm, bung hãm bí mật, đưa thuyền lên lắp ráp. Đến 16 giờ chiều đã làm xong 5 chiếc thuyền lớn với đầy đủ buồm, chèo, lương thực và nước ngọt. Mỗi thuyền còn được cột thêm 2 bó nứa hai bên để sóng to khỏi lật. Mọi người và thuyền cho lên ô tô ra Bến Đầm để hạ thủy.

Trong khi đó, các đội xung kích tại trung tâm nhà tù Côn Đảo cứ nóng lòng chờ đợi để phối hợp hành động giải phóng toàn đảo. Bọn địch ở đảo vẫn không hay biết gì. Đến 17 giờ không thấy chiếc xe chở kíp làm đường về như mọi khi, chúa ngục mới cho lính lên tìm, thì mới biết đoàn tù binh đã lên thuyền ra khơi.

Lúc này, lực lượng nổi dậy ở Bến Đầm đang dong thuyền về đất liền. Nhưng một bất ngờ xảy ra, gió chướng (gió mùa đông - đông bắc) đột nhiên yếu dần, lặng xuống rồi đổi hướng. Đoàn thuyền chạt vạt suốt đêm mà chưa qua được lớp sóng đất. Hai thuyền quá tải bị vỡ cách bờ không xa, một số người

bơi được vào đảo, một số người hy sinh trên biển. Ba thuyền⁽¹⁾ đi được đến mờ sáng thì khung mây ngấm nước rã ra, nước vào lưng thuyền. Nhiều người tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh để giảm tải cho thuyền.

Tại Côn Đảo gần tối ngày 12/12/1952, giám đốc đảo Giăcty được cấp báo tù nhân vượt ngục đã hạ lệnh báo động toàn đảo. Bọn giám thị đi khoá chặt tất cả các trại giam, đưa tất cả số tù nhân lao động ở các sở tù, các gia đình quan chức, tư gia vào nhốt hết trong phòng giam. Bọn lính thì được gia tăng, mang theo vũ khí chặn con đường từ Bến Đầm về trung tâm thị trấn Côn Đảo.

Đến sáng hôm sau, theo lệnh của Giăcty máy bay và tàu chiến Pháp truy đuổi bắt lại tất cả những người có trên 3 chiếc thuyền còn lại. Số người trên 2 thuyền bị chìm dạt vào đảo cũng bị bắt lại sau đó 2 ngày. Theo báo cáo số 2270-P ngày 5 tháng 1 năm 1953 của giám đốc nhà tù thì có 198 người vượt đảo chuyển ấy, trong đó có 4 tù án (2 lái ô tô và 2 máy lu). Con số bị bắt lại cho đến ngày 5/1/1953 là 117 người, số còn lại có lẽ bị chết đuối cả (81 người)⁽²⁾. Một trận đánh đập tra tấn dã man và khốc liệt đã diễn ra ngay khi những người bị bắt lại từ dưới biển lên boong tàu nhằm tìm ra người cầm đầu cuộc vượt ngục. Bọn chúng đã bỏ đói, cắt khẩu phần ăn, đánh đập liên

(1) Có tài liệu cho biết là trong số 3 thuyền đó thì một thuyền bị mất tích. 2 thuyền còn lại tiếp tục vượt biển khơi.

(2) Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Thành, *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.367.

tục, nhưng không thu được gì ngoài câu trả lời: cuộc sống tù đầy mất tự do và quá khổ nhục thì rủ nhau vượt ngục. Vì vậy, bọn cai ngục không sao biết được toàn bộ kế hoạch vượt ngục của tù nhân Côn Đảo. Sau hơn hai tháng khủng bố, bọn thực dân Pháp đã cho đưa tất cả những người bị bắt về nhà tù Chí Hoà - Sài Gòn, để thực hiện âm mưu “đưa ra xét xử tại toà án binh, chuyển từ án binh sang tù án phá rối an ninh quốc gia”. Vụ án đã gây chấn động dư luận Sài Gòn. Dưới sự chỉ đạo của Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn đã cử đại diện đến nhờ luật sư Nguyễn Hữu Thọ (lúc đó mở phòng luật sư tư tại Sài Gòn) để bào chữa cho vụ án.

Toà án binh của thực dân Pháp tại Sài Gòn đã không thể khép vụ nổi dậy của tù binh ở Bến Đầm Côn Đảo vào tội danh gì để truất quyền tù binh của họ. Cuối cùng các tù binh này được xử trắng án và tất cả anh em được trao trả khi Hiệp định Giơnevơ ký kết.

Cuộc vượt ngục ở Bến Đầm Côn Đảo ngày 12/12/1952, tuy không thành công trong việc giải thoát, tù nhân phải chịu nhiều tổn thất, nhưng nó mang một tầm vóc, ý nghĩa to lớn. Là một cuộc biểu dương tinh thần chiến đấu và ý chí tự giải phóng của những người tù nhân kháng chiến, là một cách chia lửa với cả nước trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù. Đó thực sự là một đòn tiến công mạnh mẽ vào tận sào huyệt của kẻ thù, làm rung chuyển và rối loạn nền thống trị của chúng, buộc thực dân Pháp phải thay đổi chính sách nhà tù lỗi thời, vô nhân đạo không những ở Côn Đảo mà trong cả hệ thống nhà tù thực dân trên cả nước.

113 năm tồn tại dưới chế độ thực dân, đế quốc, nhà tù Côn Đảo thực sự là “địa ngục trần gian”, giam giữ và đàn áp khốc liệt nhất, nơi phơi bày đầy đủ bản chất dã man, vô nhân đạo của kẻ thù xâm lược. Cũng từ nơi đây đã chứng kiến biết bao cuộc đấu tranh, những cuộc vượt ngục, dù thành công hay thất bại, nhưng đã nói lên tinh thần, ý chí và cả lòng quả cảm của những người tù, trong đó cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 điển hình cho tinh thần đấu tranh bất khuất của những người tù kháng chiến, mãi ghi vào trang sử đấu tranh hào hùng, vẻ vang của dân tộc ta trong các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.

TÂM VÓC CỦA CUỘC VŨ TRANG VƯỢT NGỤC NGÀY 12/12/1952

*TS. Lê Hữu Phước
Nguyễn Thị Nga**

Hầu hết các báo cáo thường kỳ 15 ngày/lần (rapport de quinzaine) của các quản đốc nhà tù Côn Đảo trước năm 1930 đều đề cập đến việc vượt ngục của tù nhân⁽¹⁾, với những đặc điểm chung:

- Tù nhân thường vượt ngục thành từng nhóm nhỏ, mỗi nhóm khoảng 3 - 5 người. Phương tiện vượt biển là những chiếc bè thô sơ, được kết đóng bí mật và nguy trang chu đáo. Loại gỗ lý tưởng thường được chọn đóng bè là cây búng (vì thân cây này thẳng, cao, lại nhẹ). Mỗi chiếc bè gồm các thân cây buộc chặt vào nhau bằng dây dù hoặc vải áo khoác, chiếu hay mền được dùng làm buồm. Một số chiếc bè còn được quét hắc ín kỹ lưỡng. Nhưng thường thì tù nhân không đủ điều kiện

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.

(1) Hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, ký hiệu IA2/037(16), IA2/037(18), IA2/041(2), IA2/041(3), IA2/041(7) v.v...

để chuẩn bị tốt phương tiện vượt biển. Họ chỉ có thể tạo được một chiếc bè đơn giản, mỏng manh; thậm chí có người liều lĩnh chỉ dùng một vài thân cây chuối hay một cánh cửa để làm thuyền vượt ngục.

- Khoảng thời gian thuận lợi thường được tù nhân chọn để vượt ngục là từ tháng 10 đến tháng 4 dương lịch. Đây là lúc có gió mùa đông bắc, có thể đưa bè dạt xuống phía nam, hướng mũi Cà Mau hay vịnh Thái Lan. Thời điểm gần tết Nguyên đán, số lượng các cuộc vượt ngục tăng vọt.

- Để ngăn chặn tù nhân vượt ngục, bộ máy cai trị nhà tù cho thành lập “đội săn người” gồm khoảng 20 tù chung thân người Cao Miên hung hãn, do một giám thị Pháp chỉ huy. Bên cạnh đó là lực lượng chuyên theo dõi, lùng sục thường xuyên ngay trên bãi biển để phát hiện các dấu vết khả nghi (thân cây bị đốn, dấu chân người...). Không ít tù nhân bị lực lượng này phát hiện ngay khi mới bắt đầu công việc chuẩn bị.

- Điềm lại tất cả những cuộc vượt ngục diễn ra ở nhà tù Côn Đảo (theo các báo cáo thường kỳ đã dẫn), có thể thấy rõ tỷ lệ thành công rất ít ỏi. Chỉ trong vòng 24 giờ, hầu hết tù nhân đã bị bắt lại, hoặc sau đó vì đói khát và nguy hiểm, tù vượt ngục cũng đành phải quay về trại giam, chấp nhận những hình phạt nặng nề chờ đón. Thực trạng này được Huỳnh Thúc Kháng ghi lại trong *Thi tù tùng thoại*: “Mỗi năm mùa gió, tù trốn một số khá nhiều, song vào rừng không gì ăn lại ra thú, hoặc chưa kịp làm bè đã bị bắt, hoặc tản mát nhau... Có đi được ra biển cũng có người hết đồ ăn, đói chết hoặc sóng gió. Có người về trong đất rồi lại bị bắt giải trở ra đảo. Lúc đầu trốn

bị bắt lại chỉ phạt xà lim, về sau tội trốn bị kêu thêm án. Ở xà lim sau khi trốn ra, bị cạo một nửa đầu tóc để phân biệt”(1).

Dưới đây là một số cuộc vượt ngục tiêu biểu của tù nhân Côn Đảo trong mấy thập niên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (cả thành công lẫn thất bại):

- Năm 1864 (hai năm sau khi nhà tù Côn Đảo hình thành), một nhóm tù nhân dự định đầu độc các thủy thủ Pháp trên chiếc tàu Donai (đang tạm dừng tại Côn Đảo trên hải trình đi Bangkok) để cướp tàu vượt ngục. Nhưng do bộ máy cai quản nhà tù được mật báo về kế hoạch đầu độc, nên đã lập tức cho bắt giam viên y sĩ phụ tá người Việt và 4 tù nhân khổ sai. Ngay trong đêm đầu tiên bị giam cầm, cả 5 người đều tự cắt cổ hoặc nuốt mảnh chai vào bụng tự sát(2).

- Ngày 27/8/1883, cuộc nổi dậy của 150 tù nhân ở hòn Bảy Cạnh đã hạ sát giám thị Cabillic và viên chức Dulong, sau đó cướp hai chiếc xuồng và ca-nô vượt ngục. 7 giờ sáng cùng ngày, “60 tù nhân đã thu xếp xong chỗ ngồi trên xuồng và ca-nô, mang theo 15 khẩu súng mousqueton, 3 khẩu súng lục, 2 khẩu súng săn và một két thuốc nổ mìn của Sở Lục lộ”. Bộ máy cai trị nhà tù cho lực lượng truy đuổi, nhưng vô vọng. 5 giờ chiều, chiếc sà-lúp lừng bắt tù nhân buộc phải “trở về Bảy Cạnh sau khi đã chạy 15 dặm về phía hòn Đá Bạc, mà không

(1) Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù từng thời*, Nxb. Nam Cường. Sài Gòn. 1951, tr.161.

(2) J.C. Demariaux, *Les secrets de Iles de Poulo Condore (le grand bagne indochinois)*, J. Pyronnet et Cie. Paris. 1956, tr.199.

phát hiện được cánh buồm nào ở chân trời"⁽¹⁾. Mặc dù 50 ngày sau đó, hầu hết tù nhân đều bị bắt lại ở Bình Thuận, nhưng đây vẫn là một trong những cuộc vượt ngục có quy mô lớn và đã giành được thắng lợi trong mục tiêu cướp tàu vượt biển về đất liền.

- Tháng 6/1890, hơn 400 tù nhân quê Bắc Kỳ dưới sự lãnh đạo của Lã Xuân Oai, Nguyễn Quý... chuẩn bị kế hoạch nổi dậy, chiếm hai chiếc tàu Neimam và J.B. Say (ghé Côn Đảo giao nhận công văn, thư từ, thực phẩm, hàng hoá theo định kỳ) để vượt ngục. 2 giờ chiều 19/6/1890, khi được đưa ra khỏi trại giam xếp hàng chuẩn bị đi lao dịch (cắt cỏ tranh), khoảng 70 tù nhân dùng cuốc, xẻng, gậy tre... đồng loạt tấn công bọn giám thị và lính tập. Sau vài phút bị bất ngờ, với ưu thế về binh lực và vũ khí, quân Pháp đã nhanh chóng làm chủ tình hình. Lực lượng nổi dậy bị trấn áp, nhưng thừa lúc lộn xộn, hơn 400 tù nhân có mặt tại đây đều bỏ chạy. Ổn định xong tình hình trong khu vực trại giam, quản đốc nhà tù René lập tức tổ chức các toán lính truy lùng khắp các hướng. Tới 4 giờ chiều cùng ngày, chỉ còn 75 tù nhân chưa bị bắt lại. Đến ngày 3/7/1890, theo báo cáo của René, vẫn còn 18 tù nhân trốn thoát (hoặc đã chết trong rừng)⁽²⁾.

(1) Theo báo cáo của quản đốc nhà tù Côn Đảo Bocquet. Hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, ký hiệu IA2/041(3).

(2) Báo cáo mật của quản đốc nhà tù René gửi Phó Thống đốc Nam Kỳ ngày 26/6/1890. Hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, ký hiệu IA2/041(2).

- Ngày 25/7/1904. 75 tù nhân được đưa sang Cỏ Ống lấy sọt dừa đồng loạt nổi dậy trên đường quay về trại giam, diệt các giám thị và mã tà, rồi cướp sà-lúp vượt biển. Không thấy tài liệu nào đề cập đến tung tích của 75 tù nhân sau cuộc vượt ngục, ngoài phỏng đoán của tác giả J.C. Demariaux: “Chiếc sà-lúp đã bị chìm đắm trong một cơn bão rồi, hay nó đã đến một vịnh nhỏ bí mật nào? Cho đến nay điều đó vẫn hoàn toàn bí ẩn”⁽¹⁾. Dù vậy, vẫn có thể kết luận cuộc bạo động vượt ngục ngày 25/7/1904 đã thành công bởi tù nhân đã đạt được mục đích của mình: hành động chuẩn xác với tính thống nhất cao, cướp được phương tiện vượt biển mà không phải chịu một tổn thất nào, bất chấp sự truy lùng của bộ máy cai trị nhà tù tàn bạo.

- Tháng 8/1917, hội Phục Việt - một tổ chức chính trị được các sĩ phu yêu nước thành lập ngay tại nhà tù Côn Đảo - cử Nguyễn Đình Kiên, Trần Hoàn và Phạm Cao Đài đóng bè vượt biển (cùng 3 tù nhân khác người Nam Kỳ), về bắt liên lạc với phong trào ở đất liền. Sau năm ngày lênh đênh trên biển, “6 anh em trên bè ai nấy đều tuyệt vọng nằm xuôi tay chân, tin chắc làm mồi cho cá mập chứ chẳng mong gì nữa”, đến ngày thứ sáu nhóm tù nhân vào được bờ biển Bình Thuận. Chuyến vượt ngục thành công, nhưng sợ đi cùng nhau sẽ nguy hiểm, ba hội viên Phục Việt chia thành hai hướng: Trần Hoàn vào Nam, Nguyễn Đình Kiên và Phạm Cao Đài ra Bắc⁽²⁾. Đối với nhóm chính trị phạm này, vượt ngục không chỉ đơn thuần là

(1) J.C. Demariaux, *sdd.* tr. 69.

(2) Huỳnh Thúc Kháng, *sdd.* tr. 217-222.

hành động trốn khỏi nhà tù để tìm tới tự do cho bản thân mình, mà chính là một khâu trong chuỗi kế hoạch đấu tranh hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc.

Từ năm 1930 trở đi, hình thức đấu tranh vượt ngục vẫn diễn ra thường xuyên ở nhà tù Côn Đảo. Theo báo cáo của thanh tra thuộc địa, từ năm 1930 đến năm 1935 đã có 3.664 tù nhân Côn Đảo vượt ngục (hơn 3.000 người bị bắt lại, chỉ có hơn 400 người thoát khỏi ngục tù). Nhưng “trong số hơn 400 tù nhân thoát được ra biển, đã có nhiều người bị chết chìm trong biển cả, chỉ có một số ít do may mắn mà về được đến đất liền”⁽¹⁾.

Sau khi chi bộ cộng sản thành lập ở nhà tù Côn Đảo (1932), vượt ngục là một trong những chủ trương đấu tranh nhất quán, được chi bộ ra sức thực hiện. Có thể kể đến các vụ vượt ngục tiêu biểu sau đây:

- Mùa gió chướng năm 1932, Lương Văn Tự cùng một số tù nhân đóng bè vượt ngục. Bè vỡ, mọi người đều hy sinh trên biển. Rút kinh nghiệm, năm sau (1933), các đảng viên cộng sản bí mật đóng thuyền trên sườn núi phía Lò Vôi. Nhưng vừa hạ thuyền ở mũi Tàu Bể ra khơi hơn 100 mét, thuyền đã bị một cơn sóng lớn đánh chìm.

(1) Dẫn theo Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Thành: *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*. Nxb. Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh, 2010, tr.137.

- Năm 1934, chi bộ tổ chức cho Ngô Gia Tự, Tô Chấn, Lê Quang Sung và một số đảng viên cốt cán khác vượt ngục. Thuyền vượt biển được chuẩn bị kỹ lưỡng, chắc chắn, nhưng những người vượt ngục đều mất tích giữa biển khơi.

- Tháng 4/1934 và tháng 4/1935, hai chuyến vượt ngục được tổ chức thành công. Chuyến tháng 4/1934 gồm Tống Văn Trân, Vũ Công Phụ, Tào Gông v.v...; đưa những người vượt ngục về tới Bến Tre. Chuyến tháng 4/1935 có Tạ Uyên, Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Hồng Thám, Trần Quang Tạng v.v... Đây là những đảng viên giữ vai trò chủ chốt trong việc khôi phục và lãnh đạo Xứ uỷ Nam Kỳ, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11/1940.

- Tháng 4/1946, thực dân Pháp tái chiếm Côn Đảo. Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, tù nhân Côn Đảo đã “được mùa” vượt ngục với hàng chục cuộc liên tiếp xảy ra. Đáng kể nhất là cuộc vượt ngục của 7 tù chính trị ở Sở Bản Chế (ngày 11/2/1948 tức mùng 2 tết Mậu Tý); và nhất là cuộc bạo động vượt ngục của gần 30 chính trị phạm và thường phạm Sở Lưới (đêm 7/5/1948), được quản đốc nhà tù Brulet gọi là “tấn bi kịch thảm khốc” v.v...(1).

Đầu năm 1952, Đại hội lần thứ 3 Đảng bộ Côn Đảo được tổ chức. Một trong các chủ trương lớn được Đại hội đề ra là

(1) Xem thêm: Nguyễn Đình Thống. Nguyễn Linh. Hồ Sĩ Thành - *sdd*. tr.254-260.

xây dựng lực lượng dự bị cho kháng chiến và tổ chức giải thoát tù nhân khi có điều kiện. Theo chủ trương đó, Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo quá trình chuẩn bị và thực hiện kế hoạch vũ trang giải thoát. Nhiều phương án được đặt ra; công tác chuẩn bị được khẩn trương xúc tiến trên tất cả các mặt: thành lập các đội tự vệ xung kích, huấn luyện võ thuật, rèn vũ khí, may buồm, đào hầm, đóng thuyền, vận động giám thị và binh lính...

Ngày 12/12/1952 cuộc vũ trang vượt ngục nổ ra. Do nhiều yếu tố bất ngờ không lường được, phương án giải thoát toàn thể tù nhân phải chuyển thành phương án giải thoát bộ phận. Nhưng rồi phương án này vẫn bất thành: trong năm chiếc thuyền vượt biển, hai thuyền bị vỡ khi chưa ra xa bờ; số tù nhân vượt ngục trên ba chiếc thuyền còn lại bị máy bay, tàu chiến Pháp truy đuổi và bắt lại. Theo báo cáo của quân đốc nhà tù, tính đến ngày 5/1/1953 đã có 117 trong tổng số 198 tù nhân vượt ngục bị bắt lại, số còn lại (81 người) bị mất tích giữa biển khơi⁽¹⁾.

So với các sự kiện vượt ngục trước và sau năm 1930 liệt kê trên đây, cuộc vũ trang vượt ngục bất thành ngày 12/12/1952 ở Côn Đảo có những điểm nổi bật:

1. Phương án “vũ trang giải thoát” được hình thành là kết quả của một quá trình khảo sát, tìm hiểu khá tường tận tất cả các yếu tố liên quan (từ các phương tiện vượt ngục cũng như các loại vật liệu có thể đóng thuyền, kết bè vượt biển; cho đến tình hình canh gác, bố phòng của địch và đặc biệt là yếu tố thời

(1) Theo Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh. Hồ Sĩ Thành - *sdd*; tr. 367.

cơ). Điều đó cho thấy sự chuẩn bị chu đáo, công phu của Đảo uỷ và của lực lượng nòng cốt tổ chức vũ trang vượt ngục.

Phương án “vũ trang giải thoát” còn thể hiện tính linh hoạt và cơ động cao: căn cứ tương quan lực lượng và tình thế cụ thể, có thể tiến hành vũ trang giải thoát cho toàn thể tù nhân; hoặc giải thoát từng bộ phận (lớn hoặc nhỏ) căn cứ vào điều kiện cho phép.

2. Đảo uỷ Côn Đảo đã xác định được mục tiêu và nguyên tắc hết sức đúng đắn: mục tiêu “vũ trang giải thoát” nhằm giải phóng một lực lượng kháng chiến, không nhằm giải thoát sinh mạng cá nhân; nguyên tắc hành động là tất cả cá nhân và bộ phận phải phục tùng kế hoạch chung của toàn đảo.

Khi cuộc vượt ngục bất thành, Đảo uỷ đã nhanh chóng củng cố lực lượng, lãnh đạo thành công cuộc đấu tranh chống khủng bố và đấu tranh trước toà án thực dân, giành thắng lợi về mặt pháp lý, tranh thủ được sự ủng hộ của công luận.

3. Cuộc vũ trang vượt ngục tập hợp hàng trăm tù nhân tham gia quá trình chuẩn bị (người Kinh, người Hoa, người Lào, người Thái...); đồng thời đã vận động và tranh thủ được cả một bộ phận giám thị và viên chức nhà tù. Có thể khẳng định đây là cuộc chuẩn bị vượt ngục có quy mô lớn nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo. Đặc biệt, phẩm chất cao đẹp và ý chí kiên cường của các chiến sĩ cách mạng khi thực hiện chính sách binh địch vận của Đảo uỷ trong quá trình chuẩn bị và tiến hành vũ trang giải thoát đã tác động tích cực, có tác dụng cảm hoá mạnh mẽ lực lượng giám thị và binh lính ở nhà tù Côn Đảo.

4. Trong suốt quá trình hành động, kể từ lúc chuẩn bị đến khi khởi sự và kết thúc, có rất nhiều tấm gương hy sinh anh dũng. Nhiều tù nhân đã bị địch phát hiện, tra tấn, dày dọạ hết sức dã man vẫn giữ vững ý chí kiên cường, kiên quyết không khai báo, bảo vệ vẹn toàn tổ chức, bảo toàn tính bí mật của kế hoạch. Nhiều người tự nguyện hy sinh nhảy xuống biển cho nhẹ thuyền, nhận cái chết về mình, nhường sự sống cho đồng chí, đồng đội.

Với những đặc điểm nổi bật tạo nên tầm vóc lớn lao, cuộc vũ trang vượt ngục ngày 12/12/1952 mãi mãi là một dấu son chói ngời trong lịch sử đấu tranh của tù nhân Côn Đảo.

ĐI TÌM NHÂN CHỨNG LỊCH SỬ VƯỢT NGỤC BẾN ĐÀM - CẢM XÚC VÀ TRĂN TRỞ

*Thanh Vân**

Côn Đảo cách Vũng Tàu 97 hải lý, có vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế - quốc phòng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Không những thế, Côn Đảo còn là một khu di tích nhà tù nổi tiếng của cả nước, với 113 năm tồn tại (1862-1975), là nơi giam cầm đầy ải, là chứng tích tội ác dã man của bọn thực dân, đế quốc đã gây ra đối với đồng bào Việt Nam yêu nước.

Kể từ khi Ban quản lý di tích Côn Đảo được thành lập đến nay, do có tính đặc thù là loại hình di tích đặc biệt nên hoạt động bảo tồn di tích và hoạt động bảo tàng luôn được tiến hành đan xen, và là nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, đơn vị đã đẩy mạnh hoạt động của công tác sưu tầm, giáo dục truyền thống. Qua những hình ảnh, tài liệu hiện vật trưng bày đã cung cấp cho khách tham quan, các nhà nghiên cứu... những thông tin lịch sử “gốc”, chân thực về nhà

* Trưởng Ban Quản lý di tích Côn Đảo.

tù Côn Đảo và những hoạt động xung quanh bộ máy trị tù của thực dân và đế quốc, cùng với hệ thống các trại giam, sở lao động khổ sai... giúp cho khách tham quan hiểu đúng về giá trị thực của di tích đem đến cho họ sự khâm phục, niềm tự hào về truyền thống đấu tranh hào hùng, ý chí quật cường của dân tộc ta và khơi dậy trong họ lòng căm thù giặc sâu sắc.

Trong những năm gần đây, Ban quản lý di tích Côn Đảo đã tiến hành nhiều đợt sưu tầm dưới nhiều hình thức khác nhau để tìm nguồn và tìm hiện vật. Mở rộng mạng lưới cộng tác viên trong các ngành khác nhau, kết hợp với các bảo tàng địa phương, các ban liên lạc cựu tù chính trị Côn Đảo, các hội tù binh, tù kháng chiến ở khắp các tỉnh, thành, địa phương trong cả nước nhằm mục đích đạt kết quả sưu tầm tốt nhất. Một điều mà ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ đơn vị quan tâm và không ngừng tìm kiếm, bổ sung, lưu giữ đó là những trang tư liệu về lịch sử đấu tranh ở nhà tù Côn Đảo nói chung và danh sách, thông tin, tư liệu về những người tù đã làm nên cuộc vượt ngục lớn nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo đó là cuộc võ trang giải phóng Côn Đảo diễn ra tại Bến Đầm vào ngày 12/12/1952.

Với quyết tâm thực hiện sứ mệnh của mình đối với lịch sử, trong những năm qua, chúng tôi không ngừng khẩn trương thực hiện công tác tìm kiếm thông tin và toàn bộ danh sách những tù nhân tham gia vượt ngục từ các trung tâm lưu trữ trên cả nước, cũng như nhờ sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân chuyên nghiên cứu về lịch sử đấu tranh tại nhà tù Côn Đảo. Trong quá trình đi sưu tầm tư liệu về nhà tù Côn Đảo, chúng tôi đã may mắn được gặp gỡ và trò chuyện với các bác cựu tù chính trị đã trực tiếp tham gia cuộc võ trang giải phóng Côn

Đảo năm 1952. Dù trận chiến đấu đã lùi xa hơn nửa thế kỷ nhưng dường như đối với các bác trận chiến hào hùng, đầy tính bất ngờ như vừa mới hôm qua. Qua lời kể của các bác, những người làm công tác gìn giữ lịch sử như chúng tôi cảm nhận sâu sắc rằng: cuộc võ trang giải thoát diễn ra tại Bến Đầm ngày 12/12/1952 là cuộc vượt ngục có quy mô lớn và thu hút được đông đảo tù nhân hăng hái tham gia nhất trong lịch sử vượt ngục tại nhà tù Côn Đảo suốt 113 năm “Địa ngục trần gian”. Tuy không thành công trong việc giải thoát, tù nhân phải chịu nhiều tổn thất, nhưng cuộc võ trang bạo động ở Bến Đầm đã điểm tô vào lịch sử nhà tù Côn Đảo những trang sử hào hùng nhất về tinh thần đấu tranh cách mạng và khát vọng được trở về với cách mạng để tiếp tục chiến đấu của những người tù đang bị giam cầm giữa biển khơi. Cuộc chiến đấu giải thoát nhà tù Côn Đảo của Đảng bộ nhà tù vạch ra đã thể hiện tinh thần tiến công cách mạng to lớn, dám nghĩ, dám làm, thể hiện rõ tư tưởng *“Đem sức ta giải phóng cho ta”* trong hoàn cảnh ngục tù cũng như đối với phong trào đấu tranh cách mạng ở nhà tù Côn Đảo.

Ngoài sự chiến đấu kiên cường phải kể đến những mất mát hy sinh mà không gì có thể thay thế được, có những người tù đã tình nguyện chấp nhận lao mình xuống biển nhận lấy phần hy sinh về mình cho những người còn lại được sống trở về chiến đấu cho cách mạng, bên nhân dân và cả người thân của mình. Đây được xem là tính chất điển hình, mang tâm vóc cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong tinh thần chấp nhận hy sinh giá trị, mạng sống bản thân cho sự nghiệp cách mạng, cho Đảng, cho đồng đội của mình. Tấm gương chiến đấu và hy

sinh của 81 người tù trong chuyến vượt ngục này đã góp phần nâng cao và khẳng định cho lý tưởng cao đẹp, trong sáng của một thế hệ người Việt Nam dám sống cho lý tưởng cách mạng và cũng sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng cách mạng của dân tộc trong suốt hai thời kỳ đấu tranh giành độc lập chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai.

Tuy nhiên, điều mà đội ngũ cán bộ nghiệp vụ Ban quản lý di tích luôn quan tâm và trăn trở đó là danh sách và hồ sơ 81 người tù đã hy sinh trong chuyến vượt ngục ấy. Bởi vì có ý kiến cho rằng trong cuộc vượt ngục 12/12/1952 chỉ có vài người hy sinh? Chính điều này đã không ngừng thôi thúc chúng tôi - những người làm công tác bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích nhà tù Côn Đảo là làm sao phải tìm lại được danh sách và hồ sơ những người đã mất trong cuộc võ trang ấy để trả lời lịch sử đồng thời thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”.

Để làm được điều đó, trong những dịp các đoàn cựu tù chính trị từ các tỉnh thành ra thăm lại chiến trường xưa và ôn lại truyền thống đấu tranh, chúng tôi có dịp được gặp gỡ đoàn cựu tù chính trị Côn Đảo tỉnh Quảng Ninh ra Côn Đảo năm 1995, đã dựng biển và thắp hương tưởng niệm các đồng chí hy sinh trong vượt ngục ngày 12/12/1952 tại Bến Đầm, ngay nơi các đồng chí lãnh đạo họp quyết định cuộc vượt ngục.

Năm 1997 chúng tôi cũng đã nhận được thông tin do Ban Liên lạc tù chính trị tỉnh Hải Dương cung cấp về việc trình Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thống nhất cho xây dựng đài biểu tượng liệt sĩ ngay tại nơi diễn ra trận đánh lịch sử Bến Đầm.

Năm 2005 nhà nước đã cho lập bia tưởng niệm những đồng chí đã hy sinh trong cuộc võ trang vượt ngục tại nơi các đồng chí đã tổ chức võ trang vượt đảo.

Trong nhiều năm qua chúng tôi được đón tiếp nhiều gia đình thân nhân liệt sĩ ra Côn Đảo để tìm thông tin người thân của mình đã hy sinh trong cuộc võ trang vượt ngục, qua gia đình chúng tôi đã ghi chép lại được nhiều thông tin về người tù do gia đình cung cấp như: Gia đình ông Lê Anh Tuấn ra Côn Đảo năm 2007 tìm thông tin về đồng chí Lê Văn Khoát quê ở Quảng Ninh bị đày ra nhà tù Côn Đảo đã cùng đồng đội tham gia cuộc võ trang vượt ngục năm 1952 và đã hy sinh cùng 80 đồng chí khác, đến năm 2012 gia đình tiếp tục có dịp ra Côn Đảo tìm hồ sơ và xin xác nhận của Ban quản lý di tích để làm hồ sơ trình Chính phủ công nhận liệt sĩ. Một tin vui cho gia đình đồng chí Khoát và cho đơn vị chúng tôi là tháng 5 năm 2012 liệt sĩ Lê Văn Khoát đã được Nhà nước truy tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất. Và còn nhiều trường hợp khác như con trai của đồng chí Lê Mai ra Côn Đảo tìm thông tin về người cha đã hy sinh trong cuộc võ trang ấy, gia đình ông Phạm Tô Văn cũng đã ra Côn Đảo tháng 8/2011 để tìm thông tin và phân mộ liệt sĩ Phạm Chí Viễn. Và còn nhiều câu chuyện đi tìm thông tin của người thân hy sinh trong cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 khiến chúng tôi cảm động như câu chuyện của gia đình ông Phạm Tứ. Năm 2010 khi bước sang tuổi 60, ông mới có điều kiện ra Côn Đảo tìm thông tin và mộ phần người cha Phạm Văn Đảo đã anh dũng hy sinh nơi Côn Đảo trong trận võ trang vượt ngục tại Bến Đầm, mẹ của ông là

bà Phạm Thị Tâm, một người phụ nữ rất mực thủy chung, đảm đang. Khi nhận được tin chồng hy sinh ngoài Côn Đảo, mặc dù tuổi đời còn trẻ nhưng bà vẫn giữ trọn phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam, thủy chung, son sắc với chồng, quyết định không đi bước nữa, thay chồng tần tảo nuôi dạy con khôn lớn, nên người. Trong công tác và đời thường, mỗi khi gặp khó khăn thì hình ảnh hy sinh anh dũng của người cha nơi Côn Đảo lại tiếp thêm sức mạnh cho ông vượt qua khó khăn, tiếp tục phấn đấu vươn lên.

Gia đình đồng chí Hoàng Văn Kháng (Hải Phòng) cũng vậy, ông ra Côn Đảo vào tháng 7/2012 tìm hài cốt liệt sĩ Hoàng Văn Gián hy sinh trong cuộc võ trang vượt ngục tại Bến Đầm. Năm 1949, do cơ sở hoạt động bị lộ, đồng chí Hoàng Văn Gián bị địch bắt, kết án khổ sai và đày ra nhà tù Côn Đảo. Với lòng khát khao tự do, khát khao được cống hiến cho Đảng, cho dân tộc trong những năm tháng bị giam cầm tại nhà tù Côn Đảo, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, đồng chí Hoàng Văn Gián đã cùng các chiến sĩ cách mạng bí mật chuẩn bị cho cuộc vượt ngục lịch sử, thần kỳ, có một không hai ở nhà tù Côn Đảo, song rất tiếc là cuộc vượt ngục không trọn vẹn, đồng chí Hoàng Văn Gián đã hy sinh cùng với 80 đồng chí khác. Khi nhận được tin chồng hy sinh ngoài Côn Đảo, giữa biển Đông sóng to gió lớn, vì sự nghiệp cách mạng của đất nước, bà Phạm Thị Sử nén đau thương, động viên, an ủi bố mẹ chồng, thay chồng làm tròn chữ hiếu. Hơn thế nữa, khi chồng hy sinh, mặc dù tuổi đời còn trẻ nhưng bà quyết định không đi bước nữa, thay chồng nuôi dạy các con nên người với mong muốn liệt sĩ Hoàng Văn Gián được yên lòng nơi chín suối... Với những

cống hiến và hy sinh của mình, đồng chí Hoàng Văn Giản đã được Tổ quốc ghi công là liệt sĩ chống Pháp và được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Chúng tôi cũng đã tìm đến nhiều ban liên lạc tù chính trị của nhiều tỉnh thành phố trên cả nước như Ban Liên lạc tù chính trị thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Hưng Yên, Nam Định... được gặp gỡ nhiều cựu tù chính trị trực tiếp tham gia trong chuyến vượt ngục năm ấy, qua lời kể và những tư liệu của các bác cung cấp chúng tôi đã có được danh sách 53/81 đồng chí đã hy sinh trong chuyến vượt ngục ấy, cụ thể như Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo tỉnh Hải Hưng (Hải Dương và Hưng Yên) đã cung cấp danh sách: 20 đồng chí; Hải Phòng: 23 đồng chí; Quảng Ninh: 10 đồng chí. Với danh sách chúng tôi có được từ các bác, tuy chưa thật đầy đủ nhưng quả thật, đây là những thông tin vô cùng quý giá đối với công tác sưu tầm, gìn giữ, nghiên cứu và phát huy giá trị di tích lịch sử Côn Đảo. Quá trình tìm kiếm thông tin để tiếp tục bổ sung kho tư liệu của Ban quản lý di tích Côn Đảo về cuộc vượt ngục của 198 tù nhân diễn ra tại Bến Đầm vào ngày 12/12/1952 vừa là trách nhiệm, nhưng cũng vừa thể hiện lòng tri ân đối với quá khứ hào hùng trên mảnh đất Côn Đảo này. Việc nghiên cứu một cách toàn diện về cuộc vượt ngục không chỉ có ý nghĩa tôn vinh những người đã hy sinh trọn cuộc đời mình cho dân tộc, cho Đảng, mà qua đây góp phần nâng cao công tác giáo dục về chủ nghĩa yêu nước, tấm gương đạo đức cách mạng cho lớp lớp thế hệ hôm nay và mãi mãi về sau.

Trong cuộc hành trình tìm về với những nhân chứng sống

đã trực tiếp tham gia và ngày đêm lưu giữ kỷ ức. những thông tin, những câu chuyện kể, qua Ban Liên lạc tù chính trị Côn Đảo thành phố Hà Nội chúng tôi đã tìm được nhà bác Phan Du - người chỉ huy cuộc vượt ngục năm xưa và vô cùng xúc động khi nhìn thấy, tại nhà riêng, bác Phan Du đã dành một phòng với một bàn thờ trang trọng để thờ đồng đội đã anh dũng hy sinh trong cuộc võ trang vượt ngục. Bác tâm sự: “Tôi luôn day dứt là mình không làm tròn trách nhiệm người chỉ huy để 81 đồng chí phải hy sinh, tôi không biết làm gì hơn là hàng năm tới ngày này (12/12) tôi đều làm lễ giỗ cho đồng chí, đồng đội. Nếu tôi chết đi thì các con, các cháu của tôi vẫn tiếp tục thay cho cha, cho ông để thờ...”. Việc làm lặng lẽ của bác Phan Du đối với những đồng đội đã ngã xuống không chỉ có ý nghĩa tưởng nhớ những người đã hy sinh trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, cho Đảng mà còn cho thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay hiểu rằng: trong sâu thẳm tâm hồn, nhân cách của mỗi người lính Cụ Hồ năm xưa là cả một tấm lòng thủy chung son sắt, luôn thương nhớ về người đồng chí, đồng đội đã ngã xuống và hiện còn sinh sống. Ở đây chúng tôi muốn đặt ra câu hỏi nếu không có người hy sinh năm ấy thì tại sao bác Phan Du lại thờ và tổ chức lễ giỗ hàng năm? Và danh sách 53 người hy sinh trên biển năm ấy do các Ban Liên lạc tù chính trị cung cấp ở đâu mà có?

Chiến tranh và những năm tháng ngục tù đã lùi xa hơn 30 năm, cũng chừng ấy thời gian Côn Đảo đang từng ngày chuyển mình đi lên rạng rỡ cùng đất nước. Chúng tôi, thế hệ được may mắn sinh ra sau chiến tranh, được tận hưởng những thành quả lớn lao của bao lớp thế hệ người đi trước, những công chức,

viên chức Ban Quản lý di tích Côn Đảo được nhà nước, lịch sử giao trọng trách bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị to lớn của thời đại đấu tranh cách mạng hào hùng ở nhà tù Côn Đảo cho thế hệ mai sau. Năm 2011, đền thờ Côn Đảo đã được khánh thành để ghi danh các bậc tiền nhân, những anh hùng liệt sĩ và đồng bào yêu nước đã anh dũng hy sinh trong 113 năm “Địa ngục trần gian” tồn tại, nhiệm vụ đặt ra cho chúng tôi là phải làm sao tìm được tên tuổi các anh hùng, liệt sĩ, đồng bào yêu nước đã anh dũng hy sinh tại nhà tù ấy để phục vụ cho công tác vinh danh lên bia đá trong đền thờ Côn Đảo.

Qua sự kiện đấu tranh vượt ngục tại Bến Đầm ngày 12/12/1952 của các chiến sĩ cách mạng ở nhà tù Côn Đảo năm xưa, chúng ta và thế hệ mai sau không được phép quên hoặc trong sự vô ý làm mất đi những gì dù là nhỏ nhất, mà trong chính bản thân nó hàm chứa, hoặc xâu chuỗi những giá trị nhân văn to lớn của bao thế hệ người Việt Nam yêu nước đã một thời từng bị giam cầm đầy ải, đã kiên cường chiến đấu và đã anh dũng hy sinh trên mảnh đất Côn Đảo xinh đẹp này. Là người làm công tác bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích nhà tù Côn Đảo chúng tôi luôn tâm niệm câu nói nổi tiếng của nhà thơ Aragon: *“Lãng quên những người đã khuất chính là đang tay giết họ đến hai lần”*.

KỶ NIỆM VỚI CHIẾN SĨ TÙ CÔN ĐẢO

Vũ Hoàng Lâm

Tôi được biết anh Đoàn Duy Thành trong một trường hợp đặc biệt. Vào năm 1981, Hội Văn nghệ Hải Phòng giới thiệu tôi với Trạm Vệ sinh dịch tễ để viết các gương điển hình tiên tiến. Bác sĩ Trần Huy Bích là Phó Trạm trưởng trực tiếp đón chúng tôi. Biết tôi là cán bộ của Sở Giáo dục, ông tâm sự về trường hợp con trai ông, cháu Trần Huy Minh chuẩn bị thi vào lớp tám lần thứ hai (lớp 10 bây giờ), năm trước đã không đủ điểm, còn năm nay ông rất lo. Ngày ấy không có các trường dân lập như bây giờ, các cháu thi trượt đành phải chờ thi năm sau, nhiều em phải rẽ ngang đi làm. Việc dạy thêm cho học sinh bị nghiêm cấm nên nỗi lo của bác sĩ Bích càng tăng. Biết bác sĩ Trần Huy Bích là một chiến sĩ tù Côn Đảo, tôi nói với ông: “Tôi sẽ kèm môn toán cho cháu Minh”. Ông ngạc nhiên hỏi lại tôi: “Thế anh không sợ bị kỷ luật à?”. Tôi trả lời để ông yên tâm: “Ai kỷ luật tôi thì có nghĩa là người đó đã “phong thánh” cho tôi. Dạy thêm cho con một chiến sĩ tù Côn Đảo làm sao tôi lại sợ bị kỷ luật!”. Tôi phụ trách môn toán cấp hai và không phải là người ra đề thi vào lớp tám. Một tuần ba buổi, cứ bốn rưỡi chiều, tôi dạy cho cháu Minh tại phòng làm việc

của anh Bích tới năm giờ rưỡi. Năm đó cháu Minh đỗ vào lớp tám với điểm số cao. Thầy Thụ là bác cháu Minh sau kỳ thi nói với tôi rằng: Ông đã dùng bài học của cháu Minh để ôn cho học trò của ông nên học trò của ông đỗ vào lớp tám khá đông. Thời ấy không có chuyện phong bì hay quà cáp gì cả. Quý tôi anh Bích bảo: “Tôi mới được anh Thành cho một chai rượu ngoại, mời anh đến ăn cơm”. Tôi từ chối vì tôi không uống được rượu. Bác sĩ Bích kể chuyện những ngày tháng sống ở Côn Đảo với anh Thành, ngày ấy anh Thành có tên là Duy. Tôi biết anh Thành từ ngày ấy.

Một hôm nghe tin thành phố đã chặn dòng sông Cấm mở một cửa ô thứ năm, Đình Vũ ra biển Đông, tôi nói với anh Bích giúp chúng tôi ra thăm Đình Vũ. Anh Bích vui vẻ nhận lời ngay vì chương trình của Trạm Vệ sinh dịch tễ là phải cải tạo môi trường của Đình Vũ. Bác sĩ Bích đưa các bác sĩ, kỹ thuật viên ra Đình Vũ cải thiện sinh hoạt cho mười ba tổ đang sống trong mười ba túp lều quanh Đình Vũ. Đoàn ra Đình Vũ còn có tôi, anh Nguyễn Hữu Thông, chuyên viên văn, anh Nguyễn Xuân Ngạc, công tác ở tạp chí *Cửa biển*.

Sau chuyến đi tôi có viết một bài ký “*Ngã ba Đình Vũ*” và bài thơ “*Tâm cao Đình Vũ*”. Bài thơ này tôi đề: “*Kính tặng anh Đoàn Duy Thành*”. Báo *Hải Phòng* đăng bài thơ “*Tâm cao Đình Vũ*” vào dịp khai mạc Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (1983). Tại đại hội này anh Đoàn Duy Thành được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhưng ngày ấy chưa có phong cách “kính tặng” nên khi đăng bài thơ trên báo *Hải Phòng* không in dòng chữ “*Kính tặng anh Đoàn Duy Thành*”.

Hai mươi năm năm sau, năm 2007, Nhà xuất bản Hải Phòng in tập *"Gió biển"*, trong đó có đăng cả bài *"Ngã ba Đình Vũ"* và *"Tâm cao Đình Vũ"*. Lần này Nhà xuất bản Hải Phòng đăng đầy đủ câu *"Kính tặng anh Đoàn Duy Thành"*. Vì tôi không quen anh Thành, anh Trần Huy Bích đã qua đời, nên tôi không gửi sách tặng anh, dầu vậy tôi nghĩ rằng bạn đọc Hải Phòng có người quen anh Thành và sẽ gửi sách cho anh xem. Quả nhiên, anh Nguyễn Hữu Thông, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Việt - Pháp hữu nghị gặp tôi và nói: "Anh ghi lời tặng anh Thành vào cuốn sách này, tôi sẽ gửi lên Hà Nội cho anh ấy". Nhận được sách anh Thành viết thư cho tôi, trong đó có đoạn: *"... Tôi rất xúc động vì đã 25 năm, đồng chí còn nhớ đến tôi và gửi cho những kỷ niệm khó quên! Đọc cuốn sách của đồng chí, tôi như sống lại những năm tháng còn công tác ở Hải Phòng, vừa sôi nổi, vừa thân thương, làm sống lại biết bao hình ảnh: tình đồng chí, đồng đội, đồng bào thân thiết chân tình..."*. Và đó cũng là lý do anh Quán Đức Khiêm, một "chiến hữu" của anh Thành đưa tôi và anh Thông lên Hà Nội "ra mắt" anh Đoàn Duy Thành. Tiếp xúc với anh, tôi thật bất ngờ gặp một anh Đoàn Duy Thành với một tâm vóc lớn hơn hình ảnh của anh mà tôi hình dung trước đó. Trong gian nhà bài trí theo kiểu nhà nho xưa, một sập "gụ", một "tủ chè" và những đôi câu đối.

Trong số những câu đối, tôi xúc động đọc đôi câu đối của Anh hùng lao động - nhà văn hóa đương đại, GS. Vũ Khiêu - viết tặng "người tri kỷ Đoàn Duy Thành":

Ngàn dặm xông pha

Gió bụi khôn mờ gương chính khí

Trăm vòng thử thách

Đất trời soi tỏ tấm trung can.

Câu đối viết năm 2004. Đó là một năm đáng ghi nhớ. Anh Đoàn Duy Thành vừa tròn 75 tuổi.

Khoảng 10 năm kể từ 1984, một số đảng viên hoạt động cùng thời với anh Đoàn Duy Thành viết đơn kiện anh về nhiều vụ việc, trong đó nặng nề nhất là phẩm chất đảng viên của anh khi đối mặt với quân thù trong thời kỳ bị cầm tù ở Côn Đảo. Đó là một chuyện buồn lòng đối với anh. Bộ Chính trị đã tốn bao công sức để xác minh từ Đảng bộ quận Ngô Quyền, Hải Phòng, rồi xác minh qua các chiến sĩ tù Côn Đảo với anh Đoàn Duy Thành. Tới năm 1993, căn cứ trên các báo cáo, các biên bản, các kết luận, Bộ Chính trị đã ra quyết định khẳng định phẩm chất kiên cường bất khuất trước kẻ thù của đồng chí Đoàn Duy Thành, đồng thời cũng quyết định chấm dứt không xét bất cứ lá đơn nào kiện đồng chí Đoàn Duy Thành nữa.

Đón mừng tin vui đó, GS. Vũ Khiêu đã khẳng định: *Gió bụi khôn mờ gương chính khí* *Đất trời soi tỏ tấm trung can.*

Thật không còn lời đánh giá nào chuẩn xác và súc tích hơn! Nhân cách của anh thật xứng đáng tâm cỡ của một người cộng sản chân chính.

Trên bức tường đối diện có bài thơ viết bằng chữ Hán. Nguyên âm bài thơ như sau:

Song điều tể phi

(Kính tặng Thủ tướng Lý Bằng và đồng chí Vũ Oanh)

Hoàng Oanh phi đảo Bắc Kinh đô

Hội ngộ Kim Bằng diệp lạc hồ

Đại sự vị thành hành tiểu sự

Song điều tể phi chí thiện đồ.

Đoàn Duy Thành

Tháng 2 năm 1991 đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang Trung Quốc bày tỏ thiện chí việc lập lại mối quan hệ giữa hai nước và nghiên cứu kinh tế của Trung Quốc, đồng chí Vũ Oanh, Bí thư Trung ương Đảng làm trưởng đoàn, đồng chí Đoàn Duy Thành, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện quản lý Kinh tế Trung ương làm phó trưởng đoàn và một số thành viên khác.

Là một người nho học, có sự hiểu biết khá sâu sắc về văn học cổ Trung Hoa, anh Đoàn Duy Thành có những chính kiến đúng mực, thiện chí trong các mối quan hệ với Trung Quốc từ thời ông còn là Phó Thủ tướng.

Thủ tướng Lý Bằng tiếp đồng chí Vũ Oanh và đoàn đại biểu Việt Nam. Trong buổi tiếp, Thủ tướng Lý Bằng nói một câu quan trọng: *"Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước cần có thời gian chuẩn bị. Trong khi chờ đợi việc lớn, chúng ta hãy làm những việc nhỏ..."*.

Trong tâm hồn của chính khách Đoàn Duy Thành bỗng bật lên một tứ thơ. Anh dùng ngay tên của hai vị trưởng đoàn gắn với hai loài chim. Chim Hoàng Oanh vốn được coi là một

loài chim đẹp, có giọng hót quý phái, sang trọng, biểu tượng của cái đẹp vĩnh hằng và chim Bằng, một loài chim biển bay rất cao và rất xa, biểu tượng của sức mạnh kiêu hùng, để bày tỏ cảm xúc của mình. Trên cơ sở đó ông đã lập tứ “*Song điều tề phi*”.

Câu thứ nhất: Chim Hoàng Oanh bay tới thủ đô Bắc Kinh.

Ở câu thứ hai tác giả dùng ba chữ “*diệc lạc hồ*”. Ba chữ này trích từ câu: “*Hữu bằng tặc viễn phương lai bất diệc lạc hồ*” trong sách *Luận ngữ* của Khổng Tử (nghĩa là: Có bạn từ phương xa đến chơi chẳng lấy làm vui lắm thay!). Tuy tác giả chỉ trích ba chữ “*diệc lạc hồ*” song câu thơ hàm ý: gặp gỡ Kim Bằng thật là một điều vui. Những nhà nho thường coi các sách *Luận ngữ*, *Đại học*... như *Kinh thánh* ở phương Tây, cho nên khi đọc đến câu này, các nhà nho học nhận ngay ra tác giả là người được học nho nghiêm cẩn.

Câu thứ ba: Việc lớn chưa thành, hãy cùng nhau làm việc nhỏ. Ý tưởng này mang vẻ đẹp của triết học phương Tây: Đừng thấy việc chỉ mang lợi ích nhỏ mà không làm.

Câu thứ tư, tác giả đã khôn ngoan nhắc lại ý tưởng cao đẹp của Tăng Tử nói lên mục đích của cuộc hội ngộ giữa Thủ tướng Lý Bằng với đoàn đại biểu Việt Nam. Hai con chim cùng bay tới một điểm, cùng mong muốn làm điều thiện (dựa theo lời Tăng Tử trong sách *Đại học*): “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện*”.

Anh Đoàn Duy Thành đã ứng tác bài thơ “*Song điều tề phi*” và bài thơ ứng tác này đã mang lại cho cả hai bên những tình cảm thân thiện về một tình bằng hữu.

Trong lịch sử ngoại giao giữa nước ta và Trung Quốc, các sứ thần Việt Nam đi sứ sang Trung Quốc luôn bày tỏ thiện chí của mình nhưng đồng thời trong giao tiếp, các sứ thần luôn giữ tinh thần độc lập tự chủ, luôn giữ được thể diện của một quốc gia có chủ quyền. Nhiều câu đối, nhiều bài thơ của sứ thần Việt Nam đã khiến các hoàng đế Trung Hoa phải tâm phục khẩu phục.

Bài thơ “*Song diều tề phi*” của phó trưởng đoàn Đoàn Duy Thành xứng đáng được đặt vào hàng các bài thơ đi sứ “tâm phục khẩu phục” như thế.

Tôi gặp anh Đoàn Duy Thành cuối tháng 10 năm 2008. Về Hải Phòng, tháng 11 tôi viết bài: “*Một câu đối, một bài thơ, một nhân cách*” bình luận về câu đối và bài thơ tôi được đọc ở nhà anh Đoàn Duy Thành, rồi gửi cho tạp chí *Cửa biển* để cảm ơn. Anh Tô Hoàng Vũ nói rất chân tình: Bác Đoàn Duy Thành có nhiều đóng góp cho thành phố Hải Phòng. Chúng tôi in bài này là để tri ân bác.

Tôi nói: “Ấy vậy mà nếu không có tình đồng chí thăm thiết, anh Đoàn Duy Thành đã nằm lại vĩnh viễn ở Côn Đảo”.

Bác sĩ Trần Huy Bích kể cho tôi nghe sự tích này như sau:

Vào các năm 1952 đến 1954, anh Trần Huy Bích là y tá phụ trách sức khỏe của các chiến sĩ tù Côn Đảo. Hàng ngày anh Bích đưa các chiến sĩ tù bị ốm từ trại giam đến nhà thương ở Côn Đảo để khám bệnh, lĩnh thuốc và một nhiệm vụ nữa là thăm các chiến sĩ nằm điều trị tại nhà thương. Anh Đoàn Duy, tức anh Đoàn Duy Thành là ủy viên Đảo ủy, một chiến sĩ kiên cường, bị địch tra tấn hỏng một lá phổi, nước cứ rò rỉ qua một

lỗ nhỏ bên sườn. Anh Duy nằm điều trị ở nhà thương Côn Đảo, nhưng sức khỏe cứ ngày một yếu dần. Một hôm đến thăm anh Duy, anh Bích rất ngạc nhiên không thấy anh Duy trên giường hỏi những người đang điều trị, họ nói rằng anh Duy chết rồi, lính mới mang anh xuống nhà xác. Anh Bích xuống nhà xác khi nhắc tám vải che mặt, anh thấy anh Duy còn thở, anh liền quay lại nhà thương tìm thầy thuốc.

- Ông Leproux! Ông dám ký lệnh đưa một người còn sống xuống nhà xác. Ông giết người vô lương tâm như thế à?

- Cái gì?

- Ông làm việc theo lương tâm người thầy thuốc hay theo lệnh bọn chúa đảo?

- Duy chết từ chiều hôm qua.

- Bây giờ tỉnh lại rồi.

Leproux theo anh Bích xuống nhà xác. Lúc này anh Duy đã tỉnh hơn một chút. Buộc lòng Leproux ký lệnh trả anh Duy về chuồng cạp, cách ly anh với đồng đội. Đảo ủy giao cho anh Bích một nhiệm vụ phải cứu sống bằng được anh Duy để có nhân chứng tố cáo kẻ thù và ép Leproux phải chữa bệnh cho anh em tốt hơn. Nhưng trong tù lấy đâu ra nguồn thực phẩm để bồi dưỡng. Anh Bích thấy trên đảo có những con cóc, tuy rất sợ cóc nhưng vì nhiệm vụ anh đã giẫm chân lên con cóc, xẻo lấy hai cái đùi, “bí mật” băm thịt cóc nấu cháo cho anh Duy ăn. Anh Duy ăn, khen ngon, anh Bích mừng đến toát mồ hôi. Nhờ nguồn thực phẩm đó, sức khỏe anh Duy hồi phục mau chóng. Cả Leproux, cả bọn chúa đảo không hiểu nhờ có phép lạ gì mà anh Duy đã như người “sống lại”.

Tôi còn được nghe một chuyện mà có lẽ trên thế giới chưa thể xảy ra lần thứ hai. Những chiến sĩ tù Côn Đảo chỉ với hai bàn tay trắng đã tổ chức một cuộc “vượt Côn Đảo”.

Đó là khi thấy bọn chúa đảo đưa một lực lượng lính Âu - Phi đến làm đường ở một mũi đảo xa trung tâm và điều thêm một số tù binh trên đảo lên làm đường. Đảo ủy đã xây dựng một kế hoạch chiến đấu để cướp đảo, một mặt chế tạo thuyền vượt đảo, để nếu không cướp được tàu thì sẽ cho một bộ phận vượt đảo bằng thuyền. Toàn bộ kế hoạch được thực hiện chu đáo. Cuộc chiến đấu thứ nhất diễn ra êm đẹp, toàn bộ sĩ quan và binh lính Âu - Phi làm nhiệm vụ ở Bến Đầm đã bị trói gọn. Bộ phận làm công tác binh vận đã giải thích cho bọn lính bị bắt về chủ trương chiến đấu giải phóng tù nhân và chính sách nhân đạo đối với tù hàng binh của bộ đội Cụ Hồ. Tên chỉ huy người da đen rất cảm động xin tặng các chiến sĩ ta một chiếc la bàn và một tấm bản đồ.

Tiếc, thật rất tiếc một điều, đó là yếu tố thiên thời lại không đến như dự kiến. Gió chướng thổi từ đảo về đất liền không diễn ra thuận lợi. Và một số trong những chiếc thuyền tự tạo đã không chịu được sóng của biển. Một số chiến sĩ đã tự nguyện nhảy xuống biển để cứu thuyền. Nhưng sau hai ngày vật lộn với sóng, khi thuyền của các chiến sĩ gần về đất liền đã bị địch bắt lại.

Tuy cuộc vượt đảo không thành nhưng cuộc chiến đấu đó đã ghi lại một dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử chiến đấu với kẻ thù trong nhà tù Côn Đảo, thể hiện ý chí kiên

cường, thể hiện một tinh thần bất khuất của những chiến sĩ tù Côn Đảo khiến kẻ thù cũng phải khâm phục.

Anh Bích còn kể về nguồn tin anh đã thu thập được để Đảo ủy có chủ trương kịp thời đấu tranh với bọn chúa đảo.

Hàng ngày dẫn anh em lên nhà thương, anh gặp một người con gái tuổi đang lớn. Đang bị cầm tù, anh nghĩ gì đến chuyện làm quen với cô gái. Nhưng cô gái ấy đã chủ động làm quen với anh. Một buổi sáng khi anh dẫn anh em lên nhà thương, cô gái lấy phấn viết trên cửa ANH BÍCH. Hôm sau anh Bích viết cho cô mẫu giấy, cuộn trong ống thuốc Aspirin: "*Không biết vì sao cô biết tên tôi?*", đến chỗ cô đứng, anh bỏ ống thuốc xuống đất rồi đá nhẹ về phía cô.

Hôm sau, anh Bích nhận được lá thư của cô gái. Cô tên là Kim Châu, con người thợ điện trên đảo. Cô ngỏ lời muốn chờ anh cho đến mãn hạn tù. Anh Bích trao lá thư cho lãnh đạo trong Đảo ủy gồm anh Thụ, anh Thi, anh Duy.

Được sự góp ý của Đảo ủy, anh Bích khuyên cô Kim Châu giúp đỡ anh em trong tù. Hàng ngày cô ghi tin tức của Đài Phát thanh nguy quyền và hàng tuần cung cấp báo chí của Sài Gòn cho anh em. Cô Kim Châu đã đáp ứng yêu cầu của anh Bích và nhờ vậy các chiến sĩ trong tù biết tin tức về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ, của Hội nghị Genève, Hội nghị Trung Giã, trên cơ sở đó, Đảo ủy có những chủ trương kịp thời đấu tranh với bọn chúa đảo.

Sau ngày giải phóng đất nước, anh Thụ (sau này tên là Vũ Hồng, Ủy viên thường trực Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh) đã ra thăm lại Côn Đảo cố ý tìm cô Kim Châu, nhưng đã hơn

hai mươi năm, những người ở ngôi nhà ấy cho biết cô theo gia đình về Sài Gòn không để lại tin tức gì.

Chuyện thứ ba anh Bích kể đó là giữa sự kìm kẹp của kẻ thù các anh vẫn tìm được những yếu tố thuận lợi để vạch mặt xấu xa của chúng. Anh kể rằng trong buổi làm việc cuối cùng với Leproux, anh thấy người thư ký mang vào cho Leproux một tập giấy đánh máy liệt kê các bệnh nhân bị ngược đãi trong tù, số tù nhân bị thương tăng cao do cách đối xử tàn bạo của bọn chúa đảo. Anh Bích vội lấy chai cồn, tự mình lại gần Leproux dốc cồn cho Leproux rửa tay, lại lấy khăn bông cho ông ta lau tay, anh tươi cười, giọng niềm nở như lý giải việc làm của mình:

- Hôm nay là buổi cuối cùng tôi làm việc với Docteur capitain (quan ba đốc tờ).

Leproux hớn hờ ra mặt:

- Merci! - Grand merci (Cám ơn! Rất cám ơn).

Lau tay xong Leproux bước ra ngoài ngay. Lập tức anh Bích nhặt bản thảo trong bồ cất vào người đem về nộp cho Đảo ủy.

Ngày 1 tháng 9 năm 1954, ngày trao đổi tù binh tại Giaray tỉnh Bạc Liêu. Anh Năm Thi đã tố cáo bọn cai ngục ở Côn Đảo đã không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève và Hiệp ước Trung Giã, vẫn ra sức khủng bố trắng anh em tù chính trị tại nhà lao Côn Đảo.

Viên quan ba đại diện Pháp cãi xóa, giọng cứng cỏi:

- Đây là một sự vụ khống. Các ông quen vụ khống. Người Pháp chúng tôi đã tôn trọng Hiệp định...

Chờ cho tên đại diện Pháp nói xong, anh Năm Thi rút tờ giấy mang bút tích Leproux trải lên mặt bàn.

- Cái mà ngài gọi là sự vu khống thì nó đây.

Các nhà báo quốc tế có mặt trong cuộc họp đã chụp ảnh văn bản đó. Tên quan ba người Pháp đành tái mặt ký vào biên bản.

Bác sĩ Trần Huy Bích còn kể cho tôi nghe nhiều chuyện cảm động về tinh thần bất khuất trước kẻ thù, sự mưu trí đấu tranh với kẻ thù, tình đồng chí trong những ngày bị địch cầm tù, lòng yêu nước của đồng bào sống trong lòng địch. Điều mà các anh đã đúc kết: *"Lòng trung thành và bụng dạ phản trắc, chính nghĩa và phi nghĩa, cái đúng và cái sai... vẫn giằng giết chỗ đứng trong mỗi chúng ta..."* vẫn là bài học cho ngày hôm nay.

Những mẫu chuyện của anh Trần Huy Bích đã giúp tôi có thêm niềm tin, niềm lạc quan trong cuộc sống.

Hải Phòng, 19/8/2012

VƯỢT NGỤC TỪ CÔN ĐẢO - TỪ MỘT GÓC NHÌN

Phạm Ngà

Là một trong những hòn đảo đẹp nhất thế giới, với rừng nguyên sinh và hệ sinh thái đa dạng, ngày nay Côn Đảo đang trở thành điểm du lịch nổi tiếng, hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế, đồng thời là một thiên đường nghỉ dưỡng ở Việt Nam của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thế nhưng, có thể còn không ít người chưa biết được rằng, nơi đây đã từng là một hệ thống nhà tù khổng lồ hết sức tàn bạo dưới thời thực dân Pháp. Đây có thể coi là nhà tù lớn nhất, thuộc loại lâu đời nhất ở Việt Nam, một đảo tù quốc tế, kể từ khi thành lập năm 1862 đến ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975 là 113 năm, và đã đầy ọạ hàng vạn tù nhân, trong đó có hơn hai vạn chiến sĩ cách mạng cùng những người yêu nước đã bỏ xác tại đây. Mức độ tàn bạo khó có thể tả xiết, không chỉ đầy ải, tra tấn dưới mọi hình thức về thể xác, điển hình là khu chuồng cọp, mà còn truy bức cả tinh thần, tư tưởng (như đọc tài liệu chống cộng sản, chào cờ ngày, hô khẩu hiệu phản động, xem băng bồi nhọ cách mạng...). Vì thế, ở nơi này chỉ tồn tại thôi đã là điều kỳ lạ. Khi so sánh với những trại tập trung giết người khét tiếng của Đức quốc xã trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Giáo sư Trần Văn Giàu có ví rằng, những trại tập trung đó so

với “địa ngục trần gian” Côn Đảo chỉ như “ao cạn so với vực thẳm”. Trong hoàn cảnh tù đầy như thế, hai tiếng “vượt ngục” trở thành nỗi nhức nhối thường trực không riêng với tù nhân nơi nào, và ở thời điểm nào. Đôi khi, họ thà chết trên đường tẩu thoát còn hơn sống mà như chết tại “địa ngục trần gian” này. Dưới các thể chế xã hội khác nhau, xưa nay trên thế giới đã xảy ra biết bao cuộc vượt ngục nổi tiếng, thậm chí đến khó tin, bằng các phương tiện, hình thức như đào đường hầm, dùng tàu lượn, khống chế máy bay trực thăng, cướp xe, giả mạo giấy tờ, hay trông chờ cơ hội từ những chấn động của thiên nhiên gió bão... Tại nhà tù Côn Đảo, từ trước đến nay cũng đã diễn ra nhiều cuộc vượt ngục và chỉ có một con đường duy nhất là đường biển, cách đất liền hàng trăm cây số, có cuộc thất bại, cũng có cuộc thành công, nhưng cuộc vượt ngục xảy ra tại Bến Đầm cách thị trấn Côn Đảo 12km trưa ngày 12/12/1952 có ý nghĩa thật đặc biệt. Đã có nhiều ý kiến chung quanh cuộc vượt ngục này. Sau đây chỉ là một ý kiến riêng, chiếu sáng thêm từ một góc nhìn, từ đó thấy rõ hơn sự gân gỏi và khác biệt với các cuộc vượt ngục khác, cùng tầm quan trọng và ý nghĩa của nó.

Nói đến vượt ngục là nói đến sự giải thoát, với mục đích trở về cuộc sống tự do bình thường, là giành giật giữa cái sống và cái chết, và là lẽ tồn tại của con người. Kẻ vượt ngục phần nhiều là tự phát, bao giờ cũng ở thế không cân sức với lực lượng chính quyền, coi giữ nhà tù, và phải lẩn tránh, khôn khéo tìm mưu kế, đôi khi dùng sức mạnh cá nhân hoặc nhóm người trong tình thế cần thiết để mưu thoát. An toàn và được sống là đích đến trong quá trình đào tẩu. Với đặc điểm có tính chất phổ quát như vậy, thì cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 lại ở cấp độ, tính chất khác.

Trước hết, đây là cuộc vượt ngục có tổ chức, được thường vụ Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo, bằng ý chí của tập thể, với lực lượng lên đến 200 người (con số chính xác là 198 người). Đồng thời có cả quá trình chuẩn bị, được học tập về chính trị, chiến thuật, kỹ thuật tác chiến, phân công tổ chức sắp xếp hết sức gian khổ, công phu, kỹ lưỡng lâu dài và vô cùng nguy hiểm, đảm bảo tuyệt đối bí mật, không để sơ hở dù là chi tiết nhỏ. Phải đào hầm, dùng muối cơm khoét đất, đục vào ống quần chuyển ra ngoài, nguy trang đóng 5 thuyền thô sơ đã được chuẩn bị kỹ lưỡng từng cây gỗ, gom nhặt từng chiếc áo tù làm vải bọc, ốp những tấm mây đan, quét sơn, dành dụm suất ăn làm lương khô, rồi nước ngọt, tính toán ngày giờ, thời gian đến mùa gió chướng... Về mục đích, còn là nhằm giải thoát một lực lượng lớn của cách mạng để trở về tiếp tục tham gia chiến đấu. Việc chủ động tiến công kẻ thù, bắt sống hơn một trung đội lính Âu - Phi ngay tại nơi chính địch đang chiếm vị trí ưu thế của kẻ trấn giữ là chuyện chưa từng xảy ra từ trước tới nay ở nhà tù này, lại là một nơi hết sức tiêu biểu là “đảo tù quốc tế” (nơi đây còn giam giữ nhiều người yêu nước Lào, Campuchia, Thái lan...). Quá trình vượt biển gặp nhiều yếu tố bất ngờ, khi gặp sóng to gió lớn, gió chướng đổi chiều, thuyền thì vỡ, thuyền thì bị nước ngấm vào có nguy cơ chìm, lập tức một số tù nhân tình nguyện nhảy xuống biển để thuyền nhẹ bớt cho những người còn lại được sống trở về tiếp tục tham gia chiến đấu. Như thế, việc mưu thoát để được sống cho bản thân vốn là lẽ thường tình của các cuộc đào tẩu xưa nay đã không còn là điều quan trọng hàng đầu, duy nhất với sự kiện vượt đảo ngày 12/12/1952 này. Điều đó chỉ có thể cắt nghĩa ở chỗ đó là lý tưởng, đức hy

sinh, nhường nhau sự sống được rèn giũa của các chiến sĩ cách mạng tại trường “đại học lớn - nhà tù” nơi đây.

Mặc dù cuộc vượt biển không thành công, 81 người hy sinh, một số bị địch vây bắt trở lại, có trường hợp bị mất tích, nhưng ý nghĩa của cuộc bạo động này rất lớn. Đây không chỉ dừng ở cuộc vượt ngục, cuộc đào thoát của tù nhân, mà là cuộc tiến công nổi dậy rất đặc thù, ở đối tượng tiến công, địa điểm cùng hình thức tổ chức tiến công. Xét về ý nghĩa chiến lược, thì đó là một thắng lợi, vì đã biểu dương lực lượng cách mạng, đánh vào tận hang ổ của kẻ thù. Đặt trong điều kiện những người tù bị tra tấn hành hạ, thiếu thốn mọi điều, thể lực hạn chế, mới thấy hết tầm mức của việc tiến công đó. Sau sự kiện này, địch phải điều chỉnh cả lực lượng canh giữ, chiến thuật phòng vệ. Và một điều mà các cuộc vượt ngục khác không may mắn có được, đặt trong mối quan hệ với chiến cuộc cả nước, thì năm 1952 là năm mang dấu mốc quan trọng đầy ý nghĩa. Đó là năm kết thúc thắng lợi Chiến dịch Hòa Bình (chiến dịch được bắt đầu từ ngày 10/12/1951 và kết thúc thắng lợi ngày 25/2/1952). Ta mở rộng vùng chiến tranh du kích sau lưng địch ở đồng bằng Bắc Bộ. Pháp thua to, phải rút khỏi Hòa Bình, đường 6, sông Đà. Thắng lợi trong chiến dịch Hòa Bình là thắng lợi lớn nhất của ta sau Chiến dịch Biên giới năm 1950, phá tan kế hoạch của Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi, Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương, nhằm chia cắt chiến trường Bắc Bộ với Khu IV. Cũng trong năm này, chiến dịch Tây Bắc được mở màn vào ngày 14/10/1952, giải phóng một vùng rộng 28.000km², mặc dù kẻ địch đã phải huy động tới ba vạn quân, nhưng vẫn phải rút khỏi Sơn La, phá sản âm mưu lập “xứ Thái tự trị”.

Trong bối cảnh đó, sự bùng nổ cuộc tiến công ở nhà tù Côn Đảo làm hoang mang, phân tán lực lượng địch, buộc Pháp phải tăng cường lực lượng phòng vệ vùng duyên hải và ngoài khơi Côn Đảo, hao hụt quân số để đối phó với tình hình chiến sự ở Đông Dương mà về phía địch ngày càng trở nên bi đát. Như thế, hiệu quả, ý nghĩa của cuộc vũ trang vượt ngục Côn Đảo ngày 12/12/1952 đã vượt khỏi ngưỡng xuất phát ban đầu, càng khẳng định một điều là cần định danh và đánh giá đầy đủ cuộc vượt ngục này, vì tính chất của nó, vừa có vũ trang tiến công địch, lại huy động một lực lượng khá đông là 200 người, có tổ chức chỉ đạo, có kế hoạch chuẩn bị, phương án hành động.

Đây là cuộc vượt ngục có một không hai trong lịch sử nhà tù Côn Đảo, mặc dù trước và sau đây còn có những cuộc vượt ngục khác, thậm chí có cuộc đã thành công trót lọt. Nhiều chiến sĩ cách mạng sau khi thoát khỏi nhà tù Côn Đảo trở về, trong đó có những chiến sĩ tham gia cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 này, trở thành những cán bộ ưu tú, thậm chí đảm đương những chức vụ cao nhất trong bộ máy lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính quyền, đoàn thể, cống hiến to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước.

Với ý nghĩa trên, ta có thể gọi sự kiện 12/12/1952 ở Côn Đảo là *Cuộc tổ chức vũ trang tiến công vượt Côn Đảo* - một sự kiện không thể nào quên trong lịch sử 113 năm nhà tù Côn Đảo và trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước của nhân dân ta.

Tháng 9/2012

KÝ ỨC VỀ NHỮNG NGƯỜI TÙ CÔN ĐẢO

Nguyễn Đông Lĩnh

Năm 1952

Mốc thời gian không có gì đặc biệt lưu lại trong ký ức của tôi nếu không có vinh dự được tiếp xúc với một nhân vật đặc biệt - ông Đoàn Duy Thành - người tù Côn Đảo năm nào. Tôi biết khá muộn khi ông đã ngoài 80 tuổi nhưng vẫn còn nhanh nhẹn và say sưa làm việc. Chúng tôi đến thăm ông vừa đúng lúc ông hoàn thành bản thảo cuốn *“Một số cảm nhận về tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh”*. Khi chưa xuất bản ông đã cho chúng tôi đọc bảo là để góp ý. Thú thực ông đưa chúng tôi không dám từ chối, nhưng góp ý thì không hề nghĩ đến bởi vì sự hiểu biết về lịch sử và xã hội của một thầy giáo như tôi chắc còn bị hạn chế rất nhiều, không thể làm một điều quá sức mình như thế được.

Tuy vậy khi nhận được, tôi miệt mài đọc ngày đọc đêm, đọc nhiều lần mới nhận ra rằng một con người tâm huyết với đất nước với Đảng như ông Đoàn Duy Thành luôn luôn trăn trở để hiểu kỹ Bác Hồ - vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta, của nhân dân ta đã vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào công cuộc giành độc lập, giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta như thế nào.

Liên hệ đến người đảng viên, người tù Côn Đảo thuở nào - ông Đoàn Duy Thành - sau khi trở về đã đem hết tâm huyết và trí tuệ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân theo gương Bác Hồ vĩ đại. Dù ở cương vị nào từ Bí thư Thành ủy Hải Phòng, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, hay các cương vị khác, ông cũng đều hoàn thành xuất sắc, đặc biệt là ông đã tạo ra một “hiện tượng Hải Phòng” trước “đêm đổi mới” làm cho cả nước ngạc nhiên và thán phục.

Câu chuyện về ông tôi không muốn nhắc lại vì trên phương tiện thông tin đại chúng, báo chí đã nói khá nhiều và đầy đủ, tôi chỉ muốn qua ông để nhớ tới những người bạn tù cộng sản từ Côn Đảo trở về cùng ông đã thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của người đảng viên như thế nào từ khi còn ở trong lao tù chốn “địa ngục trần gian”.

Ngày 12 tháng 12 năm 1952 chuyển vượt ngục định mệnh của 200 tù chính trị, chủ yếu là các chiến sĩ cách mạng - đảng viên cộng sản họ là bạn cùng hoạt động, cùng chiến đấu với ông Đoàn Duy Thành, họ thể hiện một tinh thần quả cảm dám chấp nhận hy sinh cho độc lập của Tổ quốc, cho giải phóng dân tộc và cả cho đồng đội khi cần thiết để sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù. Không cần nói nhiều về họ, tôi xin trích vào đây một đoạn trong bản anh hùng ca “*Vượt Côn Đảo*” của nhà văn Phùng Quán:

“... Nước thấm qua làn vải ri rỉ chảy vào thuyền, ngang mắt cá, lút bàn chân. Chiếc thuyền này làm trước tiên, đã 5 tháng liền dưới hầm, vải bị mục, sơn rã ra. Anh em lấy nón, lon đồ hộp tát tới tấp.

Lão Học đổ nước ngọt xuống biển, lấy thùng tát nước. Mạn thuyền nước ép cong cong như một đoạn đê sắp vỡ. Một vài chỗ bục ra, nước trào vào, thành một vòi dài...

Anh Cả bảo:

- Thuyền nặng quá, ném tất cả vũ khí xuống biển.

Bằng từ từ thả khẩu tôm-sông xuống nước, ngồi ngẩn một giây như người mất hồn. Sực người đuối dần, nước vẫn nhiều.

Mặt trời đi dần về phía chân trời. Nắng đổi sang màu vàng nhạt.

Với tình hình này một tiếng đồng hồ nữa sẽ chết hết, không thể ôm nhau mà nhìn thần chết đến cướp cùng một lúc. Giờ phút này phải đòi hỏi sự hy sinh. Anh Cả hội ý với Du và cuối cùng quyết định.

- Cần 5 đồng chí hy sinh để cho thuyền nhẹ bớt.

Mười đồng chí giơ tay cùng một lúc. Trong đó có Bằng, Chức, Lão Học.

Anh Cả nhìn mười đồng chí một lượt, ngồi lặng đi một phút (...). Anh nghĩ Bằng và Vĩnh ngây thơ như hai đứa bé, nhường nhau manh áo rách, hẹn nhau cùng nhập Quyết tử quân, chiến đấu cho độc lập, thống nhất của đất nước, về quê ăn trái sầu riêng và vú sữa...

Tất cả nghiêng chặt răng lại, cổ nuốt nổi đau đớn đang trào lên chèn ngang cổ.

Anh Cả tuyên bố:

- Đồng chí Chức trước phạm khuyết điểm, đoàn thể đã đình chỉ sinh hoạt. Hôm nay, tôi thay mặt Đảo ủy tuyên bố để đồng chí Chức trở lại sinh hoạt.

Chức nghẹn ngào:

- Cảm ơn đồng chí, cảm ơn chi bộ tôi chết không ăn hận gì nữa.

Anh Cả nói tiếp:

- Đồng chí Bằng, chiến sĩ chủ lực, lúc nào cũng tỏ ra anh dũng tận tụy, tôi thay mặt Đảo ủy kết nạp đồng chí vào Đảng kể từ giờ phút này, đồng chí Bằng chính thức là một đảng viên Đảng Lao động Việt Nam.

Nước mắt sung sướng trào lên gò má 18 tuổi của Bằng.

Lão Học xin có ý kiến, giọng trầm bình tĩnh:

- Thừa đồng chí, tôi già rồi có vẻ cũng không còn làm được việc gì cho Tổ quốc, cho Đảng bao nhiêu. Tôi xin thay một đồng chí còn trẻ để đồng chí ấy ở lại phục vụ nhân dân.

Đôi mắt Lão Học nhìn anh Cả thiết tha khẩn khoản, mái tóc cần côi lưa thưa bạc của lão bay bay trong gió. Tất cả lòng hy sinh khảng khái tỏa sáng trên khuôn mặt héo hon. Sóng biển đổ lên từng đợt hung dữ như thách thức những người con dũng cảm của Tổ quốc. Không thể chậm trễ thêm một phút nào nữa, anh Cả cắn chặt vành môi bật máu, cố hết sức nhưng giọng nói vẫn run run:

- Tôi đồng ý để đồng chí Học hy sinh thay đồng chí Chức.

Năm người lần lượt xuống biển. Bằng xuống đầu tiên.

Bằng quay lại nói với Du:

- Thôi em đi đây, anh được gặp chị Thơm, anh bảo em gửi lời thăm, em là em ruột của anh chị. Anh bảo Vịnh, em không thể về quê chơi với Vịnh được nữa...".

Đọc những dòng này lòng chúng ta thất lại, đau xé ruột xé gan trước tấm gương của những người cộng sản trẻ tuổi lúc bấy giờ, mà nhân chứng sống là các anh, các bác nay đã ở tuổi 80 - 90, còn có cơ hội gặp lại nhau để kỷ niệm 60 năm vượt ngục không thành 12/12/1952.

Viết đến đây tự nhiên tôi thấy có một nỗi buồn giăng xé khi nhớ đến câu nói của đồng chí Tổng Bí thư: “Còn một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất, gây thất thoát cho nền kinh tế hàng ngàn tỷ đồng. Hết công ty này đến tập đoàn khác đứng bên bờ vực phá sản nếu không có những người tâm huyết hô hào cơ cấu lại...”.

Nhưng không, có lẽ tôi không nên buồn mới phải, ngoài cái bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất ấy ra chúng ta còn hàng triệu đảng viên hết mình vì lý tưởng cộng sản, vì nhân dân, vì Tổ quốc sẵn sàng cống hiến như những chiến sĩ cộng sản trong “*Vượt Côn Đảo*” và bởi vì “bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất” đó trước đây họ cũng là những người tiêu biểu, chủ chốt được rèn luyện trong môi trường hết sức cơ bản. Chủ nghĩa Mác - Lênin, họ đã học hết trường này sang lớp khác, và chắc ở cơ quan họ cũng là người chỉ đạo việc học tập “*Tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh*” không lý gì họ bị thoái hóa? Vậy thì việc gì phải buồn.

Thôi thì cứ hy vọng... hy vọng... và hy vọng...

Xin hãy nhìn vào tấm gương của những người cộng sản trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc

Mỹ nói chung và những người tù "*Vượt Côn Đảo*" nói riêng. Họ thể hiện một tinh thần cách mạng vì nước vì dân triệt để, khi họ mới ngoài 20 tuổi đời, họ chưa được trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh một cách hệ thống.

Thôi thì cứ hy vọng... hy vọng... và hy vọng...

KỶ NIỆM 60 NĂM VƯỢT NGỤC CỦA ANH EM TÙ BINH CÔN ĐẢO

*Lê Quang Ba**

Côn Đảo là một hòn đảo nhỏ cách xa đất liền hàng trăm kilômét. Sau khi bọn Pháp xâm lược Việt Nam, năm 1862, chúng đã chiếm nơi này để làm căn cứ, hy vọng khống chế được cả một vùng trời biển rộng lớn nhằm thực hiện âm mưu xâm lược nước ta. Ngay sau đó không lâu, chúng đã biến Côn Đảo thành nơi giam giữ những người yêu nước nổi dậy chống lại ách thống trị khắc nghiệt của bọn chúng.

Với địa thế cách trở, Côn Đảo lại không có dân chúng nên đã trở thành một vị trí biệt lập, một điều kiện rất tốt để giam nhốt tù nhân, đàn áp những người yêu nước và những người cách mạng. Với điều kiện bị cô lập ấy, bọn thực dân Pháp cũng như bọn xâm lược Mỹ sau này tha hồ hành hạ, tàn sát giết hại tù nhân. Chúng đã giam cầm, đầy đọa người tù bằng các cực hình: nhốt xà lim hầm đá, chuồng cọp, chuồng bò, còng xiềng đánh đập, bỏ khát, bỏ đói, rải vôi, dội nước, ném lựu đạn cay.

* Chủ tịch Hội tù yêu nước Quảng Ngãi.

phi tiến vào các phòng cầm cố biệt giam... Hình thức dày đọa phổ biến và thường xuyên là cưỡng bức khổ sai lao động nặng nhọc. Đây là một trong những nguyên nhân cùng với ăn uống thiếu thốn, giam cầm khắc nghiệt, bệnh tật không có thuốc men và tàn sát giết hại, nên tại nhà tù Côn Đảo đã có hàng vạn người bỏ mình tại các địa danh đã đi vào lịch sử như: Hàng Keo, Hàng Dương, Hòn Cau, Bãi Canh, Cầu Tàu, Ma Thiên Lãnh, Cỏ Ống v.v...

Đặc biệt, dưới thời Mỹ nguy chúng có âm mưu rất thâm độc cố tiêu diệt sinh mạng chính trị của những người cộng sản, những người yêu nước. Chúng cưỡng bức buộc ly khai Đảng Cộng sản, buộc chào cờ 03 que nguy, buộc hô khẩu hiệu phản động: đả đảo Hồ Chí Minh, ủng hộ Ngô tổng thống hoặc ủng hộ Việt Nam cộng hòa sau này...

Tôi, một người tù chính trị đã ở tù tại Côn Đảo từ đầu năm 1957 cho đến năm 1973. Suốt 17 năm ấy đã trải qua biết bao nhiêu khổ cực, đau đớn, giày vò, cay đắng. Nhưng cũng rất tự hào vì đã cùng với anh em vùng dậy chống lại mọi thủ đoạn chính trị đen tối đê hèn của bọn chúng, nêu cao tinh thần bất khuất của người tù chính trị Côn Đảo, đã buộc bọn giặc cay đắng chấp nhận “giữa địa ngục trần gian Côn Đảo có 1 vùng tự do tư tưởng cho đến ngày toàn thắng”.

Tôi đã đọc cuốn “*Vượt Côn Đảo*” của nhà văn Phùng Quán trước mấy hôm khi ở Quảng Ngãi quê hương tôi bọn Pháp và tay sai Ngô Đình Diệm đến tiếp quản sau 300 ngày ký kết Hiệp định Giơnevơ. Ở tù Côn Đảo chúng tôi đã có nhiều lần nói cho nhau nghe về cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952 và

đã nhiều lần qua lại Đâu Mom, nhiều lần đi đón củi, chặt cây ở Bến Đầm. Tôi đã suy nghĩ mãi về cuộc vượt ngục của 200 anh em tù binh đi làm đường ở Bến Đầm. Là người ở tù ai cũng trông mong làm sao thoát khỏi cảnh giam cầm đầy dọa, ai cũng khát vọng tự do, mong về đời để tiếp tục cùng đồng đội, cùng nhân dân chống giặc. Chính vì thế cha ông chúng ta ở tù Côn Đảo trước đó cũng đã có hàng trăm lần vượt ngục. Nhiều cuộc vượt ngục thành công nhưng cũng rất nhiều cuộc mất tích giữa biển khơi hoặc bị giặc bắt lại. Có điều tôi luôn trăn trở nghĩ suy, trong điều kiện ăn ở giữa bãi đất trống trơn gần Đâu Mom như vậy, có cả một trung đội binh Âu - Phi và bọn tay sai canh gác rình mò, theo dõi. Thế mà các đồng chí tù binh chúng ta dám nghĩ đến chuyện vượt ngục. Vượt ngục cho cả tập thể 200 người! Đó là chưa nói đến ý đồ cướp đảo giải phóng tù nhân.

Cái gì đã thôi thúc các đồng chí chúng ta dám nghĩ, dám làm táo bạo như vậy? *Tấm lòng yêu nước, khát vọng tự do!* Đúng là lòng yêu nước. Tấm lòng yêu nước đã thôi thúc các đồng chí chúng ta đạp bằng và vượt qua mọi khó khăn mọi trở ngại hy sinh, quyết tâm về căn cứ cách mạng cùng với nhân dân chống quân thù xâm lược. Cuộc vượt ngục không thành do gặp phải điều kiện khách quan và một số thiếu sót chủ quan, nhưng cuộc vượt ngục là biểu tượng cao đẹp của dũng khí, quyết tâm sáng ngời và có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Đó là:

1. Đây là cuộc vượt ngục lịch sử “vô tiền khoáng hậu” trên đất đảo, có quy mô to lớn được tổ chức chuẩn bị hết sức công phu và được cả một tập thể đồng lòng, có sự lãnh đạo của chi bộ Đảng và được anh em tù nhân toàn đảo góp sức ủng hộ.

2. Quyết tâm, táo bạo, dám nghĩ, dám làm. Một tinh thần hy sinh tự nguyện anh dũng tuyệt vời. Một tinh thần trách nhiệm cao trước những khó khăn cũng như trước thách thức tàn bạo của quân thù.

3. Bí mật, tổ chức sắp xếp khéo léo che mắt được sự kiểm tra theo dõi của kẻ thù. Kế hoạch, bố trí phân công chu đáo, tỷ mỉ nên trong việc làm và nổi dậy rất nhịp nhàng và ăn khớp.

4. Giáo dục, xây dựng một tập thể rất ngoan cường đầy khí tiết cách mạng đã giữ vững tinh thần và hành động trước sự việc không thành công, trước đàn áp khủng bố của kẻ thù, không một ai đầu hàng phản bội.

5. Thể hiện một thái độ khoan dung độ lượng của cách mạng đối với kẻ đã hợp tác với quân thù, khi họ đã bị sa cơ thất thế. Nêu cao được chính nghĩa, nêu cao lý tưởng cách mạng có tính giáo dục và thuyết phục cao. Còn những mặt khuyết điểm chủ quan của cuộc vượt ngục xin nhường lại cho các đồng chí trong cuộc.

Tinh thần cuộc vượt ngục là bất diệt!

MỘT NGƯỜI TÙ CÔN ĐẢO TRONG KÝ ỨC CỦA TÔI

*Võ Xuân Tường**

Người cộng sản - người tù Côn Đảo mà tôi được biết đến và được tiếp cận sớm nhất là đồng chí Đoàn Duy Thành.

Vào những năm tám mươi của thế kỷ trước, khi mà tình hình kinh tế đất nước lâm vào cảnh khó khăn khôn cùng, lớp thanh niên trí thức chúng tôi lúc đó ngồi đâu cũng bàn tán, trao đổi muốn góp phần vào việc tìm ra lối thoát cho đất nước. Nhiều cuộc hội thảo, nhiều buổi thuyết trình của các nhà kinh tế nước ngoài được tổ chức. Người ta tìm đến với các học thuyết kinh điển như: Kant, Adam Smit, Keynes... *ngõ hầu* tìm được một lối thoát cho nền kinh tế Việt Nam. Nhưng có lẽ nền kinh tế Việt Nam thời điểm đó đã quá ốm yếu, các lý thuyết kinh điển trên không giúp được gì nhiều trong việc tìm ra lối thoát. Giữa lúc ấy người ta bàn tán xôn xao đến “hiện tượng Hải Phòng”, cũng chỉ là những thông tin truyền miệng, chưa có một cơ quan có trách nhiệm nào tổng kết, đánh giá, vì

* Chuyên viên cao cấp 6/6, nguyên Vụ trưởng Bộ Ngoại giao.

thể báo chí cũng đưa tin dè dặt. Tình hình chỉ rõ lên khiến cả nước hướng về Hải Phòng khi bài thơ của anh Tố Hữu gửi nhân dân Hải Phòng:

*“Bốn công, ba cầu, năm cửa ô
Đào kênh, lấn biển, mở cơ đồ
Làm ăn, hai chữ à ra thế!
Chèo chống ngàn tay một tiếng hô...”*.

Trong những câu thơ trên, tôi thích nhất câu *“Làm ăn, hai chữ à ra thế!”*. Một câu cảm thán bật thốt ra từ một sự chiêm nghiệm, suy ngẫm chín muồi của người lãnh đạo kinh tế cao nhất của Đảng và Chính phủ lúc đó. Đó là một khẳng định sự đúng đắn của những việc làm có tính đột phá trong cách làm ăn của Hải Phòng.

Sự động viên khích lệ kịp thời của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ là “thanh Thượng Phương bảo kiếm” giúp cho lãnh đạo Hải Phòng tự tin hơn, dũng cảm hơn trong vai trò người mở đường sáng tạo. Sự thống nhất cao trong lãnh đạo của Thành ủy, UBND thành phố, sự nhất trí một lòng của nhân dân đối với người cầm lái *“Chèo chống ngàn tay một tiếng hô...”* đã đưa Hải Phòng tiến mạnh, thực hiện một cuộc “Đổi mới” trước “Đổi mới” và điều này tôi nghĩ chỉ có thể biến thành hiện thực khi người lãnh đạo, người cầm lái phong trào có tính cách mạng đó là người thông minh, quyết đoán, toàn tâm, toàn ý vì sự nghiệp cách mạng, vì mục đích đem lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân. *“Một tiếng hô”* ấy chính là tiếng hô của đồng chí Chủ tịch, Bí thư Thành ủy Hải Phòng Đoàn Duy Thành. Một hình ảnh hay như một câu đối của bậc túc

nho, nói lên cái gian truân của người lãnh đạo khi phải quyết tâm bứt phá khỏi những ràng buộc của cơ chế cũ. Đó là hình ảnh: “Con tàu *Sông Cấm*, thoát ra khỏi *Cửa Cấm*, vượt trùng dương đến những miền *Đất Cấm*” để mua thuốc men, vải vóc và công cụ sản xuất cải thiện đời sống nhân dân, phát triển sản xuất. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khi mở đầu công cuộc đổi mới đã gọi hành động này bằng hai chữ “*Cởi trói*”. Việc xóa bỏ những cấm đoán vô lý là một trong những nội dung của công cuộc đổi mới đất nước.

“Làm ăn *hai chữ quen mà lạ...*” tiếp nối dòng suy nghĩ cách làm ăn của Hải Phòng, sau này, trong một bài thơ anh Tố Hữu lại viết như vậy. Quả là “lạ” thật. Lật những trang lịch sử kinh tế của mỗi quốc gia có lẽ không có đâu có cách “tích lũy tư bản” như cách làm của Hải Phòng, vận động học sinh xuống ruộng bắt đĩa để xuất khẩu, cho người lên rừng nhặt từng cân sa nhân đem đi bán... mà hàng xuất khẩu chỉ tính bằng kilôgam (“4kg” đĩa!). Chỉ có Bí thư Thành ủy Hải Phòng mới làm như vậy và chính Hải Phòng đã đi lên từ những bước đi chập chững ban đầu đó.

Cái thành công đáng nói của Hải Phòng không phải chỉ là xây được “ba cầu, bốn cống...”, không chỉ là ở chỗ “đào kênh lấn biển”, tạo ra được một khu công nghiệp Đình Vũ, đắp đường nối các đảo, mà điều cống hiến quan trọng nhất của Hải Phòng cho công cuộc đổi mới của đất nước là nó đã gợi ra được những đường đi nước bước, những định hướng cơ bản để hình thành một đường lối đổi mới chung của đất nước.

Câu nói của đồng chí Đoàn Duy Thành: “Chúng tôi không

xin tiền, chỉ xin một cơ chế” đã chỉ ra rằng việc đổi mới đầu tiên phải làm là việc đổi mới cơ chế quản lý đất nước.

Từ ngày anh về hưu tôi ít được nghe về anh. Đôi lúc vẫn vợ suy nghĩ: “Không biết các cụ này về hưu họ làm gì nhỉ?”. Tình cờ, một hôm mấy người bạn rủ tôi đến thăm anh. Anh vẫn thế, vẫn phong thái ung dung, nét mặt đôn hậu, cử chỉ mực thước, trên bàn la liệt các báo và tạp chí. Tôi để ý thấy một cuốn sách bìa da “lên nước”, giấy đã úa vàng, chữ Hán, hình như là cuốn “*Kinh Xuân Thu*” của Khổng Tử. Nhóm chúng tôi không có ai “cơ cấu” sắp xếp, nhưng có đủ các thành phần: giáo sư, cán bộ giảng dạy ở các trường đại học, chuyên viên cao cấp đã từng làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, một số nhà văn, nhà thơ... Anh hòa nhập với chúng tôi rất nhanh, rất bình dị, chuyện trò vui vẻ, hết chuyện thời cuộc đến chuyện tiểu lâm rồi bình thơ, đọc thơ...

Thấy vui, anh mời chúng tôi về quê anh chơi. Một buổi sáng, đúng hẹn, mấy anh em chúng tôi cùng nhau về Hải Dương quê anh, đến đâu thành phố Hải Dương xe chạy chậm lại. Chúng tôi đang nghiêng ngó hỏi đường về huyện Kim Thành thì thấy anh bên đường bước ra dẫn chúng tôi về nhà anh ở xã Cộng Hòa. Xe chúng tôi chạy bon bon trên những con đường bê tông, hai bên đường lúa xanh mượt mà. Chương trình xây dựng nông thôn mới: Điện - Đường - Trường - Trạm đã làm thay đổi một cách cơ bản bộ mặt làng quê.

Ngôi nhà của anh được xây cất trên khu đất rộng 500m² do ông cha để lại. Hai hàng râm bụt lá xanh mượt mà dẫn chúng tôi vào. Bước vào nhà, tầng trệt anh để làm thư viện với

hơn 10.000 đầu sách, tạp chí: *Lênin toàn tập* hơn 50 cuốn, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, nghị quyết các kỳ đại hội... và điều đặc biệt làm chúng tôi thích thú là có cả *Hồng lâu mộng*, *Đông Chu liệt quốc*, *Tam quốc chí*, *Thủy hử*... Có cả *Tônxtôi*, *Gôgôn*, *Lécmon-tốp*... Rồi, *Trăm năm cô đơn*, *Những người khốn khổ*... *Vôn-te*, *Banzắc*... có cả. Chỉ là một thư viện cá nhân nhưng cái hay là ở cách quản lý làm cho nó có sức lan tỏa và phát huy tác dụng. Những người quản lý thư viện là các giáo viên, học sinh con cháu của anh. Độc giả của thư viện không chỉ là người làng mà còn là những người của xã khác, nhiều giáo viên và cán bộ huyện cũng là độc giả quen thuộc của thư viện.

Buổi chiều anh dẫn chúng tôi đi thăm ngôi nhà thờ tổ họ Đoàn, ngôi nhà thờ vừa được xây dựng tu bổ lại khang trang. Trước mặt là hồ sen bán nguyệt. Hai cây bồ đề uy nghi đứng trước sân nhà thờ tạo nên một quang cảnh trang nghiêm và một cái gì đó thiêng liêng. Bà con trong họ, ngoài làng gặp chúng tôi hớn hờ khoe: “Ngày giỗ tổ vừa rồi bà con họ Đoàn trong cả nước về họp mặt rất đông, có người đã bỏ quê hơn 60 năm nay cũng dẫn con cháu về cho biết tổ, biết tông... Một không khí tung bừng, vui và cảm động lắm!”.

Từ hai việc làm: Tổ chức một thư viện và xây lại ngôi nhà thờ họ khi anh đã về hưu, ở tuổi 80... trong tôi xuất hiện một câu hỏi: “Tại sao anh làm hai việc này?”. Liên tưởng đến cuộc đời công tác của anh từ khi là Bí thư Thành ủy Hải Phòng, rồi Bộ trưởng, rồi Phó Thủ tướng và nhiều cương vị khác, ở đâu, những công việc anh làm đều có ý nghĩa đặt nền tảng cho một sự phát triển lâu bền, là những việc làm có tính chất mở lối, bố

sung thêm cho những chính sách hiện hành của Đảng và Chính phủ. Tôi đứng ngắm cảnh làng quê đổi mới với “Điện - Đường - Trường - Trạm” chợt nhận ra rằng bốn yếu tố trên rất cần nhưng chưa đủ, thiếu mất yếu tố văn hóa (Nhà văn hóa hiện tại chỉ là nơi cưới xin, liên hoan, tiệc tùng...). Quan hệ họ tộc là một mối quan hệ linh thiêng trong tâm hồn người Việt. Nhà thờ họ sẽ là nơi neo đậu tinh thần của những người cùng huyết thống tạo thành sự cội kết dòng tộc và từ đó khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, phát triển. Truyền thống cha ông được nuôi dưỡng và phát huy. Tôi hình dung ra trên nền tảng của một nông thôn mới với: “Điện - Đường - Trường - Trạm” nếu có thêm một thư viện (thậm chí sau này có thể xây dựng nhà hát), có các nhà thờ họ tộc tôn nghiêm, có mái đình rêu phong cổ kính cùng với cây đa sân đình, lũy tre làng trước ngõ thì đây sẽ là nơi hội tụ hồn quê làm tôn lên tình yêu quê hương, yêu Tổ quốc trong lòng người dân Việt cho bây giờ và cho mãi mãi muôn đời sau.

Anh là người ít nói, đi bên anh, tôi nghĩ hình như anh muốn bổ sung thêm nội dung cho đường lối xây dựng nông thôn mới mà cả nước đang thực hiện hiện nay. Tôi buột miệng đọc câu thơ của cụ Phan Bội Châu: “*Đứng trượng phu tùy ngộ nhi an*”. Anh hỏi: “Cậu nghĩ gì mà đọc câu thơ ấy? Theo cậu hiểu câu ấy có ý nghĩa gì?”. Tôi nói: “*Tùy ngộ nhi an* là một cách xử thế trong “*Hình nhi hạ học*” của Khổng Tử. Nhiều người giải thích rằng Khổng Tử dạy người đời phải sống theo kiểu tùy cảnh ngộ mà yên thân, nhưng theo tôi không hoàn toàn thế! Cụ Phan nhắc nhở các “đứng trượng phu” bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng phải tìm cách góp phần giúp cho

việc an dân trị quốc, và tôi nghĩ, chính anh (Đoàn Duy Thành) là một bậc trượng phu như thế”.

- Chết, chết... cậu quá lời!

Tôi nhìn anh cười, nói:

- Mỗi khi nghĩ đến anh không hiểu tại sao tôi thường ví anh với cụ Nguyễn Công Trứ.

- Làm sao sánh được với các tiền nhân. - Anh nói.

- Anh khiêm tốn vậy thôi. - Tôi nói - “Hào kiệt thời nào cũng có”. Nguyễn Công Trứ, người đời quen gọi là Uy Viễn tướng công, đã từng làm Thượng thư Bộ Binh rồi lại giáng xuống làm anh lính trơn xách đuốc cày cho bọn cai, đội, thậm chí có lần bị xử trảm cho hậu giam, rồi được tha, rồi lại được thăng làm Tổng đốc... nhiều chức tước cao như vậy nhưng khi nói đến cụ Nguyễn người ta thường nhắc đến công lao của cụ trong việc khai phá hai huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình). Nhân dân đã lập đền thờ ở đấy và hằng năm cho đến bây giờ vẫn không quên tế lễ ghi nhận công đức của cụ. Còn anh, chưa nói đến việc đào kênh lấn biển, mở đường ra các đảo tạo ra các tiền đề có tính nền tảng cho việc đổi mới, chỉ riêng cái “Đình Vũ” của anh đã gấp nhiều lần cái Kim Sơn, Tiền Hải rồi...

- Không thể so sánh thế được! - Anh nói. - Hoàn cảnh lịch sử của mỗi việc làm khác nhau.

- Vâng anh nói đúng! So với cụ Nguyễn anh còn kém nhiều điểm. - Tôi nói.

- Điểm gì? - Anh hỏi.

- Cụ Nguyễn sau khi cáo quan về hưu đi tu ở núi Nài (một ngọn núi ở phía đông nam thị xã Hà Tĩnh). Cụ đi tu nhưng khác đời, “tu” nhưng “sau lưng đung đỉnh một đôi dì”... Và cụ còn tuyên bố: *“Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi bấy! Nếu không chơi thiệt ấy ai bù”*. Còn anh thì quá nghiêm túc làm cho “đàn em” như bọn em, phát sợ.

Anh Thành bảo: - Trong lịch sử Việt Nam có thể coi Nguyễn Công Trứ là một hiện tượng.

- Vâng! - Tôi nói. - Nguyễn Công Trứ là con người đa tài, có thể nói là một hiện tượng hiếm có trong lịch sử. Ông là con người của hành động. Cuộc đời trải qua nhiều thăng trầm. Ông hiểu sâu sắc nhân tình thế thái đương thời. Một lần nhân dịp đi du xuân, đứng nhìn cảnh chơi đu, ông làm bài thơ:

*“Nào, nào thằng nào sợ thằng nào
Đã sa xuống thấp lại lên cao
Nếu còn quanh quẩn trong vòng ấy
Ắt sẽ có phen phải lộn nhào...”*

Ông cáo quan về hưu. Ông chán cảnh quan trường nhưng không chán đời. Ông là người yêu đời và chịu chơi. Đối với ông, bất cứ thứ gì cũng chỉ là một thứ đồ chơi, kể cả tài “kinh bang tế thế” của ông: *“Trời đất cho ta một cái tài Giắt lưng dảnh để tháng ngày chơi...”*.

Nguyễn Công Trứ là một người đào hoa, một khách đa tình rất mê hát a đào. Ông viết rất nhiều bài ca trù, lời hát du dương trữ tình có thể coi ông là một trong những người sáng tạo ra nghệ thuật ca trù của Việt Nam. Việc UNESCO công nhận ca

trù Việt Nam là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại phải nói tới công lao đóng góp rất lớn của Nguyễn Công Trứ.

Năm 1858 khi giặc Pháp đem quân đổ bộ vào cảng Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta, khi ấy cụ Nguyễn đã ở tuổi 80. Cụ dâng sớ lên vua Tự Đức xin được cầm quân ra trận chống quân xâm lược. Nhà vua rất cảm kích tấm lòng yêu nước đó, nhưng không chuẩn tấu vì cụ đã quá già. Cũng năm ấy cụ qua đời. Mặc dù khi về hưu chức vụ của cụ chỉ là Phủ doãn (tỉnh trưởng) tỉnh Thừa Thiên nhưng đám tang của cụ hầu như có mặt đầy đủ các quan thượng thư, tổng đốc của triều đình. Vua Tự Đức đã hạ chiếu cho lập đền thờ cụ ở quê nhà.

Anh Đoàn Duy Thành lặng lẽ đi bên tôi, vẻ mặt trầm tư, hình như những chuyện này anh đã đọc, đã biết nhưng anh vẫn muốn nghe tôi kể (chắc anh muốn biết những người như tôi - thuộc lớp hậu thế - nghĩ gì về những bậc tiền nhân, về những con người một lòng vì nước, vì dân...).

Trời đã xế chiều, chúng tôi xin phép anh trở về Hà Nội. Anh cố giữ chúng tôi ở lại cùng chuyện trò với anh một đêm nhưng chúng tôi xin cáo từ. Một ngày ở quê anh, một vùng đất thanh bình của làng quê sau đổi mới đẹp như một bức tranh, chúng tôi không ai nói với ai điều gì nhưng trong đầu đều nghĩ đến cuộc đời của anh, của một người tù Côn Đảo, đã từng bị đọa đầy ở chốn “địa ngục trần gian”, rồi khi ra tù đã đảm nhiệm nhiều chức trách khác nhau, nghĩ về những việc anh đã làm khi còn đương chức cũng như khi đã về hưu, cho đến bây giờ ở tuổi tám mươi anh vẫn gắng sức làm cho cuộc đời này đẹp hơn, đất nước này đẹp hơn.

Nhìn quyển sổ lưu niệm để trên mặt bàn, nhà thơ Thanh Thủy một con người “xuất khẩu thành chương” đang chăm chú đọc, chúng tôi đồng thanh đề nghị chị làm một bài thơ tặng anh Thành. Chị chối từ: “Đề nghị các anh viết trước em ít tuổi nhất xin viết sau. “*Lady the first*” là tục lệ của phương Tây còn ở Á Đông ta phải là “kính lão đắc thọ”, đề nghị nhà văn Võ Xuân Trường viết trước...”. Tôi đã suy nghĩ nhiều về những việc làm của anh từ ngày anh đương chức, nay về đây được chứng kiến những việc anh làm khi đã nghỉ hưu cho một nông thôn mới giàu đẹp văn minh, lòng tôi rộn lên bao cảm xúc, muốn viết nhiều, muốn nói nhiều, nhưng chưa biết bắt đầu như thế nào! Bỗng khuâng nhớ đến hai câu thơ của chúa Trịnh Tùng:

*“Vấn lai dĩ sự tu vi sử
Tế nhận như đồ dục mệnh thi”*
(Hỏi lại chuyện cũ muốn viết sử,
Nhìn cảnh đẹp như tranh lòng muốn làm thơ).

Nếu tôi là nhà sử học tôi sẽ viết một quyển sử về những người tù Côn Đảo như anh, nếu tôi là nhà thơ thì cuộc võ trang tự giải thoát của họ khỏi nhà tù Côn Đảo ngày 12/12/1952 (dù không thành) ấy sẽ là một bản trường ca bất tử. Nhưng, cả sử và thi tôi đều vụng nên không làm được gì may sao nhớ được hai câu thơ của cụ Phan Bội Châu, tôi vội chép vào quyển lưu niệm để tặng anh, để tỏ tấm lòng thành kính và sự ngưỡng mộ đối với những người đã hy sinh trong cuộc nổi dậy ấy và những người còn sống đến hôm nay:

*“Mạc sâu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ thùy nhân bất thức quân”*

(Thiên hạ ai người chẳng biết anh
Lòng dân là cuốn sử xanh muôn đời).

(Kính tặng anh Đoàn Duy Thành)

Tôi viết xong, nhà thơ Thanh Thủy mới “vung bút thành thơ” làm một bài thơ dài với đầu đề: *Người mở lối* với câu đề tặng rất trang trọng: “*Kính tặng ông Đoàn Duy Thành, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ*”. Bài thơ dài có 5 khổ với 20 câu thơ, tôi chỉ kịp nhớ được 2 khổ 8 câu:

.....

*Vinh quang, gian khó có thừa
Thơm như trăm dã vào mùa tỏa hương
Trọng đạo lý, quý văn chương
Từ quan về với đời thường nhẹ tênh.*

*Tâm nhiệt huyết trí tình anh
Vì dân, vì nước tiếng lành đồn xa
Viết lên trang sử quê nhà
Dựng xây đất cảng nở hoa một thời...*

Nhà thơ Đông Lĩnh, “ông đồ xứ Nghệ”, vốn là giảng viên của một trường đại học danh tiếng của Hà Nội, người đồng hương với “Uy Viễn tướng công” viết tặng anh Đoàn Duy Thành 02 câu đối:

Kính tặng anh Đoàn Duy Thành:

*Vun gốc Thiện - Chấn lưu vạn cổ
Xây thành Trung - Nghĩa vững ngàn thu.*

Trên đường về, ngồi trên xe chúng tôi lại râm ran về những giai thoại của cụ Nguyễn Công Trứ, của anh Đoàn Duy Thành. Giai thoại về Nguyễn Công Trứ thì có nhiều, người ta đã xuất bản thành sách 36 giai thoại về cụ. Còn anh Thành thì không có giai thoại, chỉ là người thực, việc thực. Vui nhất là chuyện “đeo nhẫn vào “chìm”” mà anh đã làm khi bị đẩy ra Côn Đảo năm 1952. Khi ấy chi bộ Đoàn Xá nhận được 3000 đồng (tiền Đông Dương), của Thành ủy Hải Phòng gửi cho đoàn tù Đoàn Xá sắp đi Côn Đảo. Anh Thành đã đề nghị dùng số tiền trên mua 10 chỉ vàng thành nhẫn mở, với cương vị là bí thư chi bộ của đoàn tù, đã phân công cho mười người đeo vòng vào quy đầu, trong đó có bản thân mình để tránh sự khám xét rất kỹ lưỡng của bọn mật thám (chúng bắt cởi hết quần áo, soi cả vào hậu môn xem có cất giấu gì không). Kết quả, đoàn tù đã lọt qua được các con mắt cú vọ của bọn mật thám...!

ĐẢO TỪ XƯA VÀ KHÚC HÁT HÔM NAY

Đoàn Minh Tuấn

Mặt trời vội vàng vén màn sương mờ xám, gối đầu lên quần đảo Côn Sơn. Ánh hồng phơn phớt sớm nay nhuộm sáng đường băng sân bay Cỏ Ống. Chiếc phản lực I-ác 40 giảm dần độ cao, nghiêng cánh xuống bãi Đầm Trấu như con công cộc biển, rồi thả bánh trượt nhanh trong những vạch vôi trắng loang loáng sương đêm, đậu ở trước ga bay.

Trên phi trường đảo xa xôi này vẫn còn chông chênh hàng chục máy bay đủ loại của bè lũ tay sai bèo bọt, hồn xiêu, phách lạc trôi ra bể bỏ xác lại nơi đây.

Từ Cỏ Ống về thị trấn Côn Sơn phải mất tiếng đồng hồ. Đoạn đường ngắn nhưng đi vòng mũi Chim Chim, đèo dốc ngoằn ngoèo, xe chạy mỗi giờ chỉ được 15 cột cây số, nếu đi bộ dọc biển phải hơn ba tiếng.

Căn cứ Lôrăng lơ lơ giữa khoảng xa hẻo lánh, trắng xóa một màu tang buồn của đế quốc Bắc Mỹ. Đó là đài radar cỡ “bự” ở Đông Nam châu Á mà Hoa Kỳ đã bỏ hàng triệu đô la dựng lên để bảo vệ cho Sài Gòn. Ở đây có vạn vạn “mắt thần” đêm ngày dòm ngó lực lượng quốc phòng phương Bắc thân kỳ xã hội chủ nghĩa của ta từ bao năm nay. Nhưng không một dự

doán nào biết nổi cơn sóng biển một chiều cuối tháng tư, mùa xuân thân thoại của chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh lịch sử.

Vòng qua bãi Đất Giốc, chạy trong rừng dương dài xanh mát để về thị trấn Côn Sơn, chúng tôi dừng xe ở nghĩa địa Hàng Dương. Ngã mũ chào đồng chí Lê Hồng Phong, người chiến sĩ cộng sản kiên cường đã bị kẻ thù sát hại, hy sinh ở Sở Muối đảo tù. Mặt đất, ngọn cỏ, cành dương đâm đũa đâm ướn hơi sương, nhòe sũng lối đi. Phải chăng đây là nước mắt của bao bà má, bao người vợ trẻ, bao cháu thơ, bao đồng chí thân thương, sau ngày giải phóng, từ Thành phố Hồ Chí Minh hành hương về “Thánh địa Côn Sơn” viếng mộ liệt sĩ.

Thuở xưa, khi các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng ở tù nơi đây, đã ngợi ca Côn Lôn là quần đảo trung liệt. “Trung liệt đảo”, đó là một chùm mười bốn hòn đảo xinh đẹp có lịch sử đấu tranh kiên cường của bao thế hệ, suốt hơn một thế kỷ qua.

Nhẹ chân bước lên thêm gạch bốn bậc còn nồng hơi ấm và lòng biết ơn của đất liền, của nhân dân thành phố tên Vàng của nhân dân Bà Rịa - Vũng Tàu sau ngày giải phóng gửi ra xây mộ, xây đền, chúng tôi đứng lặng giờ lâu trước mộ, bia chị Sáu. Giặc Pháp hành quyết chị ngày 23/12/1952. Chị Võ Thị Sáu ngã xuống sau Lê Hồng Phong, mới mười lần rừng dương thay lá mà tên tuổi chị đã vọng vang khắp miền Tổ quốc. Cả nước kính yêu gọi Võ Thị Sáu bằng chị... Buổi sớm hôm nay trời có nhiều vệt mây xám, một cành cây bị gió lay gãy trước mộ. Tiếc thương cây lá còn biếc xanh mà ngọn cành cụt gãy:

*Đời xuân tiếng hát giữa rừng
Sách còn để mở, tay dừng giữa trang*

Trang đời của Võ Thị Sáu mở ra tuyệt đẹp, lẽ nào những nhà điêu khắc của ta không dựng nơi đây một tượng đài Võ Thị Sáu cài hoa rừng đỏ tươi lên mái tóc xanh lúc hiên ngang ra giữa pháp trường?

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh kính yêu của Đảng ta, các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, những người tù trước kia của đảo tù đã lần lượt trở về đây đặt những vành hoa đỏ trước đài liệt sĩ, trước mộ của các anh các chị vô danh ở nghĩa địa Hàng Dương.

Chậm rãi lần từng bước trên con đường cát, cỏ dại mọc tràn mặt đất, gò đồng ngồn ngang trong nghĩa địa, chúng tôi chẳng dám động, nói chẳng thành lời. Bên chúng tôi những khóm rau ngót rừng, những bụi cây hồ người cùng khép chặt lá lại, dường như chung tưởng niệm những người con gái, con trai của Đảng, của đất nước yên nghỉ giữa địa ngục trần gian, có một không hai của thế kỷ nhiều biến động lớn lao này.

Một trăm mười ba năm lẻ, kể từ khi tên chúa đảo thực dân đầu tiên, năm 1862 - hải quân trung tá Rutxen đến bọn "cáo mượn oai hùm" đại tá Nguyễn Văn Vệ, trung tá Lâm Hữu Phương, vị chỉ năm mươi ba tên chúa đảo cai quản đảo tù Côn Lôn. Tất nhiên trước đó những năm 80 của thế kỷ XVII, công ty Pháp ở Đông Ấn hát căng thực dân Pháp... rồi tiếp đến cuộc nổi dậy của anh em binh lính giết tên Dao - ty, thực dân Anh...

Các chiến sĩ của phong trào Cần vương, các bậc tiền bối đã từng dấy lên ngòi lửa chống sưu, chống thuế ở Trung Kỳ, các

thú lĩnh nghĩa quân của Đề Thám, Đông Kinh nghĩa thực. Thiên địa hội... lần lượt kẻ trước người sau bị đẩy ra đảo tù Côn Lôn. Nghe các cụ cao tuổi kể lại: Các chiến sĩ cách mạng lúc bấy giờ còn mặc áo dài thâm, tóc búi, chít khăn đen, bị xâu từng đoàn đẩy xuống tàu ra đảo.

Côn Lôn, đảo tù xưa xa vời trong trí tưởng tượng và lạnh lẽo u buồn của những ngày cụ Phan đi đập đá và những bài thơ viết về Ma Thiên Lãnh. Trong xà lim thời ấy khí tiết凛冽 của cha ông đã thể hiện bằng những câu thơ tứ tuyệt bằng máu kẻ lên tường. Cũng như trưa nay đứng trước “chuồng bò”⁽¹⁾ chúng tôi còn đọc được một vài câu nét chữ mộc mạc của các anh hùng chống Mỹ viết bằng máu, hình như mới viết vào những ngày ta sắp giải phóng đảo:

Máu ta còn quý hơn vàng

Tổ quốc cần đến, sẵn sàng hiến dâng

Xưa kia nhiều chiến sĩ tiêu biểu, bị tù đầy nơi hòn đảo xa xăm này: Trần Kỳ Phong, Nguyễn Hàm, Lã Xuân Oai, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... và nghe đâu Thủ Khoa Huân trước khi bị lưu đầy ra đảo Rêuyniông (1864), ông cũng bị tạm giam nơi đây. Sau Hiệp định Vécxây do triều đình nhà Nguyễn ký còn ghi rành rọt ở điều 5: “*Hoàng đế rất sùng thượng Thiên Chúa giáo sẽ được cử quyền sở hữu về quần đảo Côn Lôn*”. Thế là chúa Nguyễn đã bán rẻ cho chúa Tây chuỗi ngọc đẹp giàu, hành lang phía đông nam của tổ quốc.

(1) Một kiểu “chuồng cạp”.

Dưới tán một cây bàng cổ thụ có nhiều u vạc, xòe ra sáu cánh, ở trước nhà chúa đảo Côn Sơn, nơi mà xưa kia anh Ba Duẩn ngày ngày làm khổ sai đập vỏ dừa, đồng chí Hoàng Quốc Việt dùng nơi đây nhắc lại những kỷ niệm. Lúc bấy giờ (1930 - 1935) những tên cáo già Buvie và Corémady làm chúa đảo, bọn hăn đối xử với tù nhân cộng sản rất tàn ác. Mỗi một tấm đá nặng lát ở Cầu Tàu, đã đổ xuống cả tấn xương thịt của anh em đồng chí mình. Riêng đồng chí lão thành Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng đã ở đây suốt mười bảy mùa lá bàng rụng trước nhà chúa đảo. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Ngô Gia Tự, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ và nhiều đồng chí trung ương khác như Đoàn Duy Thành, Trần Trọng Tân tính có đến hàng trăm năm khổ sai bị đế quốc bó buộc nơi đây. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hai bận vào ra địa ngục Côn Sơn. Đồng chí kể lại tường tận từng cuộc đấu tranh, từng buổi văn nghệ lấy hài kịch của Moliere diễn cho cả bọn cai ngục xem. Đồng chí Nguyễn Văn Linh là một trang sử sống về lao tù ở đây từ thời kỳ 1930 - 1940. Đứng trước xà lim lao I, hôm ấy đồng chí kể lại cho cháu Hòa, con gái đồng chí học ở Đại học Văn khoa nghe chuyện cũ về những người tù cộng sản kiên cường.

Năm 1930, và một lần sau khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, nhiều đồng chí bị đày ra đảo. Mỗi lần lên bến Cầu Tàu là mỗi lần được đón tiếp bằng những trận mưa roi suốt dọc dài từ bến lên đến nhà ngục. Hàng cây sổ dài bọn mã tà, cai ngục tay cầm roi mây bằng ngón chân cái, cầm thước gỗ sắc cạnh đứng làm "hàng rào danh dự" bổ xuống đầu, xuống vai người tù cộng sản. Bác Tôn, đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng và nhiều đồng chí lãnh tụ khác đều được "đón chào" bằng

những trận đòn nắn gân thử sức phủ đầu này của chúa đảo. Cụ phó bảng Lã Xuân Oai, tuần phủ Lạng Bình (Lạng Sơn - Cao Bằng), một sĩ phu yêu nước, năm 1884 khởi nghĩa, bị kết án mười năm phát vãng biệt xứ, đày đi Côn Đảo. Năm đầu những đòn tra tấn ác hiểm đã làm cụ mất ngay trong ngục thất. Thơ văn cụ để lại còn tập *"Côn Lôn thi tập"*, sau này cháu cụ là đồng chí Lã Xuân Choát tức Chu Hà - Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nội (đã mất) còn bản chép tay bút tích của cụ. Trong đó có bài *"Thuyền phó Côn Sơn, nhân Gia Định nhận tặng vật, phụng thù"* bài thơ ghi lại *"Thuyền đi Côn Lôn, nhân có người Gia Định tặng quà, làm thơ đáp lại"*.

Tên gọi Côn Sơn, hay Côn Lôn, Côn Đảo, đó chẳng qua chỉ là một thị xã tù. Côn Sơn thời Pháp đặt thành một quận, thời Mỹ tù nhân quá đông đặt thành tỉnh. Quận Côn Sơn là quận lỵ tù, tỉnh Côn Sơn cũng vẫn là tỉnh lỵ của những người tù. Đôi câu đối của cụ Trần Quốc Duy, chiến sĩ tiền bối, bị bắt giam giữ ở Côn Sơn, điệu nhà cách mạng Nguyễn Hàm đã nói lên cái lạ lùng, cái hùng vĩ, oanh liệt của đảo tù xa khơi:

- *Đảo Côn Lôn rộng là bao, tù ở được khá nhiều, kỳ thật là kỳ; từ thuở xưa có hện hay không, giữa làn sóng nổi lên ngọn núi: cao, cao, cao đây khách anh hùng yên giấc ngủ.*

- *Đất Đại Việt được xây bằng máu, anh chết là đúng lắm, bực gì mà bực; gặp hôm nay không ca mà khóc, trong giấc mơ vẫn gọi các bạn: đánh, đánh, đánh, giành lại non sông của nước nhà!*

Trong hồi ký của mình, nhà cách mạng lão thành Đoàn Duy Thành kể:

“Ngày 12/12/1952 đã đến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Côn Đảo, các cựu tù đã bắt sống hơn một trung đội lính Âu - Phi mạnh nhất đảo, tước toàn bộ vũ khí. Song cuộc vượt đảo vẫn không thành, anh em đã vớt toàn bộ vũ khí thu được xuống biển. 2 thuyền và 117 anh em bị bắt lại. 3 thuyền đắm, 81 đồng chí hy sinh. Địch giam giữ riêng những người bị bắt lại và đánh đập rất dã man. Số anh em ở kíp làm rừng và làm đường còn ở lại trong trại do giữ được bí mật nên địch không biết rõ có tham gia vượt đảo hay không, song chúng vẫn thực hiện chính sách khủng bố đồng loạt, khóa tất cả các khám, bỏ đói ba ngày, sau đó chỉ cho ăn cơm với muối, hàng ngày xua lính lê dương vào khám xét, đánh đập. Sau hơn một tháng tra tấn, lấy khẩu cung 117 người bị bắt lại, địch không khai thác được gì nên phải chuyển số anh em này về Sài Gòn để chuẩn bị đưa ra tòa án binh xét xử.

Chúng tôi đã báo cáo về Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, nhờ Luật sư Nguyễn Hữu Thọ cãi giúp. Luật sư đã nhiều lần vào khám Chí Hòa thăm anh em để lấy chứng cứ cãi trước tòa”.

Có một lần từ những năm 40, thời kỳ bác Tôn và đồng chí Phạm Văn Đồng ở tù Côn Đảo, bọn cai ngục bảo bác Tôn lái ca-nô đuổi theo nhóm tù nhân vượt đảo. Tên trung úy bảo bác đi nhanh lên kịp tù nhân vượt ngục, nhưng ngược lại bác Tôn lại giả làm hỏng máy không đuổi theo đồng đội được và trì hoãn chuyển truy đuổi.

Tên trung úy bảo:

- Nếu không sửa máy ngay sẽ bị bắn.
- Mà nói giỡn (đùa), mà dám bắn không?

- Bắn chết ngay!
- Không đâu!
- Sao lại không?
- Nếu mày bắn tao, ai đưa mày vào bờ?

Thế là thằng cai ngục phải chịu...

Năm 1968, một sinh viên y khoa Đại học Huế tên là Minh Triết bị bắt trong phong trào học sinh sinh viên xuống đường chống Mỹ và bị giam giữ ở nhà tù Côn Đảo. Khi ra tù anh ghi chép, tìm tài liệu nghiên cứu và tốt nghiệp bác sĩ ở Huế với luận văn "*Nhận xét về bệnh lý tại một số nhà lao*". Anh đã dấu tên là nhà lao Côn Đảo, luận văn của anh được hội đồng giám khảo công nhận là tiến sĩ y khoa xuất sắc ngày 29/01/1972. Anh lồng vào đó chế độ man rợ của nhà tù Mỹ nguy làm cho tù nhân sinh đủ bệnh tật vì sự tàn bạo và dã man. Anh đã làm cho nhà trường hiểu vì hồi ấy báo chí tiến bộ như tờ *Đổi diện* đã đăng luận văn này và bọn tay sai phải lo sợ chấn chỉnh chế độ vô cùng hà khắc của nhà tù ở miền Nam Việt Nam.

Quả cảm thay, hội đồng giám khảo phải khách quan công nhận luận văn xuất sắc này.

Rõ ràng vấn đề nhà tù Côn Đảo và sự dã man, tàn ác của đế quốc Mỹ và tay sai đã làm chấn động lương tri loài người.

Côn Sơn có hàng vạn tù và trên một ngàn "chuyên viên đánh đập" cùng bọn cai ngục và gia nhân của chúng. Khi chúng tôi đến thăm nông trường An Hải, đồng chí Hồ Thanh Tòng nguyên bí thư Đảng bộ Côn Sơn trò chuyện cùng chúng tôi về chính sách khoan dung của Đảng. Bọn ác ôn không còn tính người đã giết hại nhiều tù nhân thì được tập trung học tập,

cải tạo để làm người. Vợ con gia đình họ được cấp đất để làm ăn sinh sống. Xưa kia họ là những người chỉ biết bóc lột tù nhân, xem tù nhân là nô lệ. Gặp thiếu úy Tư học tập tốt về sống với gia đình, anh ta tâm sự: “Trước kia tôi theo lệnh trên đánh tù nhân như cái máy, mỗi ngày tôi đánh có hàng trăm roi. Tôi chẳng biết cày cấy, gặt hái là gì. Tôi không làm ra lúa gạo, không đánh được lưới mà “cơm lành, canh ngọt”. Vợ con tôi, cái quần cũng anh chị em tù giặt cho. Còn các anh chị tù, những người làm ra cơm gạo, lại ăn gạo mục, cá ươn, áo quần như xơ mướp. Giờ đây chính anh em ấy không trả thù gì vợ chồng con cái chúng tôi, mà trái lại theo lời Đảng còn dạy bảo chúng tôi tập cày, tập cấy. Tôi là người có chút ít chữ nghĩa, tôi hiểu rằng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới nhân đạo như vậy. Bây giờ tôi biết làm gì để đền ơn trả nghĩa xứng đáng cho chính quyền cách mạng!”. Chao ôi, không có Đảng, không có chủ nghĩa xã hội làm sao có tấm lòng, có đức độ bao dung ấy được?

Tên Côn Đảo hầu như những năm sau này trong các văn thư, giấy tờ của Mỹ nguy không còn nhắc đến nữa, nó được thay thế bằng những cái tên mỹ miều, mới nghe như những xóm làng bình thường, trù phú: Trung tâm cải huấn Phú Hải, Phú An, Phú Bình, rồi Phú Phong, Phú Trường v.v... Bọn giặc muốn chạy tội và đẩy che bằng những tên như vậy, để đừng động đến từ Côn Đảo, gây xúc động lớn đến lương tâm thời đại. Sau Hiệp định Paris, chúng sợ dư luận thế giới vạch trần, nên bọn tay sai lo quét vôi lên tường, xóa đi những khẩu hiệu, những bài thơ viết bằng máu tố cáo chế độ ngục tù tàn ác nhất lịch sử. Bọn Lâm Hữu Phương chúa đảo, bọn ác ôn Chín

Khuơng, Chín Tòng cho tay chân chúng sửa sang lại nhà ăn, bệnh xá, cầu lạc bộ v.v... Nhưng đó chỉ là trò trẻ con, lấy vài thừa che mắt thánh. Anh Tám, người ở tù tương đối lâu, nguyên là phó ban tuyên huấn đảo đưa chúng tôi đến xem tất cả các lao tù. Mới nhìn bên ngoài thì không hiểu hết, nhưng đi vào các cửa hông mở khóa bên trong, những tường đôi có nhiều dây xà lim chìm. “Chuồng cọp” thời Diệm bị lên án, theo lệnh Mỹ, bọn chúa đảo mới bày trò cho đỡ phá, nhưng rồi chúng lại thần nhiên xây dãy “chuồng cọp” mới hiện đại hơn.

Phía xa gần sát sườn núi đá, chỗ tường vôi trắng dài trông như những cơ sở nghiên cứu khoa học hoặc giống như những xí nghiệp nuôi gà hiện đại ở Cầu Diên, ở Ba Vì ta vậy. Thực chất vào bên trong là những “chuồng cọp” chật chội hơn, bùng bít hơn, vượt xa thời Pháp. Đồng chí phó ban an ninh Côn Sơn là người bị giam giữ hàng chục năm chưa có một phút nào được thấy ánh sáng nhật nguyệt bên ngoài. Mắt anh bây giờ mờ lăm. Từ nơi anh, từ nhiều đồng chí cán bộ đảng hiện còn lại ở Côn Sơn hoặc đã mất là những bằng chứng sống về chế độ lao tù của Mỹ ngụy. Chúng tôi gặp nhiều sĩ quan binh lính cũ thời Pháp còn lại ở đây, tất thấy đều cho thấy chưa có thời kỳ nào nhà ngục được xây kiểu tân kỳ tàn bạo như vậy! Từ cái xiềng xích chân người tù, ra đến cổng ngoài cùng, tù nhân ra khỏi trại phải bảy lần mở khóa. Đó là “chuồng cọp” mới của Mỹ. Có tên ba bốn đời làm giám thị ở đây. Ông tổ của gã X, ra đảo từ thời Gia Long, theo vua Nguyễn lúc bấy giờ chỉ có một trăm thuộc hạ. Họ lập thành ba làng: làng Cỏ Ống, làng An Hải và làng An Hội. Ông nội gã ta cũng làm giám thị, nhưng có chút ít cảm tình với cách mạng, giúp đỡ anh em tù

nhân đưa sách báo từ bên ngoài vào, thành thử cha ông còn để chút đức lại cho cháu con, nên anh ta đã được hưởng lương khoan hồng của Đảng. Gặp chúng tôi, anh giới thiệu cái còng Mỹ F.8 có răng khía, đã vượt đến đỉnh cao của khoa học giết người. Khi còng vào chân thì nhức buốt tận tim óc. Lâu ngày khía răng làm lở loét cả chân, và mỗi lần xoay người nằm nghiêng, người tù bị còng siết chặt, thật là cực hình... Chị Ba đưa tay chỉ tôi xem phía sau lao 6, bọn quỷ Mỹ đang mở rộng hàng trăm “chuồng cọp” nữa. Nền bê tông vừa đổ xong thì nền “cộng hòa” của Thiệu cũng vừa sụp bởi “con bão biển” ngày 30/4 lịch sử.

Côn Đảo đi lên chủ nghĩa xã hội. Các hợp tác xã nông nghiệp cấp thấp đã lên hình. Nông trường quốc doanh, các công trường, lâm trường khai thác gỗ, lâm hải sản đang bộn bề, nhộn nhịp thời kỳ triển khai. Đồng chí Nguyễn Văn Thạch, tù chính trị ở đây có lúc là chủ tịch Ủy ban nhân dân đảo, sốt sắng đưa chúng tôi đến xem các cơ sở nuôi vích, nuôi đồi mồi, nuôi cá... Nhìn những chú đồi mồi nhỏ mới chào đời bằng đồng xu đã bước đầu tung tăng bơi lội sống “tập thể”, trông ngộ nghĩnh vui vui. Xí nghiệp chế biến đồ mỹ nghệ quốc doanh, với những cá chuồn bay, những con đồi mồi, ốc đụn, tôm hùm, tôm dồ v.v... được mổ bụng phơi khô, quang dầu óng ả. Các hải vật trên đã trở thành những mặt hàng quý giá cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa hôm nay, có nhiều mặt hàng đã xuất đi nước ngoài. Xưa kia những thứ quý, những của ngon vật lạ như san hô, hải ba, hải sâm đều là của chúa đảo, những chiếc lược, chiếc hộp, chiếc vòng đồi mồi được những bàn tay thợ tù khéo léo mài tiện đều trở thành “tặng phẩm” cho chủ Mỹ.

Buổi chiều, ngồi ở thềm nhà cao của tên cố vấn Mỹ ở Côn Sơn, nhìn ra hòn Bảy Cạnh, đồng chí Xuân Thủy. Bí thư Trung ương Đảng ra thăm khi còn sống có kể cho tôi nghe câu chuyện nhỏ, đầy ý nghĩa: “Lúc tôi còn làm hội đàm ở Paris, tôi có nhận được một tặng phẩm thật vô cùng quý giá, đó là bộ quân cờ bằng gỗ mun do các chiến sĩ trong tù gửi tặng. Bộ quân cờ bằng gỗ này nhờ một phái đoàn người Mỹ đến Sài Gòn, rồi đi vòng Paris tặng cho đoàn đại biểu Chính phủ ta. Nhận được bộ quân cờ chúng tôi suy nghĩ - đồng chí Xuân Thủy dừng một lúc rồi nói tiếp - có lẽ các đồng chí mình ở trong tù có dụng ý, muốn đề nghị với Đảng ta xoay một thế cờ, làm sao cho quân tướng Mỹ rút về nước để miền Nam mau giải phóng. Thì quả đúng như vậy, Đảng ta đã chỉ đạo đúng đắn và đảo ngược thế cờ, đánh một ván cờ xuất sắc. Phối hợp với mặt trận quân sự, trên mặt trận ngoại giao chúng ta đã làm cho thế cờ của Mỹ phải đại bại. Lần đầu tiên, sau một trăm mười lăm năm đấu tranh, đất nước ta không còn bóng dáng tên xâm lược”.

Đồng chí Xuân Thủy tức cảnh trời mây hùng vĩ và tuyệt đẹp của Côn Sơn đã xuất khẩu thành thơ:

*Ôi Côn Đảo đất anh hùng
Đau thương ngã xuống lại vùng đứng lên
Một phen phá xích chặt xiềng
Vinh quang cùng với đất liền tự do.*

*Biển xanh, mây trắng hện hò
Non cao đỏ chói, ngọn cờ tung bay
Búa liềm đã chắc trong tay
Bên ngòi bút sắt, bên cây súng dài
Ai xây Côn Đảo trần ai
Ta xây Côn Đảo nên đời thần tiên!*

Ở Côn Đảo, hòn đảo tù xưa, giờ đây vĩnh viễn không còn cái cảnh chúa ngục và tù nhân. Nhiều kẻ xấu cố tình xuyên tạc Đảng ta, là những người cộng sản trả thù, sẽ “tắm máu”, bắn giết gia đình binh lính. Hoàn toàn trái lại với điều vu khống hồ đồ đó. Hãy cứ xem nhiều gia đình sĩ quan, binh sĩ chúng tôi đến thăm, trung úy Tám đã xúc động, bộc lộ: “Trước kia tôi là người chỉ biết cầm roi đánh đập tù, thế nhưng giờ đây sau khi học tập cải tạo tôi được về sum họp. Chính quyền cách mạng cho đất trồng trọt, con em chúng tôi lại tiếp tục học chung với con em gia đình cách mạng ở các trường cấp I và cấp II, cấp III Võ Thị Sáu. Nếu không phải là cán bộ của Cụ Hồ, của Đảng thì làm sao có được lòng ưu ái, bao dung trời biển như thế...”.

Trên đỉnh cao 577m của núi Thánh Giá, nơi cao nhất trên đảo, giờ đây được dựng xây một trạm tiếp chuyển vô tuyến truyền hình. Theo đồng chí Sĩ Nhơn, phó tiến sĩ vô tuyến điện và kỹ sư Hoàng Vân là hai người thiết kế trạm tiếp sóng này thì các đồng chí cán bộ và công nhân kỹ thuật Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh đã miệt mài đêm ngày, lên đồi, xuống dốc khảo sát thiết kế, chuyên chở vật liệu, lắp ráp máy móc; chỉ ba tuần lễ để kịp chuyển món quà của Trung ương Đảng tặng đồng bào nơi hòn đảo xa xôi này.

Lễ khánh thành long trọng được tổ chức ngay trên đỉnh núi cao, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Xuân Thủy đã đến dự và khen ngợi cán bộ chuyên viên Đài Truyền hình đã cố gắng phục vụ đồng bào tận đảo khơi. Còn các đồng chí cán bộ địa phương thì vui mừng vô kể. 113 năm, đế quốc chỉ xây dựng nhà tù, mở rộng “chuồng cọp” trên đảo để giết dần mòn đồng bào và chiến sĩ yêu nước. Chỉ sau giải phóng Côn Sơn, nhân dân trên đảo được xem vô tuyến truyền hình. Đó là điều quá sức mong ước. Các bạn ở đơn vị radar hải quân, các anh Lê Thế Tuyên, Nguyễn Danh Khoa, Lương Xuân Ý... hầu hết đơn vị đều quê ở miền Bắc, ở Thanh - Nghệ - Tĩnh rất mừng vui là từ nay đêm đêm được xem điệu múa, nghe khúc hát tâm tình từ đất liền, từ miền Bắc quê mình, càng yên tâm nắm chắc tay súng bảo vệ đảo.

Ngay đêm hôm đó, đoàn diễn viên ca múa nhạc từ Hà Nội đã về thăm đảo và biểu diễn. Tiếng đàn, giọng hát giữa đảo khơi hòa cùng tiếng sóng trầm hùng thành một bản giao hưởng tuyệt vời. Các nữ diễn viên lại ngâm những bài thơ trong tù của Bác Hồ và của các chiến sĩ cách mạng trên đảo. Mọi người đều chứa chan tình thương kính Bác Hồ, nếu như không có những ngày gian nan xưa, đâu có được khúc hát hào hùng đêm nay. Nếu không có những ngày Bác Hồ, bác Tôn, anh Ba Duẩn và bao đồng chí lê xiềng qua bao nhà ngục tìm đường cứu nước, nếu không có Đảng đưa đường vạch nẻo, đâu có được bản trường ca đẹp đẽ hôm nay.

Tôi có xin phép đồng chí Nguyễn Văn Minh - Trưởng ban Tuyên giáo Bà Rịa - Vũng Tàu đưa một đoàn văn nghệ ra thăm

Còn Đảo tháng 6/2012 đề sáng tác và thăm lại Còn Đảo. Đồng chí Nguyễn Văn Minh rất hoan nghênh xem đây là tình cảm tốt đẹp của những chiến sĩ văn nghệ với đồng bào, đồng chí trên hòn đảo anh hùng này và đây là lòng biết ơn của chúng tôi đối với các liệt sĩ, anh hùng vâng theo lời Đảng nguyện đem lời thơ tiếng hát ca ngợi hòn đảo ngọc của Tổ quốc.

Bến Nghé, tháng 7/2012

Phụ lục

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH ĐỊCH VÀ TA
TẠI NHÀ TÙ CÔN ĐẢO
NĂM 1951 - 1953

ĐOÀN DUY THÀNH
(Viết ngày 9 tháng 12 năm 1953)

Hà Nội, ngày 7/4/1990

Kính gửi các đồng chí chính trị phạm nhà tù Côn Đảo.

Theo yêu cầu của các đồng chí chính trị phạm nhà tù Côn Đảo thời kỳ 1945-1954 và nhiều đồng chí chính trị phạm trước và sau thời kỳ 1945-1954; tôi xin gửi đến các đồng chí bản báo cáo của tôi về tình hình nhà tù Côn Đảo thời kỳ 1951-1953 gửi Trung ương Đảng, Khu ủy Tả Ngạn và Thành ủy Hải Phòng.

Bản báo cáo chắc chắn còn nhiều thiếu sót, vì lúc đó mặc dù tôi đã được trao đổi kỹ với các đồng chí thường vụ Đảng ủy, nhưng trí nhớ của người tù bệnh "gần đất xa trời" khó có thể tránh khỏi sai sót. Nhưng nó là một báo cáo tổng hợp, gợi lại cho các đồng chí chúng ta suy nghĩ và nhớ lại những việc cụ thể, ngõ hầu mỗi chúng ta góp phần hoàn thiện cuốn *Lịch sử Côn Đảo thời kỳ 1945-1954* do Ban Lịch sử đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo soạn thảo.

Tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí Cục Lưu trữ Trung ương Đảng đã giữ gìn bản báo cáo này.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe.

Kính

ĐOÀN DUY THÀNH

Báo cáo

TÌNH HÌNH CÔN ĐẢO TA VÀ ĐỊCH (TỪ 1951-1953)

I. TÌNH HÌNH ĐỊCH

Hiện nay quân số địch trên toàn đảo thuộc nhà binh

Da trắng: Một tên quan tư là A. BLANK, tên quan hai GARDES, một quản và 6 đội. Thêm tên LE BROUK (bác sĩ) và 1 cha cố.

Da đen: Một quản Chef và 120 tên đội và lính (Cénégalais)

Võ trang: Một canon 20 ly, một đại liên, 7 trung liên, còn tiểu liên và súng trường đầy đủ.

Thuộc về bọn bù nhìn Nam phần trông nom tù án

Da trắng: Tên Gardien chef và 2 chef bagne I và II và một sous gardien chef (da đen), 150 gardien có cả da trắng, da đen, da vàng (trong số này Tây, Tây lai, Nam Mỹ lai, Ấn Độ, Miến, Việt Nam, Cénégalais), 150 surveillants toàn là người Việt.

Võ trang: Trừ bọn surveillants ra mỗi tên có một dao găm, còn tất cả bọn gardien mỗi tên có một tiểu liên Mass và một súng lục.

Việc phân công của chúng:

Tên A. BLANK (quan tư) trông nom toàn đảo, tên GARDES (quan hai) trông nom camp tù và an ninh toàn đảo, tên LE BROUK trông nom nhà thương, tên cha cố nhà thờ, tên quản trắng trông nom sửa chữa lại Bagne 4 - tên đội ROBELET làm Sous chef camp tù binh, tên đội STEFANI điểm danh tù binh và cắt corvée, tên DUFOURT bán giấy, tên đội con xướng thợ, tên cai kho, tên lái auto, tên quản da đen trực tiếp trông nom 120 da đen dưới quyền điều khiển của 2 tên Gardès.

Lính da đen: Một tiểu đội thay phiên nhau gác camp tù binh, một tiểu đội gác ở Viễn vọng tiêu dao Bẫy Cạnh, một tiểu đội trông nom anh em làm bagne 4, một tiểu đội trông nom anh em đi làm vườn số 1, 2, 3, còn bao nhiêu chúng ở lại trại của chúng (quartier militaire bên Bagne II ở về phía trên).

Bọn gardien và surveillants:

Tên Gardien chef và tên sous gardien trông nom 2 bagne I và II, 2 tên chef bagne I và bagne II. Còn 150 tên gardien chia nhau canh gác đêm ngày 2 bagne I và II, và trông nom các công sở của chúng như nhà thương, chỗ làm thịt trâu, lò vôi và sở củi, còn bọn surveillants thì việc chính là trông tù án đi làm, nhưng chúng cũng phối hợp canh gác cùng với bọn gardien.

Sự chỉ huy chung của chúng:

Mỗi khi có việc gì xảy ra của một nơi nào trong đảo, tên quan tư triệu tập tên quan 2, tên thầy thuốc, tên cố đạo và tên gardien chef lại bàn để đối phó.

Về canh phòng ngoài đảo

Có hai tàu chiến thường luân phiên nhau chạy từ Phú Quốc đến Sài Gòn lại ra Côn Đảo để tuần tiễu, trung bình một tuần lễ chúng đến Côn Đảo một lần, còn ở đảo thỉnh thoảng chúng cho ca-nô chạy quanh đảo để tuần thám và bất thường có những chuyến tàu binh đi Tân-ba-gia qua đó chúng thường đậu lại và chở binh lính ở tàu lên đảo đá bóng để diễu võ dương oai với tù, chúng thường ở lại một vài giờ, có khi một, hai ngày. Sự canh gác trên đảo và ngoài đảo rất cẩn thận và nhà lao rất kiên cố.

Chính sách của địch đối với tù

Chúng chia tù ra làm hai khối: Khối tù binh mới tập trung từ tháng 4/1951 và khối tù án đã có từ lâu.

Khối tù án chung tập trung ở 2 bagne I và II. Tù án ở bagne III.

Tù án: Ở Bagne I và II chúng chia ra nhiều loại: loại 5 năm tù, loại 10 năm tù, loại 20 năm, chung thân, chúng cho ở lẫn lộn với nhau, chia ra từng salle để ở, nhưng salle nọ không được liên lạc với salle kia, tùy theo số ra từng chuyển mà chúng ghép vào ở cùng salle với nhau. Riêng 3 loại sau đây chúng cho là nguy hiểm nhất chúng cho ở riêng biệt như: Tử hình, cấm cố, biệt lập. Mỗi loại chúng đều có một chính sách đối với như anh em tù 5 năm đến chung thân phải đi làm mỗi ngày từ 8 - 10 tiếng, có khi đến 12, 13 tiếng. Còn anh em cấm cố, biệt lập, tử hình không đi làm hàng ngày chỉ ở trong salle đóng kín mít không có ra chơi ngoài giờ ăn uống.

Công việc làm của anh em tù án:

Hàng ngày tối thiểu là phải đi làm 8 tiếng đồng hồ với những công việc rất nặng nhọc như: xây cầu tàu, đập đá, làm đường, làm củi, làm vôi, làm vườn, có khi tàu hàng ra, anh em phải làm đến 12 giờ đêm. Ngoài việc đi làm chúng còn kèm theo với những tên gar-dien đại gian ác đánh đập rất là cực khổ, dừng một bước là bị đánh, những tên gian ác như tên XIGIEN y thường bảo với bạn y là hàng ngày y không đánh đập 5 roi song thì y ăn không ngon, ngủ không yên. Lấy việc làm sở củi làm thí dụ: Hàng ngày anh em ở đây dù yếu hay khỏe mỗi người phải chặt cho chúng 0,60m³ củi (trước đây 0,8m³ nhưng nay tranh đấu chúng hạ xuống 0,60m³), chặt từ trên rừng phải leo núi, rồi mang xuống đồng bằng chẻ ra từng mảnh xếp lại để chúng đến đo - nhiều anh em yếu, cả ngày không được nghỉ một phút để uống nước hoặc hút thuốc. Vì thiếu là chúng đánh đập hoặc phạt cellule, mà vào cellule thật là thảm hại, vì vào cellule là ngày cũng như đêm, xiềng tay khóa chân, một tháng thì 10 ngày ăn cơm không, còn 20 ngày ăn cơm muối và trước khi vào cellule đều phải phạt từ 50 trượng đến 500 trượng tùy theo nặng nhẹ.

Về ăn mặc:

Hàng ngày chúng phát cho mỗi người 650gr gạo xay do để hàng 2, 3 năm, lẫn một nửa thóc - còn anh em biệt lập cấm cố, tử hình có 400gr thôi. Mỗi người 100gr cá khô thối (việc này tên bác sĩ quan tư ROZIERE cũng đã nhiều lần công nhận toàn cá khô thối, không thể nào ăn được) mà mỗi người 30gr cả muối lẫn nước mắm, rau không có, chúng cho 200gr đậu xanh một tháng để thay thế, thịt mỗi tháng được độ 100gr, tháng có tháng không, đường cũng vậy, nhà ở thì chỉ có một cửa ra vào 2 lần cửa, một lần cửa chấn song sắt và lần thứ hai bằng gỗ bịt kín mít, mỗi salle có 4 cửa sổ rất cao gần mái nên mùa nóng rất nóng nực, gió không thổi vào được. Năm thì hoàn toàn nằm xuống thêm nhà, không có sàn, muối nhiều như rươi.

Mặc:

Tất cả quần áo mang ra hoặc gia đình tiếp tế, chúng đều lấy cả, chỉ giả những quần đùi maillot thôi, hàng năm chúng phát cho hai bộ quần áo xanh cụt (ngắn tay ngắn chân) và phát cho 2 cái chiếu một năm, chăn màn chúng không cho, nếu nhà gửi ra chúng giữ lại. Tiền nong gia đình gửi ra hoặc mang ra, chúng đều khám xét giữ lại hết, hàng tháng chúng chỉ cho một cái "Bon" giá trị 30 đồng, rồi mình muốn mua gì chúng mua cho, nhưng chỉ được mua thuốc lá, đường, nước mắm và thuốc đánh răng, bàn chải thôi, nhưng mua theo một sự bắt buộc. Thí dụ: tháng này cần mua 500 đồng thuốc lá, 200 đồng đường. Nhưng khi có tàu đến, chúng để bọn chúng mua xong, còn thừa bao nhiêu thứ gì cũng gán cả cho mình, có khi nước mắm thừa chúng gán cho mình hàng 5-6 trăm lít, thuốc lá cần thì chẳng có sợi nào. Đến nay giá tiền Đông Dương sụt, chúng cho 51 đồng một tháng.

Đối với cấm cố, biệt lập, tử hình

Anh em cấm cố và tử hình là do tòa án của chúng xử như thế nào thì ra ngoài đảo bọn đồ tể của chúng thi hành như vậy. Thí dụ: anh B án chung thân khổ sai 5 năm cấm cố, thì bọn ngoài này cứ việc cho anh B vào cấm cố 5 năm, hết 5 năm cho ra và xếp vào loại chung thân khổ sai. Nhưng còn biệt lập thì chúng xét anh nào ở tất cả các salle chúng tình nghi là tù chính trị, lãnh đạo trong đó, hoặc do bọn phản động chỉ điểm, hoặc do các cuộc tranh đấu lãnh đạo bị lộ thì chúng cho vào biệt lập. Đối với 3 loại trên chúng hành hạ dã man hơn nhằm mục đích làm cho chết hết! Cho anh em ngày được 400gr gạo, mắm, muối cá khô không đủ ăn - suốt ngày ở trong salle - salle do các cửa sổ bị kín không có một tí không khí bay vào được, cửa ra vào đóng cả ngày, còn anh tử hình thì cellule tay chân xích - ngày cũng như đêm, ngồi ngủ cả ở một chỗ, hàng ngày chúng cho mỗi người 2 nắm cơm và ít muối, vì thế nên các anh em bị thiếu ánh sáng, thiếu thức ăn nên lâm bệnh như: ho lao, quầng mắt, sưng mắt chảy ra nước hàng ngày; trong 126 anh em biệt lập có 110 anh em đều bị sưng mắt quầng và chảy nước mắt, đi ra ngoài phải dắt, 70 anh em bị tình nghi ho lao chính thức do bác sĩ ROZIERE chứng nhận và cho đi nhà thương Sài Gòn chữa 25 người.

Tù binh:

Bắt đầu tập trung tù binh ra Côn Đảo tháng 4/1951. Ở Bắc ra 5 chuyến - chuyến đầu tháng 5/1951 có 115 người, chuyến thứ hai tháng 10/1951 có 136 người, chuyến thứ ba 7/1952 có 135 người, chuyến thứ tư tháng 10/1952 ở Bắc có 100 người, qua Đà Nẵng lấy thêm 35 người thành 135 người, chuyến thứ năm tháng 5/1953 ra có 100 người ở Bắc, qua Cam Ranh (Trung Bộ) lấy thêm 25 người là 125 người. Tổng cộng ở Bắc ra 645 người.

Ở Nam Bộ ra 3 chuyến: tháng 10/1952 chuyến thứ nhất có 25 người, chuyến thứ hai tháng 4/1953 có 25 người, chuyến thứ ba tháng 7/1953 có 35 người. Cộng ở Nam Bộ ra 85 người. Tổng cộng ở Nam - Trung - Bắc là 720 người. Lúc đầu mới đưa ra, chúng để tạm ở bagne I, 2 tháng, sau đổi sang bagne II đến tháng 7/1952 chuyến thứ ba ra, chúng cho xuống bagne III sửa chữa lại bagne III và đến tháng 10/1952 thì chúng tập trung tù binh lại bagne III - chúng bỏ tên bagne đổi ra camp 3 (tức camp PIM). Tù binh ra từ tháng 4/1951 chúng vẫn cho một chế độ chung như anh em tù án, ăn làm, đánh đập, khủng bố giống nhau. Mãi đến tháng 6/1953 chúng mới thực hiện một phần nào chế độ tù binh. Như các salle được ra gặp nhau tự do, không ngăn các salle như trước, được giả hết quần áo và chăn màn của gia đình gửi ra hoặc mình có, được viết thư bằng giấy trắng và có phong bì, không viết carte như trước nữa, nhưng tháng chỉ được viết 2 lần thư, mỗi lần 15 dòng chữ, làm không phải đánh đập như trước nữa, mỗi ngày làm 8 tiếng, tùy theo sức của mình, nhưng sự ăn uống vẫn như cũ không được cải thiện, chúng chỉ hứa hão tháng này rồi sang tháng khác, chúng cứ luôn mồm còn phải đợi tàu. Tất cả những sự chúng thi hành một phần nào chế độ tù binh, không phải là do chúng cải thiện, mà do sức tranh đấu đòi hỏi thực hiện chế độ tù binh theo "Công ước Genève" một cách bền bỉ và dẻo dai, mãi đến nay chúng mới thực hiện một phần nào.

Chính sách dã man của bọn thực dân đối với tù

Tất cả anh em tù binh hay tù án đều chung một mục đích là "kháng chiến đánh thực dân phản động Pháp giành độc lập thống nhất thực sự cho Tổ quốc Việt Nam". Nhưng bọn chúng chia ra làm hai loại để dễ bóc lột và dễ đàn áp. Chúng bảo anh em tù án là bọn phiến loạn, phá rối trị an, nên chúng gọi án theo một chế độ nhà lao, còn anh em tù binh là quân đội đánh nhau với chúng ngoài mặt trận.

nên khác, chúng cho ở riêng và hết chiến tranh là cho về. Nhưng anh em toàn đảo đều biết dã tâm thâm độc của chúng là “chia để trị”.

Chúng bắt được một số anh em hành động trong thành như Sài Gòn, Chợ Lớn, Hải Phòng, Hà Nội... chúng cho là nguy hiểm hoặc một số anh em trong ban hành động của Nam Bộ chúng kê tài liệu ra, chúng đưa ra tòa của chúng, mà chúng gọi là “Tòa án quân sự tối cao” để xử trí. Xử trí anh em ở Sài Gòn, nhưng bọn thực dân Pháp không dám để ở Sài Gòn để bắn, sợ nhân dân Sài Gòn chửi vào mặt chúng, nên chúng đem anh em ra Côn Đảo nơi xa nhân dân, xa Chính phủ để tiện hành hạ, bắn giết, chúng tập trung lại Côn Đảo để đó mỗi khi chúng bị thất bại ở đâu là chúng đem một số anh em ra bắn, thật là một hành động trả thù dã man của chúng, đầu năm 1952 tên De Lattre chết, chúng cho bọn lê dương ra bắn 5 người để trả thù, trong đó có chị Sáu là một tiểu đoàn trưởng của quân đội địa phương Nam Bộ. Từ năm 1945 đến nay chị là một phụ nữ đầu tiên bị giặc Pháp đưa ra Côn Đảo và bị bắn. Anh em ngoài đó nhớ tiếc chị và khâm phục tinh thần dũng cảm của chị trước khi chết chị còn chửi chúng một mẻ nên thân, bắt chị để buộc chặt mắt lại, chị bảo “tao không sợ chết, chúng bay cứ việc bắn”, rồi chị thò tay kéo mảnh vải buộc mắt ra, chị cứ chửi rửa bọn chúng đến khi chết. Anh em lấy gạch xây mộ chị, và khắc một tấm bia ghi rõ tên tuổi và thành tích của chị. Bọn Pháp biết tin ấy, chúng khốn nạn bắt một anh em tù khác phá đi, chính tên Zacty quan tư cũ thân chinh đến tận mộ để phá và y cho số anh em xây mộ và khắc bia mỗi người 3 tháng cellule và đánh mỗi người một trận.

Tất cả anh em cán bộ chúng đều cho vào “biệt lập” để tiêu diệt dần. Tên quan tư cũ tên là Zacty mà chúng tôi gọi y là tên “tư ngê” vì nó hay ăn con ngê dưới biển, nó cùng với tên bác sĩ cũ mà chúng tôi gọi là “Bà lùn” nó ra lệnh ai ốm không được đi Sài Gòn

chữa, ở đây chữa qua loa, chết thì vứt xuống biển, anh em ốm khai nó đánh rồi mới khám bệnh, bệnh nặng nó cũng chẳng chữa, cho một vài viên thuốc qua loa cho xong chuyện, độc ác hơn nữa là thuốc của anh em do người nhà gửi ra, chúng cũng tịch thu lại để dùng cho lính của chúng, chúng chỉ trả lại ít thuốc viên thôi. Anh em chúng tôi ở ngoài đó anh nào cũng thiếu chất rau, chất cá thịt, ai cũng xanh, thêm phải đi làm nên màu da đen, da đều đen màu rắn hổ giun cả, thế mà trên rừng thiếu gì là cây cối, nào dứa, mít, dưa... súc vật chim chóc, dưới bể bao nhiêu cua cá - thế mà tên Zacty ra lệnh ai bắt một con cá dưới bể, một trái cây hoặc một con chim trên rừng đều phạt 3 tháng cellule, tên Blank bây giờ cũng vậy, vì là chính sách chung của "thực dân". Dưa để thối trên rừng, cá đầy dưới bể mà tù vẫn cơm muối, cá khô thối ở Sài Gòn chở ra, biết bao lần chúng tôi xin đánh cá chúng đều bác đi. Anh em chúng tôi đi làm rừng thềm quá lấy nỏ móc nấu đem về cho anh em, đến cổng Camp chúng đem đồ đi, đổi thuốc lá lấy con vích (giống như con ba ba) của bọn surveillant bắt được chúng cũng cấm không cho đổi.

- Chúng chia rẽ, mua chuộc một số bọn "Liên xã" bên tù án một số phản động bên tù binh (bọn này trước làm cho tây, sau chúng nghi ngờ cho ra ngoài này, đến đây chúng lại dùng) để chỉ điểm và báo cáo xằng bậy để có lý do khủng bố anh em - chúng đã xin tên Trần Minh bên tù binh cho kíp mìn vào mũ của anh Phan Cơ rồi báo cáo cho chúng khám xét, khi bắt được, chúng cho anh Phan Cơ vào cellule 3 tháng, nay anh mất bị mờ, còn bao nhiêu việc tương tự như trên nữa, như việc viết giấy bỏ vào túi áo, đem dao dứa và salle rồi chúng báo cáo với giặc.

- Tên WASINGTON (lai Nam Mỹ) là tên đầy tớ trung thành của thực dân Pháp. Hồi anh em tù binh chưa có bếp nấu lấy ăn phải do anh em bagné II mang xuống cho ăn, tên WASINGTON lúc đó làm

chef bagne III, y bắt anh em lúc mang cơm, đi dọc đường đem cơm đổ bột xuống bể. Hồi y làm chef bagne III, y cấm không cho ai mang một mảnh gỗ bằng ngón tay vào salle, không được mang một thứ gì bằng sắt vào. Một anh Các mang một mảnh gỗ bằng bàn tay vào để kê gối đầu, nó bắt được, nó phạt đánh 50 trượng và bóp giải gần chết, tát sưng cả mặt, anh Tiên mang một mảnh ống sữa bò vào, mài đi để cắt móng tay, nó cũng phạt như anh Các. Hai anh Thuyên và Cư là người rất đứng đắn và hiền lành nó vu cho 2 anh chửi lính rồi bảo lính bắt 2 anh ra đánh đập tàn nhẫn. Anh Thuyên phải đi nhà thương.

- Viết thư, chúng phát cho chúng tôi mỗi người một tấm bìa in sẵn, để dành ra 3 dòng rất ngắn, viết được độ 30 chữ, mà nó đã ghi chữ ở dưới: chỉ được hỏi thăm gia đình, không được viết gì hơn, sợ chúng tôi nói thật những sự dã man của chúng, nên chúng kiểm soát rất gắt gao, ai viết thật là phạt và xé thư đi ngay, ai viết thừa một chữ xuống dòng dưới cũng bị xé đi.

- Việc trả lại quần áo tù binh nó hứa trả từ tháng 6/1953 nhưng nó bắt đóng số và chữ PIM vào quần áo, anh em phải đóng lại 3, 4 lần, đóng rồi chúng lại bảo hỏng, lại phải đóng lại, đóng đi đóng lại mãi quần áo trông như vẽ hê, mãi đến tháng 10/1953 chúng mới trả hết - Công việc này đồng chí BÌNH tổng đại diện và tên Sous chef camp ROBELT phải chửi nhau sau chúng mới chịu trả.

- Đối với cán bộ bên tù binh, chúng cũng biệt lập - Tháng 7/1953 một số cán bộ của ta ở camp sĩ quan Hanh Thông Tây (Gia Định) lãnh đạo các cuộc tranh đấu, nên chúng cho vào cellule 6 tháng trong đó có anh Thi tư lệnh trưởng Sài Gòn, Chợ Lớn, anh Hồng Vũ tỉnh đội trưởng Hải Dương, anh Vũ Hạnh tiểu đoàn trưởng của 320, anh Phạm Thái Học tiểu đoàn trưởng 320 và một số cán

bộ khác, chúng đưa ra đến Côn Đảo hôm 4/7/1953 đến 10/7/1953 chúng gọi thêm một số cán bộ ở Đảo nữa, cả thấy 85 người, chúng cho vào salle 1 mà chúng gọi là salle sĩ quan của ta. Hàng ngày chúng cho ra 2 tiếng còn phải ở trong salle, biệt lập được 2 tháng. Sau anh em tranh đấu chống biệt lập, nên đến tháng 9/1953 thì chúng thôi không biệt lập nữa.

- Những ngày kỷ niệm lớn của ta, chúng thường hay khủng bố trước, như ngày 19/5/1951 sinh nhật HỒ CHỦ TỊCH chúng đem toàn lực ở đảo đến khủng bố anh em, chúng đánh anh em chết đi sống lại trong 2 tiếng đồng hồ.

- Tháng 12/1952 anh em tù binh trốn lao, chúng bắt lại được 123 người, chúng đánh đập hết sức tàn nhẫn, từ Cầu Tàu đến bagne II chúng đánh bị thương nặng 70 người, 16 người không đi được phải khiêng về, về đến bagne II chúng cho anh em vào một salle rồi chúng tập trung toàn lực vào khủng bố một lần nữa, rồi qua ngày này sang ngày khác trong một tháng trời mỗi ngày 2 lần đánh, cơm cho ăn 200gr một ngày với muối, cửa đóng kín mít, cửa sổ bị vít lại. Sau anh em tranh đấu và nhờ bác sĩ ROZIERE là người có lương tâm nhà nghề can thiệp chúng mới cho ăn 400gr một ngày, và mở cho 2 cửa sổ, đóng có 2 thôi. Chúng biệt lập anh em đó từ tháng 12/1952 đến tháng 9/1953 đã có 15 người bị ho lao, 70 người quàng mắt đi phải dắt, còn anh em đều da vàng như nghệ, anh nào cũng mắc bệnh ho, đến tháng 9/1953 chúng đưa anh em vào khám Chí Hòa để chúng đưa ra tòa. Hiện nay chúng tôi chưa biết rõ số phận anh em ấy ra sao - Thế mà Điều ước của chúng ký ở Genève là: "Tù binh có quyền trốn mà không mất quyền tù binh, và không bị đánh đập".

- Việc giải anh em tù trong đất liền ra, hoặc ở Côn Đảo về rất là dã man tàn khốc - mỗi lần đi là xích tay, còng chân, đưa tạt xuống

đáy tàu, không khí không có, nóng như thiêu, sóng to là nôn mửa hết, đi hàng 2, 3 ngày mà chúng nắm cơm từ camp cho đi ăn, xuống tàu cơm thiu thối cả, chẳng còn gì ăn, cứ chịu nhịn đói đến nỗi khi đến nơi những anh em bị bệnh ốm không chữa được phải cho đi Sài Gòn chữa, khi xuống tàu chúng cũng cho xuống hầm và xiềng xích.

- Khi đưa đến Côn Đảo, chúng thường đưa vào Bagne II để khám xét bắt cởi hết quần áo ra, khám từ đầu đến chân, rồi cho vào salle cởi trần truồng hàng 4, 5 ngày, sau đó chúng mới trả một ít quần áo ngắn mặc. Khi mới lên Cầu Tàu chúng thường khủng bố để làm mất tinh thần, như đánh đập, đe dọa.

- Anh em ở salle này sang salle khác, hoặc đi làm về đều phải cởi trần truồng cho chúng khám, việc này ở camp tù binh thì hết, nhưng chúng vẫn thi hành với anh em bagne I và II.

- Những anh em có bệnh nặng không được đưa vào Sài Gòn chữa cho mãi đến khi bác sĩ ROZIERE ra tháng 12/1952 ông ta mới cho anh em đi, nhưng tên quan tư ZACTY cũ và tên A BALANK mới đều cản lại, có khi giữa bác sĩ và bọn cầm quyền cãi nhau. Có lần bác sĩ bảo tụi nó là: "Tù khỏe là ở tụi bay, tù ốm là quyền ở tao" mà chúng vẫn không ký giấy cho đi chữa, sau bác sĩ tự ý cho đi, ông ta ra gặp tên quan tư tàu điều đình rồi cho đi, nhưng đến gần nhà thương Sài Gòn chữa bệnh thì bọn trong này rất dã man, lấy 2 nhà thương làm thí dụ: tôi bị bệnh chúng cho vào nhà thương Chợ Quán, tôi mới đến chúng khám xét lấy hết quần áo tiền nong xong, chúng phát cho một cái quần đùi, một cái chăn, một cái màn, còn quần áo của mình chúng đợi khi nào ra nhà thương chúng sẽ trả. Hàng ngày chúng cho ăn 400gr gạo, nấu khê sống luôn, cơm với cá khô luộc rất là tanh, kèm theo 5 ngọn rau muống nhỏ nấu với dầu dừa (L'huile); vì 38 người có 5 ngọn rau muống (do tên đầu bếp nói) vì

chỉ có hai mớ rau nhỏ, hàng tuần đến ngày chủ nhật chúng cho 100gr thịt, thì lại bị đóng cửa cả ngày. còn các ngày khác chúng mở cửa có 7 tiếng đồng hồ, sáng chúng cho mỗi người một ống sữa bò cà phê sữa bột lộn với nhau pha một tí đường, uống hơi ngọt, nhìn đến 12 giờ trưa mới có cơm thật đói lả. Về nằm thì chúng cho nằm giường có đệm, kê giường sát lại nhau, đi cứ phải kiễng chân đi theo khe giường, nếu anh em bệnh đông quá phải nằm xuống đất, người nằm dưới, người nằm trên, cả gian phòng tôi nằm có hai giường nếu đông nằm đến 18 người, chỉ có 3 cửa sổ làm cao gần nóc nhà, cửa ra vào đóng kín mít, cửa bằng sắt khóa rất kỹ. Tên quan 2 mới ở Pháp sang, y nói với chúng tôi "đây là chỗ chữa người, nhưng thật là chỗ giết người", người ốm đến đây đâu có phải được nghỉ. Tên MAJOR lùn, y trông nom nhà thương y cứ đến xem từng người, nếu người nào trông hơi khá là y gọi ra quét sân, nhổ cỏ, tưới hoa, lau bàn ghế, nếu không ra y quát mắng ầm ỹ, nhiều khi cầu tiêu chúng hỏng, chúng bắt anh em bệnh nhân phải thò tay xuống móc rác, nhưng anh em cương quyết chống không làm nên y trả thù nói với những tên bác sĩ khám bệnh đuổi ra không cho nằm nhà thương, nó la luôn mồm bắt hết làm việc này việc khác. Vườn hoa của nhà thương rộng độ 20m² có ghế để cho anh em yếu ra ngồi nghỉ, nhưng ai dám ra, vì ra ngồi là tên MAJOR nó bắt làm, nên tù phải ở trong salle thiếu không khí, nhưng bệnh nặng, la ó, nhưng cũng phải cố nằm trong salle. Chữa bệnh thì lại dã man hơn, nói về bệnh tôi thì chúng bảo là nguy hiểm, thế mà tôi ở trong nhà thương 3 tháng chúng cho tôi những thứ thuốc sau đây: 150 viên rimifon, 6 ống stérrogil 1cc, 15 ống calcium 10cc, 5 ống rimifon 5cc (ampoules) có thể thôi, còn băng bó hàng ngày thì 4, 5 ngày chúng mới băng cho một lần, có khi tôi thấy vết thương thối quá lên bảo con đâm nó băng cho. nó bảo chưa đến ngày, thối mặc kệ. Có khi

tôi phải lấy trộm băng bông để băng lấy. Việc bác sĩ khám bệnh có lần 20 ngày mới khám một lần, tôi được chiếu điện 2 lần và thử đờm 3 lần - chỉ có thể thôi. Một hôm có một anh bạn bị ốm không nói được đưa từ camp Phú Lâm đến, không biết tên là gì, vì anh không nói được, lúc anh ta đến vào khoảng 12 giờ trưa, tên bác sĩ qua đến khám bệnh y hỏi anh ta không nói được, y cho anh ta giả vờ, y tát anh 2 chiếc và y cho vào nằm ở salle tôi, y tiêm cho một phát huile camphée, tiêm xong y về đi đâu mất, mãi đến 3 giờ chiều y mới đến thì anh đã sắp chết, y tiêm cho anh mấy phát thuốc nữa, đến 4 giờ là anh chết - chúng lột trần truồng đưa đến nhà xác (vì ở nhà thương này chết là cởi trần truồng đem chôn); lại một anh nữa đến vào buổi chiều, anh bị bệnh đau bụng (đau dạ dày) tên anh là Xan nằm nhà thương hồi tháng 2/1953. Anh mới đến chúng chẳng cho anh thuốc gì cả. Chúng để anh nằm đến đêm đau bụng quá, anh kêu la ầm ỹ, chúng cũng chẳng đến, anh em chúng tôi kêu đến khản cổ chúng cũng chẳng đến - sau chúng tôi thấy anh nằm yên, tưởng là anh đỡ, ai ngờ anh đã nằm chết queo đấy rồi, tôi lại gọi chúng, chúng cũng chẳng đến, sáng hôm sau chúng mới đến, chúng đưa anh đến nhà xác, còn bọn chúng, khi chúng tôi hỏi đến tại sao hôm qua anh em chúng tôi ốm nặng gọi các ông không đến chúng trả lời đổ lỗi cho tên này tên khác gác đi vắng... thế là xong, người mình thì chết vẫn hoàn chết - sau chúng tôi làm đơn hỏi tên quan tư trông nom nhà thương y cũng chẳng thèm trả lời.

- Anh Phạm Ngọc Hoàng là cán bộ đại đội phó của Trung đoàn 101, anh ở camp Hanh Thông Tây - Gia Định, anh bị bệnh kiết lỵ, chúng đưa anh đến chữa tận nhà thương Chợ Quán, chúng đến chữa anh được 2 tuần lễ, chẳng biết chúng tiêm và cho anh uống thuốc gì không biết - sau anh bị điên, điên rất to, chúng khóa tay chân anh lại, cởi hết quần áo ra, nhốt anh vào một buồng riêng rồi

hàng ngày chúng đem đi hấp điện, chúng hấp được 3 ngày thì anh hết điên, nhưng người bị mất hết tinh thần và trí nhớ - mỗi khi anh bị đưa đi hấp điện, lúc mang về trông anh rất thảm thương, chẳng khác gì con nhái ăn phải thuốc lào, run và mặt tái xanh, chúng chẳng chữa bằng thuốc gì cả, cho chữa bằng điện, sau mặt phù ra và lúc đó thì người thành dần dần, thế là chúng bảo khỏi rồi cho về camp. Trên đây là nhà thương Chợ Quán, còn biết bao vụ chúng chữa rất dã man, người nào bị điên ở camp đưa đến là chúng bảo giả điên để về, nên chúng đánh đập tàn nhẫn và đối xử rất dã man.

Còn nhà thương Degorge - nhà thương này chúng đã chữa anh Mạnh. Anh Mạnh là tù binh ở ngoài Côn Đảo, anh là đại diện của anh em, sau chúng ghét anh, không nhận cho làm nữa, bắt anh đi làm, anh đi đập đá cho chúng, không may bị hòn đá đập vào mắt, bị hỏng con mắt bên trái, ở Côn Đảo không chữa được, đưa anh vào Sài Gòn chữa, vào đến nhà thương De Gorge, chúng để anh 2 ngày không cho thuốc men gì, mà mắt thì bị hỏng đến nơi rồi, nhiệt độ lên 39 - 40 độ. Đến ngày thứ 3 chúng đem anh ra khoét mắt, chúng cứ để nguyên khoét không đánh thuốc tê gì cả - cứ mổ bừa, có khi đau quá anh ngất đi, mổ xong chúng chữa qua loa, lúc đầu tên quan tư phụ trách phải phân bua với anh rằng sẽ chữa cho anh khỏi và cho một cái mắt giả vào. Được ít ngày nó bảo anh nếu cho mắt giả vào phải trả tiền, tù lấy tiền đâu mà trả, rồi sau một tuần lễ chúng cho vào mắt anh một mảnh thủy tinh và cho anh về camp Phú Lâm, đến Phú Lâm khi nhà anh gửi tiền đến cho, anh xin đi chữa chúng không cho anh đi chữa và ít ngày sau chúng trả anh về Côn Đảo, thế là mắt anh bị hỏng, hàng ngày chảy nước phải băng luôn luôn - anh Mạnh là cán bộ tuyên huấn của Trung đoàn 101. Còn việc ăn uống, ở của nhà thương này cũng như nhà thương Chợ Quán.

- Chúng bắt người phạt vào callule vô lý do - như hôm

8/10/1953 vì có anh Phạm Xuân Bảo là người ốm lâu ngày, đã được đề nghị tha, nhưng mãi chúng không tha, vì anh có bệnh điên dại và rất ngờ nghệch, một hôm vì anh điên lên nhớ nhà quá vì do lời chúng hứa tha làm kích thích anh, nên vô cớ anh chạy ra theo địch, báo cáo với địch là ở đây có mấy người định giết anh - dù bọn chúng biết rằng anh ốm, anh điên nói lằng nhằng luôn, nhưng vì đã tâm muốn hại tù của chúng, chúng vớ được anh Bảo đặc chí lắm, vì đã có lý do để phạt anh em, chúng đem lời cung của anh Bảo đến nói với anh em là có 5 tên định giết anh Bảo là: Bình, Hàm, Mạnh, Cương, Khương (Mạnh hỏng mắt, còn anh Bình là tổng đại diện, bọn địch ghét anh lắm, nên nhân việc này chúng cho vào cellule. Chính tên quan hai Gardès gọi anh Bảo khai cho anh Bình) thế là chúng gọi 5 anh trên vào cellule phạt 1 tháng, sau việc này anh em phản đối kịch liệt, chúng lại khiêu khích anh em bảo "bọn cộng sản nói không thể tin được" nhưng anh em chúng tôi cũng chửi chúng một mẻ (việc này sẽ báo cáo rõ ở tình hình ta).

- Đối với cán bộ ở camp đất liền như ở Hanh Thông Tây (Gia Định) chúng cho bọn tay sai chui vào trong để rồi báo cáo, những hành động của anh em - những cán bộ từ tiểu đoàn trưởng trở lên khi bắt ở camp ra chúng không đánh đập chúng đem đi cùm một nơi hoặc cho vào cellule - như vụ tranh đấu tháng 12/1952 ở Hanh Thông Tây chúng bắt các anh Hồng Vũ, Vũ Hạnh, Văn Bằng, Trần Đông, Thanh... 7 người chúng cho đi cellule Phú Lâm, sau đó chúng cho anh Hồng Vũ lên Tây Ninh, cho anh Hạnh Văn Bằng xuống Thủ Đức - khi ở cellule chúng cho ăn đói, tắm nước nhơ bẩn, nước thối - vụ tranh đấu tháng 2/1953 chúng bắt các anh Lê Văn Dương, anh Võ Tá Lâm, Lê Sơn, Thiên, Tương... cả thấy 17 cán bộ cùng 3 tháng ở nơi rất nhiều muỗi (camp bên cạnh chưa có người) sau ba tháng chúng cho các anh trên đi khám Chí Hòa Sài Gòn

tháng 3/1953 vô cớ chúng bắt anh Thi chỉ huy trưởng Sài Gòn Chợ Lớn cho vào cellule - đến tháng 7/1953 chúng cho các anh Thi, Hồng Vũ, Văn Bằng... ra Côn Đảo, chúng dùng chính sách phân tán cán bộ bằng cách: cho ăn, ở khổ sở, lấy anh Hồng Vũ Hải Dương làm điển hình bị vào cellule, anh Vũ bị 19 tháng 15 ngày vào cellule mà mới có 28 tháng tù.

Đối với đại đội trở xuống đến đội viên, mỗi khi chúng tình nghi, hoặc bị bọn phản động báo cáo chúng đem anh em đến 2^e bureau hoặc 4^e bureau chúng đánh đập rất dã man tàn khốc như đánh 15 anh em bên trại chiến binh Hanh Thông Tây, anh nào cũng bị lột một đám tóc trên đầu bị những vết thương 2, 3 tháng mới khỏi.

- Camp cán bộ mà chúng chỉ cho ăn 500gr gạo một ngày mà chúng vẫn khoe là đối với sĩ quan của ta tốt.

- Làm mất tinh thần để mua chuộc: Bằng cách chúng đem radio đến các trại giam, mỗi salle chúng mang treo một cái phóng thanh, làm cho tất cả anh em không ngủ được, chúng cứ phát thanh từ 6 giờ tối đến 11 giờ đêm, chúng chỉ cho anh em nghe những tin tức của chúng và những bài hát khiêu dâm, vong quốc.

- Ở camp Thủ Đức, một camp mà bọn chúng từng khoe khoang là camp đẹp nhất của chúng ở Đông Dương - nhưng thực là camp giết người ở đây, tên MAJOR không rõ tên y là gì, nhưng y nói tiếng Việt cũng khá, tuy không biết tên, nhưng tên MAJOR chef camp Thủ Đức là anh em tù ở Nam Bộ ai cũng biết tên này đã định ra ngục Batty ở giữa camp để phạt anh em, sau ta chửi quá, nhất là đài phát thanh "tiếng nói Nam Bộ" chửi dữ quá nên chúng phải phá đi, anh em tù ở nơi nào đến đây là tên MAJOR cho bọn tay chân theo dõi, hấn xếp cho công việc làm ngay, vì hấn không cho một ai chơi, sợ chơi rồi lại tổ chức này khác, hấn lợi dụng hết lao động của

anh em, hấn bắt ngày đi làm 8 tiếng, tối chơi đến 12 giờ, không cho vào đi ngủ. Chúng bày ra các trò chơi lãng mạn như đánh bạc, cò quay, ích - xì, hấn đem sách báo của chúng cho anh em xem nhưng mỗi chỗ chúng tổ chức ra một trò chơi hay xem báo là y cho mấy tên tay chân ở đây để theo dõi anh em tù, khi xem báo nếu anh nào xem đến tin chiến sự hoặc nói về tình hình của ta là y gọi lên đánh cho một trận gần chết rồi cho vào cellule - ngồi tùm 2 người cũng bị đánh và vào cellule, 2 người đi với nhau nói nhỏ là bị đánh và vào cellule. Anh em mới đầu vào camp thế nào y cũng gọi lên giao trách nhiệm là điều tra anh em xem có ai làm chính trị không, bàn về trốn không? Có những tên tù phản lại quyền lợi của anh em báo cáo với y, có tên phản động hơn vu khống cho một anh nhà bếp, bảo anh nhà bếp có thuốc độc định đánh thuốc độc tên Major, nên tên Major tức giận, gọi anh nhà bếp lên đánh đập, sau anh không biết gì mà nói, sau tên Major tức và cho anh là gan không nói, y lấy que sắt nung thật đỏ lên chọc vào lỗ đít anh nhà bếp, thế là anh bị chết, còn biết bao nhiêu vụ tương tự như thế do tên Major chef camp Thủ Đức làm, vì làm như vậy được lòng những tên quan thầy của y, nên quan thầy của y tháng 4/1953 mới đề bạt y lên chức quản.

Những chính sách dã man trên ở Côn Đảo cũng như các camp đất liền mà tội thực dân Pháp đối với tù, những việc trên đây ở Côn Đảo và nhà thương tôi được mắt thấy tai nghe, còn ở các camp đất liền được các đồng chí kể lại. Nhưng còn nhiều hơn nữa mà tôi không nhớ hết, hoặc không biết đến. Vậy báo cáo để Thành ủy biết (Về tình hình ta sẽ báo cáo bản riêng).

Ngày 7 tháng 12 năm 1953

ĐOÀN DUY THÀNH

Báo cáo thêm:

1/ Nước uống và rửa rất bẩn thỉu, nhất ở bagné III (tù binh) ở đây có hai cái giếng ở trong camp, camp làm ở nơi thấp gần nghĩa địa, nước lúc nào cũng đỏ như nước vối, rửa vào mắt chỉ hai lần là đau, nước có một chất rớt rất kinh tởm rửa để gần khô mó vào tay cứ dính nhám nháp, đến mùa không có mưa thì bẩn hơn, bọt xàu lên trông rất ghê sợ, thế mà anh em hàng ngày tắm giặt ở đó; bác sĩ ROZIERE đã múc nước về để khám nghiệm thì trong nước có rất nhiều vi trùng có thể làm mù mắt, và nước này uống thì nhất định sinh ra bệnh thương hàn và đau bụng, nên ông ta đã cho thứ thuốc sát trùng để pha vào nước trước khi tắm giặt, nhưng nay tên BROUK ra lại không cho thuốc nữa nên anh chị em lại phải tắm giặt nước không có thuốc, dù thối, bẩn thế nhưng vẫn không đủ dùng, vì 500 người có 2 cái giếng dùng, đường kính dài 0,80m, sâu độ 4m, còn nước ăn thì đi lấy ở các vũng nước mưa đọng lại hoặc lấy ở giếng ở cầu tàu, nước rất đục không có lọc gì cả, những vẩn xanh rất là nhơ bẩn.

2/ Địch còn tổ chức do thám để lục soát và tìm tòi anh em trốn hoặc khi bắt được ai tình nghi làm chính trị chúng đánh đập và hỏi cung, ở ngoài này gọi là bàn giấy "Cố" chúng còn dùng một số anh em tù sắp được tha ra làm cho chúng, chúng gọi là reserve ở khắp các đảo để tìm tòi anh em trốn để báo cáo với chúng.

3/ Địch có 2 đài nhắn tin và phát tin:

a) Đài lớn để ở Cầu Tàu, hàng ngày 8 giờ sáng báo cáo tình hình ngoài đảo và Sài Gòn; chiều 5 giờ có tên đội trắng và 2 lính da đen gác.

b) Đài con để ở Bẫy Cạnh, cái này chỉ gọi đi xa được 25km, ở đây chúng hỏi những tàu qua lại và báo cáo về đảo.

Cước chú: Những hành động dã man của địch trên đây là từ năm 1951, trước cuộc tranh đấu của anh em tù án năm 1910 - 1950 chúng còn hành hạ dã man hơn nữa.

II- TÌNH HÌNH TA

Sau vụ tranh đấu tuyệt thực của anh em toàn đảo tháng 10/1950 (tù binh chưa ra) bọn thống trị đã phải nhượng bộ một số vấn đề mà anh em yêu sách - như tăng thêm gạo, làm bớt giờ, bớt đánh đập... và cũng nhân vụ tranh đấu này đã thanh thải một số đồng chí và quần chúng mất tinh thần, củng cố lại ban Đảo ủy và cũng là lúc khối tù chia ra làm hai khối, khối tù trung kiên kháng chiến và khối tù bám vào bọn địch để kiếm cơm thừa canh cặn của chúng và làm tay sai cho chúng chống lại anh em, đó là bọn "liên xã" lực lượng của chúng có độ 100 tên, ngoài đó gọi là tù "áo trắng" vì địch cho chúng mặc quần áo trắng còn đại đa số anh em địch cho mặc quần áo xanh, gọi là tù "áo xanh".

Số tù hiện nay trên toàn đảo có 1.847 tù án, trong đó có 126 biệt lập, 95 cấm cố và 6 tử hình, 490 tù binh. Tổng cộng 2.337 người.

Sự tổ chức về Đảng, dân vận và chính quyền hiện nay

Đảng: Có Ban Đảo ủy gồm 11 đồng chí, do đồng chí Thanh Xương làm Bí thư, dưới Đảo ủy có 3 chi ủy, chi ủy bagne I, chi ủy bagne II, chi ủy bange III, dưới chi ủy có các phân chi ủy ở các salle, các chi ủy có 5 đồng chí, các phân chi ủy có 3 đồng chí.

Phân công: Đồng chí Bí thư, phó bí thư và 2 Đảo ủy viên ở Bagne II và Văn phòng Đảo ủy ở đó; 4 Đảo ủy viên ở bagne I và 3

Đảo ủy viên ở bagne III (các đồng chí Thi - Khu ủy viên Sài Gòn Chợ Lớn, đồng chí Vũ - Tỉnh ủy viên Hải Dương, đồng chí Hạnh, Học - Đảng ủy trung đoàn mới ra, chưa tham gia Đảo ủy, nhưng có trách nhiệm giúp đỡ Đảo ủy để tiến hành công tác xây dựng Đảng).

Số đảng viên và cán bộ: 500 đảng viên trong đó có 6 cán bộ thành ủy viên là Thi, Vũ, Hạnh, Học, Thụ, Hiệu, có 100 cán bộ từ bí thư chi bộ đến bí thư huyện ủy, số đảng viên có nhiều ở bagne III 490 tù binh có 170 đảng viên.

Củng cố Đảng: Sinh hoạt rất đều, lấy phê bình và tự phê bình, lấy đấu tranh hàng ngày với địch để củng cố Đảng, phát triển đảng viên mới, thanh thải đảng viên kém, phối hợp sự giáo dục trong Đảng và ngoài nhân dân làm một, học cùng tài liệu với nhân dân. Đảng làm nòng cốt để hướng dẫn nhân dân học tập, đề cao kỷ luật, đề cao dân chủ nội bộ và ngoài nhân dân để trên kiểm soát dưới, dưới kiểm soát trên, nhân dân theo dõi cán bộ và đảng viên.

Để phá những bệnh cầu an thủ tiêu tranh đấu, bệnh tự cao địa vị không phục tùng cấp ủy trong tù (so sánh mình với những đồng chí trong tù), bệnh thiếu thành thật, không nói rõ những lỗi lầm đã cung khai với địch, bệnh địa phương chỉ biết các đồng chí địa phương mình, thân với những đồng chí địa phương mình, ít gần gũi với các đồng chí địa phương khác, bệnh tự ái.

Sự giao thông liên lạc: Liên lạc với đất liền hiện nay không có, bị đứt đoạn từ năm 1951 đến nay. Còn sự giao thông trên đảo được đều đặn, dù có bị địch ngăn cản rất dữ.

Chủ trương của Đảo ủy hiện nay

I- Xây dựng lực lượng (giáo dục Đảng, giáo dục nhân dân).

II- Xây dựng tổ chức (tổ chức toàn đảo được thống nhất chặt chẽ hơn).

III- Tranh đấu để tự giải phóng cho mình.

IV- Đấu tranh hàng ngày với địch để giành lại quyền sống cho mình.

I- Xây dựng lực lượng

Sang năm 1953 sau vụ tranh đấu thất bại ngày 12/12/1952. Đảo ủy chú ý xây dựng lực lượng, củng cố nội bộ Đảng cũng như ngoài nhân dân sau 3 tháng: tháng 12/1952, tháng 1, 2/1953 để sắp xếp lại lực lượng. Bắt đầu sang tháng 3/1953 tiến hành công tác giáo dục.

- Tháng 3/1953 học tập tài liệu Trường kỳ gian khổ.

- Tháng 4/1953 nghỉ, tháng 5, 6/1953 học tài liệu: Phương pháp học tập mới, Ý nghĩa thi đua, Lợi ích của tổ tâm giao.

- Tháng 7/1953 nghỉ để chuẩn bị cho cuộc chỉnh huấn vào tháng 8/1953.

- Tháng 8 bắt đầu chỉnh huấn phát động từ 19/8/1953 (phối hợp với đợt thi đua lần thứ 2), học tập tài liệu "Phục vụ nhân dân" phân lý luận học đến 20/9 thì hết; sơ kết sang phần phản tỉnh từ 20/9 đến 23/10 là xong, tổng kết và hiện nay đang tiếp tục học tập những khuyết điểm đã tìm ra đến ngày 23/12/1953 là xong.

Cuộc chỉnh huấn trên mới bắt đầu làm Camp III tù binh trước, và đến tháng 11/1953 mới bắt đầu ở Bagne I và II.

Kết quả cuộc chỉnh huấn: Rất lớn và là một cuộc chỉnh huấn kết quả nhất ở các camp toàn Đông Dương tuy làm sau camp Hanh Thông Tây, nhưng kết quả hơn camp Hanh Thông Tây nhiều. Nó đã nêu lên được tất cả bệnh trạng của tất cả 490 anh em tù binh, trong đó 60 người đã làm tay sai cho địch phản lại nhân dân, trên 100 người là những người kháng chiến phát phơ, cầu an chạy về hàng địch ở trong đất địch. Bao nhiêu bệnh như cầu an, quân phiệt, hủ hóa, tham ô, tự cao tự đại phản lại cách mạng v.v... đã được lột trần.

Những sự thiệt hại về người và của như sau:

- Giết hại trên 500 người (báo cho địch giết, hoặc tự tay giết).
- Thụt 38 vạn đồng Đông Dương và 117 triệu bạc Tài chính.
- Võ khí mang hàng địch hoặc báo cáo cho địch đi lấy đủ trang bị cho một tiểu đoàn mạnh.

Kết quả hơn hết là làm cho khối tù binh được thống nhất đoàn kết chặt chẽ, đã đánh thông được những tư tưởng sai lầm của một số phần động cho là tù với Pháp, sau này cũng bị ta giết hoặc bắt tù, lôi kéo được những tên đã làm tay sai cho giặc đã quay lại như 12 tên đã ra hàng giặc ở riêng một salle chống lại anh em, nay đã có 5 tên quay lại xin hối lỗi và trở về ở với anh em không ở riêng nữa. Ngoài ra cũng có một hiện tượng đặc biệt như anh Phạm Xuân Bảo người chợ Chối - Hoàn Bồ - Quảng Yên. Anh này bị bệnh vào nhà thương chữa mới ra vào giữa khi anh em đã học hết phần lý luận, nên bắt vào phản tỉnh, anh chỉ được giải thích một vài ngày về cuộc chỉnh huấn và giới thiệu sơ tài liệu, khi bắt vào phản tỉnh anh tranh đấu tư tưởng dữ quá, và tổ tâm giao yếu, viện trợ kém, nên ngày 7/10 anh đã nhảy ra hàng giặc khai cho anh: Bình, Mạnh, Hàm, Cương, Khương là định giết, để có lối thoát. Nhưng việc trên cũng không ảnh hưởng gì đến cuộc chỉnh huấn của anh em, vì đã được giải thích kỹ của cán bộ, vì việc anh Bảo cũng như "một anh chiến binh mới nhập ngũ không được giáo dục về tác chiến thế nào, bắt ngay đi sửa soạn súng để đánh giặc, tất nhiên chiến binh sợ đi hàng giặc là lẽ thường".

Trong những ngày chỉnh huấn, tất cả công tác thông tin văn nghệ thi đua đều phục vụ cho chỉnh huấn, công tác văn nghệ như ca kịch phải phục vụ cho chỉnh huấn, phản ánh lại cuộc học tập. Ban Xã hội toàn trại phải tích cực phục vụ cho anh em, cải thiện

sinh hoạt để anh em có đủ sức khỏe học tập. Cùng với phong trào thi đua thúc đẩy anh em hết sức chăm chú học tập, ngày đi làm, thì đi từng salle để tiện việc mạn đàm, có các đồng chí phân chi ủy đi sát để kiểm soát về nguyên tắc "bem", các đồng chí hướng dẫn, đồng chí thi đua theo sát để giúp đỡ và động viên, trưa về mạn đàm 15 phút rồi mới ngủ trưa, tối về cơm xong là đến kiểm điểm tổ tâm giao để báo cáo toán và phòng rồi vào học ở toán đến 11 giờ đêm mới đi ngủ, tối thứ bảy nghe báo cáo sơ kết hàng tuần rồi xem kịch; các chiến sĩ điển hình được bầu trong phong trào học đã làm đầu tàu cho phong trào học. Hàng ngày các đồng chí hướng dẫn viên, ban chi ủy, ban phân chi ủy phải họp luôn luôn để rút kinh nghiệm, lúc nào cũng nhận nhip thấy một phong trào học tập, những học trang và canh phòng rất "bem" nên xong cuộc chỉnh huấn địch vẫn không biết gì, dù có 7 tên làm tay sai cho địch vẫn thường theo dõi báo cáo những hành động của anh em. Sắp đến đợt 2 sang phản tỉnh, chi ủy lại tổ chức 1 ngày "Cắm thù", ngày hôm đó như là ngày chết, nét mặt 490 tù binh không ai nói với ai, về mặt đêm chiêu để suy nghĩ tìm tòi tất cả những tội ác của giặc. Tối đến diễn kịch và mỗi salle chọn một đồng chí thành phần bản cố nông đã bị khổ cực nhiều nhất ra "tố khổ" trước toàn phòng và xem những kịch toàn tội ác của giặc Pháp đối với dân ta. Đến phần phản tỉnh không khí rất lạ thường, bệnh phát ra rất nhiều, Ban Xã hội phải nấu mỗi ngày 8 vạc cháo mới đủ, cơm ăn rất ít, những ngày đào sâu suy nghĩ bao nhiêu anh em khóc nước mắt trước nhân dân, từ cán bộ đến anh em lạc đường theo giặc, có anh đang đêm suy nghĩ xô lên nói những lỗi của mình.

Cuộc chỉnh huấn hiện nay đã bắt đầu sang bagne I và II và chương trình của Đảo ủy là hết tháng 1/1954 sẽ làm xong trong toàn đảo.

Ngày 23/10/1953 là ngày “Khánh công” của cuộc chỉnh huấn, tối 23/10 các phòng họp để báo cáo tổng kết, để phát phần thưởng cho các chiến sĩ chỉnh huấn, chiến sĩ học tập, chiến sĩ phản tỉnh. Hướng dẫn viên điển hình và nghe đọc hiệu triệu của Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân Liên khu nói về kết quả của cuộc chỉnh huấn và nhiệm vụ phải làm sau khi chỉnh huấn. Sáng ngày 23 tổ chức liên hoan toàn trại, anh em ca hát và nhảy những điệu như: *Bất ly khai Đảng Cộng sản, Con chim vàng, Kỷ luật, Vào Đông Khê v.v...* Bọn lính địch cũng đến xem và ca tụng sự nhảy rất hay, nhưng họ chỉ đứng ở cổng nhìn vào, vì bọn Tây trắng cấm không được gần tù.

II- Xây dựng tổ chức

Xây dựng tổ chức thật chặt chẽ, Đảng nắm được vững mới tổ chức thống nhất từ trên xuống dưới, trong khi xây dựng tổ chức dân vận đồng thời xây dựng tổ chức quân sự kèm theo, để có hoàn cảnh phối hợp cho nhanh chóng và kịp thời, hợp lý những tổ chức để hợp với trình độ giác ngộ của nhân dân, nhất là ngoại giới (vợ con bọn gardien, surveillant).

III- Tranh đấu tự giải thoát

Ngày 12/12/1952 vụ giải thoát đầu tiên của tù binh, mà cũng là cuộc vượt ngục lớn nhất của đảo.

Mục đích cuộc tranh đấu này là giải thoát toàn đảo.

Kế hoạch chuẩn bị: Tháng 5/1952 địch lấy 120 anh em tù binh đi làm cầu tàu mới cách xa nơi chúng ở và trại giam độ 10 cây số. Lên làm ở cầu tàu mới nơi đó gần cái đầm nên thường gọi là đi làm Đầm. Lên đó các cán bộ phụ trách nhận thấy có hoàn cảnh giải thoát nên báo cáo với Đảo ủy, Đảo ủy đồng ý và đồng chí Văn, thành ủy viên Hải Dương lúc đó Bí thư Đảo ủy trực tiếp lên đây làm

cùng một số cán bộ quan trọng như đồng chí Viễn, Chủ tịch Thủy Nguyên, đồng chí Lê Mai, Phó bí thư Huyện ủy An Dương... lên trên Đầm làm để chuẩn bị kế hoạch, chuẩn bị 6 tháng, đến khoảng tháng 12 khi có gió thổi về đất liền thì làm, ngoài số 120 anh em làm trên Đầm, địch lấy 110 người nữa để sửa lại con đường từ cầu tàu dưới này lên trên đó, và sự làm việc cũng gần nhau cách 500 thước, nhưng anh em làm đường thì tối về camp ngủ, anh em làm Đầm thì làm nhà ở trên đó ngủ, có 28 tên lính da đen, kể cả một quản trắng (Bosdesoul) việc chuẩn bị đầu tiên là làm sao được một số thuyền, nên Đảo ủy quyết định lấy tất cả số tiền hoặc vàng của anh em mang ra còn cất đi được đem mua vải, mua sơn để làm thuyền, một mặt lợi dụng sơ hở của địch, đào hầm ở dưới nhà mình ở để làm khung thuyền bằng song, anh em ngày làm cho địch, tối về phải xuống hầm làm thuyền vải, một số anh em đi xẻ gỗ trên rừng làm thêm thuyền gỗ, nhưng thuyền gỗ trên rừng sau lộ chúng biết nên bị bắt 5 đồng chí phải vào cellule mỗi người 3 tháng và bị đánh đập rất dã man, nhưng có 2 đồng chí đứng ra nhận là làm riêng, nên đại bộ phận không bị lộ, công việc vẫn tiến hành đều cho đến tháng 12/1952 thì đã làm xong năm thuyền bằng song, bọc vải sơn có thể đi đủ 230 người nếu trong trường hợp bất trắc xảy ra, phải đi bộ phận.

Kế hoạch tranh đấu: Bộ phận chủ công là anh em làm Đầm và làm đường còn các nơi đều có cơ sở cả, chuẩn bị đầy đủ để phối hợp lúc đó lực lượng địch rất yếu, chỉ có 80 tên Célégalais là có thể chiến đấu được thì chia ra như sau:

28 tên gác ở trên Đầm, 7 tên trông nom làm đường, 12 tên gác ở camp tù binh và đưa người đi làm ruộng ở dưới gần camp tù binh, 10 tên ở Bấy Cạnh, 2 tên ở đài radiô ở cầu tàu, còn lại hơn 20 tên

ôm nằm ở trại lính, súng cất đi một nơi, không để phòng gì cả, còn bọn gardien thì chúng không có tinh thần chiến đấu, mà hồi có súng mass chúng để trong kho, chỉ đeo súng lục thôi.

Kế hoạch là khi phát hỏa ở bộ phận làm Đầm trước, rồi đến bộ phận làm đường trông thấy hiệu lệnh làm theo, làm xong ở trên Đầm các anh em hóa trang thành lính da đen cả, đi xe ô tô về trại lính đánh (vì có 1 ô tô để ở Đầm chuyên chở tù và lính lên xuống). Về đến trại lính sẽ phát hiệu ba phát súng, các nơi trên toàn đảo sẽ phối hợp. Tất cả kế hoạch được phổ biến sâu rộng trong Đảng ủy cũng như trong nhân dân, định làm vào hôm 4/12 nhưng hoãn lại 1 tuần lễ để kiểm điểm lại kế hoạch xem đã được chu đáo chưa - mãi đến ngày 12/12/1952 mới làm công việc theo dõi tàu chiến đi tuần cũng nắm được chắc chắn quy luật của chúng nên rất yên tâm.

Việc đi thuyền là lấy canô thuyền của chúng để trên đảo có đủ cho hơn 2.000 người đi, nhưng Đảng ủy cũng chọn một số phản động và quần chúng còn phức tạp để lại, chỉ đi khoảng độ 1.500 người cho chắc chắn, đề phòng sóng gió.

Đúng 11 giờ trưa hôm 12/12/1952 thi hành (tức 26/10 âm lịch) bộ phận làm Đầm tước khí giới và bắt sống hoàn toàn 28 tên, không bị đổ máu, nhưng toán làm đường có 7 tên với số người của mình là 110, các đồng chí đã chủ quan nên để chạy trốn mất một thằng, đánh chết 2 thằng, hất xuống bệ 2 thằng, còn bắt được 2 thằng, chúng bắn lại mình chết 1 đồng chí, lo một thằng chạy về được nên các cán bộ quyết định đi bộ phận. Một mặt các đồng chí cho cạp thuyền rồi đi, một mặt cho anh em chặn cây ngang đường và một bộ phận có súng canh gác và bố trí nếu chúng lên sẽ đánh.

Kết quả đến 4 giờ chiều làm xong năm thuyền bằng song bọc vải sơn có buồm và mái chèo, bắt đầu đi, đi ra được ba mươi cây

số thì hai thuyền bị vỡ vì vải để lâu không chịu được nước mặn, thuyền bị dãn ra, hai thuyền đó đa số là cán bộ - còn ba thuyền nữa chở được đến 5 giờ chiều ngày hôm sau gần đến bờ thì bị chúng đuổi theo bắt lại.

Nguyên nhân bị thất bại:

- Bộ phận làm đường chủ quan, cho lực lượng địch yếu không đề phòng, nên khi đi nghỉ không theo dõi chúng, để đến khi hiệu lệnh làm thì đã có 2 tên lính khoác súng và lên đạn đi bắn chim, và ra xa cách chỗ anh em làm độ 5-60m (chỗ làm đường có đồng chí Văn - Bí thư Đảng ủy).

- Thuyền làm lâu ngày quá, không xem lại nên vải bị hỏng mất một ít, thuyền bị song khô, nên xuống nước cứ doãng ra, nên nước vào mạnh.

- Đi tham quá thành thuyền nặng (lúc ra biển 10 cây số phải kêu gọi một số đồng chí và quần chúng hy sinh để cứu thoát cán bộ, đã có một số đồng chí nhảy xuống biển chết trước rồi, mà sau vẫn bị đắm).

- Nếu cứ mạnh bạo đánh về thì không thất bại, sợ tên lính về kịp (tên lính đến 7 giờ tối mới về, bọn địch đến tối không thấy anh em làm đường về, chúng mới đi lên xem, bấy giờ chúng mới biết, khoảng 6 giờ 30 chiều).

- Thiên thời không lợi, vì gió hôm đó không đều, có lúc lại không có gió, nên ba thuyền không bị đắm mà đến 24 tiếng đồng hồ cũng không vào được đến bờ (nếu gió đều thì 10 tiếng là vào đến đất liền vào Bạc Liêu khu tự do).

Những khuyết điểm đã làm chết 107 người, trong đó có đồng chí Văn - Bí thư Đảo ủy, Thành ủy viên Hải Dương, đồng chí Lê Mai

- Phó bí thư An Dương, đồng chí Viễn - Chủ tịch Thủy Nguyên, đồng chí Tùng - Chủ tịch An Dương, đồng chí Chiến - Phó chủ tịch Tứ Kỳ, đồng chí Hoài - Huyện đội trưởng Tứ Kỳ, đồng chí Long - Huyện ủy viên Kim Thành và một số cán bộ, đảng viên khác. 123 người bị bắt lại, chúng đánh đập dã man và nay cho đi khám Chí Hòa Sài Gòn để đưa ra tòa truất quyền tù binh (chúng vin vào cố giết của chúng 4 lính da đen).

Rút kinh nghiệm trên, sang đầu năm 1954 này Đảo ủy sẽ soạn một cuộc giải thoát to tát nữa, và đã đề nghị Trung ương phân cục miền Nam giúp đỡ việc đón ở trong đất liền.

Ngoài vụ giải thoát trên, anh em bên tù án lúc nào cũng chuẩn bị thoát ly từng bộ phận, vì bên đó có hoàn cảnh hơn ở chỗ được đi làm lẻ tẻ, mỗi năm cũng có 5, 6 vụ trốn, nhưng chỉ từ 5 - 6 người đến 40 người là cùng, tháng 9 vừa qua có 37 anh em làm ở Bấy Cạnh cướp canô để trốn, nhưng máy canô hỏng sau lại bị bắt lại.

IV. Đấu tranh hàng ngày với địch để giành quyền sống cho mình

Việc đấu tranh với địch ở đảo lúc nào cũng liên tục, từ hình thức thấp, yêu cầu, đề nghị, đến hình thức cao như biểu tình, đình công, tuyệt thực, nhưng khẩu hiệu tranh đấu đều nhằm cải thiện đời sống, chống đánh đập, làm quá giờ, làm nặng quá sức và lúc nào cũng theo đúng Công ước Genève mà chế độ tù binh được hưởng, tháng 10/1950 anh em tù án đã tranh đấu với địch bằng hình thức cao nhất là tuyệt thực để đòi cải thiện sinh hoạt, có nơi như sở đá đã tuyệt thực đến mức cao nhất là 11 ngày, anh em đại diện, địch phải mang cáng đến mang đi để điều đình với chúng, trước chúng còn khùng bố, sau chúng chịu phải nhượng bộ những điểm sau đây:

- Làm 8 tiếng một ngày, Sở Củi hạ xuống 0,60m³ một ngày, anh em chung thân khổ sai đi làm không phải đeo xiềng, thêm 100gr gạo cho anh em phải đi làm, không đánh đập (việc này chỉ bớt đi, chứ không hết hẳn).

Đến tháng 7/1953 ở camp tù binh vì địch vô cớ bắt giam 4 đồng chí và không thi hành những điều chúng hứa với anh em nên ngày 7/7/1953 toàn thể anh em đã tranh đấu bằng hình thức biểu tình, khi sắp sửa đi làm xếp hàng cả ngoài sân, tên quan 2 vừa đến thì một đồng chí đứng trong hàng ngũ anh em giơ tay xin nói, đồng chí nói thật to: "Yêu cầu trung úy chỉ huy camp tha ngay 4 bạn chúng tôi vì bắt không có cớ", anh em đều giơ tay một loạt là đồng ý, tên quan hai luống cuống hỏi Tổng đại diện của ta, anh dịch cho hắn, hắn bảo anh em cứ đi làm sẽ giải quyết; sau lại một anh khác đứng lên nói: "Đề nghị trung úy giải quyết đời sống cho chúng tôi mà ông đã hứa" anh em lại một loạt đồng ý và lại một đồng chí khác đứng lên nói: "Nhờ anh Tổng đại diện làm cho anh em chúng tôi một cái đơn đưa lên trung úy chỉ huy camp" lại một loạt đồng ý rầm rộ, anh Đại diện đưa cho tên quan 2 lá đơn yêu cầu của anh em, hắn hứa 2 ngày sẽ giải quyết hết. Sau 2 ngày chúng giải quyết cho những việc sau này:

- Thả 4 đồng chí biệt lập ra,
- Cho làm bánh cuốn,
- Cho được một tạ thịt (và hứa sẽ cho đều hàng tháng),
- Việc mua căng tin sẽ bán đều cho và báo Sài Gòn chở ra ngay.
- Nhận Tổng đại diện cũ không do chúng chỉ định như trước nữa.

Chương trình của Đảo ủy là đấu tranh đến tuyệt thực nếu chúng

không giải quyết, nhưng thấy chúng đã giải quyết gần hết những yêu cầu nên cuộc tranh đấu tạm chấm dứt.

Rồi đến các cuộc tranh đấu của anh em cấm cố biệt lập tương tự như trên, những vụ tranh đấu nào chúng cũng chậm thi hành, nhưng sau chúng lại cất dần, nên việc tranh đấu của anh em phải liên tục, lúc đưa đơn yêu cầu, lúc đại diện yêu cầu, lúc anh em được cử ra yêu cầu, gặp chúng là nói đến đời sống của anh em, nói với tất cả lính da đen về sự cực khổ của mình để họ biểu đồng tình với mình tranh đấu.

Các tiểu ban của Đảng:

- 1- Ban tuyên huấn
- 2- Ban kinh tế xã hội
- 3- Ban tuyên truyền văn nghệ
- 4- Ban thi đua

Việc phổ biến tin tức

Tất cả báo cáo của địch và tranh ảnh của địch, anh em không ai được xem, do ban tuyên truyền văn nghệ xem rồi tổng kết những tin tức có thể phát thanh được đem ra phổ biến, có khi tổng kết lại coi như tài liệu đã dùng rồi có nhận xét hướng dẫn từng bài, từng tin, hoặc để cả bài đọc, đọc xong đồng chí thông tin kết luận rõ ràng và nói theo tin địch như: những trận rút lui của chúng ở mặt trận Thượng Lào, chúng cũng phải nhận một phần thất bại của chúng - đem ra bình luận và kết luận tin địch còn phải nói thế... tất nhiên tin của ta còn khác nhiều hơn nữa. Những tin quan trọng như: Béria Marty, Tillon phản bội, vì không nhận được tin chính thức trên đài Bắc Kinh nên cho là địch chia rẽ, mà chỉ biết ở một số cán bộ, nhân dân không phổ biến, nếu ai biết thắc mắc hỏi đều trả lời là địch chia rẽ.

Ngoài lấy ở báo địch ra, còn một mặt nhờ những nhà gardien tốt có cơ sở tù làm ở đó nghe nhờ đài Bắc Kinh hoặc Mạc Tư Khoa, nhưng không được đều, rất thất thường.

Kết luận về tình hình Đảng

Đảng lúc nào cũng nắm được chặt chẽ vai trò lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch, xây dựng được lực lượng nhân dân tương đối vững chắc, cơ sở đảng có ở khắp các nơi, nơi nào yếu cũng có một tổ như nhà thương, Sở Chăn bò v.v... mạnh nhất ở trại tù binh.

Dân vận

Tổ chức: Toàn Đảng có Ban Chấp hành Liên đoàn Tù nhân Côn Đảo (Ban Đảo ủy kiêm nhiệm) dưới có Ban Chấp hành Liên đoàn Tù nhân các liên khu (3 liên khu: bagne I, bagne II, bagne III) còn các salle có ban chấp hành khu hoặc thôn dưới có toán 10 người (lấy theo đơn vị ăn cơm, mười người toán ăn) rồi đến tổ 3 người vừa là tổ tâm giao.

Tất cả 2.337 tù nhân, thì nay đã có 2.000 người vào Liên đoàn, còn ở camp tù binh 7 tên ngoan cố chống lại anh em do tên Nguyễn Văn Khiêm trong Ban Chính trị Nha Công an Bắc Việt của bù nhìn Chí, tên Thiết trưởng ty công an bù nhìn Gia Lâm cầm đầu ở riêng một salle để chống lại anh em, còn đều gia nhập Liên đoàn cả, ở bên tù án chỉ có 100 tên Liên xã và một anh em mới ra chưa gia nhập Liên đoàn hoặc số ông già trên 60 tuổi chỉ xin ủng hộ Liên đoàn mà không gia nhập. Bọn Liên xã hiện nay trong nội bộ lũng củng tên trùm bị Pháp không tin tự tử chết. chỉ còn hơn 10 tên tích cực theo Pháp, còn một số lớn ta đương lôi kéo họ để trở về ta.

Tất cả anh em Liên đoàn đều được giáo dục, và lúc nào cũng

tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng để tranh đấu với địch; ngoài những việc giáo dục về chính trị, còn được giáo dục về văn hóa.

Mặt trận Liên đoàn còn ra được một tờ báo tường lấy tên là “*Tiến lên*” cơ quan tuyên truyền và giáo dục của Liên đoàn, tờ báo đó đã phản ánh được sự sinh hoạt của tù nhân Côn Đảo, đồng thời nó còn làm nhiệm vụ vạch âm mưu tội ác của thực dân Pháp với tù, lại còn những mẩu chuyện ngắn do tự tay anh em tù nhân viết, in ra thành sách để anh em xem.

Tổ chức ngoài giới

Ngoài tổ chức Liên đoàn những anh em tù ra, đoàn thể còn tổ chức những người làm cho địch như: surveillant, gardien gác ngục, chỉ vi áo cơm, cầu an phải làm cho địch, nhưng vợ con họ, những anh em y tế, những chị em nhà thổ (có 6 người) vì số vợ con gardien, surveillant, y tá có đến trên 700 người, số người này đều được sự tuyên truyền giác ngộ của ta, họ chưa vào một đoàn thể của ta, nhưng họ biểu đồng tình với ta trong mọi cuộc tranh đấu, giúp đỡ ta mua những thứ cần dùng như sơn, vải, thuốc men v.v... hoặc ủng hộ ta thuốc lá, thuốc đánh răng, bàn chải... Họ tin tưởng vào ta nhất là từ hồi anh em tù binh ra, họ khen ngợi anh em, họ bảo anh em đã được Hồ Chủ tịch giáo dục được gần Chính phủ vì toàn những người ở đây là đồng bào Nam Bộ cả - Họ được gần ta nên hiện nay họ đều tin tưởng vào cuộc kháng chiến - đến những bọn gardien độc ác nhất trên đảo hiện nay cũng đã phải chùn tay không dám đánh anh em mấy - nhưng họ vẫn có cái sai là kính nể tù binh; khinh thường tù án, việc này đã phải giải thích rất nhiều mà họ vẫn sai.

Nguyên nhân mà họ tin tưởng vào ta

- Vì chính sách của ta đúng, vì lúc đầu họ thấy anh em ở Bắc vào, họ tin tưởng ở Hồ Chủ tịch nên họ lại yêu anh em ngoài Bắc vào, họ muốn gần anh em để hỏi chuyện Bắc, chuyện ngoài Bắc, anh em nhân cơ hội tốt đó tuyên truyền giải thích cho họ, nói chuyện ngoài Bắc cho họ nghe, từ người này truyền sang người khác, họ càng thích càng gần gũi mình - nói như thế không phải là trước khi tù binh chưa ra, anh em tù án ở đây không tổ chức được họ, nhưng lúc trước rất yếu, sau này mạnh hẳn lên, và họ giúp đỡ thực tế hơn.

- Vì bọn thống trị ở ngoài này rất dã man đối với họ, chúng chỉ biết ăn sương một mình, cây cối dừa, mít, chuối đều phải mua, cá do tù đánh ra cũng phải mua, tên tù ZACTY là một tên đại dã man, nó thấy vợ tên gardien surveillant, hay con gái mà nó thích là cho gọi đến nhà nó để hiếp dâm, nếu không đến nó đuổi chồng, hoặc cha không cho làm nữa, sợ mất việc bị đói khổ nên họ im hơi lặng tiếng cho bọn chúng hoành hành. Có 6 chị nhà thổ ở Sài Gòn đưa ra, trước tên quan 2 Gadès ra lệnh cho lính và gardien surveillant là 50 đồng một lần, cả đêm một 100 đồng. Sau chúng lại xuống giá 30 đồng rồi 20 đồng, rồi 15 đồng, sau chị em phải tranh đấu đến tận bàn giấy tên quan hai chửi và đòi về. Bọn chúng thi tranh nhau gái, đánh chém lẫn nhau, tên cò bắn chết chef cò, và bắn bị thương tên phó. Tất cả những hành động dã man trên đây của giặc trưng bày ra thấy rõ, nên họ càng tin tưởng vào ta hơn.

Kết luận về dân vận

Đã làm cho khối tù đoàn kết chặt chẽ, tương thân tương ái, đã biểu hiện trong việc kinh tế tập trung, cùng làm cùng hưởng - nhà

anh nào tiếp tế ra cũng đều tự nguyện bỏ vào quỹ chung, dù liên đoàn có trích ra 20% tổng số, tiếp tế để dùng riêng nhưng anh em đều không nhận. Coi nhau như ruột thịt không có một sự xích mích đáng kể nào xảy ra, thực hiện đúng chủ trương Đại Đoàn kết của Hồ Chủ tịch, Đảng và Chính phủ, việc này đã biểu hiện ở việc trừ gian (báo cáo ở phần chính quyền).

Chính quyền

Trước đây các đại diện đều do địch chỉ định nên gọi là ngục quyền nhưng nay các Tổng đại diện và Đại diện salle đều do anh em bầu nên gọi là chính quyền ta.

Về chính quyền không có sự tổ chức thống nhất toàn đảo vì bên bagné I, II không có tổng đại diện mà chỉ có đại diện salle và đại diện kíp đi làm, trái lại ở camp III thì có Tổng đại diện camp và đại diện salle, đại diện kíp nhưng đều do anh em bầu ra cả.

Nhiệm vụ của chính quyền

Các đại diện lúc nào cũng phải trung thành với toàn thể khối tù, tất cả ý kiến nói với địch phải được sự đồng ý của anh em, không được tự động hoặc có điều gì không kíp thảo luận với anh em thì sau phải báo cáo rõ với anh em, nếu anh em không đồng ý thì phải bỏ đi.

- Nếu anh nào bất lực phải thôi, để anh em khác thay thế.
- Phải đem chính sách của mình giải thích rõ ràng cho binh lính địch để binh lính địch đồng tình với mình (việc này rất kết quả, nên bọn da trắng cấm lính da đen nói chuyện với ta).

Tất cả mọi việc nói chuyện với Tây đều là đại diện, còn anh em không được tự tiện liên lạc với Tây. Việc này chính quyền đảm nhiệm và sự kiểm soát của tổ tâm giao, nên việc phòng gian rất chu đáo.

Đối với địch lúc nào cũng phải hiên ngang, không được nhút nhát làm mất thể diện của tù (việc này các tù viên cũng phải thế).

Trừ gian

Trại tù binh tháng 2/1953 trừ tên đại phản động Trần Minh, y là trưởng ty Công an bù nhìn ở Sơn Tây - y là tên rất đặc lực cho Pháp nhưng sau vì sự tranh nhau ăn, nên hục hặc nhau, phe mạnh đẩy phe yếu, nên tên Minh bị tù, hồi y ở Hỏa Lò Hà Nội, y làm chỉ điểm cho 2B làm hại anh em, đánh đập anh em, biết bao anh em Hỏa Lò bị cellule, hoặc gọi đi 2^èB đánh đều do y báo cáo, sau chúng lại đưa y ra Côn Đảo, ra đến đây y lại liên lạc với tụi Pháp báo cáo anh em, việc đầu tiên là y báo cáo anh Chính Tổng đại diện của anh em và anh Thanh là sửa soạn trốn, y đập chỗ đi tiểu ra để làm bằng chứng, nên 2 anh bị đánh một trận, cạo đầu cho cellule một tháng, và y được chúng nâng đỡ lên làm đại diện, nhưng anh em cử người khác thay, y chỉ là đại diện của Pháp, y phá hoại kinh tế tập trung của anh em, rút kíp mìn vào mũ anh Phan Cơ rồi báo cáo với địch, đem tài liệu về bỏ vào các salle rồi báo Tây khám, hoặc cho dao vào trong salle, bỏ tài liệu vẽ ra vào túi cán bộ rồi báo Tây khám - tất cả những tội lỗi trên anh em không nói gì cả, chỉ cho một số cán bộ có uy tín đến giải thích cho y để hỏi cải, y không nghe báo cáo cán bộ phải vào cellule - và y cứ tiếp tục làm hại anh em - những hành động gian ác của y anh em ai ai đều đồng lòng một dạ là giết y đi, nhưng cấp ủy không đồng ý, hãy để thông thả đã, giáo dục đã, tên BOS DESOULE làm chef camp đã nói là tại sao tên Minh phản lại các anh thế mà các anh không giết, các camp ở đất liền tôi thấy như thế này thì họ giết lâu rồi (tên Bosdesoule) đã dự chiến ở Triều Tiên nên y đã được giác ngộ nên tiến bộ hơn - vụ Đầm xảy ra y bị

lột lon quần và tù 3 tháng) mà mãi đến tháng 2 mới đồng ý giết bằng cách hợp pháp, là cho anh Thanh - Chính đứng ra giết khi địch hỏi đến bảo tư thù cá nhân, để bảo vệ cơ sở. Kết quả tên Minh đã đến tội ác, 2 đồng chí Chính và Thanh bị 6 tháng cellule và nay chúng đưa vào khám Chí Hòa Sài Gòn và sẽ đưa ra tòa. Đồng chí Thanh và Chính đã được Đảng và nhân dân khen ngợi, tặng mỗi đồng chí một bộ quần áo và bồi dưỡng rất chu đáo trong những ngày ở cellule. Các đồng chí rất vui mừng là đã làm tròn nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao cho.

Kết luận về chính quyền

Luôn luôn lúc nào cũng là những người đại diện trung thành của anh em tù, nêu cao uy tín của tù với địch, giải thích được sâu rộng chính sách của ta với binh lính địch.

Tổng kết luận tình hình ta

Tất cả các đảng viên ở trên đảo cũng như quần chúng lúc nào cũng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, của Đảng và Chính phủ luôn luôn tranh đấu với kẻ thù tư tưởng và bọn thống trị để tiến bộ, để tự giải phóng cho mình, để trở về góp phần vào công cuộc kháng chiến kiến quốc, luôn luôn tỉnh táo để chống lại mọi mưu mô xảo trá của địch, chia rẽ anh em, khủng bố, giam cầm cán bộ và luôn luôn chống với 2 chính sách lớn của chúng ở đảo là:

- Phá vỡ các tổ chức chính trị của ta ở trong camp.
- Phá vỡ các kế hoạch giải thoát của ta.

Những đề nghị của Đảo ủy với Thành ủy - Khu ủy và TW

1- Gửi cho xin những chủ trương chính sách mới để học tập và để kịp thời phối hợp với đất liền để giải thoát (sợ lỡ thời cơ địch sẽ đem đi nơi khác xa hơn).

2- Xin chỉ thị về kế hoạch xây dựng cơ sở và kế hoạch giải thoát.

3- Giúp đỡ để giải thoát, bằng cách đem tàu ra đón.

4- Cho xin một máy vô tuyến điện nhỏ gửi ra.

5- Tháng 1, 2 năm 1954 sẽ tổ chức một cuộc giải thoát, đề nghị với Trung ương - Phân cục miền Nam đón ở khu Bạc Liêu (Liên khu miền Tây Nam Bộ) việc này tôi đã gặp các đồng chí Sài Gòn đề nghị rồi.

Vậy báo cáo để Thành ủy biết, Trung ương cần hỏi gì tôi sẽ báo cáo thêm. Kế hoạch gửi ra tôi sẽ gặp Thành ủy để thảo luận.

Ngày 9 tháng 12 năm 1953

ĐOÀN DUY THÀNH

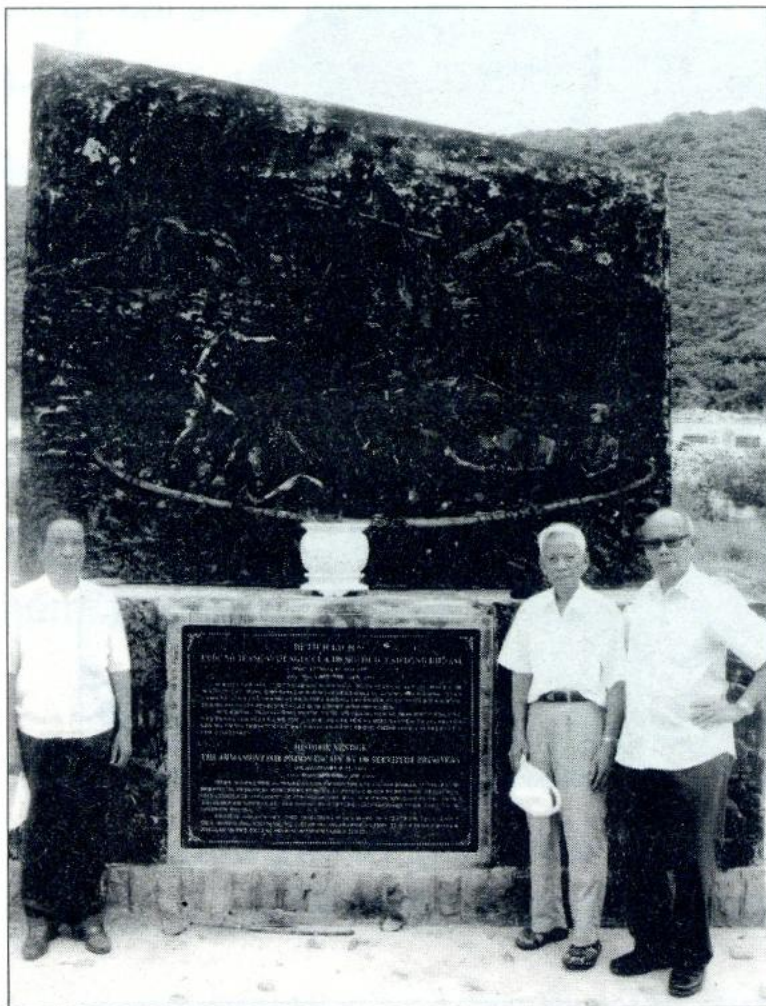
**Sao y bản chính đang lưu trữ tại Cục lưu trữ Trung ương Đảng.
Số hiệu và ký hiệu: Khu ủy Tả ngạn - c10 - Đ127 - ST 08-27.**



Bia tưởng niệm 75 chiến sĩ cách mạng (trong tổng số 81 chiến sĩ vượt đảo hy sinh năm 1952)



Bến Đầm nơi các tù nhân ăn, ở, ngày đêm lao động khổ sai đã bí mật đào hầm, đóng thuyền phục vụ cho việc vượt đảo ngày 12/12/1952



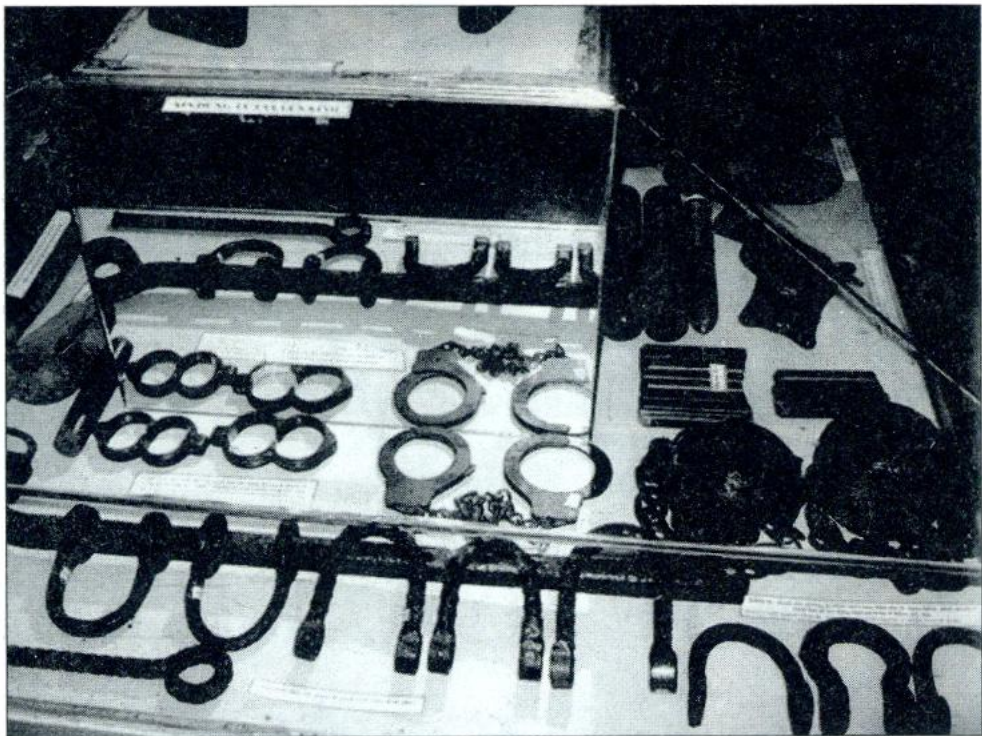
*Biểu tượng
vượt đảo đặt tại
Bến Dầm, nơi các
chiến sĩ cách
mạng bị địch bắt,
tù đầy tổ chức
vượt đảo ngày
12/12/1952*



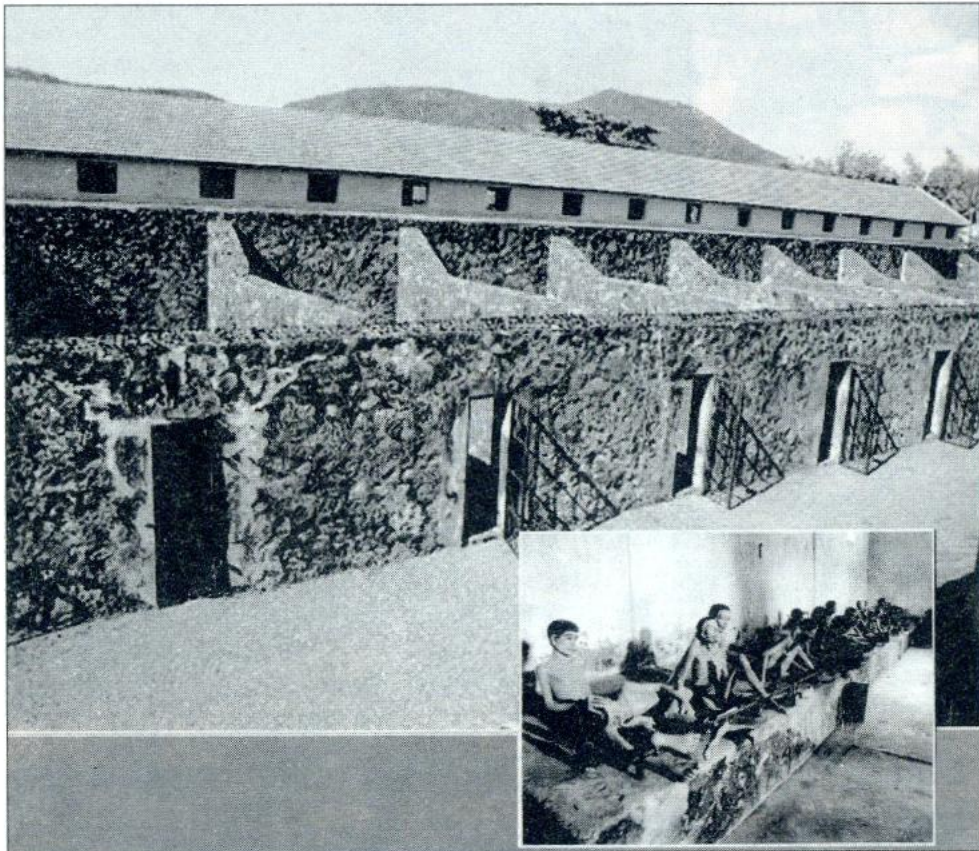
Một phần hệ thống nhà tù Côn Đảo



"Chuông cọp" - một kiểu giam giữ tại nhà tù Côn Đảo



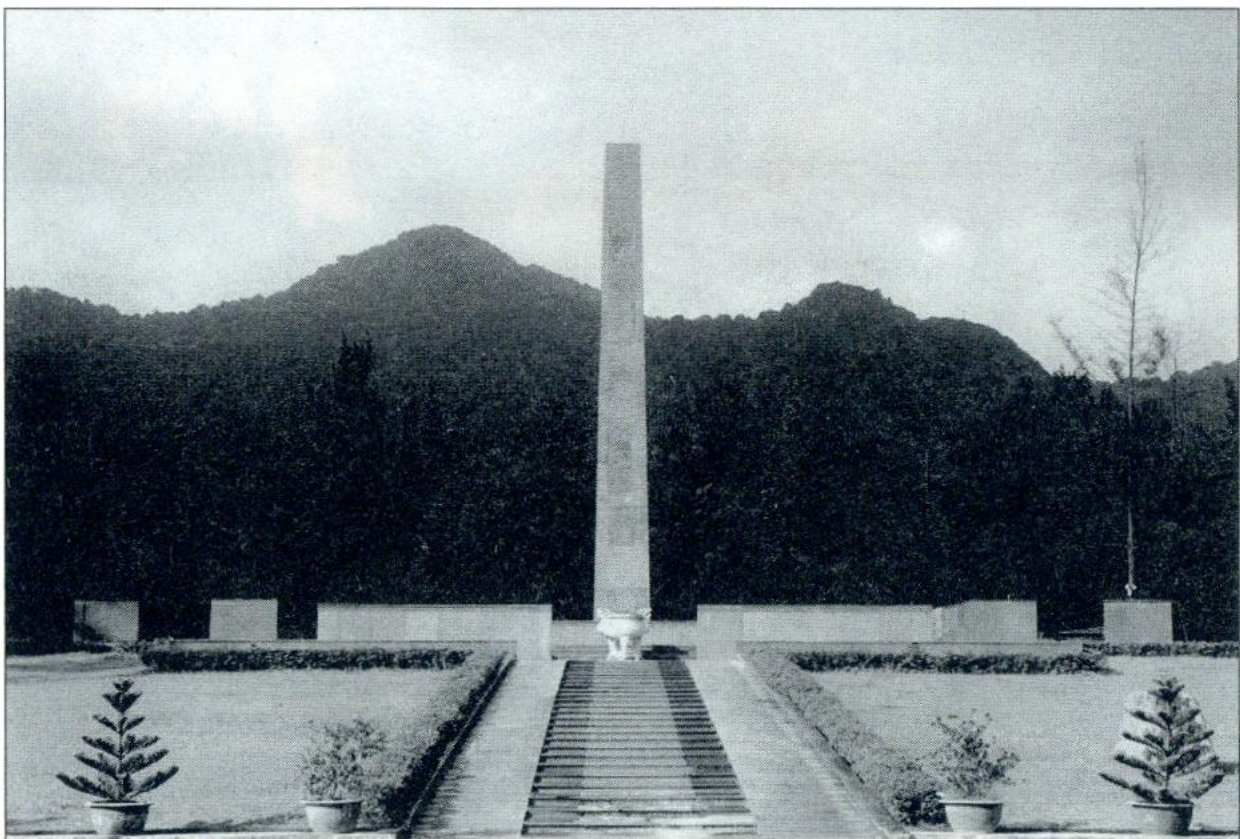
Dụng cụ tra tấn tù nhân tại nhà tù Côn Đảo



Nơi giam giữ tù chính trị Côn Đảo

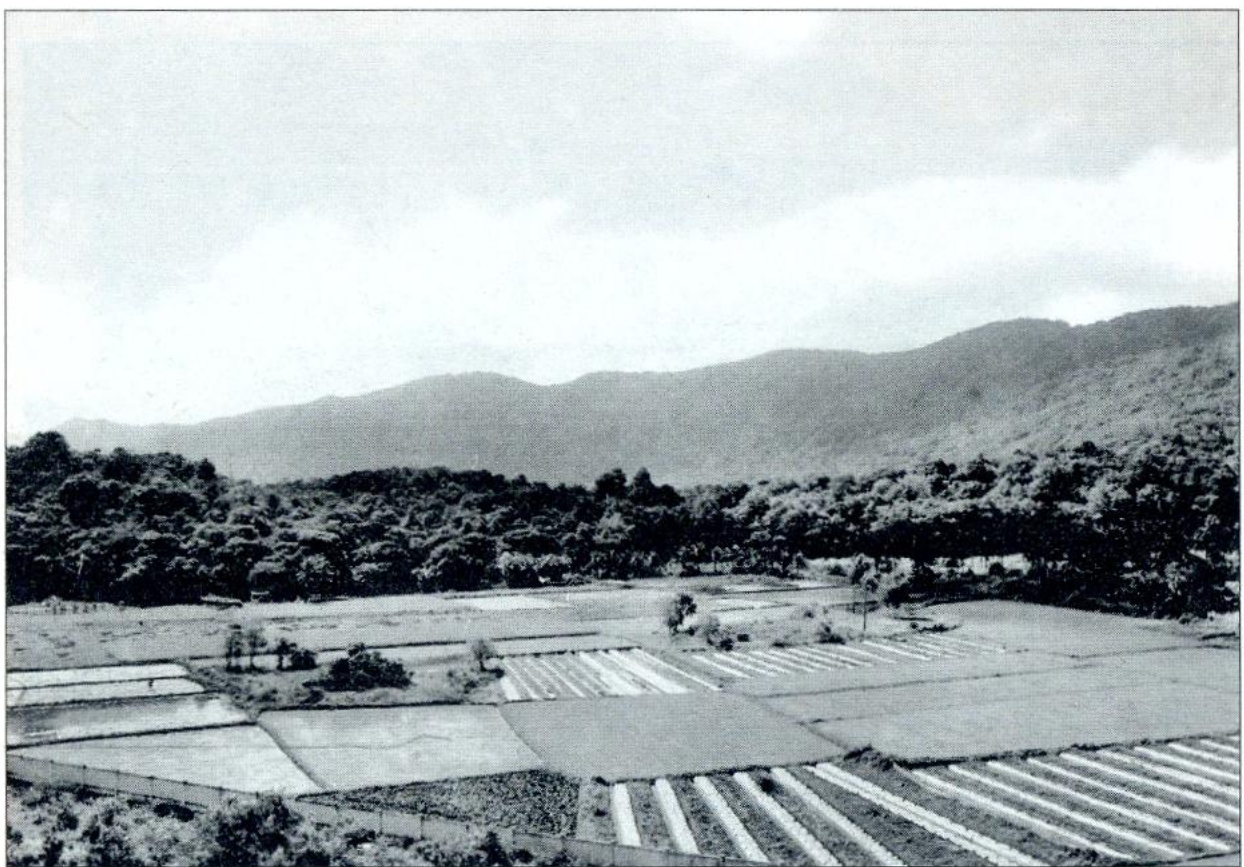
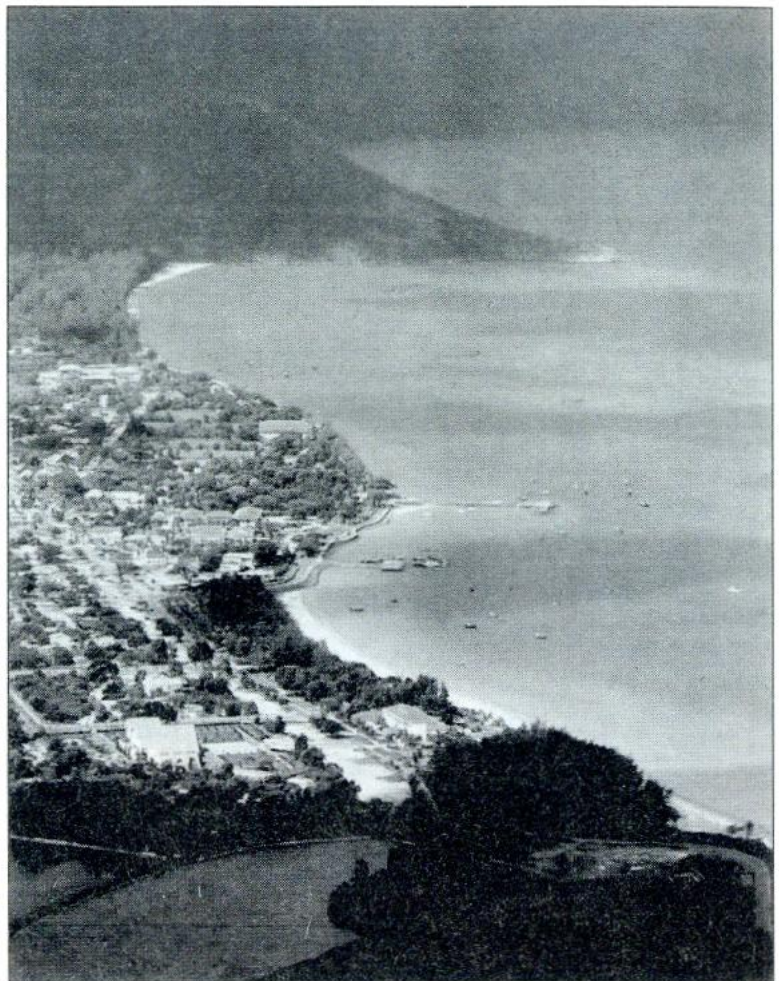


Nghĩa trang Hàng Keo



Đài Liệt sĩ Côn Đảo tại nghĩa trang Hàng Dương

Thị trấn Côn Đảo



Làng Cỏ Ống ngày nay



Du khách đến thăm Côn Đảo



Cầu Tàu 914 nơi 914 đồng chí đã hy sinh trong khi làm cầu



*Côn Đảo
thanh bình*



Cảng Bến Đầm sau ngày giải phóng

MỤC LỤC

* <i>Lời nhà xuất bản</i>	5
* Cuộc nổi dậy giải thoát tù nhân ở Côn Đảo (12/12/1952)	7
<i>Lê Khả Phiêu</i>	
* Côn Đảo anh hùng	15
<i>Phạm Thế Duyệt</i>	
Phần một	
KÝ ỨC NGƯỜI TRONG CUỘC	19
• Côn Đảo anh hùng - biển Đông dậy sóng.....	20
<i>Đoàn Duy Thành</i>	
• Tám ngày sống cô đơn	34
<i>Vũ Bốn</i>	
• Anh Hân ở Đâu Mom	43
<i>Nguyễn Đình Diệp</i>	
• 60 năm vượt ngục Côn Đảo (12/12/1952-12/12/2012)	50
<i>Trương Đăng Dũng</i>	
• Vượt Côn Đảo - 60 năm nhìn lại	55
<i>Bùi Đình Dũng</i>	

• Tiếp tục đời mặt	64
<i>Đàm Trọng Đệ</i>	
• Cuộc vượt ngục Côn Đảo ngày ấy	73
<i>Nguyễn Văn Đồng</i>	
• Côn Đảo - Bản anh hùng ca	78
<i>Nguyễn Văn Hậu</i>	
• Báo <i>Phá ngục</i> trong nhà tù Côn Đảo và cuộc vượt ngục lịch sử ngày 12/12/1952	88
<i>Đặng Đức Hòa</i>	
• Bắt lính	94
<i>Bùi Xuân Khoát</i>	
• Bí mật đào hầm, làm thuyền vượt Côn Đảo	99
<i>Nguyễn Doãn Kỳ</i>	
• Vụ vượt ngục tù Côn Đảo ngày 12/12/1952	104
<i>Phạm Duy Lộc</i>	
• Chúng tôi vượt ngục	111
<i>Tô Lương</i>	
• Ngày ấy như tôi còn nhớ	122
<i>Nguyễn Văn Nhã</i>	
• Nhường phần sống cho đồng đội nhận cái chết về mình	127
<i>Lê Văn Quảng</i>	
• Đoàn tù binh đầu tiên	134
<i>Bùi Văn Tạng</i>	

• Trần Bến Đầm	146
<i>Hoàng Tiên</i>	
• Bốn năm tù ở Côn Đảo	155
<i>Phạm Bạt Tuy</i>	
• Vượt ngục	167
<i>Phạm Quý Tuyền</i>	
Phần hai	
NHÌN LẠI NGÀY ẤY	177
• Ký ức về Côn Đảo	178
<i>Ngô Minh Giang</i>	
• Cuộc nổi dậy của các tù chính trị Côn Đảo (12/12/1952)	186
<i>GS. Đinh Xuân Lâm</i>	
• Cuộc nổi dậy của các chiến sĩ cách mạng ở nhà tù Côn Đảo (12/12/1952)	194
<i>PGS.TS. Nguyễn Thanh Tâm</i>	
• Nhìn lại cuộc vượt ngục của các chiến sĩ cách mạng ở nhà tù Côn Đảo (tháng 12/1952)	203
<i>Thiếu tướng, PGS.TS. Vũ Quang Đạo</i>	
• “Vượt ngục Bến Đầm” - Cuộc nổi dậy võ trang tự giải phóng quy mô và táo bạo	218
<i>TS. Trần Trọng Thơ</i>	

• Cuộc võ trang giải thoát của tù nhân Côn Đảo tháng 12/1952	23
<i>TS. Nguyễn Đình Thống</i>	
• Cuộc chiến đấu vượt ngục Côn Đảo - ý chí tự giải phóng kiên cường của những người cộng sản	260
<i>TS. Dương Minh Huệ</i>	
• Cuộc vượt ngục ngồi sáng chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo của tù nhân Côn Đảo	270
<i>ThS. Nguyễn Thị Xuân</i>	
• Ý chí và sức mạnh của người cộng sản	282
<i>TS. Hoàng Thị Kim Thanh</i>	
• Nhà tù Côn Đảo và cuộc vượt ngục ngày 12/12/1952	293
<i>Lê Văn Thành</i>	
• Tầm vóc của cuộc vũ trang vượt ngục ngày 12/12/1952	309
<i>TS. Lê Hữu Phước - Nguyễn Thị Nga</i>	
• Đi tìm nhân chứng lịch sử vượt ngục Bến Đầm - Cảm xúc và trần trở	319
<i>Thanh Vân</i>	
• Kỷ niệm với chiến sĩ tù Côn Đảo	328
<i>Vũ Hoàng Lâm</i>	
• Vượt ngục tù Côn Đảo - từ một góc nhìn	340
<i>Phạm Nga</i>	

• Ký ức về những người tù Côn Đảo	345
<i>Nguyễn Đông Lĩnh</i>	
• Kỷ niệm 60 năm vượt ngục của anh em tù binh Côn Đảo	351
<i>Lê Quang Ba</i>	
• Một người tù Côn Đảo trong ký ức của tôi	355
<i>Võ Xuân Tường</i>	
• Đảo tù xưa và khúc hát hôm nay	367
<i>Đoàn Minh Tuấn</i>	

PHỤ LỤC

(Báo cáo tình hình địch và ta tại nhà tù Côn đảo năm 1951 - 1953)	382

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
4 - TỐNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
Điện thoại: 38.252916. Fax: (04)39.289143

CÔN ĐẢO ANH HÙNG - BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2013

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KIM SƠN

Chịu trách nhiệm nội dung

BAN LIÊN LẠC TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO HÀ NỘI

Biên tập: HOÀNG CHÂU MINH

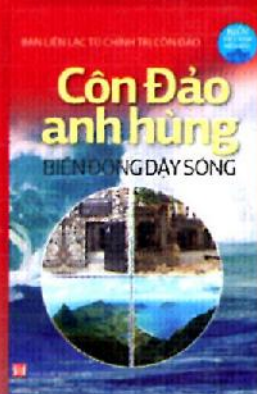
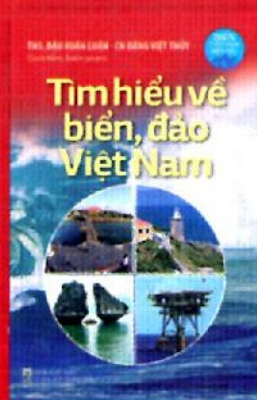
Bìa: STAR BOOKS

Trình bày: PHẠM QUỐC TUẤN

Kỹ thuật vi tính: HOÀNG LAN HƯƠNG

Sửa bản in: BAN BIÊN TẬP

In 500 cuốn, khổ 14 x 20,5 cm, tại Công Ty In Văn Hóa Sài Gòn
ĐKKH xuất bản số : 136 - 2013/CXB/01CT - 04/HN
QĐXB số: 25/QĐ-XBHN, năm 2013
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2014.



DC.001749

Giá: 109.000 đ